

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ NAM HÒA
(1946 - 2015)

Kinh Biểu

Kind Book

**HUYỆN ỦY ĐỒNG HỖ
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NAM HÒA**

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ NAM HÒA (1946 - 2015)**

XUẤT BẢN NĂM 2016

ĐIỀU LỆ THỰC HIỆN
HƯỚNG DẪN CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ
XÁC ĐỊNH HẠNG VÀ CHỨC VỤ

CHUYÊN ĐỀ

LỜI GIỚI THIỆU

Nam Hòa là xã miền núi của huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, nơi cư trú của các dân tộc Sán Dìu, Kinh, Nùng... (trong đó người Sán Dìu chiếm đa số). Cùng với bề dày truyền thống văn hóa, nhân dân các dân tộc Nam Hòa còn có truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm và đấu tranh cách mạng.

Địa bàn Nam Hòa ngày nay tương ứng với toàn bộ địa dư xã Cự Na, xã Nam Kỳ và 2 ấp Hoàng Gia, Đồng Cỏ (thuộc xã Huống Thượng) tại thời điểm trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Không cam chịu bị áp bức, bóc lột tàn bạo dưới chế độ thực dân - phong kiến, nhân dân các dân tộc trên địa bàn Nam Hòa sớm giác ngộ cách mạng, tập hợp dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền vào năm 1945. Đến tháng 5/1945, lực lượng cách mạng nơi đây hoàn toàn làm chủ chính quyền. Đầu tháng 5/1946, các xã, ấp trên sáp nhập thành đơn vị hành chính mới lấy tên là xã Quang Trung (từ ngày 1/1/1975 tên xã Nam Hòa chính thức được sử dụng).

Ngày 26/12/1946, Huyện ủy Đồng Hỷ đã chỉ đạo thành lập Chi bộ xã Quang Trung (tiền thân của Đảng bộ xã ngày nay). Vào ngày 14/9/1979, Chi bộ được

Huyện ủy Đồng Hỷ chuẩn y lên Đảng bộ (theo Nghị quyết số 85/NQ/ĐH). Suốt chặng đường gần 70 năm xây dựng và trưởng thành (1946 - 2015), Chi bộ - Đảng bộ xã luôn khẳng định được vai trò tiên phong, trực tiếp lãnh đạo nhân dân hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ cách mạng qua từng thời kỳ.

*Căn cứ theo Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28/8/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Thái Nguyên, Huyện ủy Đồng Hỷ về việc đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ cấp xã, thị trấn, đồng thời đáp ứng nguyện vọng của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân Nam Hòa, Ban Chấp hành Đảng bộ xã các khóa X (nhiệm kỳ 2010 - 2015), XI (nhiệm kỳ 2015 - 2020) quyết định sưu tầm, biên soạn và xuất bản cuốn **Lịch sử Đảng bộ xã Nam Hòa (1946 - 2015)**.*

Nội dung cuốn sách tái hiện đặc điểm vùng đất, con người Nam Hòa; quá trình xây dựng, phát triển và vai trò tiên phong của Đảng bộ xã; lịch sử đấu tranh cách mạng, xây dựng quê hương của nhân dân các dân tộc Nam Hòa qua các thời kỳ dưới sự lãnh đạo trực tiếp của tổ chức cơ sở Đảng trên địa bàn. Cuốn sách có ý nghĩa lớn lao, thể hiện sự tri ân đối với các thế hệ cha anh đi trước đã cống hiến trí tuệ, mồ hôi công sức và xương máu vì sự hòa bình, ấm no của quê hương, đất nước; góp phần quan trọng tăng cường công tác giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa tốt

đẹp và truyền thống đấu tranh cách mạng vẻ vang cho các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương hôm nay và mai sau, đặc biệt là thế hệ trẻ.

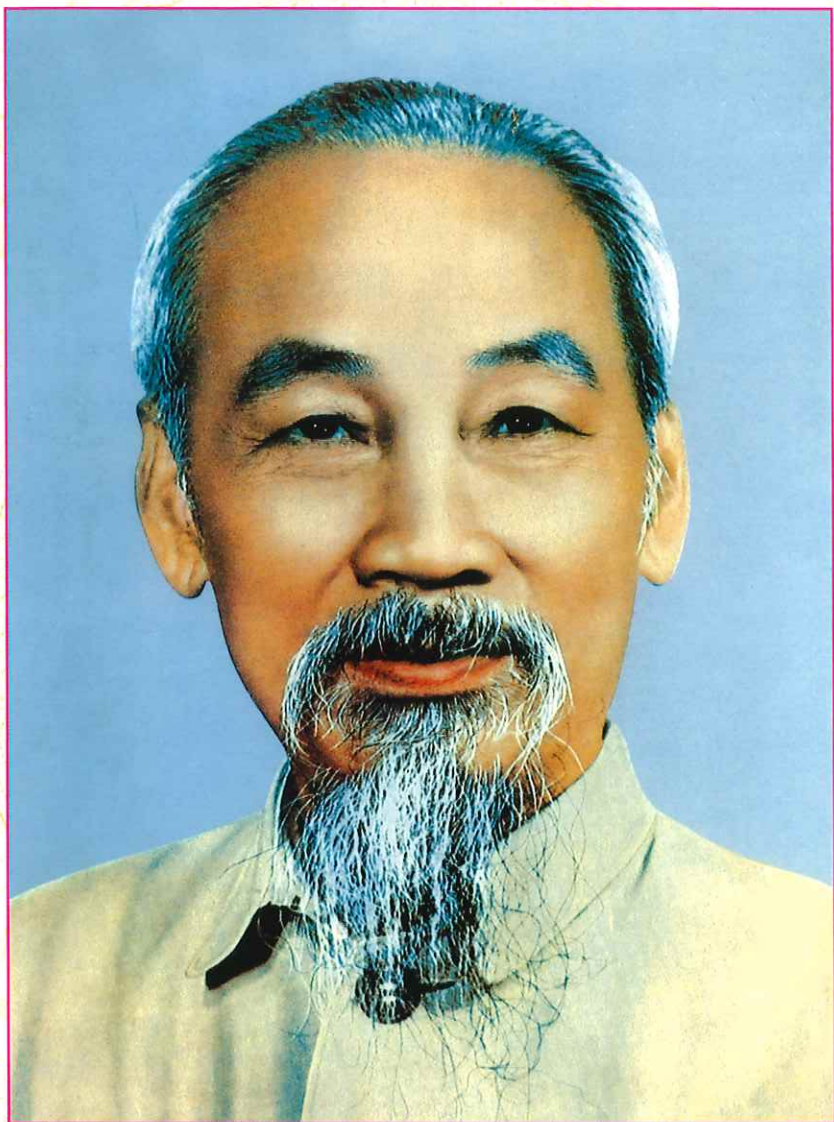
Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nam Hòa xin trân trọng cảm ơn sự chỉ đạo chặt chẽ của Ban Thường vụ, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Đồng Hỷ, sự thẩm định đảm bảo khoa học của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh cùng những ý kiến đóng góp tâm huyết của các cán bộ, đảng viên, đặc biệt là những đồng chí có bề dày kinh nghiệm và thâm niên công tác; sự động viên, ủng hộ lớn lao về mặt tinh thần lẫn vật chất của con em quê hương Nam Hòa trên mọi miền đất nước để cuốn sách sớm được xuất bản và phát hành.

Mặc dù có nhiều nỗ lực trong công tác sưu tầm và biên soạn, song do nhiều tư liệu đã bị mai một (chủ yếu bởi trước đây xã thiếu cơ sở vật chất nên công tác lưu trữ hồ sơ chưa được đảm bảo), nhiều đồng chí giữ các chức vụ chủ chốt, các cụ cao niên trong xã đã qua đời nên cuốn sách không tránh khỏi thiếu sót. Ban Chấp hành Đảng bộ xã mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các đồng chí cán bộ, đảng viên và nhân dân trong và ngoài xã để cuốn sách được hoàn thiện hơn ở lần tái bản.

T/M BCH ĐẢNG BỘ XÃ NAM HÒA

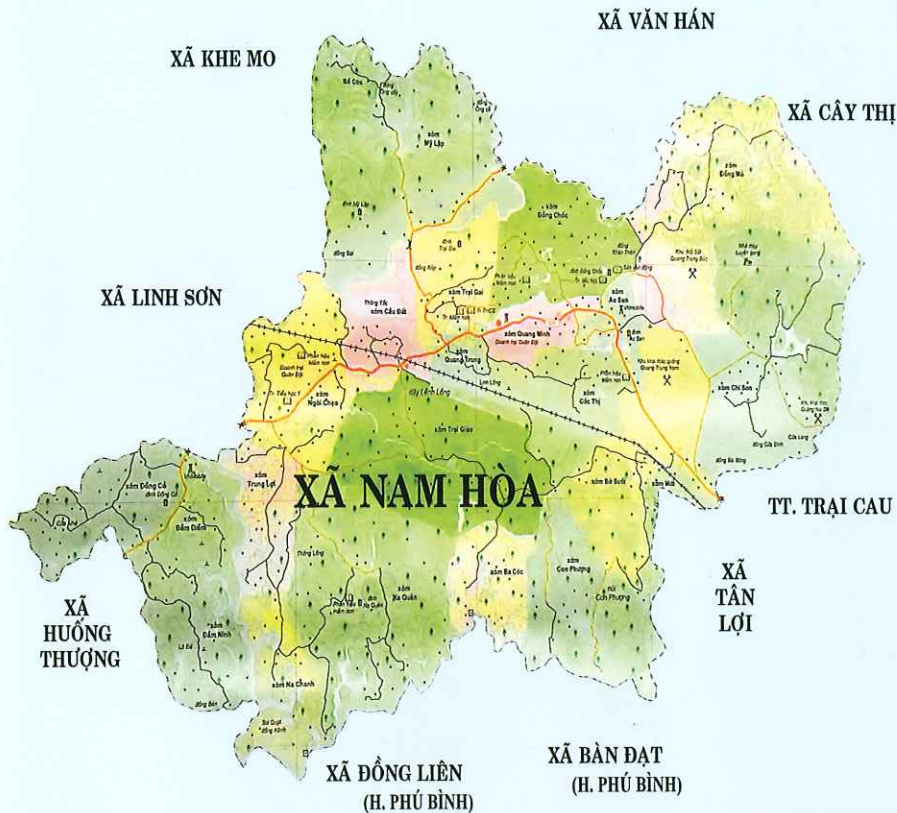
Bí thư

CHU VĂN PHÚC



*“Dân ta phải biết sử ta
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”*

Chủ tịch Hồ Chí Minh



Bản đồ hành chính xã Nam Hòa



Đình Trại Gai được xây dựng từ thế kỷ XVIII
thờ Thành hoàng làng là 2 Thánh Cao Sơn - Quý Minh



Đình Đồng Chốc - nơi tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức
chuyên môn cho đội ngũ cán bộ thuế các xã
của huyện Đồng Hỷ vào tháng 8/1951



Đình Gốc Thị



Xưởng Quân giới của Tỉnh đội Thái Nguyên
đặt tại xóm Ba Cốc, Con Phượng (thời kỳ 1950 - 1954)

Chương mở đầu

NAM HÒA - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI

I. Điều kiện tự nhiên và quá trình hình thành, phát triển của làng xã

1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

Từ đường tròn thị trấn Chùa Hang (Đồng Hỷ) đi theo Quốc lộ 17 khoảng 15km là đến địa phận Nam Hòa - một xã miền núi ở phía Nam huyện Đồng Hỷ. Địa giới hành chính của xã: phía bắc giáp xã Văn Hán; phía tây bắc giáp xã Khe Mo; phía đông giáp xã Cây Thị, thị trấn Trại Cau và xã Tân Lợi; phía nam giáp xã Đồng Liên và Bàn Đạt (thuộc huyện Phú Bình); phía tây giáp xã Linh Sơn và Huống Thượng.

Nam Hòa có địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam với độ cao trung bình khoảng 80m so với mực nước biển. Phía bắc, đông bắc của xã có địa hình núi cao xen lẫn với đồi bát úp, bị chia cắt phức tạp bởi các con suối nhỏ nên giao thông đi lại khó khăn.

Thời xa xưa, nhân dân Nam Hòa thường đi lại dựa vào các đường mòn xuyên rừng, ven chân núi... Từ năm 1950, trục đường 16B (nay là Quốc lộ 17) từ Thái Nguyên đi Bắc Giang được xây dựng đã phục vụ đắc lực cho sự nghiệp

kháng chiến, kiến quốc. Hiện nay, Quốc lộ 17 đã được tu bổ và tiếp tục giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phục vụ nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa, nguyên liệu... của nhân dân trong huyện. Tuyến đường trên có hơn 6km chạy dọc trung tâm xã Nam Hòa, qua 8 xóm: Ngòi Chèo, Cầu Đất, Quang Trung, Ao Sen, Gốc Thị, Bờ Suối, xóm Mới, Quang Minh đã giúp mở rộng phát triển kinh tế, đặc biệt là việc kinh doanh, dịch vụ vận tải, ăn uống...

Từ năm 2000 đến nay, thực hiện theo phương châm *"Nhà nước và nhân dân cùng làm"*, xã đã bê tông hóa được 43,95km đường giao thông liên xóm tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại, giao thương. Tuy nhiên, toàn xã còn hơn 80km đường nội xóm còn ở dạng đường đất, gây khó khăn cho việc đi lại của nhân dân, đặc biệt vào mùa mưa, những con đường này trở nên lầy lội.

Khí hậu Nam Hòa mang tính chất nhiệt đới gió mùa rõ rệt: mùa nóng từ tháng 4 đến tháng 10, mùa lạnh từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Sách *"Đồng Khánh địa dư chí"* thời nhà Nguyễn có viết về khí hậu của huyện Đồng Hỷ nói chung như sau: *"Khí trời phần nhiều lạnh rét. Khí đất phần nhiều khô hanh. Hàng năm mùa hè mưa nhiều, mùa đông phần nhiều tạnh ráo. Cuối xuân mới bắt đầu ẩm, chớm thu đã bắt đầu rét. Mây mù u ám từ giờ Dậu qua đêm đến giờ Tý mới tan..."*⁽¹⁾.

⁽¹⁾ *Đồng Khánh địa dư chí*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003, tr. 799.

Theo số liệu của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên năm 2012, nhiệt độ trung bình hàng năm của Nam Hòa là 22°C. Mùa hè oi bức, nhiệt độ trung bình 26°C. Mùa đông lạnh dao động từ 12 - 15°C. Độ ẩm trung bình 68%, lượng mưa bình quân hàng năm là 2.200mm. Khí hậu nhìn chung thuận lợi cho sự sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi. Tuy nhiên, các tháng 8, tháng 9 hàng năm có lượng mưa lớn làm nước các con suối, ao, hồ dâng cao dễ gây ngập lụt, sạt lở; trái lại, vào mùa khô, có những năm hạn hán kéo dài ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất.

Địa bàn Nam Hòa có suối Ngòi Chẹo và Ngòi Ròng (còn gọi là Thác Giặc). Suối Ngòi Chẹo dài khoảng 4km bắt nguồn từ suối Ba Khe (thuộc xã Văn Hán) chảy qua 5 xóm Đồng Mỏ, Đồng Chốc, Mỹ Lập, Trại Gai, Cầu Đất rồi đổ ra Ngòi Chẹo. Suối Ngòi Ròng bắt nguồn từ xã Cây Thị chảy qua 7 xóm Chí Sơn, xóm Mới, Bờ Suối, Con Phượng, Ba Cóc, Na Quán, Na Tranh. Hai suối Ngòi Chẹo và Ngòi Ròng gặp nhau tại ngã ba sông Đào (giáp với xóm Na Tranh). Nước của 2 suối này một phần chảy qua cống Mười Cửa vào sông Đào, một phần tràn qua đập Đá Gân rồi gặp sông Cầu tại Vực Mủ (xã Đồng Liên, huyện Phú Bình). Hàng năm, các suối cung cấp nước tưới cho khoảng 150ha đất canh tác (chủ yếu là đất lúa và hoa màu) của xã. Xã có hồ chứa nước nhân tạo Chí Sơn với diện tích mặt nước 8ha, ngoài ra có

một số ao cổ còn tồn tại đến ngày nay, chủ yếu giữ nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp như ao đình Đồng Chốc (gọi theo tiếng Sán Dìu là “Công Say Thòng”), ao đình Gốc Thị (Len Thòng), ao Quang Minh (San Thòng)...

Khi phong trào xây dựng hợp tác xã phát triển sâu rộng, sức mạnh tập thể được phát huy, nhân dân Nam Hòa đã xây dựng một số công trình thủy lợi quan trọng như các đập Đồng Chốc, Trị Cốc. Đập trung thủy nông Đồng Chốc được tỉnh, huyện chỉ đạo xây dựng từ năm 1958 và hoàn thành vào năm 1961 với chiều dài 10m, bề rộng thân đập là 8m. Đập ngăn dòng suối Ba Khe và có trữ lượng nước tưới tiêu cho khoảng 40ha đất nông nghiệp. Đập Trị Cốc có quy mô nhỏ hơn, được nhân dân Nam Hòa xây dựng vào năm 1985 và hoàn thành năm 1986, đóng vai trò chủ động tưới tiêu cho khoảng 20ha đất nông nghiệp.

Thổ nhưỡng trên địa bàn Nam Hòa được hình thành do sự phong hóa trực tiếp của đá mẹ và một phần bồi tụ lượng nhỏ phù sa của các con suối. Trên địa bàn xã, đất feralit màu vàng đỏ hình thành trên phiến thạch sét có diện tích lớn nhất, thích hợp với cây công nghiệp (chủ yếu là cây chè) và cây ăn quả. Nam Hòa cũng có một diện tích đất phù sa có thành phần cơ giới nhẹ tập trung ở ven các dòng suối, xen kẽ giữa các đồi núi nhỏ được nhân dân khai phá, cải tạo để trồng lúa, hoa màu và có khả năng thâm canh tốt. Một số diện tích khác trên địa bàn thuộc loại feralit màu vàng hình

thành trên những vùng dốc lớn cũng được tận dụng để trồng nhiều loại cây ăn quả.

Đến năm 2015, tổng diện tích tự nhiên của Nam Hòa là 2.478,3ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 2.129 (riêng đất lâm nghiệp là 818ha), đất phi nông nghiệp là 333,2ha, đất chưa sử dụng là 16,1ha.

2. Quá trình hình thành, phát triển làng xã

Theo sách “*Dư địa chí*” của Nguyễn Trãi viết năm 1438, huyện Đồng Hỷ thuộc phủ Phú Bình, châu Thái Nguyên. Lúc này, địa bàn Đồng Hỷ do phiên thân họ Ma nối đời cai trị. Vào đầu thế kỷ XIX, xã Nam Kỵ có tên là Nam Hoắc thuộc tổng Đồng Na, huyện Động Hỷ (tên gọi của Đồng Hỷ lúc bấy giờ); Cự Na lúc đó chưa trở thành đơn vị hành chính độc lập, còn là một bộ phận của xã Thanh Huống, tổng Bảo Nang, huyện Tư Nông. Cả hai huyện trên đều nằm trong phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên⁽¹⁾ (năm 1831 đổi tên thành tỉnh Thái Nguyên).

Đến năm 1888, theo sách “*Đồng Khánh địa dư chí*”, địa bàn Nam Kỵ có tên là xã Nam Ký thuộc tổng Đồng Bang (đổi tên từ Đồng Na), huyện Động Hỷ (sau này đổi tên thành Đồng Hỷ), phủ Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên⁽²⁾.

⁽¹⁾ *Địa danh làng xã Việt Nam (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2012, tr. 99-100.

⁽²⁾ *Đồng Khánh địa dư chí*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003, tr. 798.

Năm 1901, nhà nước thực dân - phong kiến bỏ cấp phủ với tư cách là đơn vị hành chính trung gian thấp hơn cấp tỉnh và cao hơn cấp huyện, thay vào đó là cấp phủ tương đương với châu, huyện (đều được đặt trực thuộc tỉnh). Trên cơ sở đó, huyện Tư Nông đổi thành phủ Phú Bình (ngang cấp với huyện Đồng Hỷ) và tổng Bảo Nang được cắt về huyện Đồng Hỷ.

Bản hương ước của xã Cự Na⁽¹⁾ được lập năm Bảo Đại thứ 16 (năm 1941) với chữ ký xác nhận của Phó lý Lâm Văn Đăng, Thư ký Lục Văn Bình (còn được lưu giữ đến nay) cho biết địa bàn này thuộc tổng Bảo Nang, huyện Đồng Hỷ với 2 xóm: Trại Cỏ, Đồng Chốc. Bản hương ước xã Nam Kỳ (lập khoảng năm 1940 hoặc năm 1941) do Lý trưởng Diệp Văn Vượng, Phó lý Đặng Văn Bình và Xã đoàn Đặng Văn Phú ký trình quan trên xét duyệt có ghi: *"Chúng tôi là tiên - thứ chỉ xã Nam Kỳ, tổng Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ tuân tở sức phải lập hương ước tục lệ. Vậy đồng dân chúng tôi hội họp tu soạn tục lệ như sau: Trong xã chia làm hai xóm Trại Gai và Thọ Lão. Mỗi xóm thờ riêng một đình. Sự thần tế lễ cũng thế"*⁽²⁾.

⁽¹⁾ Theo sách "Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ" xuất bản năm 1925 của Ngô Vi Liên, xã Cự Na gồm 3 xóm là Cự Na, Đồng Chốc, Quán Chí. Sách có đề cập xã Cự Na được thành lập trên cơ sở tách ra từ xã Thanh Huống, tuy nhiên, xã Cự Na được thành lập cụ thể vào năm nào, do thiếu tư liệu nên Tổ sưu tầm chưa thể xác định được.

⁽²⁾ Hương ước xã Nam Kỳ, lập khoảng năm 1941 - 1942, tr. 1.

Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, tháng 5/1946, các xã Nam Kỳ, Cự Na và 2 ấp Hoàng Gia, Đồng Cỏ (2 ấp này hiện tại tương ứng với 3 xóm: Đầm Ninh, Đầm Diêm, Đồng Cỏ) thuộc xã Huống Thượng sáp nhập thành xã Quang Trung. Ngày 7/4/1967, căn cứ vào đề nghị của cơ sở, Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 136-NV đổi tên xã Quang Trung thành xã Nam Hòa. Tuy vậy, mãi đến đầu năm 1975, tên đơn vị hành chính Nam Hòa mới chính thức được sử dụng.

Đặc điểm dân cư, thành phần dân tộc trên địa bàn Nam Hòa có những biến động đáng kể theo thăng trầm của lịch sử. Từ cuối những năm 60 của thế kỷ XIX trở về trước, chủ yếu chỉ có người Tày, Nùng sinh sống. Năm 1863, một nhóm tàn quân của Thiên Địa hội do Ngô Côn (sử nhà Thanh gọi là Ngô Á Chung) cầm đầu chạy trốn sang Việt Nam. Từ đó bọn “giặc khách” (theo cách gọi của nhân dân) đã liên tục cướp phá tại một số vùng dọc biên giới Việt - Trung... khiến cho quan quân hai nước phải đánh dẹp rất vất vả. Vì thua trận tại các tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng, trong những năm 1868 - 1869, quân giặc kéo xuống cát cứ ở vùng Chợ Mới, Chợ Chu, Đại Từ và thường xuyên tràn ra cướp bóc các địa bàn lân cận. Chính vào khoảng thời gian này, đồng bào Tày, Nùng ở Nam Hòa phải phiêu tán sang các xứ khác để tránh sự cướp bóc của giặc phỉ. Đến tháng 1/1870, cánh quân giặc định đánh chiếm thành Bắc Ninh

đã bị quan quân triều đình nhà Nguyễn đánh bại, tên đầu sỏ Ngô Côn bị bắn chết tại trận⁽¹⁾. Từ khoảng thập niên 70 - 80 của thế kỷ XIX, một nhóm đồng bào Sán Dìu (trước kia thường gọi là người Trại)⁽²⁾ từ các tỉnh Quảng Yên (nay là Quảng Ninh), Vĩnh Yên - Phúc Yên (nay là tỉnh Vĩnh Phúc) và về sau còn có các dân tộc khác như Kinh, Nùng... đến địa phương lập nghiệp và phát triển tới ngày nay.

Theo số liệu thống kê đến năm 2015, xã Nam Hòa có 2.250 hộ với 10.060 nhân khẩu (trong đó người Sán Dìu chiếm khoảng 70%, còn lại là các dân tộc Kinh, Nùng...), sinh sống ở 22 xóm: Đầm Ninh, Đầm Diêm, Đồng Cỏ, Trung Lợi, Na Tranh, Na Quán, Ba Cóc, Con Phượng, Trại Giã, Ngòi Chèo, Cầu Đất, Trại Gai, Quang Trung, Đồng Chốc, Đồng Mỏ, Quang Minh, Ao Sen, Mỹ Lập, Gốc Thị, Chí Sơn, Bờ Suối và xóm Mới. Mật độ dân cư trung bình của Nam Hòa là 405 người/km².

II. Nam Hòa - Vùng đất giàu truyền thống văn hóa và đấu tranh chống giặc ngoại xâm

Đặc điểm kinh tế - xã hội của Nam Hòa mang đậm dấu ấn văn hóa dân tộc Sán Dìu từ phương thức sản xuất, tập

⁽¹⁾ Đại Nam thực lục (bản dịch của Viện Sử học), Tập 7, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 942-1153.

⁽²⁾ Đoàn công tác của Huyện ủy Đồng Hỷ: Báo cáo công tác kiểm tra tổ chức và củng cố hợp tác xã xã Quang Trung, ngày 17/7/1963, tr. 2. Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Huyện ủy Đồng Hỷ.

tục ma chay, cưới hỏi, khao vọng, lệ làng, tín ngưỡng, lễ hội cho đến các thiết chế xã hội... Mặt khác, do yếu tố đan xen một bộ phận người Kinh, Nùng... di cư từ nơi khác đến (kể cả trước và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 cho đến nay), sự giao thoa văn hóa giữa các dân tộc đã tạo nên một sự tổng hòa phong phú về truyền thống văn hóa của cộng đồng các dân tộc xã Nam Hòa.

Từ xưa đến nay, đại bộ phận nhân dân Nam Hòa vẫn sống dựa vào nông nghiệp là chính với các loại cây trồng chủ yếu là lúa, ngô trắng, khoai lang, khoai sọ... Không chỉ lúa và hoa màu, nhân dân Nam Hòa còn trồng thêm nhiều loại rau (bầu, bí, hành, tỏi...); cây nguyên liệu (bông, chè, chàm, mây, tre...). Trên các diện tích ruộng lầy thụt, ruộng nước, ruộng khô hay ở những soi, bãi, gò đồi, người dân Nam Hòa đã gieo trồng các loại cây thích hợp để canh tác quanh năm.

Từ lâu đời, đồng bào đã biết đến kỹ thuật “dẫn thủy nhập điền” bằng hệ thống mương, máng... Cư dân trên địa bàn biết sử dụng sức kéo của trâu, bò trong việc vận chuyển phân bón, nông sản, gỗ, củi, làm đất... Xe quệt là phương tiện vận chuyển đặc trưng nhất của người Sán Dìu, được làm từ gỗ cây thành ngạnh (loại cây mọc phổ biến ở trung du - miền núi phía Bắc, có độ dẻo dai cao, ít bị ăn mòn). Đồng bào sử dụng phần thân cây để làm 4 càng xe (2 càng trước tiếng Sán Dìu gọi là “xén thô”, 2 càng sau gọi

là “hoi thô”, còn những cành cong, thân cong hình “chữ V” được sử dụng làm vai xe quệt (ngói ạc) và vai cho trâu kéo. Những cành cây thành ngạnh nhỏ được làm thành thân chiếc hái (vô lém) để gặt lúa.

Chiếc cày của người Sán Dìu thường chắc và nhẹ, phù hợp với loại ruộng bậc thang và chân dốc. Người Sán Dìu cày xới đất rất độc đáo và kỹ lưỡng. Đầu tiên, đồng bào cày xung quanh theo chu vi ruộng, sau đó mới cắt luống. Sau khi cày hết một lượt, đồng bào tiếp tục cày ngược lại cho đến khi hết lõi đất mới thôi. Chiếc bừa của người Sán Dìu gồm 11 đến 13 răng làm bằng gỗ tốt và có cả loại bừa đôi. Mỗi loại ruộng có một cách làm đất riêng, trong đó chia làm “lọc luống thén” (ruộng rộc), “cao thén” (ruộng bậc thang), “sa thén” (ruộng đất cát pha)... Người đàn ông lo công đoạn làm đất, còn việc cấy, gặt chủ yếu do phụ nữ đảm nhiệm. Tuy nhiên, ngày nay, tập quán phân công lao động kiểu truyền thống này không còn phổ biến.

Trong phát nương rẫy, đồng bào Sán Dìu dùng liềm sắt (tiếng dân tộc gọi là “cu liêm”) có cán dài, lưỡi nhỏ và cong để phát tất cả cỏ dại, lá khô xong rồi mới chặt cây to xuống. Những đám cỏ, lá khô bị cây đè sau khoảng 15 ngày thì có thể dễ dàng đốt cháy hoàn toàn, góp phần tăng độ màu mỡ cho đất.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, do quy trình

canh tác phụ thuộc nhiều vào tự nhiên đồng thời do nhân dân chưa chú trọng sử dụng phổ biến nguồn phân bón cho đồng ruộng nên năng suất và sản lượng của các loại cây trồng rất thấp. Hầu hết các cánh đồng trên địa bàn xã chỉ cấy được một vụ. Năng suất chỉ đạt từ 20 - 25kg/sào.

Ngoài trồng trọt, nhân dân Nam Hòa tận dụng những vùng gò, đồi để chăn nuôi gia súc, gia cầm. Hình thức chăn nuôi lợn chủ yếu là thả rông, cả năm mỗi hộ chỉ nuôi được trung bình từ 1 - 2 con (trọng lượng xuất chuồng từ 20 - 50kg/con) để dành phục vụ ngày lễ, tết, cưới xin... Theo tờ trình của Lý trưởng xã Nam Kỳ và Cụ Na lên tổng Huống Thượng và tổng Bảo Nang năm 1942, số lượng trâu, bò của dân đình Nam Kỳ là 147 con, của dân đình Cụ Na là 96 con (chưa tính số lượng trâu, bò của phú hộ và các chức sắc trong hai xã trên). Một số hộ còn nuôi ong lấy mật để bán ở chợ tỉnh. Ngoài ra, cư dân trong xã còn làm một số nghề thủ công như đan lát, rèn, dệt vải...

Từ lâu đời, nhân dân đã biết khai thác lâm sản (gỗ, dược liệu, củ...) trong rừng đem bán, đổi cho các thương lái miền xuôi. Từ năm 1982, xã thành lập chợ tại xóm Ao Sen, sau đó đến năm 1993, chợ chuyển đến khu vực trung tâm xã. Chợ phiên của xã được họp vào các ngày âm lịch có số cuối là 1, 4, 6, 9... hàng tháng.

Bữa ăn truyền thống của đồng bào chủ yếu gồm cơm tẻ

với rau xào, rau luộc, măng rừng chấm muối ớt... Trong dịp tết Nguyên đán, ngoài các món ăn được chế biến từ thịt gà, thịt lợn còn có nhiều loại bánh: bánh chưng (bao chổng), bánh dày, bánh trôi, bánh chay (chấy), chè lam (chạ lam). Vào dịp tết Thanh minh hàng năm, người Sán Dìu bắt buộc phải cúng tảo mộ tổ tiên bằng xôi đen, được chế biến từ gạo nếp cái hoa vàng hoặc nếp câu nên vừa dẻo, thơm vừa có hương vị đặc biệt... Ngoài ra, trong các dịp lễ tết, người Sán Dìu còn gói các loại bánh tượng trưng cho các con giống như bánh con gà (cạy công tạp), bánh con vịt (ạp công tạp). Các loại bánh này đều làm bằng gạo nếp và gói bằng lá dứa dại.

Vải chủ yếu do đồng bào tự dệt, sau đó nhuộm bằng vỏ, thân, lá và quả của cây chàm. Việc nhuộm vải trải qua nhiều công đoạn khác nhau, nhiều lần nhuộm để vải có màu xanh đen. Trang phục của nữ có áo ngắn (yếm), áo dài, váy và có thêm xà cạp chân, thắt lưng, khăn đội đầu. Trang phục của nam chỉ đơn giản là áo ngắn, cổ hình “chữ V” nhuộm màu nâu, có cúc cài.

Ngày nay, trang phục của các dân tộc trên địa bàn Nam Hòa cũng hiện đại hơn và cơ bản tương đồng. Trang phục truyền thống chỉ được người Sán Dìu mặc ở một số lễ hội lớn mang tính chất nghi lễ hoặc trong các hoạt động văn hóa dân gian như lễ hội Soọng cô.

Đa số các hộ dân Nam Hòa xưa làm nhà nền đất cột kê tảng đá, vách được bung bằng gỗ ván (không cần bào gọt cầu kỳ) hoặc tùy theo điều kiện, có gia đình trát đất hoặc che bằng phen, liếp nứa. Hai gian chái nhà thường được mở rộng từ 1,5 - 1,8m. Đối với kiểu nhà đất tường trình, các bức tường đất được nện chặt, sử dụng cốt tre bên trong, có ưu điểm là bớt được nhiều hàng cột so với kiểu nhà cột kê. Nhà có hai mái lớn, ít có mái chái hai đầu hồi. Hiện nay, do đời sống phát triển cùng với sự tiếp thu các kỹ thuật xây dựng nhà ở của người Kinh nên nhà của người Sán Dìu được xây dựng khang trang, kiên cố hơn.

Hương ước của các xã Nam Kỳ và Cụ Na được lập từ thời vua Bảo Đại đều chỉ rõ tính chất phân biệt tầng lớp, giai cấp. Cụ thể như hương ước của xã Nam Kỳ (lập vào khoảng năm 1940 - 1941) ghi rõ: *“Thứ tự ăn ngồi trong dân phải có trật tự thứ bậc. Người được ở trên là chánh, phó tổng đoàn, lý dịch, đội trưởng cùng các người có phẩm hàm một hạng. Người làm lính đông vào một hạng. Người bạch đình một hạng. Can phạm, người phải phạt giam càng phải ở một hạng cuối cùng”*⁽¹⁾.

Hôn nhân của người Sán Dìu có nhiều lễ tiết nhưng đặc biệt nhất là lễ “khai hoa tửu”. Trong lễ này, khi tiến hành

⁽¹⁾ Hương ước xã Nam Kỳ, lập khoảng năm 1941 - 1942, tr. 5.

phải có hai quả trứng gà luộc chín có hai sợi dây đỏ xuyên qua với mỗi bên là một đồng xu dán trên tờ giấy cắt hình cánh hoa. Đồ cúng này được đặt trên một cái đĩa, bên cạnh là một chai rượu để cúng tổ tiên. Cúng xong, nhà gái đem lòng đỏ của hai quả trứng gà hòa vào rượu để họ hàng hai bên trai gái uống. Nếu lễ này chưa thực hiện thì đôi trai gái đó chưa được họ hàng, làng xóm công nhận. Ngoài ra, để được công nhận là vợ chồng, đôi trai gái người Sán Dìu phải làm một loạt các nghi lễ khác như: nghi lễ xin lá số (sú nén sang), lễ đi xem mặt (hy mong men), lễ ăn hỏi (hy mun ghen cạ), lễ sang bạc (hy cộ ghen), lễ nộp cheo...

Trước năm 1945, quan hệ hôn nhân ở Nam Hòa bị biệt lập trong từng nội bộ tộc người. Ngày nay, do tình đoàn kết, bình đẳng và tính cộng đồng cao giữa các dân tộc mà nhiều gia đình Sán Dìu có dâu, rể là người Kinh, Nùng, Dao... và ngược lại. Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đến nay, thực hiện nếp sống mới, thủ tục cưới xin cũng đơn giản dần, tục lệ thách cưới vẫn còn nhưng không nặng nề như trước. Đặc biệt, trai gái được tự do tìm hiểu, đôi lúc còn thông qua mai mối nhưng cũng chỉ là hình thức. Chế độ đa thê hoàn toàn được xóa bỏ.

Với quan niệm phải tận hiếu với người đã khuất, đồng thời tránh việc người đã khuất quay lại quấy nhiễu con cháu nên đám ma người Sán Dìu ở Nam Hòa trước đây có rất

nhiều thủ tục, lễ nghi kéo dài 3 - 5 ngày thậm chí cả tuần lễ. Trong tang lễ, người Sán Dìu phải thực hiện nhiều nghi lễ như: tắm rửa, cho bạc vào miệng người qua đời, báo tang - phát tang, đón thầy cúng, phát áo tang, ly biệt... Sau khi đưa tang xong còn phải thực hiện một số lễ nghi khác cho đến hết 100 ngày và lễ cất tang, tang chủ mới được phép nghỉ ngơi và trở lại nếp sinh hoạt thường ngày.

Người xưa cho rằng, khi chết thì hồn lìa khỏi xác nhưng vẫn có một cuộc sống bình thường ở thế giới bên kia nên phận làm con cháu, khi tang ma phải chuẩn bị đầy đủ các “phương tiện sinh hoạt” cho người cõi âm như “nhà táng”, quần áo, lương thực... Bởi vậy, đối với nhiều gia đình, chi phí cho đám tang là một gánh nặng kinh tế. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, với nhiều đợt vận động tuyên truyền, chính quyền cách mạng xã đã vận động nhân dân bỏ bớt các nghi lễ rườm rà, tốn kém trong tang ma, cưới hỏi. Thực hiện cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”* do Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động (từ năm 1995) và Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) ngày 16/7/1998 về *“Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”*, đến nay, trên địa bàn xã đã xóa được nhiều hủ tục lạc hậu.

Nhân dân các dân tộc xã Nam Hòa chủ yếu theo các tín ngưỡng dân gian, quan trọng nhất là thờ cúng tổ tiên.

Ngoài ra, đồng bào còn có tục lệ thờ thành hoàng làng, thổ thần, sơn thần ở đình làng, miếu...

Hầu hết các lễ hội đều gắn liền với hoạt động sản xuất nông nghiệp có tính chất chu kỳ. Trước kia, nhân dân các xã cổ Nam Kỳ, Cự Na hay ấp Hoàng Gia đều tổ chức một số lễ hội trong năm (cùng tháng nhưng có thể khác ngày)⁽¹⁾ và còn được lưu giữ cho đến ngày nay như lễ “Khai xuân”, “Hạ điền”, “Thượng điền”, “Ngày cơm mới”, “Đại tiệc tất niên”...

Trong các lễ hội (đặc biệt là lễ “Khai xuân”, “Đại tiệc tất niên”, cưới hỏi), một hình thức hát giao duyên đặc sắc của đồng bào Sán Dìu là Soọng cô (trong tiếng Sán Dìu, “soọng nghĩa là hát). Về hình thức, Soọng cô cũng tương tự như hát Sly, Slượn của người Tày, Nùng hay dân ca Quan họ, lối hát Xoan của người Kinh. Các bài Soọng cô phổ biến với thể 7 chữ, ca từ tình tứ mà trang nhã, thường mượn cảnh đẹp quê hương, làng xóm, cảnh sinh hoạt hàng ngày để thể hiện nỗi lòng của mình. Nam, nữ ngay từ 12 - 13 tuổi đã theo người lớn học hát, đến khi 16 tuổi đã có thể hát một cách bài bản các làn điệu Soọng cô. Mỗi tốp hát gồm từ 7 - 10 người. Gia đình nào được tiếp các tốp Soọng cô

⁽¹⁾ Từ nhiều năm trước, ở Cự Na và Nam Kỳ các lễ hội này diễn ra không trùng ngày. Theo hương ước cũ, ở xã Cự Na các lễ hội trên diễn ra lần lượt là 6/1, 13/4, 13/7, 15/8, 13/11. Trong khi đó, ở Nam Kỳ, các lễ hội thường diễn ra vào các ngày 6/1, 6/4, 6/7, 6/8 và 16/11.

thì coi đó là niềm vinh dự và đón tiếp rất nồng nhiệt. Các buổi Soọng cô cũng là dịp để các chàng trai, cô gái Sán Dìu làm quen, thổ lộ tình yêu.

Để bảo tồn nét văn hóa đặc trưng của người Sán Dìu ở Nam Hòa cũng như của cả huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, ngày 12/10/2009, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên đã kết hợp với địa phương thực hiện đề tài "*Bảo tồn Soọng cô dân tộc Sán Dìu*" tại xóm Chí Sơn. Đề tài khoa học này đã góp phần gìn giữ, phát huy những giá trị văn hóa tinh thần phong phú của nhân dân Nam Hòa.

Trong các lễ hội, sau phần "lễ", đồng bào tổ chức phần "hội" với những trò chơi dân gian như đánh cầu (tả khú). Cầu được làm bằng lông gà trống thiên, đế cầu được tết bằng lá dứa hoặc mo tre trông khá giống với quả yến của người Tày, Nùng. Vào dịp lễ hội, thanh niên thường tổ chức từng tốp nhỏ chơi đánh cầu ở những bãi đất rộng hoặc sân đình. Các trò chơi khác như đi cà kheo, đánh khăng, đuổi gà vào chuồng, đuổi chó vào cũi, đẩy gậy... cũng không kém phần vui nhộn. Trò chơi đánh vật của người Kinh đã được thay đổi một phần cho phù hợp với địa phương, được tổ chức vào những ngày lễ hội hay việc lớn của làng.

Trên địa bàn xã trước kia có nhiều đình, chùa. Trước

Cách mạng tháng Tám năm 1945, ngoài chùa Rào (thuộc xóm Na Quán), hầu hết mỗi xóm (Trại Gai, Đồng Chốc, Gốc Thị, Chí Sơn, Na Quán...) đều có đình thờ thành hoàng.

Đình Trại Gai (thuộc xã Nam Kỳ cũ) được xây dựng từ đầu thế kỷ thứ XVIII thời vua Lê Hiển Tông (niên hiệu Cảnh Hưng). Đình được thiết kế theo kiểu chữ “Đinh” với 3 gian chính và hậu đường. Sân đình rộng vừa là nơi tổ chức các lễ hội dân gian vừa để tổ chức việc làng (xóm Trại Gai) và việc xã (xã Nam Kỳ cũ). Đình có một ban thờ chính thờ thành hoàng làng là hai thánh Cao Sơn - Quý Minh. Theo huyền sử, các vị thánh trên thuộc thời vua Hùng Duệ Vương và vốn là hai anh em ruột; sau trở thành danh tướng, có công phò vua đánh đuổi giặc ngoại xâm, đem lại bình yên cho đất nước. Hai bên tả, hữu thờ Thần Nông, Ngũ Phương Hoàng Đế và Thần Sông, Thần Núi.

Tuy nhiên, do sự tàn phá của thời gian, chiến tranh và nhiều yếu tố khác, các đình dần bị hư hại, đổ nát. Hiện tại, bằng nguồn kinh phí, công sức do nhân dân đóng góp, trên địa bàn xã có 8 đình (ở các xóm: Hoàng Gia, Trại Gai, Đồng Chốc, Na Quán, Chí Sơn, Mỹ Lập, Gốc Thị, Trại Gião) và 5 miếu (Ao Sen, Na Tranh, Ngòi Chẹo, Mỹ Lập, Quang Trung) đã được khôi phục hoặc xây mới.

Ngược dòng lịch sử, cùng với nhân dân trong huyện, đồng bào các dân tộc trên địa bàn Nam Hòa sớm hình

thành truyền thống yêu nước, đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Với nhiều hình thức khác nhau, nhân dân trên địa bàn xã từng nhiều lần tham gia các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa chống các thế lực ngoại bang xâm lăng, đặt ách cai trị để bảo vệ mảnh đất quê hương và cuộc sống yên vui, thanh bình.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Triều đình nhà Nguyễn kháng cự yếu ớt và thỏa hiệp hết lần này tới lần khác tạo đà cho thực dân Pháp chiếm trọn Nam Kỳ và mở rộng xâm chiếm Bắc Kỳ. Ngày 19/3/1884, quân Pháp từ Bắc Ninh kéo sang chiếm thành Thái Nguyên nhưng gặp phải sự kháng cự mãnh liệt của lực lượng trấn thủ tại đây là quân triều đình nhà Nguyễn cùng quân Mãn Thanh và quân “Cờ vàng” (một trong Bát kỳ quân của cuộc khởi nghĩa nông dân “Thái bình thiên quốc” bên Trung Quốc dạt sang nước ta). Do thiếu sự chỉ huy thống nhất cũng như lực lượng quá chênh lệch, thành Thái Nguyên rơi vào tay giặc.

Sẵn có truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất lại bị áp bức bóc lột tàn bạo bởi chính quyền thực dân - phong kiến, nhân dân các dân tộc huyện Đồng Hỷ, trong đó có đồng bào địa phương tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và chính quyền tay sai. Vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, phong trào khởi nghĩa nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám (Đề Thám) lãnh

đạo phát triển mạnh mẽ ở tỉnh Bắc Giang và lan nhanh sang các tỉnh khác như Bắc Ninh, Phúc Yên, Thái Nguyên. Đến năm 1908, nghĩa quân Yên Thế đã mở rộng địa bàn hoạt động ra các tổng thuộc phía Bắc huyện Đồng Hỷ (cũ) khiến chính quyền thực dân lo sợ.

Nhân dân các dân tộc Sán Dìu, Tày, Nùng... ở Nam Kỵ, Cự Na, Huống Thượng ra sức ủng hộ giúp đỡ nghĩa quân về gạo, muối... Một số thanh niên trai tráng còn gia nhập đội ngũ chiến đấu. Thực dân Pháp phải thừa nhận: *"Toàn bộ vùng Nam Thái Nguyên đều quy thuộc Đề Thám và có thái độ chống đối rõ rệt các nhà cầm quyền Pháp và bản xứ"*⁽¹⁾.

Như vậy, Nam Hòa là vùng đất giàu truyền thống văn hóa và yêu nước, đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, những truyền thống tốt đẹp trên của nhân dân các dân tộc trên địa bàn được kế thừa và phát huy trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.

⁽¹⁾ Lịch sử Việt Nam tập 2, Nxb. Khoa học Xã hội, 1989, tr. 79

Chương I

NHÂN DÂN NAM HÒA DƯỚI

ÁCH THỐNG TRỊ CỦA THỰC DÂN -

PHONG KIẾN, QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH

GIÀNH CHÍNH QUYỀN VÀ XÂY DỰNG,

CỦNG CỐ CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ NHÂN DÂN

(CUỐI THẾ KỶ XIX - 1946)

I. Nhân dân Nam Hòa dưới ách thống trị của thực dân - phong kiến

Sau khi hoàn thành việc chiếm đóng địa bàn tỉnh, thực dân Pháp nhanh chóng thiết lập bộ máy cai trị tại đây. Sau một thời gian phân nhỏ tỉnh Thái Nguyên và nhập vào các tiểu quân khu thuộc Đạo Quan binh I Phả Lại và Đạo Quan binh II Lạng Sơn đặt dưới chế độ quân quản, đến tháng 10/1892, giới cầm quyền thực dân cho tái lập tỉnh dân sự Thái Nguyên. Đứng đầu tỉnh Thái Nguyên là một viên Công sứ người Pháp và một viên Án sát do triều Nguyễn bổ nhiệm. Bên dưới là hệ thống viên chức do người Pháp cử và hệ thống quan lại người Việt trực tiếp quản lý từ phủ, châu, huyện đến tổng, xã.

Để duy trì nền cai trị, thực dân Pháp lập nhiều đồn

bốt trên địa bàn tỉnh, trong đó có cả lính Âu - Phi, lính khố xanh, khố đỏ (tại các phủ, châu, huyện một lượng lớn lính hương đồng). Lực lượng trên được giao nhiệm vụ đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân, phục vụ lợi ích của thế lực thực dân - phong kiến. Đó là chưa kể bộ máy chức dịch cơ sở có nhiệm vụ thu thuế, bắt lính, bắt phu và giam giữ những người chống đối chế độ.

Trên cơ sở tăng cường bộ máy cai trị, thực dân Pháp còn dùng nhiều thủ đoạn nham hiểm và xảo quyệt để áp bức, bóc lột nhân dân ta. Thực hiện âm mưu “dùng người Việt trị người Việt”, thực dân Pháp mua chuộc, lôi kéo một số người thuộc tầng lớp trên vào Hội đồng kỳ hào và bộ máy chức dịch (lý trưởng, phó lý, xã đoàn, trương tuần...) nhằm biến họ thành công cụ tay sai cho mưu đồ cai trị của chúng.

Ở huyện Đồng Hỷ, chính quyền thực dân - phong kiến chia dân cư thành hai vùng: vùng đồn điền và vùng xứ. Chúng phân biệt đối xử giữa dân xứ và dân đồn điền, dân ngụ cư và dân chính cư. Tại các xã Nam Ky, Cự Na và 2 ấp Hoàng Gia, Đồng Cỏ (tức địa bàn Nam Hòa ngày nay), dân ngụ cư không được tham gia vào các việc làng xã, không có các quyền lợi như dân chính cư, thậm chí đến lúc chết cũng phải mua đất chôn với giá 3 đồng. Bằng thủ đoạn này, thực dân Pháp gây nên sự chia rẽ trong cộng đồng nhân dân các dân tộc

trên địa bàn⁽¹⁾.

Để tăng cường ách thống trị trên vùng đất này, chính quyền thực dân - phong kiến chỉ thị bộ máy chức dịch lập ra các hương ước. Các hương ước của làng, xã khi được lý trưởng, phó lý lập ra phải có sự phê chuẩn của tri huyện Đồng Hỷ. Hương ước của các xã Cự Na, Nam Kỳ lập đã đặt ra nhiều tục lệ, khao vọng nặng nề bắt nhân dân phải cung phụng bộ máy chức dịch trên địa bàn. Điển hình như bản hương ước của Nam Kỳ do Lý trưởng Diệp Văn Vượng lập ghi rõ trong các lễ của làng, nhân dân phải đóng góp tiền để làm lễ. Khi làm cỗ ấy, phải biếu phần ngon cho chánh, phó lý trưởng. Nếu làng nào không có lý trưởng thì biếu người khán thủ⁽²⁾.

Không chỉ phải phục dịch, cống nộp cho chức dịch, nhân dân còn phải chịu nhiều thứ thuế, sưu và lao dịch nặng nề. Trong đó, tàn bạo nhất là thuế thân đánh vào dân đinh từ 18 - 60 tuổi. Nếu như những năm

⁽¹⁾ Tại các xóm cũ của xã Nam Kỳ là Trại Gai và Trại Gião lưu truyền câu chuyện: Trước năm 1930, một người dân đến ngụ cư tên là Trần Văn Thành quê ở tỉnh Nam Định, mặc dù phiếu бат đến ở Trại Gai đã hơn 20 năm song vẫn không được chức sắc trong làng cho dựng nhà, làm bếp, cũng không được cấp đất trồng cấy. Cả gia đình 8 người chỉ được dựng lều sống tạm ven suối. Đến lúc ông Thành mất, vợ con ông do không có tiền mua đất chôn theo lệnh quan trên đã phải kiếm củi hoá táng ông cùng với căn lều, sau đó bỏ đi biệt xứ.

⁽²⁾ Hương ước xã Nam Kỳ, lập khoảng năm 1941 - 1942, tr. 1 - 3.

đầu thế kỷ XX, dân đinh ở huyện Đồng Hỷ phải nộp 2,5 đồng/suất đinh (tương đương một tạ gạo tính theo thời điểm đó) thì đến năm 1933, mỗi suất đinh phải nộp 2,9 đồng⁽¹⁾. Đó là chưa kể mức thuế thực tế, chức dịch thu tăng lên để bỏ túi riêng. Hà khắc, vô nhân đạo nhất là người chết cũng không được miễn thuế, người sống phải đóng thay. Tại Nam Kỳ lúc này có 58 suất đinh, tổng số thuế phải đóng là 168,2 đồng; tại Cự Na có 71 suất đinh, phải đóng 205,9 đồng⁽²⁾...

Bên cạnh việc nộp thuế thân, nhân dân phải đóng một loại thuế khác khá nặng nề là thuế điền (đây đều là những thứ thuế trực thu). Trước năm 1897, mỗi mẫu ruộng nhân dân phải nộp 1 đồng. Khi thực dân Pháp lập bộ máy cai trị tại Thái Nguyên, chính quyền thực dân chia ruộng làm 3 hạng để thu thuế: hạng nhất đóng 1,8 đồng/mẫu; hạng nhì đóng 1,1 đồng/mẫu; hạng ba đóng 8 hào/mẫu. Ngoài ra, nhân dân còn phải đóng nhiều khoản phụ thu ngày một tăng, việc chia hạng ruộng tùy thuộc vào hướng có lợi cho chính quyền thực dân và chức dịch trên địa bàn. Thuế tăng song trên thực tế, diện tích của đơn vị “mẫu” tính để thu

⁽¹⁾ Theo cuốn “Tiểu chí Thái Nguyên” của tác giả Esina, năm 1933 tính cả huyện Đồng Hỷ có 2.214 suất đinh, số thuế thân phải nộp là 6.365 đồng.

⁽²⁾ PGS. TS Phạm Văn Kính: Đồi điều về những miền đất Việt, bài “Thuế của chính quyền thực dân tại một số xã vùng cao”, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr. 135.

thuế lại giảm đi. Thời vua Tự Đức, một mẫu ở Bắc Kỳ là 4.970m²; đến năm 1897, theo quy định của chính quyền thực dân, mỗi mẫu có diện tích là 3.600m².

Tại ấp Hoàng Gia năm 1928, cả ấp có 29 mẫu ruộng có thể canh tác nhưng chính quyền phân định có tới 25 mẫu ruộng được xếp loại I, nhiều diện tích ruộng kém phì nhiêu mà các hộ dân phải đóng thuế cao. Tại Nam Kỳ, Cự Na, tình hình phân định loại ruộng để thu thuế cũng xảy ra những tiêu cực tương tự. Do vậy, một bộ phận nhân dân địa phương đã phải bỏ đồng ruộng, chuyển sang mưu sinh bằng cách vào rừng kiếm củi, khai thác gỗ đem bán để có tiền mua nhu yếu phẩm. Một bộ phận khác phải nai lưng làm ở các đồn điền ở phủ Phú Bình, Đại Từ hoặc phải chịu sự bóc lột nặng nề ở các mỏ sắt I-von (nay là Trại Cau), Linh Nham.

Không chỉ đàn áp về chính trị, bóc lột về kinh tế, chính quyền thực dân - phong kiến còn ra sức đầu độc dân ta bằng rượu cồn và thuốc phiện. Mặc dù không có nhà máy sản xuất rượu được lập ra tại Đồng Hỷ hay phủ Phú Bình nhưng chính quyền thực dân dựa vào những ông chủ độc quyền người Pháp, đem “rượu ty” được sản xuất từ Hà Nội, Bắc Ninh và tỉnh lỵ Thái Nguyên về bán cho nhân dân. Chính quyền thực dân coi hành vi tự ý nấu rượu của dân là phạm pháp, bị bỏ tù; đồng thời, làng nào không tiêu thụ đủ số rượu mà chúng quy định vẫn phải trả tiền và bị

coi là chống đối nhà nước “Bảo hộ”. Năm 1909, một số người dân trên địa bàn đã bị chính quyền thực dân - phong kiến bắt tù vì tội nấu rượu lậu trong rừng. Năm 1928, trên địa bàn tổng Huống Thượng, chính quyền thực dân cho mở 2 tiệm hút thuốc phiện, đem lại cho chúng một mối lợi nhuận lớn.

Tại một số nơi tập trung đông dân cư ở các tổng khác, thực dân Pháp còn cho mở một số tiệm rượu, sòng bạc nhằm lôi kéo thanh niên vào con đường ăn chơi, nghiện ngập với mục đích làm cho họ kiệt quệ về kinh tế, thể xác lẫn tinh thần mà quên đi nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc. Bên cạnh đó, chính quyền thực dân - phong kiến khuyến khích các hủ tục trong ma chay, cưới hỏi, khao vọng, bói toán và cầu cúng... Nhiều gia đình nghèo khi lo việc cưới xin, ma chay đã phải bán ruộng, bán trâu, cầm cố cả nhà cửa ruộng vườn... Những chính sách hà khắc, bạo tàn trên khiến cho đời sống của nhân dân chìm trong sự nghèo đói cùng cực, mê tín dị đoan và bạc nhược về tinh thần.

Chính sách ngu dân được thực dân Pháp thi hành triệt để nhằm giam hãm dân ta trong vòng ngu tối để dễ bề cai trị. Tính tới năm 1922, trường Tiểu học không toàn cấp của huyện đặt tại xã Huống Thượng và chỉ con em phú hộ mới có điều kiện theo học. Trên địa bàn xã chỉ có một trường hương sư duy nhất được mở năm 1930 tại nhà bá hộ Nguyệt (xóm

Gốc Thị, xã Cự Na) - một trong những nhà giàu nhất tổng Bảo Nang do thầy giáo Ma Văn Tiến đứng lớp. Trường dạy cả chữ Quốc ngữ và Hán ngữ nhưng chỉ có hơn 10 học sinh là con em các gia đình giàu có hay chức sắc trong xã, tổng.

Chính sách ngu dân của thực dân Pháp dẫn đến tình trạng tuyệt đại đa số dân chúng mù chữ. Thậm chí, có những trường hợp lý trưởng, phó lý... cũng không biết chữ nên khi trình tấu văn bản lên quan trên đều do viên thư ký viết hộ rồi lý trưởng, phó lý điểm chỉ xác nhận. Địa phương lúc bấy giờ chỉ có vài người biết chữ như ông Lục Văn Bình, Diệp Văn Nguyệt, Lục Văn Thắng, Nông Văn Hòa...

Dưới thời Pháp thuộc, do địa phương không có cơ sở y tế nên khi ốm đau, bệnh tật, người dân chỉ còn biết mời thầy về cầu cúng thần thánh, kết hợp chữa trị bằng các bài thuốc riêng của các dòng họ, nếu không khỏi thì đành phó mặc cho số mệnh. Các bệnh sốt rét, bấu cổ, tả, lỵ... không được chạy chữa hiệu quả, kịp thời đã cướp đi sinh mạng của nhiều người dân, nhất là trẻ em.

Sống dưới chế độ thực dân - phong kiến, đồng bào các dân tộc trên địa bàn nhiều bề khổ cực, nhiều gia đình rơi vào cảnh khốn cùng... Những người dân yêu nước nung nấu lòng căm thù sâu sắc đối với bè lũ cướp nước và tay sai, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng từng bước hình thành và phát triển trên vùng đất này.

II. Phong trào đấu tranh cách mạng tiến tới cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tạo nên bước ngoặt quan trọng cho cách mạng nước ta. Từ năm 1930 đến đầu những năm 40 của thế kỷ XX, vùng Đồng Hỷ là nơi đặt sở lý của tỉnh nên thường xuyên phải chịu sự chi phối, kiểm soát chặt chẽ của chính quyền thực dân - phong kiến nên chưa hình thành được cơ sở cách mạng.

Tháng 9/1939, thế chiến thứ hai bùng nổ, Pháp là một trong những nước tham chiến. Tại Đông Dương, thực dân Pháp thủ tiêu mọi quyền tự do dân chủ, tăng cường khủng bố gắt gao phong trào cách mạng. Trong bối cảnh trên, Đảng Cộng sản Đông Dương đã chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng là giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

Năm 1940, nước Pháp bị Đức quốc xã chiếm đóng. Phát xít Nhật tranh thủ nhảy vào xâm chiếm Đông Dương. Ngày 27/9/1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra dưới sự lãnh đạo của cơ sở Đảng Bắc Sơn. Nhật - Pháp nhanh chóng bắt tay đàn áp cuộc khởi nghĩa. Để củng cố lực lượng, Trung ương Đảng quyết định thành lập căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai.

Hoảng sợ trước làn sóng cách mạng ngày càng dâng cao, thực dân Pháp liền tăng cường khủng bố. Tại Đồng Hỷ, thực dân Pháp cho xây thêm một đồn binh mới ở xóm Trại Cau

(thuộc xã Bảo Nang) nhằm tăng cường bao vây căn cứ địa cách mạng Võ Nhai. Tại nhiều xóm, thực dân Pháp chỉ đạo mạng lưới mật thám tiến hành truy lùng các chiến sỹ cách mạng, dò xét tình hình. Xã Cự Na và ấp Hoàng Gia thường xuyên xuất hiện nhiều tay sai của chính quyền thực dân. Nhằm lấy lòng quan trên, một số chức dịch của Cự Na và Hoàng Gia đã cố tình vu khống, chỉ điểm một số quần chúng thành cán bộ cách mạng để thực dân Pháp bắt bỏ tù. Tuy nhiên, điều này không làm nhụt ý chí đấu tranh mà ngược lại càng làm tăng sự bất bình, căm phẫn trong nhân dân.

Tháng 5/1941, Mặt trận Việt Minh ra đời trực tiếp tập hợp mọi tầng lớp nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc. Tuy địa bàn hai xã Nam Kỳ, Cự Na chưa có các tổ chức cứu quốc nhưng nhờ ảnh hưởng của phong trào cách mạng trong vùng và hoạt động của tổ công tác của Cứu quốc quân II ở các xã lân cận, nhiều thanh niên đã phần nào hiểu được tôn chỉ hoạt động, vai trò to lớn của Mặt trận Việt Minh.

Tại địa bàn xã Cây Thị ngày nay, ngày 15/2/1942, thực dân Pháp mở cuộc càn lớn nhằm cắt đứt đường dây liên lạc giữa Võ Nhai với Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ. Trong trận càn này, chúng bắt 3 cán bộ cơ sở của ta, cướp nhiều thóc, gạo, lợn, gà và đốt cháy 40 ngôi nhà của dân. Đồng thời, chúng dồn nhân dân xã này ra trại tập trung ở xóm Trại Cau, nơi có đồn binh của địch đóng. Một số người dân ở đây đã phải tạm lánh sang các vùng lân cận như Hướng

Thượng, Linh Nham, Nam Ky, Cự Na... Những lời kể của họ về phong trào cách mạng cũng như sự kiên trung bất khuất của các chiến sỹ góp phần làm cho nhân dân Nam Ky, Cự Na hiểu rõ hơn về Đảng và đường lối đấu tranh của Mặt trận Việt Minh.

Cuối năm 1944, đầu năm 1945, tình hình trong nước và thế giới có những chuyển biến mau lẹ. Chiến tranh thế giới lần thứ II sắp bước vào giai đoạn kết thúc, phe phát xít liên tục thất bại trên các mặt trận. Tại Đông Dương, mâu thuẫn giữa phát xít Nhật và thực dân Pháp ngày càng trở nên sâu sắc. Đêm ngày 9/3/1945, phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp độc chiếm Đông Dương. Tại Đồng Hỷ, phát xít Nhật tổ chức bộ máy cai trị tay sai đứng đầu là viên huyện trưởng, đồng thời thành lập lực lượng "*Bảo an đoàn*". Lợi dụng cơ hội, nhiều con em quan lại có thể lực trong huyện ra làm tay sai cho Nhật, chống phá cách mạng, bóc lột nhân dân. Chính sách tăng thuế, thu mua thóc tạ với giá rẻ mạt làm cho đời sống nhân dân địa phương rơi vào cảnh bần cùng.

Mặc dù là một xã miền núi, không diễn ra cảnh chết đói thê thảm như những xã miền xuôi nhưng nhân dân trên địa bàn thường rơi vào cảnh thiếu đói vào kỳ giáp hạt. Nhiều gia đình ở Cự Na, Nam Ky buộc phải vào rừng đào măng, củ mài để sinh sống qua ngày. Do vậy, lòng căm thù bè lũ thực dân, phát xít và chính quyền tay sai của nhân dân lên

cao cực độ, chỉ chờ thời cơ là vùng dậy đấu tranh.

Thực hiện Chỉ thị “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, cao trào kháng Nhật của nhân dân Thái Nguyên diễn ra sôi nổi. Lúc bấy giờ, bọn Việt gian thân Nhật cũng ra sức hoạt động phản cách mạng. Chúng liên tiếp cho tay chân thân tín về các xã thuộc huyện Đồng Hỷ để tuyên truyền gây ảnh hưởng cho Nhật, đứng đầu là tên Nghị Minh. Tại địa phương, Nghị Minh đưa tay chân xuống thuyết phục các ông Diệp Văn Đạt - Lý trưởng xã Cự Na và Diệp Văn Vượng - Lý trưởng xã Nam Kỳ theo chúng. Tuy nhiên, vốn là người yêu nước, hai ông Diệp Văn Đạt và Diệp Văn Vượng đã khước từ mọi lời đề nghị và không thu thuế của nhân dân nộp cho chúng.

Giữa tháng 3/1945, đồng chí Dương Văn Quyền (người xã Văn Hán ngày nay) và ông giáo Cẩm đến Nam Kỳ tuyên truyền cách mạng. Các cán bộ trên đã vận động được đồng chí Nông Văn Hòa tham gia Mặt trận Việt Minh. Sau đó, đồng chí Nông Văn Hòa đã tuyên truyền, vận động được các ông Tống Văn Đăng, Hoàng Văn Phúc đi theo cách mạng. Sau đó, ba đồng chí đã nỗ lực vận động, thuyết phục được lính đồng ở Nam Kỳ nộp 20 khẩu súng kíp cho Việt Minh. Mất súng, Tỉnh trưởng Thái Nguyên Cung Đình Vận cho quân về Nam Kỳ bắt Xã đoàn (người phụ trách về lĩnh vực quân sự ở một xã trong chế độ thực dân - phong

kiến) Diệp Văn Phú giam ở nhà tù Thái Nguyên (đến ngày 20/8/1945 mới được lực lượng của ta giải thoát).

Tháng 5/1945, trước sức mạnh ngày càng lên cao của lực lượng cách mạng trong vùng, các chức sắc - lý dịch của xã Nam Ky, Cự Na phải chủ động nộp lại triện đồng, giấy tờ cho đại diện Việt Minh. Ủy ban cách mạng lâm thời các xã Nam Ky, Cự Na đồng loạt ra đời. Ở xã Nam Ky, đồng chí Lý Trung Lập được cử làm Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời, đồng chí Nông Văn Hòa - Phó Chủ tịch. Trong cùng tháng, Ban Việt Minh xã Nam Ky được thành lập do đồng chí Tống Văn Đăng⁽¹⁾ làm Chủ nhiệm. Đối với Cự Na⁽²⁾, đồng chí Diệp Văn Đạo được cử làm Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời, đồng chí Lý Văn Hương - Phó Chủ tịch. Cũng trong khoảng thời gian này, Ban Việt Minh xã Cự Na được thành lập do đồng chí Diệp Văn Đạo - Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời xã kiêm nhiệm phụ trách.

Phong trào cách mạng của nhân dân Đồng Hỷ phát triển mạnh mẽ đòi hỏi phải tập trung chỉ đạo về một mối thống nhất. Để đáp ứng nhu cầu ấy, tháng 7/1945, Xứ ủy Bắc Kỳ và Ban lãnh đạo Khu giải phóng quyết định

⁽¹⁾ Theo hồ sơ lý lịch đảng viên của đồng chí Tống Văn Đăng (lưu trữ tại Văn phòng Huyện ủy Đồng Hỷ).

⁽²⁾ Do nguồn tư liệu bị mai một nhiều, nhân chứng sống không nhớ rõ nên hiện tại, Ban sưu tầm chưa xác định được mốc thời gian thành lập và người phụ trách tiểu đội tự vệ Cứu quốc xã Cự Na.

thành lập Ban Cán sự Đảng và Ủy ban dân tộc giải phóng huyện Đồng Hỷ.

Từ ngày 13 đến ngày 15/8/1945, Hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào chủ trương tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước với nguyên tắc hành động là *"Tập trung, thống nhất, kịp thời"*. Nắm bắt được tình hình phát xít Nhật chuẩn bị đầu hàng quân đồng minh, đêm ngày 13/8/1945, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc ra Quân lệnh số 1 kêu gọi toàn dân nổi dậy đập tan chính quyền đế quốc phong kiến, thành lập chính quyền cách mạng.

Ngày 16/8/1945, một đơn vị giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy lên đường tiến về giải phóng tỉnh lỵ Thái Nguyên. Sáng ngày 20/8/1945, đơn vị giải phóng quân cùng với lực lượng tự vệ các châu, huyện, tiếp cận các vị trí của địch trong thị xã Thái Nguyên. Lực lượng cách mạng nhanh chóng chiếm dinh Tỉnh trưởng Thái Nguyên, dinh Huyện trưởng Đồng Hỷ và Trại bảo an. Từ ngày 20/8/1945 cùng với thị xã Thái Nguyên, toàn bộ địa phận huyện Đồng Hỷ được giải phóng.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đã đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc, đưa Việt Nam từ một nước thuộc địa nửa phong kiến trở thành một nước độc lập, tự do. Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *"Tuyên ngôn độc lập"* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ

Cộng hòa. Cùng với nhân dân cả nước, đồng bào các dân tộc bước sang một trang sử mới đầy vẻ vang và hào hùng.

III. củng cố chính quyền dân chủ nhân dân (1945 - 1946)

Chính quyền cách mạng các xã Nam Kỳ, Cự Na vừa mới ra đời đã phải đương đầu với vô vàn khó khăn, thử thách: Nguy cơ về nạn đói do chính sách thu mua “thóc tạ” với giá rẻ mạt của phát xít Nhật; hơn 90% dân số trong xã mù chữ; các tệ nạn xã hội như cờ bạc, nghiện rượu, mê tín dị đoan... diễn ra khá phổ biến. Mặt khác, do nhiều nguyên nhân nên sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền cách mạng xã được thành lập nhưng địa bàn xã vẫn chưa có tổ chức cơ sở Đảng.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cán bộ thuộc Ban cán sự Đảng huyện Đồng Hỷ và sự điều hành của chính quyền cách mạng lâm thời cấp xã, nhân dân nỗ lực phấn đấu, quyết tâm bảo vệ những thành quả mà Cách mạng tháng Tám đem lại. Một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là xây dựng nền móng của chế độ mới - chế độ dân chủ nhân dân.

Thực hiện Sắc lệnh số 51-SL ngày 17/10/1945 của Chính phủ về việc ấn định thể lệ cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Ủy ban cách mạng lâm thời các xã Nam Kỳ, Cự Na tập trung

mọi điều kiện chuẩn bị cho nhân dân trong xã thực hiện quyền làm chủ của mình. Do tỉnh Thái Nguyên không nhận được Sắc lệnh số 76-SL ngày 18/12/1945 của Chính phủ về việc hoãn cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I đến ngày 6/1/1946 nên trong ngày 23/12/1945, đông đảo cử tri toàn tỉnh nói chung và địa bàn xã nói riêng hăng hái đi bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội. Tại các điểm bỏ phiếu chính quyền đều bố trí cán bộ để hướng dẫn cách thức bỏ phiếu và đọc lý lịch của các ứng cử viên cho cử tri được rõ. Trên cơ sở đó, cử tri lựa chọn bầu cho ứng viên mà bản thân tin nhiệm vào cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước. Với phương pháp như trên, một trong những trở ngại lớn của bầu cử do đại đa số nhân dân lúc bấy giờ không biết chữ đã được khắc phục.

Ngày 8/2/1946, khoảng 98% nhân dân các xã Nam Ky, Cự Na tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và xã. Sau đó, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng nhân dân xã Nam Ky, Ủy ban hành chính xã được củng cố: đồng chí Lý Trung Lập được bầu làm Chủ tịch, đồng chí Nông Văn Hòa - Phó Chủ tịch. Đối với Cự Na, đồng chí Diệp Văn Đạo được bầu làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã, đồng chí Lý Văn Hương - Phó Chủ tịch.

Đầu tháng 5/1946, các xã Nam Ky, Cự Na cùng 2 ấp Hoàng Gia, Đồng Cỏ (thuộc xã Huống Thượng) sáp nhập thành xã Quang Trung (Nam Hòa ngày nay). Sự điều chỉnh

về mặt địa giới hành chính như trên tạo nên sự thống nhất trong lãnh đạo, điều hành của chính quyền cách mạng cơ sở. Ủy ban hành chính xã Quang Trung được cử ra gồm 7 ủy viên: Tống Văn Đăng, Lý Văn Hương, Trần Công Đức, Nông Văn Tương, Đặng Mạnh Ái, Diệp Văn Đức, Nông Văn Hòa. Trong đó đồng chí Tống Văn Đăng giữ chức Chủ tịch, đồng chí Lý Văn Hương làm Phó Chủ tịch.

Cùng với việc củng cố chính quyền, Mặt trận Việt Minh và các tổ chức đoàn thể cũng được quan tâm phát triển. Mặt trận Việt Minh xã do đồng chí Diệp Văn Đạo làm Chủ nhiệm đã đoàn kết, tập hợp các lực lượng quần chúng nhân dân tổ chức thành lập các đoàn thể Cứu quốc như Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên (do đồng chí Hoàng Văn Bèng phụ trách)... Thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc, Mặt trận Việt Minh xã đã tuyên truyền, vận động được một số lý dịch, phú hộ yêu nước tham gia các đoàn thể Cứu quốc như các ông: Châu Đoàn (tức Hoàng Văn Phúc), Diệp Văn Đức, Diệp Văn Vượng...

Xác định công tác thông tin - tuyên truyền có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc đưa chủ trương của Đảng và Chính phủ đến nhân dân, vì thế Ban Tuyên truyền xã Cự Na đã được thành lập vào tháng 12/1945 do đồng chí Diệp Xuân Chân phụ trách. Sau khi ra đời, Ban Tuyên truyền đã tích cực vận động nhân dân luôn tin tưởng vào chính quyền cách mạng, thực hiện tốt các nhiệm vụ trước

mất: tăng gia sản xuất; diệt “giặc đói”, “giặc dốt”; xây dựng lực lượng vũ trang...

Sau Cách mạng tháng Tám, quần chúng lao động trong cả nước trở thành người làm chủ chính quyền, làm chủ cuộc sống nhưng đại đa số lại không biết chữ. Điều này đã gây trở ngại lớn trong việc thể hiện vai trò làm chủ của nhân dân đồng thời cũng là một nhân tố chủ quan gây ra nghèo đói, lạc hậu. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lời kêu gọi *“Chống nạn thất học”* đã chỉ rõ: *“Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân giàu nước mạnh, mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, phải có kiến thức mới có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ”*.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Người, Ban Bình dân học vụ của xã Cự Na được thành lập do ông Ma Văn Tiến làm Trưởng ban. Một số người dân biết chữ khác được chính quyền vận động tham gia Ban Bình dân học vụ như các ông Diệp Văn Nguyệt, Lục Văn Thăng.

Ban ngày nhân dân ra đồng, lên nương tăng gia sản xuất, tối về lại đốt đuốc, thắp đèn dầu, nhen đèn đến lớp học chữ Quốc ngữ. Để khuyến khích nhân dân tham gia học tập, chính quyền xã có nhiều biện pháp để duy trì và mở rộng phong trào: Tại các xóm Gốc Thị, Trại Gai, Thọ Lão (nay là xóm Trại Gião) đều dựng “cổng mù”, “cổng

sáng”. Những người biết chữ được đi “cổng sáng”, chưa biết chữ phải chui “cổng mù” hoặc lội ruộng bùn, đi đường vòng... Nhờ đó, nạn mù chữ trong xã dần được đẩy lùi, trình độ nhận thức về văn hóa, xã hội từng bước được nâng lên, góp phần đẩy lùi các tập tục lạc hậu.

Để diệt “giặc đói”, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Cứ mười ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa (mỗi bữa một bơ). Đem gạo đó để cứu dân nghèo”*, với tinh thần *“Lá lành đùm lá rách”*, đồng đảo các gia đình trên địa bàn xã hăng hái lập *“Hũ gạo cứu đói”*, tham gia *“Ngày đồng tâm”*... Việc diệt “giặc đói” được thực hiện bằng những biện pháp rất cụ thể. Mỗi bữa, mỗi nhà sẽ bớt lại nắm gạo, một dấm muối. Hàng tuần, hội viên trong tổ chức Phụ nữ Cứu quốc, Phụ lão Cứu quốc đến từng gia đình nhận số gạo quyên góp. Số gạo trong *“Hũ gạo cứu đói”* và muối ăn một phần được nộp lên trên, một phần được chia cho các gia đình thiếu đói trong xã.

Với khẩu hiệu: *“Tắc đất tắc vàng”*, *“Không một tắc đất bỏ hoang”*, nhân dân toàn xã mở rộng khai phá những cánh đồng bỏ hoang trước cách mạng. Nếu trước kia cán bộ cách mạng là những người gương mẫu, tiên phong trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc thì nay họ lại đi đầu trên mặt trận tăng gia sản xuất. Vai trò gương mẫu của cán bộ tạo ảnh hưởng tích cực trong nhân dân, từ già đến trẻ ai nấy cũng đều tích cực thi đua lao động nhằm tự

túc lương thực. Các loại cây lương thực, hoa màu ngần ngày như ngô, khoai sọ, rau xanh được gieo trồng nhiều ở khu vực ven các con suối và các đồi, bãi thấp. Nhờ vậy, nạn đói từng bước được đẩy lùi; một số gia đình đã để dành được một phần lương thực dự trữ phòng lúc giáp hạt.

Trước thực trạng ngân khố quốc gia cạn kiệt, ngày 4/9/1945, Chính phủ ra Sắc lệnh xây dựng “*Quỹ độc lập*” và phát động “*Tuần lễ vàng*” (17 - 24/9/1945). Dù điều kiện kinh tế còn khó khăn, nhiều gia đình trong xã không có vàng, tiền đã ủng hộ thóc, gạo thậm chí cả trâu, bò cho Chính phủ.

Tình hình trị an trên địa bàn sau cách mạng có nhiều diễn biến phức tạp. Bọn trộm cướp, thổ phỉ từ Bắc Giang tràn lên và từ Phú Bình tràn sang đe dọa cuộc sống của nhân dân. Chúng cướp lương thực, bắt đi trâu, bò và cả một số người để đòi tiền chuộc. Nhiều vụ cướp bóc tảo tợn diễn ra khiến nhân dân không dám đi làm đồng về muộn. Nhiều nhà phải đóng cửa trước lúc mặt trời xuống núi.

Để đảm bảo sự bình yên trong làng xã và tạo điều kiện cho nhân dân yên tâm sản xuất, đến tháng 4/1946, Trung đội Tự vệ Cứu quốc của xã Nam Kỳ được củng cố với 26 người do đồng chí Miêu Văn Minh làm Trung đội trưởng, đồng chí Âu Đức Chung làm Chính trị viên. Trung đội đã lập kế hoạch và tiến hành ngăn chặn, vây bắt một số đối tượng cầm đầu bọn thổ phỉ, trộm cướp. Chỉ trong vòng 3 tháng, an

ninh trật tự ở các xóm được lập lại, nhân dân càng thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của chính quyền cách mạng và yên tâm sản xuất, ổn định cuộc sống.

Về công tác phát triển Đảng, tính đến ngày 16/12/1946, xã Quang Trung đã có 3 đảng viên cộng sản gồm: Lý Trung Lập, Lý Văn Hương và Đặng Văn Vinh⁽¹⁾. Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ, công tác chuẩn bị những điều kiện cần thiết, tiến tới thành lập tổ chức cơ sở Đảng xã Quang Trung được tiến hành khẩn trương.

⁽¹⁾ Theo hồ sơ lý lịch đảng viên của các đồng chí Lý Văn Hương và Đặng Văn Vinh (lưu trữ tại Văn phòng Huyện ủy Đồng Hỷ): Hai đồng chí trên do đồng chí Lý Trung Lập giới thiệu và kết nạp Đảng vào ngày 16/12/1946. Thời gian đồng chí Lý Trung Lập kết nạp Đảng muộn nhất vào khoảng tháng 9/1946. (Ban sưu tầm chưa tìm được hồ sơ lý lịch đảng viên nên chưa rõ được đồng chí nào giới thiệu, kết nạp Đảng và thời gian vào Đảng cụ thể).

Chương II

CHI BỘ ĐẢNG RA ĐỜI, ĐẢM NHIỆM SỨ MỆNH LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN, GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1946 - 1954)

I. Chi bộ Đảng ra đời, lãnh đạo nhân dân bước đầu xây dựng và chiến đấu bảo vệ căn cứ địa kháng chiến (1946 - 1950)

Do thực dân Pháp không tôn trọng thiện chí hòa bình của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, liên tục có những hành động gây hấn với ta ở nhiều nơi nên trong hai ngày 18 - 19/12/1946, tại làng Vạn Phúc (Hà Đông), Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng, quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Pháp trên phạm vi toàn quốc. Ngay trong đêm 19/12, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*”. Toàn văn “*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*” như hiệu lệnh đánh thép làm sôi sục khí thế đấu tranh của dân ta với một thái độ dứt khoát và kiên định: “*Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*”.

Bước vào cuộc chiến đấu mới, sự nghiệp kháng chiến - kiến quốc của cán bộ, đảng viên và nhân dân có một số thuận lợi mang tính chất cơ bản và lâu dài. Sau khi tiến hành củng cố chính quyền, thực hiện các biện pháp diệt “giặc đói”, “giặc dốt”, đời sống của nhân dân dần ổn định. Trở thành công dân của một nước độc lập, nhân dân trong xã rất phấn khởi, hăng hái thực hiện các nhiệm vụ cách mạng.

Tuy nhiên, xã vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn. Nền kinh tế tiểu nông với tập quán canh tác lạc hậu khiến cho đời sống của đại bộ phận nhân dân còn nghèo đói, bấp bênh. Văn hóa - xã hội chưa được quan tâm đúng mức, những tàn dư của chế độ cũ khó có thể xóa bỏ trong một sớm một chiều. Trong khi đó, công tác chính trị, tư tưởng và tổ chức mới được triển khai bước đầu; chính quyền cách mạng non trẻ còn thiếu kinh nghiệm trong quản lý. Lực lượng vũ trang của xã còn nhiều hạn chế cả về tổ chức, trang bị, kỹ thuật chiến đấu...

Ngày 26/12/1946, tại trụ sở Huyện ủy Đồng Hỷ, 4 cán bộ gương mẫu và quần chúng ưu tú của xã sau một quá trình rèn luyện, phấn đấu được kết nạp vào Đảng gồm: Tống Văn Đăng, Nông Văn Hòa, Trần Công Đức, Miêu Văn Minh. Đi liền với việc kết nạp lớp đảng viên trên, Huyện ủy chuẩn y thành lập Chi bộ Quang Trung do đồng chí Đồng Đức Chính - Huyện ủy viên trực tiếp làm Bí thư

Chi bộ, đồng chí Nông Văn Hòa được cử giữ chức vụ Phó Bí thư. Sự kiện thành lập Chi bộ Đảng xã Quang Trung có ý nghĩa to lớn, góp phần quan trọng thúc đẩy sự nghiệp cách mạng trên quê hương. Trong năm 1947, Chi bộ kết nạp thêm 8 đồng chí.

Để chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc kháng chiến, việc xây dựng lực lượng vũ trang được coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Giữa năm 1947, Ban Chỉ huy Xã đội được thành lập do đồng chí Trần Công Đức làm Xã đội trưởng. Trung đội du kích tập trung được thành lập với 28 chiến sỹ. Ngoài ra toàn xã còn xây dựng 4 tiểu đội dân quân tại các xóm. Dưới sự hướng dẫn của Huyện đội Đồng Hỷ, lực lượng dân quân, du kích xã thường xuyên luyện tập quân sự, diễn tập đối phó với các tình huống chiến sự giả định. Trang bị của trung đội gồm 2 khẩu súng trường, 4 súng kíp, nhiều dao găm, mã tấu..

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về “*Tiêu thổ kháng chiến*”, đầu năm 1947, Ban Phá hoại xã Quang Trung được thành lập. Kế hoạch tiêu thổ kháng chiến tại địa bàn xã được đề ra cụ thể: Trước mắt tập trung phá hoại các tuyến đường chính trên địa bàn. Lực lượng dân quân, du kích huy động lực lượng đóng góp nhiều ngày công cùng Ban Phá hoại huyện Đồng Hỷ phá dỡ đồn bốt cũ của địch tại Trại Cau. Một bộ phận thanh niên, phụ nữ của xã được huy động đi phá hoại cơ sở khai khoáng Mỏ

sắt Trại Cau, tuyến đường goòng từ Trại Cau ra bến sông Máng (hay còn gọi là sông Đào), các cầu cống ở thị xã Thái Nguyên...

Cùng với công tác phá hoại phục vụ kháng chiến, Chi bộ, chính quyền xã lãnh đạo nhân dân triệt để thi hành khẩu hiệu kháng chiến "*Vườn không nhà trống*" và "*Địch đến ta đi, địch đi ta về*" để giữ dân và bảo toàn lực lượng. Nhiều lều trại được nhân dân dựng lên trong rừng ven các con suối Ngòi Ròng và Trại Gai để sẵn sàng di tản khi địch đến. Người dân còn đào hầm tại nhà và trong rừng để cất giấu lương thực, thực phẩm.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, sự điều hành của chính quyền, nhân dân trên địa bàn đã triệt để tuân thủ các nguyên tắc "*Phòng gian, bảo mật*" và thực hiện khẩu hiệu "*Ba không*" (không nghe, không thấy, không nói). Ban Chỉ huy xã đội cho thành lập một trạm gác, có lực lượng dân quân túc trực 24/24 giờ nhằm kiểm soát người lạ mặt xâm nhập địa bàn xã.

Nằm giáp ranh với cửa ngõ phía Nam của An toàn khu (ATK) Trung ương, huyện Đồng Hỷ lúc này đóng vai trò là căn cứ địa kháng chiến, hậu phương an toàn nên số đồng bào các tỉnh miền xuôi tản cư đến địa bàn xã ngày càng nhiều. Đầu năm 1947, xã tiếp nhận hơn 30 hộ dân tản cư từ Hà Nội, Hưng Yên và Hải Phòng, được bố trí ở xóm Mỹ

Lập, Quang Minh.

Thực hiện lời huấn thị của Hồ Chủ tịch rằng dù trong hoàn cảnh nào, chính quyền cũng không được bỏ dân bơ vơ, Ban Tiếp cư của xã được thành lập (do đồng chí Lý Văn Hương làm Trưởng ban) đã khẩn trương tiếp nhận đồng bào, phân chia khu vực định cư, giúp dân ổn định cuộc sống. Chi bộ, chính quyền và nhân dân trong xã nêu cao truyền thống tương thân tương ái, san sẻ cho đồng bào tản cư từng căn nhà, từng thước ruộng, trâu, bò, nông cụ... Nhiều người dân trong xã đã đến từng hộ tản cư giúp họ dựng nhà, làm bếp. Nhờ vậy, vùng đất này dần trở thành quê hương thứ hai của của đồng bào tản cư, cùng nhân dân địa phương tham gia vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc.

Trong khi Chi bộ, chính quyền và nhân dân trên địa bàn xã đang tích cực chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến, trong ngày 7/10/1947, thực dân Pháp cho quân nhảy dù chiếm đóng thị xã Bắc Kạn và vùng Chợ Mới. Phán đoán lực lượng bộ đội chủ lực của ta tập trung chủ yếu ở vùng Chợ Chu (Định Hóa), Đại Từ, Võ Nhai... và các cơ quan đầu não kháng chiến đóng ở vùng Đình Cẩu (Võ Nhai), từ ngày 20/11/1947, Bộ Chỉ huy Pháp đã cho thực hiện cuộc hành quân "Xanh-tuya" (Xiết chặt) với hướng tấn công chủ yếu là Thái Nguyên. Trong ngày 26/11/1947, chúng cho quân nhảy dù chiếm đóng La Hiên, Tràng Xá (thuộc huyện Võ Nhai) và đánh chiếm làng Ngò thuộc xã Cù Vân (huyện Đại Từ).

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NAM HÒA

Cùng thời gian trên, thực dân Pháp điều một cánh quân từ Phúc Yên (nay thuộc Vĩnh Phúc) men theo sườn núi Tam Đảo đánh sang vùng Tây Nam huyện Đại Từ. Những hoạt động quân sự trên của thực dân Pháp đã đặt các xã của huyện Đồng Hỷ vào thế bị uy hiếp trực tiếp. Dưới sự chỉ đạo của Chi bộ Đảng, nhân dân trong xã sẵn sàng chiến đấu, phối hợp chặt chẽ với các xã khác trong huyện bảo vệ vững chắc địa bàn.

Do chiến sự diễn ra trên diện rộng, phải dàn mỏng lực lượng nên tại địa bàn tỉnh Thái Nguyên, quân Pháp nhanh chóng bị chủ lực của ta phối hợp với bộ đội địa phương, dân quân, du kích làm cho tiêu hao lực lượng và bị đẩy vào tình trạng khốn quẫn. Tại Đồng Hỷ, đầu tháng 12/1947, trước khi rút quân về Hà Nội, quân địch tiến hành càn quét các xã Long Khê, Đồng Bẩm, Đồng Tiến. Do có kế hoạch từ trước, quân dân ta chặn đánh địch ở nhiều nơi làm cho sinh lực địch bị tiêu hao đáng kể. Đến ngày 22/12/1947, Chiến dịch Việt Bắc thu - đông của quân dân ta toàn thắng.

Nhân dân các dân tộc trong xã đã đóng góp hàng tấn lương thực, thực phẩm ủng hộ bộ đội, du kích, góp phần vào thắng lợi của chiến dịch. Sau chiến thắng Việt Bắc thu - đông, Chi bộ Quang Trung đã quan tâm lãnh đạo đẩy mạnh công tác củng cố và kiện toàn chính quyền cơ sở. Đầu năm 1948, Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính

xã hợp nhất thành Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính⁽¹⁾ (theo Sắc lệnh 91/SL ngày 1/10/1947 của Chính phủ) do đồng chí Tổng Văn Đăng làm Chủ tịch.

Trong giai đoạn này, cùng với việc đón tiếp nhân dân tản cư ở các tỉnh, thành phố dưới xuôi lên, xã Quang Trung còn làm tốt công tác tiếp nhận và giúp đỡ các cơ quan kháng chiến đến đóng trên địa bàn. Tòa án quân sự của Bộ Quốc phòng đóng ở xóm Trại Gai từ năm 1948 đến năm 1952. Cuối năm 1949, Liên khu Việt Bắc tổ chức họp ở xóm Trại Gai, có đồng chí Võ Nguyên Giáp về dự và nghỉ lại qua đêm tại nhà đồng chí Nông Văn Tương⁽²⁾. Ban Tiếp tế đã cất cử lực lượng làm tốt công tác hậu cần, trực tiếp phục vụ cán bộ, bộ đội như xay thóc, giã gạo, nấu cơm, đưa nước.

Về việc chăm lo phát triển kinh tế, thực hiện Chỉ thị “*Kháng chiến, kiến quốc*” của Trung ương, nhân dân trong xã vừa chuẩn bị kháng chiến vừa ra sức tăng cường sản xuất. Các đoàn thể quần chúng tuyên truyền, giải thích, khuyến khích nhân dân tăng gia sản xuất và không bỏ

⁽¹⁾ Đến ngày 29/3/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 149/SL về việc bỏ chữ “kiêm” trong danh từ “Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính”.

⁽²⁾ Theo lời kể của các nhân chứng lịch sử: Đồng chí Vi Văn Liên (xóm Gốc Thị), Tổng Văn An (xóm Quang Trung).

ruộng hoang.

Chi bộ Đảng và chính quyền xã đẩy mạnh công tác phục vụ kháng chiến. Các phong trào ủng hộ kháng chiến như “Quỹ nuôi quân”, “Mùa đông binh sỹ”... được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Mặc dù cuộc sống còn nhiều khó khăn nhưng nhân dân trong xã vẫn tự nguyện đóng góp gạo, tiền ủng hộ các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn và hỗ trợ cho lực lượng dân quân, du kích. Ngay từ năm 1948, nhân dân trong xã đã xây dựng được quỹ ủng hộ với gần 4 tấn lương thực (chủ yếu là thóc và ngô).

Vai trò của Hội Phụ nữ Cứu quốc xã trong thời gian này được phát huy tối đa. Ngoài việc phát động các phong trào thi đua kháng chiến kiến quốc, chị em còn đóng vai trò tích cực trong việc giúp đỡ hậu cần cho các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn. Nhiều chị em đã xung phong vào dân công hỏa tuyến để phục vụ kháng chiến. Các chị em ở xóm Mỹ Lập (di cư từ xã Trung Lập - nay là xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên lên) đã đan một chiếc võng gửi biếu Bác Hồ. Nhận được võng, tháng 8/1948, Bác Hồ đã viết thư cảm ơn và động viên chị em hăng hái xung phong thi đua ái quốc, trước là tự cấp tự túc, sau để giúp sức vào kháng chiến và xây dựng kinh tế nước nhà⁽¹⁾.

⁽¹⁾ *Bác Hồ với Hải Hưng, Xi nghiệp in Hải Hưng, 1979.*

Mặc dù thất bại trong cuộc hành quân “*Xanh-tuya*” nhưng thực dân Pháp chưa từ bỏ dã tâm đánh lên căn cứ địa Việt Bắc, trong đó Thái Nguyên được chúng coi là một địa bàn trọng tâm. Đầu năm 1949, sau khi nắm rõ âm mưu của quân Pháp, Tỉnh ủy Thái Nguyên ra thông báo: Địch có thể sẽ tấn công lên Thái Nguyên trong thời gian sắp tới, yêu cầu các địa phương trong tỉnh phải triệt để đề phòng những sự bất trắc có thể xảy ra.

Thực hiện theo sự chỉ đạo của cấp trên, xã vừa tích cực xây dựng, củng cố lực lượng dân quân du kích vừa ra sức thi đua thực hiện các phong trào tăng gia sản xuất do Bộ Canh nông phát động. Nhờ vậy, đến năm 1950, toàn xã đạt sản lượng khoảng 200 tấn hoa màu.

Về công tác xây dựng Đảng và phát triển đảng viên mới, từ sau chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 đến cuối năm 1950, Chi bộ Đảng xã đã kết nạp một số cán bộ, quần chúng có thành tích nổi bật vào Đảng như các đồng chí: Vũ Thị Diệt (kết nạp ngày 15/4/1948), Hoàng Thanh Kiều (kết nạp tháng 3/1949)... Công tác chính quyền trong thời gian này cũng được chú trọng và dần đi vào nề nếp. Hầu hết cán bộ trong Ủy ban kháng chiến hành chính xã do các đồng chí chi ủy viên phụ trách đã nêu gương sáng về người cán bộ nhân dân hết lòng phục vụ sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc.

Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể quần chúng đã tăng cường củng cố khối đoàn kết các dân tộc trong xã, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ cách mạng trong thời gian trước mắt. Thấy được sức mạnh và sự hăng hái của lực lượng thanh niên trong nhiều mặt công tác, tháng 3/1948, Chi bộ xã đã chỉ đạo tổ chức Đại hội Đoàn Thanh niên Cứu quốc lần thứ nhất tại nhà đồng chí Hồ Thế Việt (xóm Mỹ Lập). Đồng chí Đặng Văn Lục được bầu làm Bí thư Đoàn Thanh niên Cứu quốc xã.

Tháng 9/1950, để đỡ đòn cho cánh quân Pháp đang gặp thất bại nặng nề ở Cao Bằng trong chiến dịch Biên giới, thực dân Pháp mở cuộc hành quân Phô-cơ đánh vào Thái Nguyên với lực lượng 5 tiểu đoàn. Chi bộ, chính quyền xã đã chỉ đạo lực lượng dân quân, du kích và nhân dân khẩn trương chuẩn bị lương thực, thực phẩm, vũ khí, đào hầm trú ẩn và lập kế hoạch chiến đấu.

Để đối phó với hoạt động quân sự của địch, Huyện ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Đồng Hỷ đã cử cán bộ xuống các xã phối hợp với cấp ủy cơ sở để chỉ đạo mọi mặt. Tại địa phương, Chi ủy cử các ủy viên xuống các xóm phụ trách từng công việc như tản cư, tiếp tế, cứu thương...

Ngày 30/9/1950, khoảng 3.000 quân Pháp đã mở cuộc tấn công càn quét vào địa phận Đồng Hỷ và thị xã Thái Nguyên. Ngày 1/10/1950, địch chiếm thị xã Thái Nguyên

và cho quân càn quét, cướp bóc các vùng lân cận.

Đầu tháng 10/1950, một tốp quân Pháp từ Chùa Hang mở một cuộc càn quét vào địa bàn xã Quang Trung. Chính quyền đã tổ chức cho nhân dân sơ tán vào các khu rừng Na Tranh, Na Quán; một số người dân do không kịp sơ tán nên đã bị chúng bắt như bà Chu Thị Lộc, ông Nông Văn Vượng, ông Vũ Văn Thắng, bà Hoàng Thị Nhỡ... Tuy nhiên, do không khai thác được tin tức gì, chúng đánh những người dân bị bắt rồi cho về. Tiểu đội du kích xã dưới sự chỉ huy của đồng chí Trần Công Đức đã tổ chức phục kích tại khu vực Thai Lặng (thuộc xóm Hoàng Gia) làm một số tên địch bị thương. Sau khi đánh tiêu hao sinh lực địch, ta chủ động rút lui nhằm bảo toàn lực lượng. Trước khi rời khỏi Na Tranh rút xuống địa bàn huyện Phú Bình, chúng đã đốt cháy gần chục ngôi nhà, bắt đi một số trâu, bò của nhân dân trong xóm⁽¹⁾.

Do không đạt được mục đích kéo lực lượng bộ đội chủ lực của ta ở mặt trận Biên giới về, lại liên tiếp gặp phải sự chống trả quyết liệt của quân dân Đồng Hỷ và bị tổn thất nặng nề trong các cuộc hành quân càn quét, từ chiều ngày 11/10/1950, quân Pháp bắt đầu rút lui. Đến sáng ngày 12/10/1950, toàn bộ lực lượng của địch đã rời khỏi địa bàn

⁽¹⁾ Theo lời kể của đồng chí Trần Công Đức lúc sinh thời.

huyện Đồng Hỷ về xuôi. Cuộc hành quân Phô-cơ của Pháp hoàn toàn thất bại.

Như vậy, trong những ngày đầu tháng 10/1950, lực lượng vũ trang và nhân dân xã Quang Trung dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng xã đã góp phần cùng nhân dân trong huyện đập tan hành động càn quét, cướp phá địa bàn Đồng Hỷ của giặc Pháp. Từ đó, Chi bộ, chính quyền và nhân dân trong xã rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm về chiến đấu, phục vụ chiến đấu và xây dựng, củng cố hậu phương.

Công tác phát triển đảng viên ở cơ sở tiếp tục được đẩy mạnh. Từ đầu năm đến hết tháng 10/1950, có 5 quần chúng ưu tú trong xã được kết nạp Đảng bao gồm: Từ Văn Đăng, Hà Ngọc Lan (tức Hà Viết Mủ), Đàm Văn Đức, Hoàng Văn Liên, Lục Văn Thắng.

II. Đẩy mạnh xây dựng hậu phương, đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1950 - 1954)

Sau khi góp phần cùng quân dân tỉnh Thái Nguyên đánh bại cuộc hành quân Phô-cơ của thực dân Pháp, sau ngày 12/10/1950, Chi bộ và nhân dân trên địa bàn xã bước vào giai đoạn mới: vừa tích cực sản xuất chi viện cho kháng chiến vừa sẵn sàng chiến đấu nếu địch xâm phạm địa bàn xã.

Trong giai đoạn này, Chi bộ, chính quyền và nhân dân xã Quang Trung tiếp tục thực hiện tốt công tác tiếp nhận

và giúp đỡ các cơ quan kháng chiến, đơn vị bộ đội chủ lực đến đóng trên địa bàn⁽¹⁾:

- Đầu năm 1950, Đại đoàn 308 về đóng quân tại khu vực sau ao Ông Vương (nay thuộc xóm Mỹ Lập).

- Một bộ phận của Cục Quân y đóng ở sau núi Hổ (nay thuộc xóm Mỹ Lập) trong thời gian 2 năm (1950 - 1952).

- Một đơn vị của Cục Quân nhu đóng ở nhà đồng chí Tổng Văn Đăng (xóm Trại Gai) trong 2 năm (1950 - 1952).

- Xưởng Quân giới tại khu vực đồi giáp ranh giữa xóm Ba Cóc và Con Phượng trong thời gian từ đầu năm 1950 đến năm 1954. Đây là nơi có địa thế đặc biệt, bốn mặt đồi núi bao bọc, có một con đường dẫn ra suối Ngòi Rồng - là tuyến giao thông duy nhất để vận chuyển sắt, đồng và các vật liệu khác từ miền xuôi theo sông Cầu rồi rẽ vào sông Máng lên để chế tạo lựu đạn và mìn⁽²⁾.

⁽¹⁾ Theo lời kể của các nhân chứng lịch sử: đồng chí Vi Văn Liên (xóm Gốc Thị), Tổng Văn An (xóm Quang Trung). Do thiếu nguồn tài liệu thành văn, trí nhớ của các nhân chứng theo thời gian ít nhiều mai một nên Ban sưu tầm chưa xác minh được xưởng Quân giới đóng trên địa bàn xã giai đoạn 1950 - 1954 trực thuộc cấp nào.

⁽²⁾ Cho đến năm 1992, tại khu đất đặt nhà xưởng Quân giới, chiếc bánh đà đúc bằng gang nặng tới 16 tấn (gồm các bộ phận rời được lắp ghép lại bằng những ốc vít to bằng bắp tay) vẫn còn nguyên vẹn nhưng sau đó do không có người quản lý nên bị kẻ gian phá hoại, bán phế liệu. Hiện nay, chỉ còn một số vật dụng của xưởng như bể đất nung, đe sắt... được một số hộ lưu trữ, bảo quản tại gia đình.

Ban Tiếp tế của xã cất trữ lực lượng làm tốt công tác hậu cần. Nhiều gia đình được chọn làm nơi làm việc và sinh hoạt của lãnh đạo các đơn vị đóng quân như: gia đình ông Vi Văn Liên thuộc xóm Gốc Thị (nơi ở và làm việc của đồng chí Vương Thừa Vũ - Đại đội trưởng kiêm Chính ủy Đại đoàn 308); gia đình ông Tống Văn Đăng thuộc xóm Trại Gai (nơi ở và làm việc của đồng chí Nguyễn Đắc Thủy - Xưởng trưởng xưởng Quân giới).

Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ, đầu tháng 11/1950, Chi bộ xã Quang Trung tổ chức Đại hội lần thứ nhất. Đại hội tổng kết những thành tích mà Chi bộ, chính quyền và nhân dân trong xã đã đạt được trong những năm 1946 - 1950, đồng thời phân tích những thuận lợi, khó khăn trước mắt. Đại hội bầu Ban Chi ủy gồm 4 ủy viên, trong đó, đồng chí Nông Văn Hòa được bầu giữ chức vụ Bí thư Chi bộ.

Trong 2 năm tiếp theo (1951 - 1952), Chi bộ thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 14/9/1950 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng *"Về việc tạm ngừng kết nạp đảng viên mới trong toàn Đảng"* để tập trung củng cố tổ chức. Bên cạnh đó, công tác chính quyền, mặt trận, đoàn thể của xã cũng được chú trọng.

Dưới sự chỉ đạo của Chi bộ, sự lãnh đạo của chính quyền xã, một số đập nhỏ trên địa bàn được xây dựng. Cuối năm

1950 đầu năm 1951, toàn xã đẩy lên phong trào *“Tuần lễ làm cỏ, bón phân”*, *“Tuần lễ toàn dân công tác”* nên mặc dù sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn do thời tiết không thuận lợi nhưng vẫn cơ bản đáp ứng nhu cầu của nhân dân và đóng góp phục vụ sự nghiệp kháng chiến - kiến quốc.

Ngày 1/5/1951, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 13-SL về thuế nông nghiệp nhằm đảm bảo nguồn cung cấp cho kháng chiến và chế độ đóng góp công bằng, dân chủ trong các tầng lớp nhân dân. Chi bộ và chính quyền xã đã thành lập Ban thuế nông nghiệp do đồng chí Diệp Văn Nguyệt làm Trưởng ban, đồng chí Tống Văn Đăng làm Phó ban. Đầu tháng 8/1951, đình Đồng Chốc được chọn là nơi Huyện ủy Đồng Hỷ tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn cho đội ngũ cán bộ thuế các xã trong huyện.

Chi ủy, chính quyền xã đã quán triệt sâu sắc nội dung, ý nghĩa của chính sách thuế nông nghiệp đến từng người dân. Mặt khác, Ban thuế của xã đã điều tra diện tích đất nông nghiệp của từng hộ gia đình, phân loại ruộng đất, lập biểu thuế suất với từng loại ruộng đất để đảm bảo công bằng cho nhân dân. Ban Thông tin - Tuyên truyền trong thời gian này cũng phối hợp chặt chẽ với Ban thuế nông nghiệp làm tốt công tác tuyên truyền, vận động theo những khẩu hiệu: *“Nộp thuế là yêu nước”*, *“Nộp thuế đủ số lượng và đúng thời gian quy định”*...

Trong thời gian nộp thuế, những gia đình đảng viên và cán bộ trong xã luôn đi đầu nộp đúng, nộp đủ quy định làm gương cho nhân dân noi theo. Đến năm 1954, số thóc nghĩa vụ mà xã đóng cho Nhà nước đạt khoảng 10 tấn.

Từ năm 1951 đến hết kháng chiến chống Pháp, Nhà nước đã cho xây dựng 3 kho chứa thóc thuế tại địa bàn xã: Kho thứ nhất đặt tại đình Gốc Thị; kho thứ hai gồm 7 gian đặt tại đình Đồng Chốc; kho thứ ba gồm 9 gian ở khe Gánh Nước, xóm Đồng Mỏ. Ba kho trên chứa thóc do nhân dân một số xã lân cận thuộc huyện Đồng Hỷ, Phú Bình và Yên Thế (Bắc Giang) vận chuyển đến nhập kho. Được cấp trên tin tưởng giao phó, Chi bộ và chính quyền xã đã lãnh đạo lực lượng dân quân du kích và thanh niên tích cực vận chuyển lương thực, thực phẩm và sẵn sàng di tản các kho thóc nếu có máy bay của địch bắn phá. Để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho các kho thóc, lực lượng được dân quân, du kích xã phối hợp với các đơn vị tự vệ tiến hành canh gác 24/24 giờ.

Khoảng những tháng cuối năm 1953, Tỉnh ủy Thái Nguyên cử Đội giảm tô và chỉnh đốn tổ chức về địa bàn xã làm việc. Do chưa sâu sát với tình hình thực tế và còn một số nhận thức sai lầm, Đội cho giải tán cấp ủy xã với lý do các đồng chí cấp ủy viên đều xuất thân từ thành phần lớp trên, có người hoạt động mê tín dị đoan (làm thầy cúng)... Một số đảng viên trong Chi bộ xã bị khai trừ khỏi Đảng

và buộc phải nghỉ công tác chính quyền, Mặt trận Liên Việt và các đoàn thể xã.

Đội tổ chức cho đảng viên, cán bộ cốt cán học tập nội dung của chính sách giảm tô, sau đó triển khai rộng rãi đến nhân dân. Cán bộ Đội giảm tô đã giải thích cho nhân dân hiểu chỉ thị của Đảng và Chính phủ về chính sách giảm tô, giảm tức; trên cơ sở đó, phát động quần chúng đấu tranh với các chủ đất - những người phát canh thu tô phải triệt để chấp hành Sắc lệnh số 149/SL ngày 12/4/1953 về giảm tô. Kết quả quy thành phần, toàn xã không có địa chủ, chỉ có 6 phú nông, còn lại là trung nông, bần nông và cố nông. Dưới sức ép của Đội và sức mạnh chính trị của quần chúng lao động, các hộ phú nông phải triệt để giảm tô, xóa nợ cho dân nghèo cũng như phải giao lại hàng chục mẫu đất để chính quyền cách mạng chia cho các hộ không có hoặc có ít ruộng đất.

Đầu năm 1954, xã Quang Trung có một số quần chúng tích cực xuất thân từ tầng lớp bần nông, cố nông được giới thiệu, bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng như: Diệp Thị Nụ (kết nạp ngày 27/1), Nguyễn Văn Tuân (kết nạp ngày 2/2), Phùng Viết Dăm (kết nạp ngày 11/2). Lúc này, Chi bộ không có Ban Chi ủy, đồng chí Vi Văn Liên được cấp trên chỉ định làm Bí thư Chi bộ. Đồng chí Tống Văn Đăng được cử giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã, đồng chí Nông Văn Tương làm Phó Chủ tịch.

Được hưởng những quyền lợi thiết thực trong giảm tô, nhân dân trong xã thêm phấn khởi, càng ra sức đẩy mạnh sản xuất. Đến đầu năm 1954, tổng sản lượng lương thực của xã đạt khoảng 300 tấn. Ngoài ra, xã cũng chú ý đến công tác phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm và phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi. Đàn trâu, bò của xã đến thời điểm này có xấp xỉ 200 con⁽¹⁾.

Kinh tế phát triển, đời sống nhân dân ổn định góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển giáo dục, văn hóa, y tế. Năm 1953, trường Phổ thông cấp I Quang Trung được thành lập do thầy Nguyễn Trọng Đức làm Hiệu trưởng, năm học đầu tiên (1953 - 1954) tổ chức 2 lớp với 55 học sinh trong xã. Sự kiện này có ý nghĩa quan trọng mở đầu cho sự nghiệp giáo dục phổ thông trên địa bàn xã. Về văn hóa, Chi bộ và chính quyền xã kết hợp chặt chẽ với Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Phụ lão tích cực tuyên truyền nếp sống mới cho đồng bào các dân tộc trên địa bàn. Các tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu bén rễ sâu vào đời sống đồng bào từng bước bị loại bỏ.

Công tác bình dân học vụ và phong trào bổ túc văn hóa vẫn tiếp tục được duy trì và phát triển đồng đều ở các xóm trong toàn xã. Đến cuối năm 1953, mỗi xóm trong xã đều có lớp bình dân học vụ, tỷ lệ người biết đọc, biết viết của

⁽¹⁾ *Đóng góp của Ban sưu tầm tại buổi tọa đàm ngày 13/6/2015.*

xã đạt khoảng 30%. Nhiều cán bộ, đảng viên của xã được cử đi học các lớp bồi dưỡng văn hóa do huyện, tỉnh mở.

Huyện ủy Đồng Hỷ chủ trương đẩy mạnh công tác vận động nhân dân đi dân công phục vụ các chiến dịch cầu đường. Riêng xã đã huy động hàng trăm lượt dân công góp phần đảm bảo giao thông suốt trên Quốc lộ 3, Quốc lộ 1B; tiến hành xây dựng 4 cây cầu trên 2 con suối Ngòi Chèo và Ngòi Ròng bằng gỗ lim, chân cầu được chôn sâu dưới lòng suối 1,5m. Trong những chiến dịch ấy, nhiều đảng viên và cán bộ đã nêu cao tinh thần xung phong đi dân công liên tục 5 - 6 đợt trong năm như các đồng chí Lý Văn Hương, đồng chí Vi Văn Liên...

Sau chiến thắng Biên giới thu - đông 1950, đường số 3 trở thành con đường giao thông huyết mạch của Liên khu Việt Bắc; đường 1B nối liền thị xã Thái Nguyên qua Đồng Hỷ, Võ Nhại đến Lạng Sơn cũng giữ một vị trí chiến lược quan trọng. Vì vậy, thực dân Pháp thường xuyên cho máy bay ném bom đánh phá ác liệt. Mặt khác, do địa bàn xã có nhiều cơ quan, đơn vị bộ đội chủ lực đóng trú nên càng bị máy bay địch oanh tạc dữ dội hơn. Có những ngày, máy bay của thực dân Pháp tiến hành ném bom hai đợt, mỗi đợt có từ 7 - 10 chiếc; chúng sử dụng cả bom phạt để dọn đường truy tìm mục tiêu. Nhằm đối phó với địch, thực hiện chỉ thị của Tỉnh đội Thái Nguyên và Huyện ủy Đồng Hỷ, Chi bộ, chính quyền xã trực tiếp chỉ đạo lực lượng dân quân, du kích tích cực giúp đỡ

nhân dân sơ tán khi có báo động cũng như giúp đỡ các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn xã di chuyển vào rừng.

Vào 3 giờ chiều ngày 19/9/1953, một tốp máy bay của địch bất ngờ ném bom bắn phá xuống một số xóm như Mỹ Lập, Đồng Chốc, Trại Gai, Gốc Thị. Do bị bất ngờ và công tác phòng tránh chưa thật tốt nên toàn xã có 4 người dân bị thiệt mạng và một số người khác bị thương; hầu hết các nhà dân ở xóm Gốc Thị, xóm Đồng Chốc bị cháy; nhiều diện tích hoa màu, lương thực bị bom cày xới gây thiệt hại nặng nề.

Bên cạnh việc tập trung khắc phục hậu quả do bom đạn của quân thù gây nên, Chi bộ, chính quyền và nhân dân xã Quang Trung còn nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ chi viện chiến trường, cùng nhân dân Đồng Hỷ góp công sức cho chiến dịch Điện Biên Phủ đến thắng lợi cuối cùng. Nhờ đó, giai đoạn 1950 - 1954, xã hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân hàng năm. Đầu năm 1954, Chi bộ và chính quyền xã đã huy động 35 cán bộ, đảng viên và quần chúng tham gia phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ trong vòng 6 tháng; làm nhiệm vụ vận chuyển hàng tấn lương thực, thực phẩm, mang vác vũ khí, thuốc men ra mặt trận. Mặc dù đời sống còn nhiều khó khăn nhưng chỉ tính riêng trong năm 1954, nhân dân trên địa bàn xã vẫn hết lòng ủng hộ bộ đội 18 nồi thóc (mỗi nồi 20kg), 1.221 đồng và 1 con trâu.

Ngày 7/5/1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Ngày 21/7/1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, sự nghiệp cách mạng nước ta bước sang một giai đoạn mới: Thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Như vậy, ngay sau khi thành lập vào cuối năm 1946, cùng với cả nước, Chi bộ Đảng xã Quang Trung đã ra sức lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trên cơ sở vận dụng linh hoạt đường lối *“toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh”*. Tinh thần yêu nước và cách mạng, truyền thống đoàn kết, tương trợ của đồng bào các dân tộc trong xã được phát huy cao độ góp phần đưa sự nghiệp kháng chiến - kiến quốc đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Dù khó khăn chồng chất song với quyết tâm cao, toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn xã đã đạt được những kết quả đáng biểu dương ở hầu hết các lĩnh vực. Nhân dân các dân tộc trong xã vừa trực tiếp tham gia chiến đấu vừa làm nhiệm vụ hậu phương, bảo vệ một số cơ quan của Bộ Quốc phòng, Đại đoàn bộ đội chủ lực 308, cán bộ và đồng bào tản cư đến địa bàn. Nền kinh tế được xây dựng theo hướng *“tự cấp, tự túc”* đáp ứng về cơ bản nhu cầu ăn mặc của nhân dân và phục vụ đắc lực sự nghiệp kháng

chiến - kiến quốc. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội (văn hóa, giáo dục, y tế...) có những tiến bộ đáng kể, những yếu tố tiêu cực của chế độ thực dân - phong kiến từng bước bị đẩy lùi, các giá trị mang tính cách mạng và nhân văn của chế độ mới dần xác lập.

Chi bộ Đảng, chính quyền và nhân dân xã Quang Trung luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà cấp trên giao phó. Trong thực hiện nghĩa vụ hậu phương với tiền tuyến, xã đóng góp hàng chục tấn lương thực, thực phẩm; huy động hơn 300 dân công trực tiếp tham gia các chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, chiến dịch Tây Bắc, chiến dịch Điện Biên Phủ... Đặc biệt, xã có hàng chục thanh niên lên đường nhập ngũ, trực tiếp cầm súng chiến đấu cho nền độc lập - tự do của dân tộc, trong đó có 5 người con quê hương đã anh dũng hy sinh, 2 quân nhân bị thương nơi chiến trường.

Chương III

CHI BỘ ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ GÓP PHẦN VÀO SỰ NGHIỆP ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT NƯỚC NHÀ (1954 - 1975)

I. Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quê hương (1954 - 1965)

1. Khôi phục kinh tế - xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1954 - 1960)

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi, cùng nhân dân toàn miền Bắc, xã Quang Trung bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến tới thống nhất đất nước. Tháng 9/1954, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp đề ra nhiệm vụ chủ yếu của nhân dân miền Bắc trong thời gian trước mắt là hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi và phát triển kinh tế một cách có kế hoạch... Tỉnh ủy Thái Nguyên, Huyện ủy Đồng Hỷ cũng chỉ rõ nhiệm vụ trọng tâm của đồng bào các dân tộc trong tỉnh: khôi phục, xây dựng và phát triển kinh tế sau chiến tranh; xây dựng và phát triển

văn hóa; củng cố quốc phòng - an ninh...

Quê hương bước vào thời kỳ khôi phục kinh tế trong hoàn cảnh hòa bình, tương quan lực lượng cách mạng trong nước và trên thế giới có nhiều thuận lợi. Tuy vậy, do phương thức canh tác của đồng bào còn lạc hậu, công tác thủy lợi còn hạn chế, một phần diện tích nông nghiệp bị bỏ hoang cùng với năng suất thấp dẫn đến tình trạng đa số các hộ thiếu ăn trong những tháng giáp hạt. Về mặt văn hóa - xã hội, các tàn tích của chế độ thực dân - phong kiến còn ảnh hưởng nặng nề trong nhân dân, nhiều hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan vẫn phổ biến. Trong công tác giáo dục nổi cộm là tình trạng tái mù chữ. Về y tế, nguồn thuốc chữa bệnh khan hiếm trong khi nhiều dịch bệnh như sốt rét, đậu mùa, dịch đau mắt hột diễn ra thường niên khiến cho sức khỏe của nhân dân không đảm bảo. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền và các đoàn thể còn thiếu, nhất là cán bộ cốt cán có trình độ. Một số cán bộ lãnh đạo còn nặng tư tưởng tự tư tự lợi, cầu an hưởng lạc... Những khó khăn, hạn chế trên đòi hỏi cán bộ, đảng viên và nhân dân toàn xã phải đoàn kết, quyết tâm cao để từng bước khắc phục.

Theo sự chỉ đạo của cấp trên cũng như căn cứ vào tình hình thực tế, xã không thực hiện cải cách ruộng đất. Tuy nhiên, trong đợt phát động quần chúng giảm tô và chỉnh đốn tổ chức cuối năm 1953, Đội giảm tô về xã đã khai trừ,

cách chức một số cán bộ, đảng viên mất cán, tích cực trong các phong trào của xã. Từ cuối năm 1953 đến tháng 4/1957, Chi bộ xã không có Ban Chi ủy. Đồng chí Vi Văn Liên được cấp trên chỉ định giữ chức Bí thư Chi bộ (từ tháng 1/1954 đến tháng 9/1957).

Sau khi phát hiện ra sai lầm, tháng 9/1956, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết *“Kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức”*. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy Thái Nguyên đã tổ chức cho cán bộ tỉnh, huyện học tập chính sách sửa sai. Tại Đồng Hỷ, sau khi thực hiện thí điểm tại xã Dân Chủ, cán bộ Đội sửa sai được đưa xuống các xã tổ chức cho Chi bộ học tập mục đích, chính sách sửa sai. Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, sự phối hợp chặt chẽ giữa Đội sửa sai với Chi bộ, chính quyền xã cũng như tình thân vị tha, lấy đại cục làm trọng của các hộ, các đồng chí bị quy chụp oan nên công tác sửa sai trong giảm tô và chỉnh đốn tổ chức diễn ra nhanh gọn và triệt để. Có 6/6 người trước kia bị quy phú nông nay được hạ thành phần xuống trung nông gồm: Ninh Văn Lộc, Miêu Văn Minh, Nguyễn Văn Phan, Diệp Xuân Chân, Từ Văn Thắng, Tô Văn Phúc. Một số đồng chí trước đây bị xử oan được khôi phục Đảng tịch.

Ngày 13/4/1957, Ban Chi ủy Chi bộ xã được cấp trên chuẩn y tái lập, đồng chí Nông Văn Hòa được bổ sung

vào cấp ủy. Đến ngày 27/6/1957, Ban Chi ủy tiếp tục được tăng cường thêm 2 đồng chí: Lý Văn Hương, Trần Công Đức. Sau khi ổn định được tổ chức, thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ, ngày 12/10/1957, Chi bộ xã tổ chức Đại hội lần thứ II. Đại hội tổng kết những thành tích đã đạt được trong quá trình lãnh đạo nhân dân góp sức người, sức của trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp; đồng thời đánh giá tổng kết tình hình thực hiện công tác sửa sai và công cuộc khôi phục kinh tế của xã. Trên cơ sở đó, Đại hội chủ trương đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, chăm lo giáo dục, y tế cho nhân dân. Đại hội bầu Ban Chấp hành Chi bộ gồm 7 ủy viên. Đồng chí Nông Văn Hòa được bầu giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Vi Văn Liên - Phó Bí thư, Lý Văn Hương - Thường vụ Chi ủy.

Để ổn định đời sống, từng bước phát triển kinh tế - xã hội, Chi ủy xác định biện pháp căn bản, lâu dài là phải đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, trọng tâm là khai hoang, phục hóa, làm thủy lợi. Trong 2 năm 1955 - 1956, hạn hán diễn ra nghiêm trọng khiến nhiều diện tích không cho thu hoạch hoặc năng suất thấp chỉ đạt khoảng 10,8 tạ/ha. Nhiều gia đình trong xã lâm vào cảnh thiếu đói, cá biệt một số hộ tại Na Quán, Na Tranh, Chí Sơn phải vào rừng để đào củ mài, măng tre sống qua ngày. Để cứu đói cho dân, tháng 12/1956, Chi bộ, chính quyền xã mở cuộc vận

động viên góp trong toàn xã và “*Vận động tiết kiệm để cứu dân nghèo*”. Với tinh thần “*tương thân, tương ái*”, xã đã vận động được hơn 2 tấn thóc, khoảng nửa tạ ngô và gần 1 tấn sản phẩm để chia cho các gia đình thiếu đói. Nhờ vậy, nạn đói dần được khắc phục.

Bước vào vụ đông - xuân 1957, Chi bộ, chính quyền xã đã huy động nhân dân đắp đập, be bờ giữ nước, làm mương để đảm bảo nguồn nước tưới đầy mạnh sản xuất nông nghiệp. Các biện pháp kỹ thuật như gieo mạ thưa, cấy nhỏ dảnh, ngắt tay bắt đầu được áp dụng nhưng hiệu quả đạt được chưa cao.

Được sự hướng dẫn của cán bộ Phòng Nông nghiệp huyện, đoàn viên thanh niên xã đã làm thành công 6 chiếc cào cỏ Nhệ An. Phong trào làm phân bón ruộng được phát động rộng rãi. Nhờ vậy, năng suất lúa tăng lên 16 tạ/ha/vụ. Đời sống nhân dân có bước cải thiện.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về từng bước cải tạo quan hệ sản xuất tiến tới việc xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ, đầu năm 1958, Chi bộ xã đẩy mạnh phong trào xây dựng tổ đổi công trong sản xuất nông nghiệp. Tháng 2/1958, Ban Chi ủy tổ chức cuộc họp mở rộng, thành phần bao gồm tất cả các cán bộ, đảng viên trong toàn xã. Cuộc họp đã quán triệt việc xây dựng, củng cố tổ

đổi công là bước đi đầu tiên trong kế hoạch đưa người nông dân vào làm ăn tập thể. Việc thành lập tổ đổi công giúp người nông dân giải quyết tình trạng thiếu phương tiện sản xuất, nhân công lao động, sức kéo và đề cao tinh thần tương trợ, đoàn kết.

Sau cuộc họp, Ban Chi ủy phân công các đảng viên trong Chi bộ về các xóm tiến hành thành lập các tổ đổi công. Tháng 6/1958, toàn xã xây dựng được 11 tổ đổi công ở các xóm Gốc Thị, Chí Sơn, Con Phượng, Đồng Chốc, Trại Gai, Mỹ Lập, Trại Gião, Na Quán, Na Tranh, Hoàng Gia, Đồng Mỏ. Mỗi tổ đổi công có từ 10 - 25 hộ tham gia. Đặc biệt ở tổ đổi công xóm Hoàng Gia, thời gian này có tới 34 hộ tham gia, là tổ có số hộ đông nhất trong các tổ đổi công của xã.

Tháng 11/1958, Chi bộ tiếp tục tổ chức hội nghị mở rộng lần 2 với đông đảo các cán bộ, đảng viên và một số người có uy tín trong nhân dân tham gia với nội dung chính là khắc phục khó khăn do thời tiết gây ra, tập trung đẩy mạnh sản xuất, xây dựng và củng cố các tổ đổi công, phát huy vai trò, hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp. Thực hiện nội dung hội nghị đã đề ra, sau cuộc họp, các tổ đổi công đã chấn chỉnh lề lối sản xuất, tiến hành gieo cấy kịp thời vụ. Nhiều tổ đổi công còn lập thêm quỹ cấy hái và tổ chức chăn nuôi chung một số trâu, bò và sắm chung cày, bừa. Trong các tổ đổi công của xã, tổ Hoàng Gia hoạt động

tích cực nhất, được Huyện ủy Đồng Hỷ chọn để kịp rút kinh nghiệm báo cáo trước Hội nghị đổi công toàn huyện vào cuối năm 1958.

Đập trung thủy nông Đồng Chốc khởi công từ năm 1958 với 2 mố đập, thân đập rộng 8m, dài 10m ngăn dòng chảy để tích nước từ suối Ba Khe (xã Văn Hán) chảy về. Ngoài sự giúp sức của một số xã lân cận thuộc huyện Đồng Hỷ, trong gần 3 năm, Chi bộ và chính quyền xã huy động tổng số hơn 4.000 ngày công tiến hành đào đắp, nạo vét, chuyên chở vật liệu xây dựng⁽¹⁾. Mặt khác, một mương dẫn nước dài 2km, rộng 0,6m cũng được huyện Đồng Hỷ huy động dân công trong toàn huyện xây dựng.

Để công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa thật sự đi đúng hướng và đạt kết quả cao, tháng 4/1959, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 16 đã thông qua 2 nghị quyết quan trọng về hợp tác xã và cải tạo công, thương nghiệp tư bản tư doanh. Đối với các tỉnh miền núi phía Bắc, nghị quyết chủ trương vận động hợp tác xã nông nghiệp, phát triển sản xuất kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ.

Với đặc thù là một xã miền núi có nhiều đồng bào dân tộc cùng sinh sống, tập quán canh tác riêng lẻ, nay vấn đề vận động đồng bào vào hợp tác xã nông nghiệp là một

⁽¹⁾ Đóng góp của Ban sưu tầm tại buổi tọa đàm ngày 13/6/2015 kết hợp hội ký của đồng chí Vi Văn Liên (xóm Gốc Thị).

nhệm vụ không hề dễ dàng. Từ nhận thức, tư tưởng đến phương thức, kỹ thuật sản xuất, phương thức phân phối thành quả lao động đều là những điều rất mới lạ đối với nhân dân trong xã.

Tháng 8/1959, Huyện ủy Đồng Hỷ đã cử cán bộ về xã phối hợp với Chi bộ tổ chức nhiều đợt tuyên truyền, mở nhiều hội nghị để động viên các hộ nông dân vào hợp tác xã. Chi bộ và chính quyền xã cử cán bộ xuống từng nhà để giải thích cho nhân dân hiểu rằng vào hợp tác xã không mất quyền cá nhân mà còn tăng quyền làm chủ; trước kia chỉ làm chủ ruộng đất của gia đình mình, nay được làm chủ cả tập thể; xã viên cùng góp vốn để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm vật tư, phân bón phục vụ sản xuất.

Sau một quá trình vận động, tháng 10/1959, hợp tác xã Trại Gai (mô hình thí điểm của xã) ra đời với 25 hộ sản xuất do ông Đàm Văn Đức làm Chủ nhiệm, ông Nguyễn Tiến Lợi làm Phó Chủ nhiệm, ông Hoàng Thanh Kiều làm Kế toán. Tính đến giữa năm 1960, xã đã xây dựng được 9 hợp tác xã xóm, liên xóm gồm: Trại Gai, Gốc Thị, Chí Sơn, Trại Giã, Hoàng Gia, Mỹ Lập, Con Phượng, Na Tranh, Na Quán với tỷ lệ 80,8% số hộ nông dân tham gia. Trong đó, quy mô lớn nhất là hợp tác xã Gốc Thị với 45 hộ, 122 mẫu ruộng, 45 con trâu, bò cùng với nông cụ sản xuất (cày, bừa, thóc giống). Ban quản trị hợp tác xã gồm: Đồng chí Diệp Văn Phú làm Chủ nhiệm, ông Đặng

Đình Nhân làm Phó Chủ nhiệm, ông Lục Văn Thăng làm Kế toán hợp tác xã.

Tuy nhiên, do quá thiên về số lượng mà chưa chú trọng nâng cao hiệu quả công tác quản lý nên ngay trong năm 1960, phong trào hợp tác hóa trên địa bàn xã đã có chiều hướng đi xuống. Năng suất lúa cả năm chỉ đạt trung bình 14 tạ/ha/vụ⁽¹⁾. Đến cuối năm, các hợp tác xã Chí Sơn và Trại Gião tan vỡ, đảng viên ra làm cá thể, Ban quản trị được phân công nhiệm vụ nhưng không hoạt động. Hầu hết các hợp tác xã không có kế hoạch sản xuất, một số xã viên xin ra. Công tác thu mua lương thực trong năm 1960 chỉ đạt 50% chỉ tiêu trên giao⁽²⁾.

Trong 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960), việc chăn nuôi của xã có nhiều tiến bộ. Trước đó, nhân dân có tập quán chăn nuôi trâu, bò thả rông vừa không thu được phân bón ruộng vừa không thuận tiện cho việc chăm sóc, phòng ngừa bệnh dịch. Chính vì thế, các đảng viên, cán bộ xã vận động từng hộ gia đình làm chuồng trâu, bò, lợn, tạo điều kiện phát triển chăn nuôi theo hướng khoa học. Tính đến cuối năm 1960, xã có 456 con trâu, bò, 1.200 con

(1), (2) "Báo cáo tóm tắt tình hình kết quả công tác kiểm tra về đảng viên đánh sóc địa ở Chi bộ xã Quang Trung", Đoàn kiểm tra Huyện ủy Đồng Hỷ, ngày 27/4/1961, tr. 2. Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Huyện ủy Đồng Hỷ.

lợn và hơn 2.000 con gà, vịt.

Hưởng ứng phong trào “Ba ngọn cờ hồng” (bao gồm hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán⁽¹⁾, hợp tác xã tín dụng) nhằm phát triển kinh tế toàn diện, cuối năm 1959, hợp tác xã tín dụng Quang Trung được thành lập do đồng chí Hà Ngọc Lan làm chủ nhiệm.

Từ cuối năm 1959, khu mỏ sắt Trại Cau thuộc Công ty Gang thép Thái Nguyên được xây dựng trên địa bàn 5 xóm Đồng Mỏ, Gốc Thị, Ao Sen, Chí Sơn, Đồng Chốc với hoạt động chuyên về khai thác quặng sắt. Để phục vụ cho dự án trên, người dân 2 xóm Đồng Mỏ, Gốc Thị đã chủ động nhường đất và chuyển cư vào các xóm khác trong xã. Ngoài ra, nhân dân trong xã còn đóng góp hàng ngàn ngày công và nhiều vật dụng thiết yếu phục vụ xây dựng cơ sở công nghiệp trên.

Trong giai đoạn 1958 - 1960, Chi bộ xã tổ chức 2 kỳ đại hội. Ngày 3/12/1958, Chi bộ tổ chức Đại hội lần thứ III, đồng chí Nông Văn Hòa được bầu làm Bí thư, đồng chí Lý Văn Hương được bầu làm Phó Bí thư Chi bộ. Từ tháng 1/1959, đồng chí Lý Văn Hương được cấp trên chỉ định làm

⁽¹⁾ Khoảng cuối thập niên những năm 50, đầu những năm 60 của thế kỷ XX, hợp tác xã mua bán Quang Trung cũng đã được thành lập. Tuy nhiên do tư liệu mai một, nhân chứng sống không còn nên Ban sưu tầm chưa xác định được cụ thể năm thành lập và chủ nhiệm đầu tiên. Đến năm 1967, đồng chí Hồ Thế Việt làm Chủ nhiệm của hợp tác xã trên.

Bí thư Chi bộ (thay đồng chí Nông Văn Hòa đã được điều lên công tác ở Huyện ủy Đồng Hỷ), đồng chí Tổng Văn Đăng - Thường vụ Chi ủy. Đến ngày 14/4/1960, Chi bộ tổ chức Đại hội lần thứ IV, đồng chí Lý Văn Hương được bầu làm Bí thư, đồng chí Tổng Văn Đăng - Phó Bí thư Chi bộ, đồng chí Ninh Văn Long - Thường vụ Chi ủy.

Cuối năm 1959, cấp ủy đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thảo luận, đóng góp ý kiến vào “Dự thảo Hiến pháp sửa đổi”. Đây là đợt sinh hoạt chính trị lớn, có tác dụng nâng cao nhận thức về chế độ xã hội chủ nghĩa cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Tính đến cuối năm 1960, toàn Chi bộ xã có 27 đồng chí (24 đảng viên chính thức, 3 dự bị), sinh hoạt ở 5 tổ Đảng. Tuy nhiên, do công tác giáo dục tư tưởng chính trị không thường xuyên, kịp thời, tính tiên phong, gương mẫu của nhiều đảng viên chưa cao... nên sự lãnh đạo của Chi bộ còn nhiều hạn chế. Nổi cộm như trong Ban Chi ủy có 7 người thì có tới 3/7 người làm thầy cúng; về hoạt động, chỉ có 3/7 đồng chí tích cực, còn 4/7 người còn lại trung bình hoặc “lười công tác”. Đối với toàn Chi bộ, qua đánh giá xếp loại 25 đảng viên trong năm 1960 (2 đảng viên khác mới chuyển về nên chưa xếp loại), chỉ có 8 đồng chí tích cực hoạt động (chiếm 32%), 10 đảng viên trung bình (chiếm 40%) và 7 đồng chí yếu kém (28%). Việc họp Chi bộ không được tổ chức đều đặn, có những lần họp vắng từ 1/4 đến

một nửa số đảng viên⁽¹⁾. Cá biệt, có một số đảng viên tha hóa biến chất đã tham gia đánh xóc đĩa, tiêu tiền công quỹ⁽²⁾. Trước vụ việc đảng viên vi phạm pháp luật của Nhà nước, Ban Chi ủy xã chủ trương kiên quyết xử lý, góp phần giữ gìn sự nghiêm minh của Đảng.

Trong giai đoạn 1954 - 1960, trụ sở Chi bộ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã đặt nhờ ở nhà các đồng chí Nông Văn Tương, Tống Văn Đăng (xóm Trại Gai) để làm việc. Chi bộ xã Quang Trung đã lãnh đạo thực hiện thành công 2 cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu vào các năm 1957 và 1959. Đồng chí Lý Văn Hương được bầu giữ chức chủ tịch.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng trong xã đã có nhiều cố gắng trong công tác phát triển tổ chức, thi đua thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Đoàn Thanh niên là lực lượng tiêu biểu, xung kích trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Hội Phụ nữ có nhiều cố gắng trong việc vận động xã viên tham gia hợp tác xã, thi đua sản xuất, xóa bỏ tập tục phong kiến trong hôn nhân,

^{(1), (2)} "Báo cáo tóm tắt tình hình kết quả công tác kiểm tra về đảng viên đánh xóc đĩa ở Chi bộ xã Quang Trung", Đoàn kiểm tra Huyện ủy Đồng Hỷ, ngày 27/4/1961, tr. 1 - 2. Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Huyện ủy Đồng Hỷ.

thực hiện bình đẳng nam nữ.

Được sống trong hòa bình nhưng Chi bộ và chính quyền xã vẫn luôn quan tâm đến công tác quân sự. Ban Chỉ huy Xã đội, trung đội dân quân thường xuyên được củng cố và kiện toàn về số lượng, vững về chất lượng. Nguồn bổ sung chủ yếu của cán bộ lực lượng dân quân là những chiến sỹ quân đội phục viên, những đồng chí được tôi luyện trong quân ngũ có tư cách đạo đức tốt.

Thực hiện "*Luật nghĩa vụ quân sự*" (ban hành theo Sắc lệnh số 11/SL ngày 28/4/1960 của Chủ tịch nước), hàng năm, cấp ủy và Ủy ban hành chính xã chỉ đạo Ban Chỉ huy Xã đội thực hiện tốt việc tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự và gọi công dân nam từ 18 - 45 tuổi lên đường nhập ngũ. Ban Công an xã đảm bảo giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn, giáo dục tư tưởng cho một số đối tượng bị kẻ xấu dụ dỗ, hiểu sai về chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Công tác văn hóa - xã hội được Chi bộ, chính quyền xã chú trọng. Thông tin tuyên truyền trong xã được thực hiện tốt bằng nhiều hình thức khác nhau. Hầu hết các xóm đều thành lập các tổ, đội thông tin lưu động với mục đích phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tới đông đảo nhân dân. Đi tiên phong trong công tác tuyên truyền là các đoàn viên thanh niên.

Từ sau ngày hòa bình lập lại, bên cạnh việc duy trì công tác giáo dục phổ thông cấp I, nhiều lớp bình dân học vụ được mở để dạy những người lớn chưa biết chữ. Giai đoạn 1954 - 1957, xã tổ chức được 2 lớp bình dân học vụ ở đình Hoàng Gia. Chỉ trong hai năm 1959 - 1960, phong trào bình dân học vụ đã xóa mù chữ cho 80 người dân, nâng tỷ lệ số người biết đọc, biết viết toàn xã lên 45,7%. Bên cạnh đó, trong thời kỳ 1954 - 1960, được sự giúp đỡ của huyện, xã mở được 6 lớp bổ túc dành cho cán bộ, đảng viên theo học và 11 lớp với 126 học sinh là con em trong xã. Quang Trung là một trong 6 xã có phong trào bổ túc văn hóa mạnh nhất của huyện Đồng Hỷ, được huyện biểu dương.

Mặc dù được Chi bộ và chính quyền quan tâm nhưng công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân giai đoạn này còn nhiều khó khăn. Năm 1956, Ban Y tế xã được thành lập gồm 1 y tá và 4 vệ sinh viên ở các xóm. Với phương châm "*Phòng bệnh hơn chữa bệnh*", được sự giúp đỡ của Phòng Y tế huyện, cán bộ y tế xã tổ chức phun thuốc DDT từ 1 đến 2 lần/năm. Nhờ vậy, bệnh sốt rét trong toàn xã bước đầu được ngăn chặn có hiệu quả. Hàng tuần, cán bộ y tế xã cùng y tế viên các xóm vận động nhân dân phát quang đường đi, vệ sinh nhà cửa, làm chuồng chăn nuôi gia súc xa nơi ở, đào giếng lấy nước sinh hoạt. Hiện tượng nhân dân cầu cúng khi ốm đau đã giảm dần. Người dân sử dụng thêm nhiều bài thuốc dân gian để chữa bệnh đơn giản.

Vượt qua những khó khăn ban đầu của thời kỳ hậu chiến, tuy còn những mặt tồn tại, hạn chế song về tổng thể, xã đã thực hiện thắng lợi nhiều nhiệm vụ cấp trên giao và đạt được một số thành tựu đáng ghi nhận như: năng suất, sản lượng lương thực đạt khá, số hộ đói giảm; người dân bước đầu đã làm quen mô hình sản xuất tập thể; công tác văn hóa - xã hội được chú trọng; tình hình chính trị, an ninh trật tự được giữ vững...

2. củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)

Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (tháng 9/1960) đề ra hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới đó là đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Đại hội thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) nhằm: *"Phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội"*⁽¹⁾.

Bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ

⁽¹⁾ Văn kiện Đại hội Đảng bộ lần thứ III, Nxb. Chính trị Quốc gia, tr.135.

nhất (1961 - 1965), xã đã đạt được những kết quả nhất định trong thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, xác lập quan hệ sản xuất. Đội ngũ cán bộ được củng cố, kiện toàn từ xã đến cơ sở. Nhân dân phấn khởi trước những kết quả khôi phục và phát triển kinh tế trên quê hương.

Tuy nhiên, xã còn gặp những khó khăn như sản xuất nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên; cơ sở vật chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp lạc hậu; một số xã viên gia nhập hợp tác xã với tính chất chạy theo phong trào, hợp tác xã Chí Sơn và Trại Gião bị tan vỡ, chưa khôi phục lại được; trình độ nhận thức, trình độ quản lý của cán bộ, đảng viên nhìn chung còn hạn chế. Trước tình hình đó, Chi bộ xã đã đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong vấn đề xây dựng hợp tác xã, nâng cao ý thức làm chủ tập thể cho xã viên.

Ngày 26/9/1961, Tỉnh ủy Thái Nguyên ban hành Nghị quyết số 13 *"Về phương hướng phát triển nông nghiệp và nhiệm vụ đông - xuân 1961 - 1962"*. Quán triệt nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy, Huyện ủy Đồng Hỷ xác định nhiệm vụ trước mắt trong toàn huyện là: Đẩy mạnh tăng vụ, khai hoang tăng năng suất cây trồng, kết hợp trồng trọt, chăn nuôi với khai thác lâm sản, phấn đấu hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu được giao.

Trong bối cảnh đó, ngày 7/6/1961, Chi bộ xã tổ chức Đại

hội Chi bộ lần thứ V. Đại hội nhấn mạnh: Nhiệm vụ thời gian này là củng cố, phát triển phong trào hợp tác hóa; phấn đấu đưa năng suất lúa bình quân đạt 16 tạ/ha/vụ; đàn trâu, bò đạt 500 con, đàn lợn đạt 1.300 con, đàn gia cầm đạt 3.000 con.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Chi bộ mới gồm 7 ủy viên (có đủ cơ cấu thành phần theo Hướng dẫn 135 của Huyện Đồng Hỷ “Về việc tiến hành Đại hội và bầu Ban Chi ủy ở cấp xã” ban hành năm 1960). Trong đó, đồng chí Lý Văn Hương tiếp tục được bầu giữ chức Bí thư, đồng chí Tống Văn Đăng làm Phó Bí thư Chi bộ, đồng chí Nông Văn Tương - Thường vụ Chi ủy.

Ngay sau Đại hội, cấp ủy Đảng cử một số đảng viên tham gia đội ngũ chủ chốt trong hợp tác xã, lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ đề ra. Đầu năm 1961, đập Đồng Chốc hoàn thành và đi vào sử dụng đã phục vụ tưới tiêu cho khoảng 40ha đất nông nghiệp của xã, tạo ra những thuận lợi cơ bản cho sự phát triển của ngành nông nghiệp trên địa bàn xã trước mắt cũng như trong các giai đoạn tiếp theo. Cuối năm 1961, hưởng ứng phong trào của huyện, xã phát động phong trào “*Phát cao cờ hồng, quyết thắng đông - xuân, tiến quân toàn diện*”.

Tuy nhiên, trong vụ đông - xuân 1961 - 1962, hạn hán kéo dài trên diện rộng khiến 60% diện tích lúa và hoa màu

của các hợp tác xã thiếu nước tưới. Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ tăng cường lực lượng chống hạn với khẩu hiệu “*Cứu hạn như cứu hỏa*”, xã huy động hơn 600 lượt người (chủ yếu là thanh niên, dân quân du kích, phụ nữ) tham gia nạo vét kênh mương, dẫn nước vào đồng ruộng. Kết quả, năng suất lúa trong vụ này đạt 14 tạ/ha.

Hoạt động chăn nuôi trong thời gian này có điều kiện phát triển. Đàn lợn trong xã phát triển khá. Đàn trâu, bò phát triển lên 507 con, đàn lợn đạt gần 1.300 con... Một số diện tích mặt nước đã được các hợp tác xã tiến hành nuôi thả cá giống và cá thịt. Mỗi năm, toàn xã thu được khoảng 1,5 tấn cá thịt⁽¹⁾.

Ở hợp tác xã Gốc Thị và hợp tác xã Hoàng Gia thời gian này còn mở thêm nghề phụ cho các xã viên với một đội sản xuất gạch và một đội sơn tràng. Năm 1962, 2 hợp tác xã trên sản xuất được 6 vạn viên gạch và khai thác được 342m³ gỗ bán cho Nhà nước và nhân dân⁽²⁾.

Trong không khí phấn khởi với những thành tích đã đạt được, đầu tháng 8/1962, Chi bộ xã tổ chức Đại hội lần thứ VI nhằm tổng kết những thắng lợi bước đầu trong thực hiện phong trào hợp tác hóa, đặc biệt nhấn mạnh đến việc rút kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp có sự kết hợp

^{(1), (2)} *Đóng góp của Ban sưu tầm tại buổi tọa đàm ngày 13/6/2015.*

chặt chẽ giữa trồng trọt và chăn nuôi. Đại hội chỉ rõ: Trong thời gian tới, cần củng cố quan hệ sản xuất tập thể, vận động, khuyến khích những hộ dân còn lại vào hợp tác xã; tăng diện tích cấy vụ hè thu với lợi thế chủ động được nguồn nước; đẩy mạnh chăn nuôi lợn và gia cầm tập thể để làm tròn nghĩa vụ lương thực, thực phẩm với Nhà nước đồng thời cải thiện một phần đời sống nhân dân...

Đại hội bầu Ban Chấp hành Chi bộ khóa mới gồm 7 ủy viên. Đồng chí Vi Văn Liên được bầu làm Bí thư, đồng chí Trần Công Đức làm Phó Bí thư, đồng chí Lý Văn Hương - Thường vụ Chi ủy⁽¹⁾.

Ngày 6/8/1962, Huyện ủy cử Đoàn công tác gồm 19 đồng chí do đồng chí Đồng Thành Nhung - Huyện ủy viên làm Trưởng đoàn về xã thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tổ chức và củng cố hợp tác xã. Đến ngày 17/7/1963, Đoàn chính thức kết luận xã còn chậm tiến về nhiều mặt, nổi cộm như:

- Tình hình hợp tác xã nông nghiệp: Xã Quang Trung trên thực tế chỉ còn lại 3 hợp tác xã: Đồng Mỏ, Mỹ Lập, Na Tranh. Đối với Gốc Thị và Na Quán, hình thức vẫn là hợp tác xã nhưng thực chất hoạt động như tổ đổi công (làm chung, hưởng riêng). Các hợp tác xã khác (Hoàng Gia, Chí Sơn, Trại Giã, Con Phượng) khi tan vỡ, tài chính không

¹⁾ Đến ngày 2/3/1963, Huyện ủy ban hành Nghị quyết số 63/NQ/ĐH chỉ định bổ sung đồng chí Nông Văn Hòa làm Thường vụ Chi ủy xã.

được thanh toán rõ ràng, có trường hợp cán bộ quản trị tham ô, biển thủ tài sản của tập thể...

- Về tổ chức cơ sở Đảng: Toàn Chi bộ có tổng số 34 đồng chí. Kết quả xếp loại: 10 đảng viên khá, 16 đảng viên trung bình, 6 đảng viên kém, 2 đảng viên quá kém. Có đồng chí cấp ủy ít đến trụ sở giải quyết công việc, khi có việc gì thì phó mặc cho văn phòng xử lý. Tổ Đảng sinh hoạt không đều, có tổ Đảng qua 2, 3 tháng vẫn không tổ chức sinh hoạt. Về tư tưởng đảng viên, một số xin ra khỏi Đảng, một số thoái thác nhiệm vụ (chủ nhiệm, kế toán hợp tác xã) do cấp ủy phân công... Sự lãnh đạo của Chi bộ trong các mặt công tác như thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, củng cố hợp tác xã và phát triển sản xuất, bài trừ hủ tục (mê tín, “ma to, cưới lớn”, thách cưới), bảo vệ trật tự trị an... còn không ít hạn chế...

- Hội đồng nhân dân, Ủy ban hành chính, Xã đội, các đoàn thể quần chúng (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ) chưa vững mạnh, không đảm bảo sinh hoạt thường kỳ⁽¹⁾...

Trong hai năm 1962 và 1963, Chi ủy xã tập trung lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Chi bộ lần thứ VI đề ra.

⁽¹⁾ “Báo cáo tổng kết của Đoàn công tác kiểm tra tổ chức và củng cố hợp tác xã xã Quang Trung”, tr. 2 - 7. Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Huyện ủy Đồng Hỷ.

Tuy nhiên, cũng như nhiều địa bàn khác trong tỉnh, phong trào hợp tác hóa trên địa bàn xã Quang Trung tiếp tục bộc lộ không ít những yếu kém. Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ còn hạn chế nên khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật và quản lý sản xuất chưa cao khi những tiêu cực trong công tác tư tưởng, dân vận và quản lý của cán bộ không được ngăn chặn kịp thời. Nhiều hộ gia đình còn mang nặng tư tưởng cổ hủ “ăn riêng, làm chung, lòng nhùng cho qua” nên đi làm qua loa, chiếu lệ để lấy công điểm, ăn chia. Thậm chí, một số hợp tác xã các xóm còn xuất hiện tình trạng đổ nước, đất vào phân bón đem cân, nộp cho hợp tác xã để đủ định mức giao, nhận mạ về rồi đổ đi, không cấy vãi lấy công...

Bên cạnh đó, tình trạng hạn hán và sâu bệnh liên tiếp xảy ra khiến năng suất và sản lượng năm 1963 sút kém nghiêm trọng: vụ đông - xuân 1963 chỉ đạt 9,4 tạ/ha, vụ mùa chỉ đạt 8,7 tạ/ha (thấp hơn nhiều so với bình quân của toàn huyện 13,4 tạ/ha). Nhiều hộ dân lâm vào cảnh đói kém, hơn 50% số hộ nông dân xin ra khỏi hợp tác xã, thậm chí một số cán bộ, đảng viên cũng xin ra canh tác riêng hoặc làm nghề khác. Các hợp tác xã nông nghiệp còn lại của xã hoạt động cầm chừng, không hiệu quả. Đàn trâu bò giảm nghiêm trọng do bị bỏ đói, chết rét hoặc bệnh tật chỉ còn 324 con, đàn lợn chỉ còn một nửa so với năm 1962 (675 con). Duy nhất đàn gia cầm (chăn nuôi theo hộ gia

đình) ổn định với hơn 3.000 con.

Đứng trước tình hình đó, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Thái Nguyên, Huyện ủy Đồng Hỷ đã liên tục mở 3 đợt củng cố phong trào hợp tác hóa và cải tiến quản lý trên tất cả các xã trong huyện. Tại địa bàn xã, tính đến cuối năm 1964, các hợp tác xã nông nghiệp bị tan vỡ trước đó đã được xây dựng lại. Số hộ vào lại hợp tác xã đạt 76,5%. Tuy nhiên, việc củng cố và cải tiến hợp tác xã chưa triệt để nên năng suất và sản lượng lương thực vẫn thấp hơn nhiều so với năm 1961. Năng suất vụ đông - xuân 1964 chỉ đạt gần 10 tạ/ha, vụ mùa đạt 10,3 tạ/ha.

Trước tình trạng trên, hầu hết các hộ buộc phải tận dụng diện tích 5% để trồng thêm khoai, sắn và cây hoa màu để chống đói. Tuy nhiên, tình trạng đói giáp hạt trong nhân dân chưa được cải thiện. Năm 1964, hơn 50% số hộ của xã lâm vào tình trạng thiếu đói ít nhất 3 tháng trong năm. Cấp trên đánh giá: *“Việc tan vỡ hoặc làm ăn không hiệu quả của các hợp tác xã đã dẫn đến nhiều hộ dân thiếu đói. Các xã như Quang Trung, Dân Chủ, Thịnh Đán, Thịnh Đức, Linh Sơn... là nghiêm trọng nhất”*⁽¹⁾. Tình trạng nợ đọng sản phẩm nghĩa vụ với Nhà nước kéo dài, một số hộ là gia đình cán bộ, đảng viên cũng dễ xảy ra

⁽¹⁾ Báo cáo về tình hình xây dựng hợp tác xã huyện Đồng Hỷ năm 1964, Huyện ủy Đồng Hỷ, tr. 3.

tình trạng trên.

Sau hơn 3 năm khởi công xây dựng (từ cuối năm 1959), năm 1963, Mỏ sắt Trại Cau thuộc Công ty Gang thép Thái Nguyên bắt đầu đi vào hoạt động. Trong đó, xã có 2 điểm khai thác mỏ quặng sắt gồm Quang Trung Nam và Quang Trung Bắc (thuộc Mỏ sắt Trại Cau) cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy Gang thép Thái Nguyên.

Cuối tháng 10/1964, Chi bộ xã tổ chức Đại hội lần thứ VII. Đại hội nhấn mạnh đây là thời điểm mà Chi bộ, chính quyền và nhân dân trong xã cần đoàn kết, đồng lòng để vượt qua thử thách. Trước mắt cần đẩy mạnh sản xuất, khuyến khích các hộ dân tham gia hợp tác xã một cách tự nguyện, đẩy mạnh sản xuất lương thực và các cây hoa màu để cứu đói cho nhân dân. Về lâu dài, việc củng cố hợp tác xã phải tính đến các phương thức điều hòa lương thực một cách công bằng, công khai. Chi bộ cần phân công các chi ủy viên phụ trách các hợp tác xã được thành lập lại hoặc quản lý yếu kém; nhất thiết hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm với Nhà nước; đối với cán bộ, đảng viên nợ đọng sản phẩm thì kiên quyết xử lý, kỷ luật để làm gương cho quần chúng...

Đại hội bầu Ban chấp hành Chi bộ khóa mới gồm 7 ủy viên: Đồng chí Vi Văn Liên được bầu làm Bí thư Chi bộ; đồng chí Lý Văn Hương làm Phó Bí thư; đồng chí Hồ Thế

Việt - Thường vụ Chi ủy; các đồng chí Nông Văn Bình, Lâm Văn Vượng, Tống Văn Đăng, Nông Văn Tương - Chi ủy viên.

Mặc dù Chi bộ, chính quyền và Ban quản trị các hợp tác xã có nhiều cố gắng trong vận dụng các nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy Thái Nguyên và Huyện ủy Đồng Hỷ vào việc củng cố và cải tiến quản lý hợp tác xã nhưng hiệu quả chưa cao. Vụ mùa năm 1965, năng suất và sản lượng lương thực của xã có tăng nhưng không đáng kể (chỉ đạt 13,4 tạ/ha). Nhiều hộ dân tiếp tục phải chống đói bằng việc trồng thêm khoai, sắn để làm nguồn lương thực chính. Có hộ thiếu đói dài ngày tới 4 tháng trong năm. Một số hộ gia đình xin ra khỏi hợp tác xã và bỏ cả ruộng để đi làm nghề khác.

Mặc dù phong trào hợp tác hóa nông nghiệp không ổn định, có chiều hướng đi xuống song hợp tác xã mua bán Quang Trung vẫn hoạt động khá hiệu quả. Việc thu mua và phân phối sản phẩm đến các hộ xã viên và nhân dân được thực hiện công khai và đúng mức giá Nhà nước quy định. Hợp tác xã mua bán phân phối các nhu yếu phẩm như muối, dầu hỏa, vải, kim, chỉ... cho nhân dân theo định mức của Nhà nước. Liên tục trong 5 năm (1961 - 1965), hợp tác xã mua bán của xã được huyện Đồng Hỷ chọn làm đơn vị báo cáo điển hình trong toàn huyện.

Rừng là nguồn lợi lớn, góp một phần quan trọng trong việc cải thiện đời sống nhân dân trên địa bàn. Thực tế trong giai đoạn 1961 - 1965, xã đã khai thác hàng ngàn mét khối gỗ, hàng chục ngàn cây tre, nứa phục vụ nhu cầu xây dựng của tỉnh, huyện, đặc biệt là xây dựng Nhà máy Gang thép Thái Nguyên. Tuy nhiên, do chưa được tuyên truyền đúng mức nên việc khai thác và bảo vệ rừng trên địa bàn xã còn nhiều hạn chế. Tình trạng khai thác bừa bãi cộng với tập quán phát rừng làm rẫy, đốn gỗ làm nhà diễn ra thường xuyên... khiến diện tích rừng bị thu hẹp.

Thực hiện lời kêu gọi *“Tết trồng cây”* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong 5 năm, xã trồng được 6ha rừng và hàng ngàn cây phân tán (chủ yếu là ven đường trục chính của xã, đường liên xóm và đường ra đồng). Tuy nhiên, do công tác trồng, bảo vệ và chăm sóc còn mang tính hình thức, trồng nhiều lấy thành tích nên một số cây chết phải trồng lại nhiều lần.

Năm 1965, các tuyến đường liên xóm được tu sửa nhiều đoạn, giúp nhân dân đi lại thuận tiện hơn như tuyến đường từ xóm Hoàng Gia đến trung tâm xã; tuyến đường Chí Sơn - Gốc Thị. Tuyến Quốc lộ 16B (nay là Quốc lộ 17) cũng được nhân dân đóng góp hàng trăm ngày công tu sửa.

Công tác văn hóa, thông tin - tuyên truyền, các bản tin phục vụ phát triển nông nghiệp, kinh tế hợp tác xã được

cán bộ tuyên truyền chủ động phát thanh kịp thời những tin tức về mùa vụ, gieo cấy, sâu bệnh, thủy lợi đến xã viên. Nhiều tiết mục văn nghệ được đội văn nghệ của xã biểu diễn để cổ động sản xuất, cổ động các phong trào tập thể làm đường giao thông, làm thủy lợi, cổ động thanh niên thực hiện nghĩa vụ quân sự, hăng hái tòng quân. Với đạo lý *"uống nước nhớ nguồn"*, nhiệm vụ chăm sóc, giúp đỡ những gia đình cách mạng, gia đình có công với nước, gia đình liệt sỹ, thương binh được Chi ủy, chính quyền phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng quan tâm chu đáo.

Về công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, năm 1964, xã xây dựng được Trạm y tế xã (là một căn nhà tạm tranh tre, vách đất) đặt tại khu vực Cầu Đá, xóm Gốc Thị với 3 giường bệnh. Ông Nguyễn Hữu Cần (y sỹ) được bổ nhiệm làm Trạm trưởng, 1 nữ hộ sinh và 6 vệ sinh viên. Mặc dù cơ sở vật chất khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân còn thiếu thốn, nguồn thuốc tây khan hiếm nhưng với sự nỗ lực của cán bộ, nhân viên y tế, nhiều người dân đã được khám chữa miễn phí các bệnh thông thường. Phòng Y tế huyện đã cử cán bộ xuống xã phối hợp với cán bộ trạm vận động nhân dân thực hiện các biện pháp phòng trừ dịch bệnh như: Ăn chín uống sôi, tăng cường rèn luyện thân thể, nằm ngủ có màn, phát quang bụi rậm, san lấp các vũng nước tù đọng quanh nhà. Được cấp trên đầu tư

phương tiện, thuốc phòng và hướng dẫn kỹ thuật, xã thành lập tổ phun thuốc DDT định kỳ. Nhờ vậy, giai đoạn này xã căn bản hoàn thành nhiệm vụ ngăn ngừa hiệu quả bệnh sốt rét.

Về giáo dục, mặc dù cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn song được sự động viên của chính quyền xã, nhiều gia đình đã cho con em đi học. Hàng năm, trường Phổ thông cấp I duy trì hoạt động với gần 100 học sinh. Bên cạnh đó, từ năm 1964, xã còn có hàng chục con em theo học tại trường cấp II của xã Đồng Tiến (nay là Huống Thượng) và trường cấp II thị trấn Trại Cau. Giống như nhiều địa bàn khác của huyện Đồng Hỷ, phong trào bổ túc văn hóa có dấu hiệu lắng xuống, số cán bộ, đảng viên theo học các trường bổ túc văn hóa do huyện mở không đủ đáp ứng nhu cầu đào tạo cán bộ của xã.

Nhằm khắc phục tình trạng trên, đồng thời để nâng cao trình độ cán bộ chủ chốt theo tinh thần Chỉ thị 84 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết 08 của Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc, năm 1964, Huyện ủy Đồng Hỷ quyết định mở 5 trường bổ túc văn hóa theo khu vực địa lý (gọi là trường miền), học viên của xã tham gia học ở cụm trường Đồng Quang Sơn (gồm 3 xã: Đồng Tiến, Quang Trung và Linh Sơn). Ngay sau khi thành lập, 14 cán bộ và đoàn viên thanh niên của xã được cử đi học, sau đó trở về phục vụ quê hương.

Do quan tâm đúng mức đến công tác phát triển Đảng nên trong các năm 1961 - 1965, Chi bộ đã kết nạp được 25 đảng viên mới, xóa được tình trạng “xóm trắng đảng viên”. Những đảng viên được kết nạp đều là những cán bộ có nhiều thành tích trong phong trào vận động nhân dân tham gia hợp tác xã, phát triển kinh tế, phòng chống dịch bệnh tại xã. Công tác kiểm tra kỷ luật Đảng cũng được coi trọng. Đầu năm 1961, Huyện ủy Đồng Hỷ đã cử đoàn công tác xuống xã Quang Trung kết hợp cùng Chi ủy xã kiểm tra, nghiên cứu. Trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm tra (ngày 27/4/1961), một số cán bộ, đảng viên trong Chi bộ xã vi phạm đã bị cấp trên cách chức, khai trừ ra khỏi Đảng.

Về công tác xây dựng chính quyền, cuối tháng 4/1963, cử tri toàn xã đi bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, qua đó bầu chọn được đại biểu xứng đáng tham gia vào bộ máy chính quyền xã. Trong phiên họp đầu tiên, Hội đồng nhân dân bầu ra các chức danh của Ủy ban hành chính: đồng chí Tổng Văn Đăng được bầu giữ chức Chủ tịch. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ ở các xóm cũng được củng cố, kiện toàn với những đồng chí có trách nhiệm và được nhân dân tin tưởng.

Công tác an ninh - quốc phòng trên địa bàn luôn giữ vững. Lực lượng vũ trang trong xã tăng cường rèn luyện, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ, đấu tranh chống lại các luận điệu xuyên tạc của bọn phản động. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy và Ban Chỉ huy Huyện đội, từ năm 1961

đến năm 1965, Chi bộ và Ban Chỉ huy Xã đội đã tiến hành bổ sung nhiều đợt, củng cố lực lượng vũ trang, tổ chức huấn luyện các phương án tác chiến, phòng thủ và bảo vệ trị an. Do làm tốt công tác huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu nên trong nhiều năm liền, Ban Chỉ huy Xã đội được công nhận là đơn vị khá trong toàn huyện.

Cuối năm 1964, đầu năm 1965, trước tình hình chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ ngày càng lan rộng ra miền Bắc, công tác quân sự được Huyện ủy Đồng Hỷ đặc biệt chú trọng. Theo đó, lực lượng vũ trang các xã được tăng cường tập luyện và đặt trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu.

Lực lượng dân quân trên địa bàn xã thời gian này gồm có 3 trung đội. Trung đội 1 (đồng chí Hoàng Vinh được cử làm Trung đội trưởng) là trung đội tăng cường (gồm 32 chiến sỹ) do Huyện đội Đồng Hỷ điều động có nhiệm vụ trực chiến bắn máy bay địch tại khu Ụ Súng (sân kho Gốc Thị ngày nay). Nhiệm vụ của Trung đội 2 (Trung đội trưởng là đồng chí Tống Văn An) và Trung đội 3 (Trung đội trưởng là đồng chí Nguyễn Văn Dao) là bảo vệ kho xăng dầu ở xóm Ngòi Cheo; phát hiện và vô hiệu hóa biệt kích địch. Vũ khí trang bị gồm 1 khẩu trung liên, một số khẩu súng trường K44...

Đồng chí Lâm Văn Vượng - Xã đội trưởng được cử đi học lớp huấn luyện quân sự, chính trị do huyện mở. Đồng

chí Hoàng Văn Bèng làm Chính trị viên Xã đội. Lực lượng dân quân, du kích của xã quán triệt tốt tinh thần “Bảy có” (ống đựng nước, bật lửa, gạo, muối, vũ khí, dây thừng, áo mưa) chủ động ứng phó với mọi tình hình có thể xảy ra. Công tác tập luyện chiến đấu trên địa bàn xã được lồng ghép với công tác tuần tra, bảo vệ xóm.

Đối với công tác tuyển quân, năm 1964, Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh đề ra nhiệm vụ phải coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, ý thức cảnh giác sẵn sàng chiến đấu cho nhân dân. Chính quyền xã phối hợp với các đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ mở đợt tuyên truyền “*Luật Nghĩa vụ quân sự*” cho nhân dân. Trong 2 năm (1964 - 1965), chính quyền xã điều động 14 thanh niên lên đường nhập ngũ.

Được sự chỉ đạo của Huyện ủy, các đoàn thể quần chúng của xã tiến hành bầu bổ sung thêm những người có năng lực, uy tín vào Ban Chấp hành Mặt trận và các đoàn thể. Mặt trận Tổ quốc (do ông Miêu Văn Thắng làm Chủ tịch) thực hiện tốt nhiệm vụ đoàn kết toàn dân, làm tốt công tác vận động đông đảo nhân dân tham gia cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Mặt trận phát huy vai trò tiên phong trong các phong trào, huy động lực lượng lớn người dân tham gia làm thủy lợi, thanh toán nạn mù chữ, tăng gia sản xuất.

Đoàn Thanh niên luôn là lực lượng nòng cốt trong các

cuộc vận động, các chiến dịch và phong trào thi đua. Từ năm 1961 đến năm 1964, mỗi năm Đoàn xã tổ chức một kỳ đại hội nhằm kiện toàn Ban Chấp hành và đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ cùng những biện pháp rèn luyện phấn đấu cho đoàn viên. Nhiều đoàn viên ưu tú được kết nạp Đảng và tham gia lãnh đạo đoàn thể, ban ngành, hợp tác xã.

Hội Phụ nữ thường xuyên vận động chị em đẩy mạnh sản xuất, thực hiện nếp sống khoa học, đảm bảo vệ sinh. Trong các phong trào làm phân bón ruộng, chăn nuôi, phụ nữ là lực lượng tham gia đông đảo và hăng hái nhất. Hội Phụ lão tích cực ủng hộ phong trào bảo trợ dân quân, khuyến khích con cháu lên đường nhập ngũ, trồng cây ven đường làng, ngõ xóm và trồng rừng tập trung...

II. Vừa sản xuất vừa chiến đấu, tích cực chi viện miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược (1965 - 1975)

1. Vừa tổ chức sản xuất vừa tham gia chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)

Trước tình hình đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất bằng không quân và hải quân, tháng 3/1965, Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III đã họp và ra Nghị quyết nêu rõ: "*Nhiệm vụ cấp bách của ta ở miền Bắc lúc này là phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc*

phòng cho hợp với tình hình mới và để cho miền Bắc có đủ sức mạnh nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu bảo vệ miền Bắc...; nhằm đáp ứng yêu cầu chi viện to lớn cho cách mạng miền Nam trong tình hình mới, đồng thời vẫn đáp ứng yêu cầu tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội”⁽¹⁾.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Thái Nguyên, sau khi học tập Nghị quyết của Trung ương Đảng, Huyện ủy Đồng Hỷ xác định: Phải kịp thời chuyển hướng công tác tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng cho phù hợp với tình hình mới; xây dựng quyết tâm chống Mỹ và thắng Mỹ trên cả mặt trận sản xuất và chiến đấu trong cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và nhân dân.

Vào đầu tháng 12/1965, cấp ủy và chính quyền xã Quang Trung tổ chức hội nghị Quân - Dân - Chính - Đảng với thành phần mở rộng bao gồm tất cả đảng viên trong Chi bộ, các Chủ nhiệm hợp tác xã, Xã đội trưởng, Trưởng ban công an xã... để bàn kế hoạch, phương hướng nhiệm vụ trước mắt: chuyển từ thời bình sang thời chiến. Hội nghị quyết định lồng ghép hai nhiệm vụ cơ bản trong thời gian này là vừa sản xuất nâng cao đời sống nhân dân, tích cực

⁽¹⁾ *Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập - Tập 26, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 110.*

chi viện cho chiến trường miền Nam vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ. Trong cuộc họp, Chi bộ yêu cầu các đồng chí Xã đội trưởng và Trưởng ban công an xã báo cáo tình hình chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vũ khí sẵn sàng chiến đấu.

Sau hội nghị, Chi bộ tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị và phát động phong trào thi đua *“Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”* tới toàn thể nhân dân. Đoàn Thanh niên phát động phong trào *“Ba sẵn sàng”*. Hàng chục thanh niên trong xã đã ghi tên tình nguyện, hăng hái lên đường tòng quân cứu nước. Nhiều người mặc dù chưa đến tuổi hoặc thuộc diện ưu tiên vẫn làm đơn xung phong đi bộ đội. Những người ở lại hậu phương hăng hái tham gia sản xuất, học tập và sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, bảo vệ quê hương.

Hội Phụ nữ tiếp tục phát động phong trào *“Ba đảm đang”*, khuyến khích, động viên chồng, con tòng quân giết giặc, tích cực tham gia sản xuất xây dựng đời sống mới và phục vụ chiến đấu bảo vệ quê hương. Các bà mẹ chiến sỹ tích cực động viên con cháu noi gương cha ông lên đường đánh giặc. Mặt trận Tổ quốc xã phát động nhiều phong trào thiết thực. Hội viên Hội Phụ lão hăng hái tham gia phong trào *“Bạch đầu quân”*. Các em học sinh với phong trào *“Kế hoạch nhỏ”* đã góp được hàng trăm ki-lô-gam giấy

loại và hàng trăm cuốn vở gửi tặng học sinh các xã bạn gặp khó khăn.

Được sự hướng dẫn của Huyện đội, Ban Chỉ huy Xã đội cử cán bộ xuống từng xóm vận động nhân dân đào hầm ẩn náu, phòng tránh bom đạn địch. Mỗi gia đình phải có ít nhất một hầm trú ẩn; tại những khu vực công cộng như trường học, chợ, trạm xá và trụ sở Ủy ban hành chính, cấp ủy, chính quyền xã giao cho lực lượng dân quân chỉ tiêu đào hầm cụ thể. Riêng ở trường học, nhà trường huy động các bậc phụ huynh kết hợp đào hầm hào cho con em. Ven các đường trong xóm và đường ra đồng đều có hố trú ẩn cá nhân để nhân dân kịp thời ẩn nấp khi gặp máy bay Mỹ đến bắn phá. Đến cuối năm 1965, 100% các gia đình đã xây dựng được hầm kèo làm nơi trú ẩn tránh bom Mỹ. Trong giai đoạn 1965 - 1968, lực lượng dân quân và nhân dân trong xã đã đào được 1.068 hầm trú ẩn cá nhân và 1,6km hào giao thông tại các trục đường. Các em học sinh, thầy, cô giáo, bà con nông dân hàng ngày ra đồng sản xuất đều đội mũ rơm để tránh mảnh đạn. Mỗi xóm đều thành lập một đội cấp cứu, tải thương.

Công tác huấn luyện dân quân được tiến hành thường xuyên, chủ yếu là huấn luyện về kỹ thuật, chiến thuật đánh máy bay Mỹ, đánh địch đổ bộ đường không gắn liền với rèn luyện thể lực theo phương châm "*Vai ngàn cân, chân vạn dặm*". Bên cạnh tổ dân quân trực chiến, lực lượng

thanh niên xung kích đông đảo cũng được thành lập, có nhiệm vụ đảm bảo giao thông suốt trong mọi tình huống, khắc phục nhanh chóng hậu quả do địch đánh phá hoặc thiên tai gây nên.

Dưới sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy Huyện đội Đồng Hỷ cùng sự giúp đỡ của cấp trên, Ban Chỉ huy Xã đội xây dựng trận địa bắn máy bay ở các khu vực: Núi Kiềng (xóm Trại Gai), đồi Phụ Nữ (xóm Na Quán), đồi Ông Khánh (xóm Ba Cóc), đồi Thai Lặng (xóm Hoàng Gia), đồi Đình Lồng và đồi Ụ Súng (đều thuộc xóm Gốc Thị), đồi Con Phượng. Tại các vị trí trên, xã huy động nhân lực xây dựng hầm hào để đảm bảo an toàn cho lực lượng trực chiến. Nhiều phương án tác chiến chống máy bay địch đánh phá được chuẩn bị chu đáo. Bộ phận trực chiến bố trí thay phiên nhau bám trụ trận địa.

Trong giai đoạn này, một số đơn vị (cả quân sự và dân sự), kho bãi chứa nhiên liệu, thiết bị quân sự của quân đội được đặt tại địa bàn xã như:

1- Trường lái xe quân sự của Quân khu Việt Bắc và trường Trung học Nông - Lâm nghiệp Việt Bắc đóng tại xóm Ngòi Chèo và một phần các xóm Cầu Đất, Trung Lợi, Na Quán, Trại Gião. Phía dưới lòng đất ở xóm Ngòi Chèo, Na Quán, Trại Gião cất chứa hàng nghìn thùng phi (dung tích 200 lít) xăng dầu (đến đầu năm 1975 mới vận chuyển đi hết).

2- Kho K21 của Quân khu Việt Bắc đặt tại xóm Quang Minh chứa hàng nghìn thùng phi dầu luy (đến năm 1966 được vận chuyển đi hết).

3- Kho bãi ở khu vực rừng Dài, xóm Gốc Thị chứa hòm đạn, xe quân sự chuyển về từ ga Khúc Rỗng (hoạt động trong 2 năm 1964 - 1965).

4- Bãi chứa xe tăng thiết giáp T54 (do Liên Xô sản xuất, chuyển từ ga Khúc Rỗng về) tại xóm Gốc Thị (hoạt động trong 2 năm 1966 - 1967).

Chi bộ, chính quyền và nhân dân trong xã đã hết sức quan tâm, tạo mọi điều kiện để các đơn vị trên hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Lần lượt trong các năm 1966 và 1967, Chi bộ xã tổ chức thành công kỳ Đại hội lần thứ VIII (ngày 28/3/1966) và Đại hội lần thứ IX (ngày 2/2/1967). Ban Chấp hành Chi bộ khóa VIII gồm 7 ủy viên, trong đó, Ban Thường vụ Chi ủy gồm 3 ủy viên: đồng chí Lý Văn Hương - Bí thư, đồng chí Nông Văn Tương - Phó Bí thư, đồng chí Hồ Thế Việt - Thường vụ Chi ủy. Ban Chấp hành Chi bộ khóa IX gồm 9 ủy viên, trong đó có 3 đồng chí được bầu vào Ban Thường vụ Chi ủy gồm: Đồng chí Lý Văn Hương - Bí thư, đồng chí Nông Văn Tương - Phó Bí thư, đồng chí Nông Văn Bình - Thường vụ Chi ủy.

Thời gian này, không quân Mỹ tăng cường ném bom

bắn phá tỉnh Bắc Thái. Trong đó, ngày 26/5/1967, máy bay địch ném 22 quả bom phá xuống địa bàn xóm Gốc Thị (nay là địa bàn 3 xóm Gốc Thị, Ao Sen, Quang Minh) làm 2 người chết, 6 người bị thương⁽¹⁾, 25 trâu, bò bị chết, 21 nhà bị cháy và thiệt hại hàng chục héc-ta lúa và hoa màu. Sau vụ tổn thất nặng nề trên, Chi ủy đã chỉ đạo động viên nhân dân trong xã biến đau thương thành hành động, tăng cường công tác phòng không nhân dân, khẩn trương khắc phục hậu quả và sớm ổn định sản xuất.

Bên cạnh công tác sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, xã luôn chú trọng thực hiện nhiệm vụ xây dựng kinh tế - xã hội, nhất là công tác sản xuất nông nghiệp. Vụ mùa năm 1966, xã thực hiện tốt phong trào làm phân bón ruộng, đảm bảo bình quân mỗi mẫu ruộng được bón 2 - 3 tấn phân các loại.

Đầu tháng 7/1968, do nhiều ngày nắng gay gắt gây ra hạn hán kéo dài, nhiều hợp tác xã không có nước cấy. Đầu tháng 8/1968, một trận mưa to kéo dài trên diện rộng làm nước các khe suối ở Đồng Hỷ lên cao, gây lũ lớn. Do đó, toàn bộ diện tích lúa, hoa màu trồng ven các con suối của xã đều bị ngập lụt, 4 cống thủy nông bị hư hỏng nặng.

⁽¹⁾ Số liệu lượng bom, người thiệt mạng và bị thương của xã được trích từ "Nhật ký tác chiến" của Tỉnh đội Bắc Thái. (Tài liệu do Hội đồng thẩm định tỉnh cung cấp).

Để khắc phục thiệt hại do lũ lụt gây nên, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ và chính quyền xã tổ chức lãnh đạo nhân dân chống lụt, bảo vệ sản xuất, tài sản của tập thể và nhân dân. Cuộc vận động chính trị *"Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược"* đã trở thành động lực thúc đẩy hành động cách mạng cụ thể của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc xã Quang Trung khắc phục hậu quả thiên tai, giữ vững và phát triển sản xuất nông nghiệp.

Nhằm hạn chế thiệt hại về người và của do máy bay Mỹ gây ra, trong giai đoạn 1965 - 1968, cấp ủy chỉ đạo các hợp tác xã bố trí cho xã viên ra đồng sản xuất vào sáng sớm, chiều muộn và cả ban đêm, tránh các giờ cao điểm có thể bị máy bay Mỹ ném bom; khi làm đồng người yêu cầu phải nguy trang, lực lượng dân quân vừa sản xuất vừa mang theo vũ khí để sẵn sàng chiến đấu. Toàn xã sôi nổi dấy lên phong trào *"Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt"*, *"Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người"*. Liên tục trong các năm 1965 - 1968, bình quân năng suất lúa của xã đạt trên 60kg/sào/vụ (tương đương 16,67 tạ/ha). Đây là giai đoạn năng suất lúa trên địa bàn ổn định nhất từ trước đến thời điểm bấy giờ. Chăn nuôi gia súc, gia cầm trong hợp tác xã giữ mức ổn định. Xã hoàn thành nghĩa vụ hàng năm về đóng góp lương thực và bán thực phẩm cho Nhà nước.

Chăn nuôi trâu, bò và lợn ngày càng phát triển. Đến

cuối năm 1968, đàn trâu, bò của xã tăng lên 600 con, ngoài ra, xã còn có 915 con lợn và khoảng 3.500 con gia cầm⁽¹⁾. Tuy nhiên, xã vẫn còn hiện tượng một số ít cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu trong việc thực hiện nghĩa vụ thực phẩm đối với Nhà nước, đem thịt lợn bán ra ngoài với giá cao khiến khối lượng thịt lợn hơi bán ra cho Nhà nước giảm. Sự việc trên được cấp ủy, chính quyền kịp thời phát hiện và có biện pháp ngăn chặn hiệu quả.

Công tác khai thác lâm sản, trồng và tu bổ rừng được duy trì tốt. Xã lập ra một đội trồng cây chuyên trách với 11 đội viên. Kết quả, đến năm 1968, toàn địa bàn trồng và tu bổ được 9ha rừng, hàng ngàn cây lấy gỗ và cây bóng mát dọc đường giao thông và dọc các kênh, mương thủy lợi. Đội trồng cây chuyên trách cũng đã trồng được 2 “Đồi cây chống Mỹ” và 1 “Vườn cây kết nghĩa Thái Nguyên - Khánh Hòa”. Các cụ phụ lão và thanh niên, nhi đồng là những người đi đầu trong phong trào trồng cây, gây rừng. Đây cũng là một tiêu chí mà Chi bộ xã đưa ra trong xét thành tích thi đua ở các đoàn thể quần chúng trong suốt giai đoạn chống Mỹ cứu nước.

Công tác y tế đã kịp thời chuyển hướng tạo điều kiện giải quyết kịp thời những khó khăn, đáp ứng được yêu cầu

⁽¹⁾ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Chi bộ khóa IX trình Đại hội Chi bộ xã lần thứ X, ngày 24/5/1969, tr. 3.

phục vụ chiến đấu và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân. Cán bộ y tế xã được tham gia lớp bồi dưỡng do Phòng Y tế huyện tổ chức nhằm nâng cao y đức và trình độ chuyên môn. Cán bộ y tế xã đã hướng dẫn nhân dân cách băng bó vết thương cấp cứu... Thời gian này, để chống máy bay Mỹ, trạm y tế xã chuyển đến kho thóc xóm Quang Trung (khu chợ của xã ngày nay).

Trong giáo dục, trường Phổ thông cấp I thường xuyên duy trì từ 80 - 100 học sinh theo học. Các lớp bổ túc văn hóa trong giai đoạn 1965 - 1968 được duy trì thường xuyên. Ngoài việc đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ, đảng viên, các lớp bổ túc do huyện mở đã bổ túc kiến thức văn hóa cho 69 xã viên. Tổng kết công tác giáo dục 3 năm 1965 - 1968, toàn xã xóa mù chữ được cho 54 người, nâng tổng số người biết đọc, biết viết trong toàn xã lên 76%.

Những kết quả đạt được trên các mặt tư tưởng - chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh là những dẫn chứng sinh động thể hiện vai trò lãnh đạo của Chi bộ, tính tiên phong gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên. Giai đoạn 1965 - 1968, Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân vừa sản xuất, vừa chiến đấu và làm nghĩa vụ hậu phương với tiền tuyến lớn miền Nam. Thông qua các cuộc vận động của Đảng, việc đấu tranh phê bình và tự phê bình trong nội bộ tổ chức Đảng được đẩy mạnh. Một số đảng viên trước đây chưa năng nổ,

đến nay có nhiều chuyển biến tích cực. Tư tưởng hữu khuynh, bảo thủ, thỏa mãn, chủ quan và dao động dần được khắc phục. Công tác xây dựng chi bộ “Bốn tốt” tiếp tục được đẩy mạnh, tiếp thu một cách nghiêm túc những ý kiến đóng góp của quần chúng trong phê bình đảng viên, ý kiến về sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chi bộ.

Cùng với việc nâng cao sức chiến đấu của Đảng và chất lượng đảng viên, Chi bộ xã quan tâm đến công tác xây dựng chính quyền, Mặt trận - đoàn thể. Chấp hành Chỉ thị số 143-CT/TW tháng 2/1967 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1967 - 1969, ngày 30/4/1967, đông đảo cử tri trong xã tham gia bầu cử. Kết quả bầu được 24 đại biểu vào Hội đồng nhân dân xã khóa mới. Ngày 14/5/1967, Hội đồng nhân dân họp phiên đầu tiên bầu các chức danh chủ chốt trong Ủy ban hành chính, đồng chí Nông Văn Tương được tín nhiệm giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã. Đến giữa năm 1967, xã đã xây dựng được trụ sở của Ủy ban hành chính (là căn nhà tạm bằng tranh tre, nứa lá) gồm 3 gian đặt tại xóm Cầu Đất. Ngay từ ngày 7/4/1967, căn cứ vào đề nghị của cơ sở, Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 136-NV đổi tên xã Quang Trung thành xã Nam Hòa⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Tuy vậy, bắt đầu từ ngày 1/1/1975, tên đơn vị hành chính Nam Hòa mới chính thức được sử dụng.

Trong thời gian này, một số đơn vị bộ đội Trung Quốc (chủ yếu sang giúp nước ta làm đường...) đóng tại các xóm Na Quán, Gốc Thị, Trung Lợi, Đồng Chốc... Ngoài ra, họ xây dựng trận địa pháo phòng không ở xóm Trung Lợi. Cùng với đó, lực lượng thanh niên xung phong đảm bảo giao thông tuyến đường 16 cũng thường xuyên túc trực trên địa bàn. Cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã đã tích cực giúp đỡ các đơn vị trên hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao phó.

Bị thất bại nhiều trên chiến trường miền Nam, thiệt hại nặng nề trong cuộc leo thang chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam lần thứ nhất cùng sức ép của phong trào phản chiến trong lòng nước Mỹ và sự phản đối của dư luận quốc tế, ngày 31/3/1968, tổng thống Giôn-xơn buộc phải tuyên bố chấm dứt ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra Bắc. Đến ngày 1/11/1968, đế quốc Mỹ buộc phải chính thức ngừng ném bom hoàn toàn miền Bắc.

2. Khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục chi viện tiền tuyến miền Nam và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (1968 - 1972)

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ của nhân dân ta đã giành thắng lợi to lớn ở cả hai miền Nam - Bắc, buộc đế quốc Mỹ phải đơn phương chấm dứt mọi hành động chiến tranh đối với miền Bắc

Việt Nam, chấp nhận đàm phán 4 bên ở Pa-ri (thủ đô nước Pháp). Năm 1969, sau khi trúng cử tổng thống Hoa Kỳ, Ních-xơn liền áp dụng chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*” ở miền Nam. Cách mạng nước ta bước sang giai đoạn mới gay go, phức tạp hơn. Trước tình hình mới, Bộ Chính trị đã đề ra nhiệm vụ đối với miền Bắc là phải tranh thủ thời gian để khôi phục kinh tế và phát triển sản xuất, đẩy mạnh tốc độ xây dựng chủ nghĩa xã hội; tăng cường tiềm lực kinh tế quốc phòng, đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu đập tan mọi âm mưu phá hoại của đế quốc Mỹ.

Trong không khí toàn dân miền Bắc nói chung và nhân dân trong xã đang tích cực trên mặt trận sản xuất, làm hậu phương vững chắc cho tiền tuyến miền Nam đánh tan giặc Mỹ, ngày 24/5/1969, Chi bộ xã tổ chức Đại hội lần thứ X với sự có mặt của 49 đảng viên trong toàn Chi bộ. Đại hội nhấn mạnh đến những thắng lợi căn bản trên các mặt sản xuất, chiến đấu trong những năm 1965 - 1968, đồng thời xác định nhiệm vụ trước mắt là: Lãnh đạo nhân dân phục hồi kinh tế, phát triển văn hóa, củng cố lực lượng vũ trang, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu nếu đế quốc Mỹ tiếp tục quay trở lại đánh phá miền Bắc.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Chi bộ khóa mới gồm 9 ủy viên. Đồng chí Lý Văn Hương được bầu làm Bí thư, đồng chí Miêu Thị Nguyệt làm Phó Bí thư, đồng chí Hà Ngọc Lan - Thường vụ Chi ủy. Đây là Đại hội có tính chất đột

phá về nhân sự trong công tác cán bộ của Chi bộ xã. Kể từ khi thành lập (tháng 12/1946) đến nhiệm kỳ này, lần đầu tiên Chi bộ có nữ Phó Bí thư. Đó là kết quả của sự quan tâm bồi dưỡng, giúp đỡ của Chi ủy khóa trước cũng như nhờ quá trình phấn đấu không ngừng của cá nhân đồng chí Miêu Thị Nguyệt. Chi bộ xã Quang Trung cũng là một trong 3 chi bộ đầu tiên trong huyện có đảng viên nữ (đồng thời là người dân tộc thiểu số) được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Ngay sau Đại hội, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi ủy, chính quyền và Ban quản trị các hợp tác xã bắt tay vào thực hiện các kế hoạch sản xuất với quyết tâm theo tinh thần Nghị quyết 175 của Bộ Chính trị: *"Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược"*. Tại nhiều xã của Đồng Hỷ thời điểm này tiến hành cuộc cải tiến hợp tác xã lần 2, hợp nhất các hợp tác xã nhỏ thành các hợp tác xã lớn theo quy mô liên xóm hoặc toàn xã. Tuy nhiên, tại địa bàn xã, do địa hình rộng, dân số phần đông là đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ hợp tác xã còn yếu nên Chi bộ, chính quyền xã quyết định không hợp nhất mà duy trì hoạt động của các hợp tác xã theo quy mô xóm và liên xóm.

Trong 2 năm 1969 - 1970, thời tiết tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, Nhà nước lại có chính sách mới về ổn định nghĩa vụ đóng góp lương thực của các hợp tác

xã nên đã động viên tinh thần hăng hái của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã. Các biện pháp làm phân bón, thủy lợi được phát huy mạnh mẽ. Nhờ vậy, năng suất lúa năm sau cao hơn năm trước.

Được sự chỉ đạo của Ủy ban hành chính xã, hợp tác xã mạnh dạn thay đổi giống cũ, năng suất thấp (Ba giảng, Lầu vắn, lúa Câu...) bằng các loại giống mới cho năng suất cao như Mộc tuyền, đồng thời tập trung trồng hoa màu, đặc biệt là ngô, khoai, sắn. Cây chè cũng được trồng trên các nương bãi. Các hợp tác xã nông nghiệp Hoàng Gia, Chí Sơn, Trại Gai... đã trồng mới được trên 5ha chè. Để đảm bảo nguồn nước cho sản xuất, cấp trên đã phát động nhiều phong trào thi đua trong xã viên toàn huyện, tiêu biểu như *"Toàn dân tham gia làm thủy lợi, kiến thiết nội đồng"*. Phong trào nhanh chóng được hưởng ứng, ngoài việc khai thông các mương dẫn nước, đối với những chân ruộng trũng, bà con xã viên tiến hành khoanh vùng nhỏ, đắp bờ vùng, bờ thửa.

Các hợp tác xã nông nghiệp tiếp tục triển khai điều lệ hợp tác xã đến toàn thể xã viên, thông qua đó tinh thần làm chủ tập thể của xã viên, tình đoàn kết, tương trợ trong nội bộ hợp tác xã được nâng lên; trình độ quản lý của cán bộ, xã viên được tăng cường. Tình trạng "rong công phóng điểm" được kiềm chế phần nào. Các đội chuyên thủy lợi, làm phân, chăn nuôi, trồng trọt... được tổ chức sắp xếp lại

cho phù hợp. Sản lượng lương thực quy thóc toàn xã năm 1970 đạt khoảng 800 tấn.

Cùng với sản xuất lương thực, các hợp tác xã tiếp tục đẩy mạnh chăn nuôi tập thể, khuyến khích các hộ gia đình chăn nuôi thêm để cải thiện đời sống. Cuối năm 1970, tổng đàn trâu, bò toàn xã có gần 700 con, đàn lợn 723 con (trong đó lợn nái có 43 con), đàn gia cầm bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh nên chỉ duy trì được 1.900 con.

Tuy vậy, cũng như nhiều xã khác trong huyện Đồng Hỷ, sản xuất nông nghiệp của xã giai đoạn này chưa vững chắc, diện tích, năng suất, sản lượng tăng giảm bấp bênh, chăn nuôi tập thể kém phát triển. Một trong những nguyên nhân là do đội ngũ cán bộ nhất là Ban quản trị các hợp tác xã còn hạn chế về trình độ văn hóa và chuyên môn quản lý kinh tế. Công tác quản lý lao động, quản lý cơ sở vật chất nhất là quản lý tài vụ yếu kém. Một số hợp tác xã như Đồng Chốc, Na Quán, Na Tranh... trong 3 năm liền (1969 - 1971) không quyết toán được tài chính. Tình trạng tham ô, lợi dụng công quỹ cũng xảy ra ở nhiều hợp tác xã khác. Các phương án ăn chia sản phẩm theo định suất không đảm bảo mức tối thiểu. Nhiều hộ gia đình xã viên có đông nhân lực chỉ làm đủ phần ăn chia còn lại tìm cách làm thêm bên ngoài. Do vậy, kinh tế hợp tác xã nhiều lúc, nhiều nơi bị trì trệ. Thực tế tại 3 hợp tác xã Hoàng Gia, Chí Sơn, Đồng Mỏ (là những hợp tác xã có phong trào sản

xuất tốt ở các giai đoạn trước), thu nhập từ kinh tế tập thể chỉ chiếm bình quân 40% tổng thu nhập hàng năm của các hộ xã viên.

Công tác quản lý sản xuất yếu kém cộng với trình độ sản xuất còn lạc hậu dẫn đến năng suất, sản lượng cây trồng thấp, kéo theo mức thu nhập theo công điểm thấp khiến cho người nông dân không thiết tha với đồng ruộng, với hợp tác xã; phần đóng góp lương thực cho Nhà nước của xã thường xuyên thiếu hụt: Năm 1969 thiếu 2,1 tấn; năm 1970 thiếu 3,5 tấn; năm 1972 thiếu 3,8 tấn. Từ một xã xếp loại khá trong toàn huyện những năm trước về nộp nghĩa vụ cho Nhà nước, Quang Trung trở thành một trong những xã có phong trào yếu kém. Đây là một trong những mặt hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Chi bộ và chính quyền xã lúc bấy giờ. Một số cán bộ, đảng viên trong xã cũng nợ đọng sản phẩm nên không thực sự động viên, thuyết phục được nhân dân noi theo.

Giai đoạn 1969 - 1972, sản xuất lâm nghiệp của xã gặp nhiều khó khăn do nạn đốt, phá rừng làm nương rẫy xảy ra nghiêm trọng. Nguyên nhân là do cấp ủy Đảng, chính quyền chưa có biện pháp quản lý, giáo dục, ngăn chặn hiệu quả; chưa tổ chức được nhóm chuyên tu bổ, bảo vệ rừng. Mặt khác, việc làm nương rẫy có thu nhập cao hơn so với làm ruộng nên số người tham gia đốt rừng làm nương, rẫy ngày càng tăng. Do sa sút trong công tác quản lý nên

phong trào trồng cây gây rừng mà Chi bộ phát động thường niên không thực sự thu hút được đông đảo nhân dân tham gia như giai đoạn trước. Đây cũng là lý do dẫn đến trong 3 năm, toàn xã chỉ trồng mới được 2,5ha rừng đồi và hơn 600 cây ở dọc các trục đường giao thông (chỉ bằng 50% so với giai đoạn trước).

Trong lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đang trên đà thắng lợi thì một tổn thất lớn đến với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta: Ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc ta qua đời. Trong nỗi đau thương vô hạn, Chi bộ Đảng và nhân dân xã Quang Trung đã tổ chức trọng thể lễ truy điệu và để tang Người. Biến đau thương thành hành động cách mạng, Chi bộ Đảng xã tiến hành đợt sinh hoạt chính trị đặc biệt: *"Quyết tâm thực hiện Di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, ra sức xây dựng Đảng và phát triển kinh tế địa phương vững mạnh, góp phần cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược"*. Cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã đoàn kết chặt chẽ, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Tháng 5/1970, Huyện ủy Đồng Hỷ tổ chức cuộc họp bàn triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 195-NQ/TW ngày 6/3/1970 của Bộ Chính trị về việc *"Nâng cao chất lượng đảng viên, kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh"* với

sự tham gia của hầu hết các cán bộ chủ chốt là các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ và Tổ trưởng tổ Đảng trực thuộc. Trong cuộc vận động này, Chi bộ đã kết nạp thêm 11 đảng viên nâng tổng số đảng viên trong Chi bộ lên 65 đồng chí; đồng thời đưa 4 đảng viên liên quan đến việc phát rừng làm nương rẫy, tảo hôn, bói toán ra khỏi Đảng. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy Đồng Hỷ, Chi bộ xã triển khai thực hiện 3 cuộc vận động chính trị lớn: 1- Lao động sản xuất; 2- Phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên; 3- Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh.

Từ năm 1969 đến năm 1972, nhiệm vụ xây dựng Đảng tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của cấp trên. Năm 1969, thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái và Huyện ủy Đồng Hỷ, Chi bộ xã phát động phong trào toàn dân xây dựng Đảng. Quần chúng nhân dân được phát huy quyền dân chủ, thẳng thắn góp ý, phê bình đảng viên và giới thiệu các đảng viên có năng lực, phẩm chất tốt vào cấp ủy. Biện pháp này có tác dụng to lớn trong việc củng cố tổ chức Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và dân. Cũng nhờ đó, những biểu hiện quan liêu, hách dịch của một số cán bộ, đảng viên được khắc phục.

Công tác chính quyền có nhiều cố gắng duy trì nề nếp

làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Hoạt động của các đoàn thể góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã. Các cụ phụ lão tham gia phong trào "*Bạch đầu quân*", vận động con cháu tham gia lao động sản xuất và tòng quân đánh giặc. Hội Phụ nữ xã phát động phong trào "*Ba đảm đang*", khuyến khích, động viên chồng con lên đường ra mặt trận, tích cực tham gia sản xuất xây dựng đời sống mới và phục vụ chiến đấu bảo vệ quê hương. Các em học sinh có phong trào kế hoạch nhỏ và tham gia "*Công tác Trần Quốc Toản*", giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình bộ đội... Toàn xã dấy lên phong trào thi đua yêu nước sôi nổi, hướng ra tiền tuyến, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc.

Trên mặt trận tư tưởng văn hóa, Chi bộ đã tiến hành tuyên truyền rộng rãi trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân chủ trương, đường lối của Đảng về nhiệm vụ phát triển kinh tế trong giai đoạn mới, chống mê tín dị đoan, giáo dục con người mới, học tập những tấm gương trên lĩnh vực sản xuất, chiến đấu, giáo dục, văn hóa... Thông qua các hoạt động văn hóa để giáo dục những suy nghĩ lệch lạc, bảo thủ, những biểu hiện không nghiêm chỉnh trong chấp hành pháp luật, xây dựng nếp sống mới ở nông thôn... Từ đó góp phần đẩy lùi những tập tục mê

tín dị đoan ăn sâu vào tiềm thức đồng bào các dân tộc trong xã. Hoạt động văn nghệ của xã cũng được duy trì thường xuyên, nòng cốt là đội văn nghệ của các xóm, luôn bám sát nhiệm vụ chính trị tại cơ sở, ca ngợi Đảng và Bác Hồ, động viên nhân dân sản xuất, thôi thúc thanh niên lên đường nhập ngũ.

Công tác huấn luyện dân quân của xã đảm bảo chất lượng được Ban Chỉ huy Huyện đội xếp loại khá trong 3 năm liền. Trong khi đó, địch tiếp tục bị thất bại nặng nề trên chiến trường miền Nam. Để cứu vãn tình hình, ngày 6/4/1972, đế quốc Mỹ bắt đầu leo thang chiến tranh trở lại phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân lần thứ hai.

Trước hành động hiếu chiến của kẻ thù, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái, Huyện ủy Đồng Hỷ gấp rút mở nhiều cuộc họp, hội nghị và ra nhiều chỉ thị về công tác phòng không sơ tán, sẵn sàng chiến đấu. Được sự giúp đỡ của cán bộ quân sự huyện, đồng thời rút kinh nghiệm từ cuộc chiến chống chiến tranh phá hoại của Mỹ giai đoạn trước, Chi bộ, chính quyền và nhân dân trong xã đã tiến hành tổ chức sơ tán triệt để nhiều gia đình, nhà kho hợp tác xã, cơ sở trường học có thể trở thành mục tiêu ném bom của máy bay Mỹ. Ngày 24/5/1972, máy bay Mỹ ném bom bắn phá nhà máy điện Cao Ngạn, cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh phá hoại lần thứ hai của quân dân tỉnh Bắc Thái chính thức

bắt đầu.

Bắc Thái nằm trong địa bàn trung chuyển hàng hóa, phương tiện quân sự vào chiến trường miền Nam theo đường bộ. Do vậy, từ tháng 6/1972, Bắc Thái được Trung ương giao cho nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải, tiếp nhận lương thực, thực phẩm, phương tiện chiến tranh từ Cao Bằng, Lạng Sơn theo các trục đường giao thông chiến lược. Để thực hiện nhiệm vụ vinh quang song cũng không kém phần khó khăn này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định tập trung mọi lực lượng phục vụ giao thông vận tải, đảm bảo giao thông thông suốt, kịp thời trong mọi tình huống là nhiệm vụ trọng tâm số một.

Về công tác tuyển quân đợt 2 (tháng 4 và tháng 5) năm 1972, xã huy động được 29 thanh niên nhập ngũ. Theo Báo cáo số 06/BC/ĐH ngày 28/5/1972 của Huyện ủy Đồng Hỷ về công tác chiến đấu và phục vụ chiến đấu, xã đạt 70% chỉ tiêu tuyển quân.

Ngày 25/10/1972, tại kho hợp tác xã xóm Trại Gai, Chi bộ xã tổ chức Đại hội lần thứ XI. Đại hội dành nhiều thời gian bàn công tác thúc đẩy sản xuất trong tình trạng bị uy hiếp của máy bay Mỹ đồng thời nhấn mạnh nhiệm vụ trước mắt là thực hiện thắng lợi vụ đông xuân 1972 - 1973, rút kinh nghiệm trong công tác phòng không sơ tán và công tác chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Đại hội bầu Ban

Chấp hành Chi bộ khóa mới gồm 11 đồng chí. Đồng chí Nông Văn Tương⁽¹⁾ được bầu giữ chức Bí thư, đồng chí Lâm Văn Vượng làm Phó Bí thư, đồng chí Hà Ngọc Lan làm Thường vụ Chi ủy.

Từ ngày 18 đến ngày 30/12/1972, đế quốc Mỹ mở một cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Thủ đô Hà Nội, các thành phố Hải Phòng, Thái Nguyên... Vào hồi 9 giờ sáng và 10 giờ 30 phút đêm ngày 29/12/1972, địa bàn Quang Trung bị rung chuyển bởi tốp máy bay Mỹ trút hàng tấn bom xuống các xóm Mỹ Lập, Đồng Chốc, Gốc Thị, Bờ Suối, Quang Minh, Ao Sen làm chết 13 người⁽²⁾, làm bị thương hàng chục người và làm đổ nát nhiều nhà ở; cày xới, hư hỏng 40 mẫu ruộng và để lại hàng trăm hố bom sâu tại các xóm Mỹ Lập, Đồng Chốc, Gốc Thị, Bờ Suối, Ao Sen, Trại Gai, Chí Sơn; thiệt hại 2 kho thiết bị máy của Xí nghiệp Mỏ sắt Trại Cau sơ tán tại xóm Ao Sen; một kho ô tô, xe ủi mới nhập về lấy từ ga Khúc Rỗng bị đốt cháy.

Cầm thù trước hành động dã man của quân thù, lực

⁽¹⁾ Theo hồ sơ lý lịch đảng viên, đồng chí Nông Văn Tương khai làm Bí thư đến tháng 12/1973. Tuy nhiên, trong Nghị quyết số 119/NQ/ĐH ngày 30/9/1975 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Đồng Hỷ có ghi rõ đồng chí Nông Văn Tương làm Bí thư từ năm 1972 đến năm 1974.

⁽²⁾ Trong đó có 5 thanh niên xung phong của Đại đội 913 đang làm nhiệm vụ tu sửa đường 16 và 2 đồng chí bộ đội đang làm nhiệm vụ trông coi bãi ô tô, xe ủi vừa chuyển từ ga Khúc Rỗng về đặt tại xóm Gốc Thị.

lượng dân quân xã ra sức chiến đấu và phục vụ chiến đấu góp phần cùng quân dân tỉnh bắn rơi 10 máy bay Mỹ, trong đó có 2 máy bay B52, bắt sống nhiều giặc lái. Trong các đợt ném bom của Mỹ xuống địa bàn tỉnh, lực lượng đoàn viên, thanh niên trong xã luôn nêu cao tinh thần xung kích, phối hợp chặt chẽ với các xã bạn trong công việc san lấp hố bom, sửa chữa cầu đường, đảm bảo giao thông.

Đi liền với công tác chiến đấu, trên mặt trận sản xuất, cuối năm 1972, xã huy động nhân dân khẩn trương san phẳng các hố bom trên ruộng đồng ở những khu vực bị không quân địch oanh tạc để kịp gieo cấy vụ đông xuân. Các hợp tác xã quan tâm đến vấn đề phân bón và chủ động về nguồn nước cho các diện tích khô hạn. Mặc dù năng suất và sản lượng vụ đông xuân của xã không cao hơn các xã khác (đạt 68kg/sào), đời sống xã viên còn khó khăn nhưng đây là năm đầu tiên sau nhiều năm liền, xã đóng góp đủ nghĩa vụ lương thực cho Nhà nước với 10,6 tấn.

Giai đoạn này, kể cả trong tình hình chiến sự cam go, ác liệt vào những ngày cuối tháng 12/1972, công tác giáo dục luôn được Chi bộ, chính quyền, các ban ngành và nhân dân trong xã quan tâm. Địa bàn xã Quang Trung trở thành trọng điểm về giáo dục, ngoài việc có trường Phổ thông cấp I như các xã khác trong vùng, vào tháng 8/1969, cấp trên quyết định mở trường Thanh niên Dân tộc nội trú

của vùng đất tại đình Đồng Chốc, xóm Đồng Chốc. Nơi đây có diện tích mặt bằng rộng, gần Quốc lộ 16, có những cây đa cổ thụ hàng trăm tuổi, có ao, hồ nước lớn. Năm học đầu tiên (1969 - 1970), trường có 100 học sinh do thầy Đào Viết Huệ làm Hiệu trưởng⁽¹⁾. Nhà nước bao cấp hoàn toàn, có cơ sở trường lớp, nơi ăn ở, được cấp quần áo, sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Học sinh vừa học tập vừa tăng gia sản xuất nhằm cải thiện bữa ăn.

3. Phát triển kinh tế - xã hội, chi viện cho sự nghiệp giải phóng miền Nam (1973 - 1975)

Hiệp định Pa-ri được ký kết ngày 27/1/1973 buộc đế quốc Mỹ phải rút hết quân viễn chinh và quân đồng minh khỏi miền Nam Việt Nam, đánh dấu thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ngày 22/4/1973, Chi bộ xã mở cuộc họp Quân - Dân - Chính - Đảng mở rộng có sự tham gia của đông đảo các thành phần là đảng viên, cán bộ chính quyền, mặt trận và

⁽¹⁾ Hiệu trưởng kế nhiệm trong thời kỳ 1970 - 1980 lần lượt là các thầy: Lý Năng, Nguyễn Trọng Đức, Đỗ Hữu Huân. Đến năm 1979, trường giải thể, Lữ đoàn Tăng - thiết giáp 273 thuộc Quân đoàn 3 từ Cam-pu-chia ra tiếp quản cơ sở vật chất của trường và nơi đây trở thành địa điểm đặt Sở Chỉ huy. Năm 1988, khu vực trên được sử dụng làm kho tăng thiết giáp. Đến năm 1990, kho xe tăng thiết giáp chuyển về khu trung tâm xã hiện nay. Năm 1993, địa phương sử dụng một phần khu đất trên để xây dựng trường Tiểu học số 2 Nam Hòa, phần còn lại xây Trung tâm văn hóa xã.

các đoàn thể để tổng kết, đánh giá những thành tựu và hạn chế trong giai đoạn 1969 - 1973. Trên cơ sở quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Bắc Thái, Huyện ủy Đồng Hỷ, hội nghị đã thống nhất xác định nhiệm vụ của toàn Chi bộ, chính quyền và nhân dân trong xã ở thời điểm trước mắt là: Tập trung sức lực phát triển nền kinh tế nông - lâm nghiệp, chú trọng vào sản xuất lương thực, cải thiện đời sống; hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; tăng cường củng cố tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng; hoàn thành nhiệm vụ chi viện cho tiền tuyến. Hội nghị nhất trí các chỉ tiêu ngắn hạn do Chi ủy đề xuất.

Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được duy trì. Đến ngày 30/10/1975, xã có 516/582 hộ (chiếm 96,4%) vào hợp tác xã⁽¹⁾. Để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, tăng năng suất và sản lượng lương thực, được sự chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ và chính quyền xã đầu tư cơ cấu giống cho từng vụ và đầu tư phân bón cho đồng ruộng. Các hợp tác xã hướng dẫn xã viên làm bèo hoa dâu, làm phân xanh, sử dụng phân hóa học và áp dụng các biện pháp kỹ thuật liên hoàn vào sản xuất. Giai đoạn 1973 - 1975, trung bình mỗi mẫu ruộng được bón từ 2,2 - 2,5 tấn

⁽¹⁾ Theo biên bản cuộc họp Ban Thường vụ Chi ủy họp ngày 30/10/1975. Tài liệu lưu trữ tại văn phòng Đảng ủy xã Nam Hòa.

phân các loại. Năng suất vụ hè thu năm 1975 đạt khoảng 17,2 tạ/ha. Theo thống kê, sản lượng lương thực năm 1973 của xã đạt 828,6 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 16,4kg/tháng⁽¹⁾.

Nhận rõ mối quan hệ giữa trồng trọt và chăn nuôi, hợp tác xã chú trọng phát triển chăn nuôi, đầu tư xây dựng thêm chuồng trại. Đàn lợn phát triển mạnh ở cả hai lĩnh vực chăn nuôi gia đình và chăn nuôi tập thể. Đến ngày 1/10/1974, toàn xã có 1.072 con trâu, 3 con bò, 1.137 con lợn...⁽²⁾

Tuy nhiên, việc thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm với Nhà nước vẫn còn những hạn chế. Nổi cộm như trong năm 1975, địa phương chỉ thực hiện được 54% định mức thuế nông nghiệp cho Nhà nước. Mặc dù vậy, trong công tác bán thực phẩm nghĩa vụ cho Nhà nước, địa phương vẫn đạt những thành tích nhất định, tổng khối lượng tăng từ 2,6 tấn (năm 1974) lên 3,6 tấn (năm 1975).

Công tác kiểm tra, đôn đốc hợp tác xã thường xuyên được tiến hành, phần nào uốn nắn được những lệch lạc trong đội ngũ cán bộ và giải quyết vướng mắc của nhân dân trong việc phân phối sản phẩm. Tuy nhiên, tình hình chung của nhiều địa bàn trong tỉnh, huyện thời kỳ này, vai trò lãnh đạo của Chi bộ Đảng trong các hợp tác xã có

^{(1), (2)} *Thống kê tình hình sản xuất nông nghiệp huyện Đồng Hỷ giai đoạn 1971 - 1975. Tài liệu lưu trữ tại văn phòng Ủy ban huyện Đồng Hỷ.*

hiều giảm sút. “Cấp ủy, đảng viên coi nhẹ phong trào hợp tác xã, có nơi buông trôi lãnh đạo, tính tiên phong gương mẫu của đảng viên không được đề cao, có đảng viên giao việc không nhận, một số đảng viên xin ra khỏi hợp tác xã, gây bè kéo cánh, mất đoàn kết nội bộ”⁽¹⁾.

Tại xã Quang Trung, những năm 1972 - 1975 có 11 trường hợp đảng viên xin ra khỏi hợp tác xã, 2 đồng chí từ chối nhận nhiệm vụ quản lý hợp tác xã. Thực hiện Chỉ thị số 192/TW ngày 26/10/1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về việc đưa những người không đủ tư cách Đảng viên ra khỏi Đảng trong cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên lớp Hồ Chí Minh”, những đồng chí này đều bị Huyện ủy triệu tập và yêu cầu Chi ủy kỷ luật từ khiển trách đến khai trừ khỏi Đảng.

Để làm tốt công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng, năm 1973, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Ban Chi ủy xã mở 4 đợt sinh hoạt chính trị nhân các dịp lễ lớn và hưởng ứng “Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương”. Cùng với đó, cấp ủy cũng tổ chức nhiều đợt học tập các Nghị quyết 22, 33 của Tỉnh ủy Bắc Thái về củng cố và xây dựng hợp tác xã. Qua học tập, đông đảo các đảng viên trong Chi bộ nhận thức sâu sắc hơn về nhiệm vụ của mỗi người trong

⁽¹⁾ Báo cáo 15 năm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp của Ban Thường vụ Huyện ủy Đồng Hỷ, tháng 3/1975.

công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Cũng trong năm 1973, công tác giáo dục chính trị - tư tưởng của Chi bộ được Huyện ủy xếp loại khá, 12 đồng chí trong Chi bộ đã học xong “4 bài chính trị cơ bản”, 5 đồng chí được cử đi học tại trường Đảng các cấp.

Sau cuộc vận động “*Nâng cao chất lượng đảng viên*” và đợt học tập Nghị quyết số 228-NQ/TW ngày 12/1/1974 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 225 về công tác cán bộ, đội ngũ cán bộ chủ chốt của xã được quy hoạch lại là những đồng chí đã qua bổ túc văn hóa, được cử đi học các lớp về quản lý kinh tế. Việc quản lý lao động trong hợp tác xã có chuyển biến tốt hơn. Tính dân chủ trong quần chúng xã viên được phát huy, tạo điều kiện thúc đẩy các hoạt động sản xuất trong hợp tác xã phát triển.

Ngày 11/8/1974, Chi bộ xã tổ chức Đại hội lần thứ XII. Đại hội nhấn mạnh: Lấy sản xuất nông nghiệp làm trung tâm, kết hợp phát triển kinh tế với văn hóa - xã hội, chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ y tế, giáo dục, đẩy mạnh hơn một bước về xây dựng đời sống văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Chi bộ mới gồm 11 đồng chí. Đồng chí Lâm Văn Vượng được bầu giữ chức Bí thư, đồng chí Trần Công Đức làm Phó Bí thư, đồng chí Hà Ngọc Lan - Thường vụ Chi ủy. Trong số 11 đồng chí trong Ban Chi ủy mới có 3 đồng chí dưới 35 tuổi - đây là một trong

những phấn đấu không ngừng của Chi bộ trong công tác, *“dám tin tưởng, giao nhiệm vụ cho lớp trẻ”*⁽¹⁾.

Ngay sau Đại hội, cùng với việc chú trọng phát triển kinh tế, các hoạt động y tế, văn hóa, giáo dục tiếp tục có bước kế thừa và hoạt động ngày càng có nề nếp. Phong trào thi đua *“Hai tốt”* noi gương các trường tiên tiến vẫn được giữ vững. Phong trào *“Toàn dân chung sức giáo dục, chăm sóc, bảo vệ thiếu niên nhi đồng”* được duy trì đều đặn. Hoạt động y tế và phong trào vệ sinh phòng bệnh có những chuyển biến tốt, kịp thời phát hiện và điều trị các bệnh thông thường, bảo vệ sức khỏe cho cán bộ và nhân dân. Công tác thông tin tuyên truyền, văn nghệ, thể dục thể thao được đẩy mạnh. Xã sử dụng loa nén để thông báo chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ trọng tâm của huyện, xã, thông tin về cuộc chiến đấu của quân và dân ta trên chiến trường, góp phần động viên phong trào thi đua sản xuất của nhân dân.

Trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn, xã vẫn cố gắng hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm với Nhà nước, tích cực chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam. Để yên lòng người ra mặt trận, trực tiếp cầm súng chiến đấu với kẻ thù, cấp ủy và chính quyền xã quan tâm

⁽¹⁾ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Chi bộ xã khóa XII trình Đại hội Chi bộ lần thứ XIII, ngày 27/12/1975, tr. 8.

đến việc làm tốt chính sách hậu phương quân đội. Các chế độ, tiêu chuẩn của Nhà nước ban hành đối với gia đình thương binh, liệt sỹ và quân nhân tại ngũ được chấp hành nghiêm túc và thực hiện đầy đủ. Nhờ làm tốt công tác tuyển quân, trong giai đoạn 1973 - 1975, xã có 42 thanh niên lên đường chiến đấu, đạt 102% chỉ tiêu huyện giao.

Các đoàn thể quần chúng ngày càng phát huy vai trò tổ chức và động viên quần chúng thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị. Mặt trận Tổ quốc phát huy tốt vai trò, chức năng của mình, thực sự là trung tâm đoàn kết, phát động nhân dân hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ. Hàng năm, Mặt trận đều tổ chức hội nghị sơ kết để biểu dương, khen ngợi các tổ chức đoàn thể, cá nhân có nhiều thành tích. Trong nhiệm kỳ, Đoàn Thanh niên đã tổng kết phong trào "*Ba sẵn sàng*" và phát động phong trào "*Tình nguyện lao động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*". Hội Phụ nữ xã với phong trào "*Ba đảm đang*", phát huy vai trò quan trọng trong mọi hoạt động. Hội đồng viên hội viên làm tốt nhiệm vụ sản xuất, cấy trồng hàng, kịp thời vụ, chú trọng phát triển chăn nuôi theo hộ gia đình. Chị em còn động viên chồng, con đi bộ đội và xây dựng các công trình cơ bản, vận động thực hành tiết kiệm. Hội Phụ lão động viên con cháu đi bộ đội.

Ngày 30/4/1975, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam hoàn thành, non sông thu về một mối. Trong niềm

hân hoan của cả dân tộc, đầu tháng 5/1975, Chi bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Nam Hòa tổ chức mít tinh chào mừng ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Sau đó, đoàn cán bộ và nhân dân trong xã tham gia mít tinh tại huyện, biểu dương sự lớn mạnh của các lực lượng trên địa bàn xã, đánh dấu kết thúc chặng đường cùng nhân dân cả nước đấu tranh thống nhất Tổ quốc; bước vào thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Ngày 27/12/1975, Đại hội Chi bộ xã Nam Hòa lần thứ XIII được tổ chức. Đại hội khẳng định những kết quả đã đạt được của nhân dân cả nước nói chung, đồng bào các dân tộc Nam Hòa nói riêng trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước là thành tựu vô cùng to lớn. Những bài học kinh nghiệm trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là tiền đề để Chi bộ, chính quyền và nhân dân Nam Hòa tập trung mọi thế mạnh sẵn có, khắc phục những hạn chế để phát triển, xây dựng quê hương. Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu trong những năm tiếp theo là: Lãnh đạo nhân dân khôi phục kinh tế, phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa - xã hội. Bên cạnh đó, nhiệm vụ củng cố tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng là nhiệm vụ trọng tâm, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của địa phương.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Chi bộ khóa mới gồm 11 ủy

viên. Đồng chí Lâm Văn Vượng được bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hà Ngọc Lan làm Phó Bí thư, đồng chí Hồ Trung Liên - Thường vụ. Tại thời điểm này, Chi bộ Nam Hòa có 8 tổ Đảng với 61 đảng viên tham gia sinh hoạt.

*

*

*

Như vậy, trải qua 21 năm (1954 - 1975) vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa trực tiếp chiến đấu và chi viện cho chiến trường miền Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược, Chi bộ và nhân dân các dân tộc xã Quang Trung (Nam Hòa) đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh và giành được những kết quả quan trọng.

Giai đoạn 1954 - 1965, Chi bộ lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế - xã hội, sửa sai trong giảm tô và chỉnh đốn tổ chức, cải tạo quan hệ xã hội chủ nghĩa và thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất. Năm 1958, hợp tác xã nông nghiệp đầu tiên của xã ra đời, xác lập mối quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trên quê hương. Năm 1960, Chi bộ và nhân dân trong xã bắt tay thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu quan trọng: Xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán lần lượt ra đời. Cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Quang Trung luôn nỗ lực trong việc

nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn, xây dựng và củng cố hệ thống chính trị.

Về thực hiện nghĩa vụ hậu phương với tiền tuyến lớn miền Nam, ngoài số lượng đáng kể về lương thực, thực phẩm, trong 21 năm (1954 - 1975), xã đã động viên hàng trăm thanh niên lên đường chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Tính riêng trong giai đoạn 1965 - 1975, toàn xã có 128 con em lên đường nhập ngũ, có mặt trên khắp các chiến trường. Trong số đó, có 21 người con quê hương đã anh dũng hy sinh, 11 thương binh, 1 bệnh binh và 33 nạn nhân chất độc màu da cam. Với những cống hiến trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hàng trăm cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã vinh dự được Đảng, Nhà nước cùng các cấp, các ngành tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến cùng nhiều bằng khen, giấy khen các loại.

Những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội là bước đệm để Chi bộ xã và nhân dân bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, góp phần cùng đồng bào, chiến sỹ cả nước xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Chương IV

CHI BỘ - ĐẢNG BỘ XÃ NAM HÒA LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1976 - 1985)

I. Khôi phục kinh tế và thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980)

Đại thắng mùa xuân năm 1975 đã kết thúc thắng lợi sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta. Sau 21 năm đấu tranh gian khổ, Chi bộ và nhân dân xã Nam Hòa cùng cả nước bắt tay xây dựng đời sống mới. Đất nước thống nhất tạo ra điều kiện lớn cho việc khai thác tiềm năng kinh tế, xã hội ở địa phương. Trong không khí hân hoan của ngày chiến thắng, xã Nam Hòa vui mừng đón những người con thắng trận trở về. Những chiến sỹ đã chiến đấu anh dũng trên chiến trường giờ đây lại sát cánh cùng Chi bộ và nhân dân trong công cuộc tái thiết quê hương. Chi bộ Nam Hòa được rèn luyện và trưởng thành vượt bậc, đủ sức lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Sự lớn mạnh của Chi bộ xã và lòng tin của quần chúng là nhân tố quan trọng hàng đầu đối với sự nghiệp cách mạng tại địa phương.

Tuy nhiên, Nam Hòa cũng phải đối mặt với những khó khăn lớn. Kinh tế còn nhỏ lẻ, lạc hậu, hệ thống thủy nông chưa hoàn chỉnh, không chủ động được nguồn nước tưới nên diện tích canh tác còn hạn hẹp. Thiên tai thường xuyên xảy ra, ảnh hưởng xấu đến đời sống sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Kết cấu hạ tầng trên địa bàn còn yếu... Những khó khăn này tác động không nhỏ đến quá trình thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Thực trạng đó đòi hỏi Chi bộ phải tập trung mọi khả năng, trí tuệ vào phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội để nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

Chi bộ xã Nam Hòa đã tập trung lãnh đạo, phát động toàn thể nhân dân và lực lượng dân quân trong xã thực hiện phong trào thi đua "*Mừng đất nước Việt Nam hoàn toàn giải phóng*". Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp cuối năm 1975 - đầu năm 1976 gặp nhiều khó khăn do thời tiết diễn biến bất thường. Vụ đông - xuân 1976, xã chịu nhiều đợt rét đậm kéo dài khiến mạ chết nhiều, diện tích gieo cấy bị thiếu nước nghiêm trọng. Vì vậy, năng suất lúa bị giảm so với thời kỳ trước, chỉ đạt 16,3 tạ/ha.

Nhằm bổ sung nguồn lương thực, xã chú trọng phát triển cây màu. Trước đây ngô, sắn là cây màu truyền thống, được gieo trồng theo phương thức quảng canh, năng suất thấp và chưa trở thành cây màu chính. Thực hiện đề án phát triển kinh tế do Huyện ủy đề ra, từ năm 1976,

cây ngô được đưa vào trồng trên diện rộng (24ha) và bước đầu cho năng suất khá. Cùng với đó, diện tích trồng chè tiếp tục được mở rộng (tổng số đạt 11ha).

Công tác thủy lợi luôn được Chi bộ, chính quyền và nhân dân quan tâm. Tiêu biểu như trong năm 1976, hợp tác xã Gốc Thị đã huy động xã viên tham gia trên 3.000 ngày công đắp đập Ao Sen. Sau khi đưa vào sử dụng, đập đã đảm bảo chống hạn cho 20 mẫu ruộng ở xóm Ao Sen, Gốc Thị, Bờ Suối.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, nhân dân Nam Hòa đẩy mạnh xen canh tăng vụ, thâm canh cây lúa; đồng thời tận dụng đất đai, hạn chế đất bỏ hoang, mở rộng diện tích cây vụ đông. Địa phương chú trọng các biện pháp thâm canh, nâng hệ số sử dụng đất lên 1,8 lần. Các giống lúa mới như Nông nghiệp 27, Nông nghiệp 8, Mộc tuyền, Bao thai lùn... được đưa vào sản xuất, qua đó nhằm lựa chọn dần những giống cho năng suất cao, thích hợp với khí hậu, thổ nhưỡng địa phương. Không chỉ trồng ở khu vực ven hồ, cây lúa còn được trồng ở ven suối và khu chân đồi. Ngoài ra, nhân dân còn đẩy mạnh trồng sắn, ngô, khoai để chống đói lúc giáp hạt, bù đắp phần lương thực thiếu hụt.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Chi bộ, cuối năm 1976, xã lập kế hoạch thành lập hợp tác xã bậc cao quy mô liên xóm. Dưới sự chỉ đạo của Chi ủy, Ban quản trị các hợp tác

xã tiến hành tổ chức họp bàn công tác chuẩn bị họp nhất. Để công tác chuẩn bị được tiến hành thuận lợi, Chi bộ đã cử các đồng chí trong Ban Chi ủy chủ trì các cuộc họp tại các hợp tác xã.

Bước vào thực hiện kế hoạch đã đề ra trong nhiệm kỳ mới, cán bộ, đảng viên và nhân dân quyết tâm đẩy mạnh sản xuất. Tuy nhiên, đầu năm 1977, rét đậm và hạn hán kéo dài làm chết nhiều diện tích mạ và lúa chiêm xuân. Sau đó, sâu bệnh hại lúa và hoa màu diễn ra trên diện rộng làm năng suất và sản lượng lương thực giảm mạnh (chỉ đạt hơn 40kg/sào, tương đương khoảng 11 tạ/ha) thấp hơn nhiều so với năm 1975. Thực hiện Nghị quyết 49 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về mở cuộc phát động trồng sắn để chống đói lúc giáp hạt, nhân dân Nam Hòa đã tích cực khai hoang phục hóa các vườn, soi, bãi và trồng được hàng chục héc-ta.

Rét đậm, rét hại kéo dài cũng khiến tình hình chăn nuôi của xã gặp khó khăn. Tính đến cuối năm 1977, xã bị chết 50 con trâu khiến tổng đàn giảm xuống chỉ còn 712 con. Đàn lợn trong các năm 1977 - 1978 dao động từ 900 - 1.130 con. Đàn gia cầm của tập thể và gia đình tiếp tục ổn định với trên 2.500 con. Năm 1978, toàn xã thu hoạch được 1,2 tấn cá thịt⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Chi bộ xã khóa XIII trình Đại hội Chi bộ lần thứ XIV, tháng 4/1979, tr. 3.

Với khí thế ra quân mở đầu cuộc vận động “*Hoàn chỉnh thủy nông*” của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái, Chi bộ và chính quyền xã Nam Hòa huy động gần 300 lượt người tham gia “*Chiến dịch thủy lợi xây dựng hệ thống kênh mương hồ Núi Cốc*”. Sau 6 tháng lao động (2 đợt), lực lượng được huy động của xã đã hoàn thành tốt nhiệm vụ. Sau công trình hồ Núi Cốc, một bộ phận lớn thanh niên, phụ nữ Nam Hòa tiếp tục tham gia xây dựng các trạm bơm điện, sửa chữa các trạm bơm bằng máy bơm dầu tại địa phương cũng như tại các xã lân cận để chủ động nước tưới tiêu cho 4.000 mẫu ruộng trong toàn huyện. Bên cạnh việc đầu tư sức người, sức của cho công tác thủy lợi, chính quyền xã Nam Hòa đã huy động gần 2.500 ngày công đào đắp 1.400m³ đất đá, sửa chữa 1,7km đường giao thông liên xóm, liên xã và 2 cây cầu qua các suối.

Giữa năm 1978, Chi bộ xã Nam Hòa triển khai học tập Nghị quyết số 08-NQ/TU (ngày 12/4/1978) của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “*Tăng cường chế độ sở hữu tập thể về ruộng đất*”. Sau đợt học tập, các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn xã đã thu hồi lại ruộng đất sử dụng sai chính sách đưa vào sản xuất tập thể. Nhờ làm tốt công tác vận động, số hộ vào hợp tác xã ngày càng đông với gần 80% số hộ tham gia.

Cuối tháng 9, đầu tháng 10/1978, do ảnh hưởng từ cơn bão số 10 nên mưa lớn diễn ra trên diện rộng. Trong 24

giờ, lượng mưa lên tới 300mm gây lũ lụt lớn và bất ngờ. Nhân dân trong xã, đặc biệt là các hộ sống gần đập Đồng Chốc (như các xóm Đồng Chốc, Trại Gai, Quang Trung, Cầu Đất) và một số xóm khác cạnh suối Ba Khe chịu thiệt hại nhiều về người và của. Trước tình hình đó, nhằm khẩn trương bảo vệ an toàn đập Đồng Chốc, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của huyện, chính quyền xã điều động lực lượng dân quân, thanh niên tham gia đào đắp hàng nghìn mét khối đất đá, khôi phục các công trình giao thông, thủy lợi. Nhân dân trong xã cùng đóng góp lương thực, tiền bạc, tre nứa và ngày công lao động giúp các gia đình thiệt hại nặng nhanh chóng ổn định đời sống.

Từ ngày 23 đến ngày 24/4/1979, Chi bộ xã Nam Hòa tổ chức Đại hội lần thứ XIV với sự tham dự của 50/65 đảng viên. Sau khi tổng kết công tác lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Chi bộ xã lần thứ XIII, Đại hội xác định trong thời gian tới cần tập trung củng cố phong trào hợp tác hóa, tránh nguy cơ tan vỡ hoặc làm ăn kém hiệu quả như thời gian trước năm 1975; trong đó nhấn mạnh phải bằng mọi giá nâng cao năng suất, sản lượng để đảm bảo đủ lương thực, thực phẩm cho nhân dân và hoàn thành nghĩa vụ lương thực với Nhà nước, tránh nợ đọng kéo dài. Đặc biệt, Đại hội đã tiến hành học tập thảo luận Chỉ thị số 208-CT/TW ngày 16/9/1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết số 61/CP ngày 5/4/1976 của Hội đồng

Chính phủ về tổ chức lại sản xuất, cải tiến một bước quản lý nông nghiệp, lâm nghiệp từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đại hội bầu Ban Chi ủy khóa mới gồm 11 ủy viên. Trong đó, đồng chí Lâm Văn Vượng tiếp tục được bầu giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Trần Văn Thái - Phó Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Vóc - Thường vụ Chi ủy.

Tiếp đó, Ban Chi ủy đã tổ chức học tập sâu rộng Chỉ thị số 208 của Ban Bí thư và Nghị quyết 61 của Hội đồng Chính phủ đến toàn thể nhân dân trong xã. Trên cơ sở đó, đến giữa năm 1979, địa phương đã tiến hành hợp nhất các hợp tác xã nhỏ thành 3 hợp tác xã với quy mô liên xóm gồm:

- Hợp tác xã Bình Minh bao gồm các xóm: Quang Minh, Chí Sơn, Bờ Suối, Trại Giã, Gốc Thị, Con Phượng. Toàn hợp tác xã có 376 mẫu ruộng đất, 230 hộ với 1.465 khẩu, 469 lao động, được chia thành 6 đội sản xuất do đồng chí Trần Ngọc Liên làm Chủ nhiệm, ông Âu Đức Năm - Phó Chủ nhiệm, ông Diệp Văn Tài - Phó Chủ nhiệm, ông Đặng Đình Sông làm Kế toán trưởng.

- Hợp tác xã Đồng Lập bao gồm các xóm: Ngòi Chèo, Cầu Đất, Trại Gai, Đồng Chốc, Đồng Mỏ và Mỹ Lập. Toàn hợp tác xã có 390 mẫu ruộng đất, 259 hộ với 1.559 nhân khẩu, 537 lao động, được chia thành 6 đội sản

xuất do đồng chí Tống Văn An làm Chủ nhiệm, các đồng chí Diệp Văn Chấn và Vũ Bá Quyền - Phó Chủ nhiệm, đồng chí Trần Đức Long - Kế toán trưởng.

- Hợp tác xã Trung Lợi bao gồm các xóm Ba Cóc, Na Quán, Na Tranh, Trung Lợi, Đồng Cỏ, Đầm Ninh, Đầm Diêm. Toàn hợp tác xã có 274 mẫu ruộng đất, 159 hộ với 1.103 nhân khẩu, 376 lao động, được chia thành 5 đội sản xuất do đồng chí Trần Văn Thái làm Chủ nhiệm, ông Nguyễn Văn Vóc làm Phó Chủ nhiệm, ông Trịnh Văn Vượng làm Kế toán trưởng.

Ngay sau khi thành lập, Chi bộ đã chỉ đạo các hợp tác xã tiến hành Đại hội xã viên, quy hoạch các đội sản xuất và lập kế hoạch sản xuất vụ mùa năm 1979. Hoạt động của hợp tác xã được xây dựng theo các tiêu chí: Tăng cường chế độ sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất và tổ chức lại sản xuất; tận dụng và phát huy nguồn lực lao động; cải tiến công tác quản lý. Bên cạnh đội sản xuất (3 hợp tác xã có tổng số 17 đội sản xuất), mỗi hợp tác xã còn thành lập các tổ, đội chuyên môn như: tổ ươm mầm, tổ cày cấy, đội chăn nuôi, đội thủy lợi... Theo báo cáo ngày 10/12/1979 của Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ về vụ mùa năm 1979, tổng diện tích lúa mùa của xã là 1.098,8 mẫu, sản lượng lương thực đạt 744,898kg.

Mặc dù dành nhiều thời gian cho chỉ đạo, chăm lo sản

xuất nhưng Chi bộ vẫn chú trọng công tác xây dựng Đảng, chính quyền. Trong giai đoạn này, quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976), nhằm nâng cao chất lượng đảng viên, Chi bộ luôn quan tâm tới công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tổ chức tốt các đợt sinh hoạt chính trị. Mọi chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy và Huyện ủy đều được triển khai kịp thời đến từng cán bộ, đảng viên.

Trong hai năm 1978 - 1979, Cấp ủy xã đẩy mạnh chỉ đạo thực hiện Thông tri số 22-TT/TW ngày 5/9/1977 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Qua đó, công tác kiểm tra giữ gìn kỷ luật Đảng được tăng cường. Ban Chi ủy thường xuyên biểu dương những đồng chí chấp hành tốt kỷ luật và kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên thoái hóa biến chất. Qua các đợt kiểm tra, kiểm điểm, Chi bộ đã đưa ra khỏi Đảng 2 người, khai trừ 1 người, lưu Đảng 2 người và kỷ luật mức cảnh cáo 4 người.

Đến ngày 14/9/1979, Huyện ủy Đồng Hỷ ban hành Nghị quyết số 85-NQ/ĐH chuẩn y nâng cấp Chi bộ xã Nam Hòa lên thành Đảng bộ với 65 đảng viên và tạm thời chỉ định 11 đồng chí chi ủy cũ là đảng ủy viên, trong đó, đồng chí Lâm Văn Vượng giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, đồng chí Trần Văn Thái - Phó Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Vóc - Thường vụ Đảng ủy. Thực hiện Nghị quyết trên của Huyện ủy,

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NAM HÒA

ngay sau đó, Đảng bộ tiến hành thành lập 4 chi bộ trực thuộc gồm: Chi bộ hợp tác xã Bình Minh (có 15 đảng viên), Chi bộ hợp tác xã Đồng Lập (có 29 đảng viên), Chi bộ hợp tác xã Trung Lợi (có 17 đảng viên) và Chi bộ Nhà trường - Trạm xá (có 4 đảng viên).

Đầu năm 1980, Đảng bộ tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các chi bộ thực hiện Chỉ thị số 83-CT/TW ngày 26/11/1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát triển đảng viên nhằm nâng cao chất lượng, tăng cường sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng. Đây là những đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, có ý nghĩa lớn góp phần thúc đẩy đảng viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Trong đợt đầu (ngày 3/2/1980), 44 đồng chí trong Đảng bộ đã được phát triển đảng viên.

Bên cạnh nhiệm vụ xây dựng Đảng, Đảng bộ còn quan tâm đến việc củng cố chính quyền và các đoàn thể, từng bước nâng cao vai trò quản lý của chính quyền về mọi mặt, đồng thời coi trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Ngày 25/4/1976, có 98,5% cử tri Nam Hòa đi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VI (1976 - 1981). Thắng lợi của cuộc bầu cử chứng tỏ ý chí quyết tâm của cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Dưới sự chỉ đạo của cấp trên, Nam Hòa tiến hành 2 kỳ

bầu cử Hội đồng nhân dân vào các năm 1977, 1979. Cử tri trong xã được thực hiện quyền công dân, bầu chọn những đồng chí có đủ năng lực vào Hội đồng nhân dân (năm 1977 là 21 đại biểu; năm 1979 là 23 đại biểu). Đồng chí Hà Ngọc Lan liên tục được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Bộ máy chính quyền xã tiếp tục kiện toàn, duy trì sinh hoạt đúng kỳ, xây dựng tốt quy chế, chương trình hoạt động toàn khóa. Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và nghị quyết của cấp ủy và Hội đồng nhân dân xã, làm tốt vai trò quản lý xã hội nên được nhân dân tín nhiệm.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng tiếp tục củng cố và phát triển. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đẩy mạnh giáo dục đoàn viên, thanh niên về lý tưởng cộng sản; động viên thực hiện phong trào *"Ba xung kích làm chủ tập thể"* và đi đầu trong các phong trào lao động, phòng chống thiên tai; xây dựng phong trào tập thể học sinh xã hội chủ nghĩa cũng như phát huy vai trò nòng cốt trong công tác xây dựng lực lượng dân quân, luyện tập quân sự, sẵn sàng gia nhập quân đội bảo vệ Tổ quốc.

Hội Phụ nữ xã tích cực tham gia phong trào *"Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"*. Các chị là lực lượng chính tham gia lao động sản xuất, chăm lo gia đình, nuôi dạy con cái, luôn đi đầu phong trào cấy đúng kỹ thuật, cấy

thăng hàng, phát triển chăn nuôi. Hội Phụ nữ xã phối hợp với các đoàn thể khác chăm lo sức khỏe cho trẻ em, vận động chị em trong độ tuổi sinh đẻ có kế hoạch, xây dựng gia đình văn hóa mới.

Trong lúc nhân dân Nam Hòa cùng nhân dân cả nước hăng say thực hiện mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) thì vào ngày 17/2/1979, chiến tranh biên giới phía Bắc nổ ra. Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Huyện ủy Đồng Hỷ, toàn xã nhanh chóng chuyển mọi hoạt động từ hòa bình sang thời chiến, xây dựng phương án chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Lực lượng dân quân được tăng cường, củng cố. Ban Công an thường xuyên canh gác, đảm bảo trật tự trị an.

Chấp hành lệnh của cấp trên về việc xây dựng phòng tuyến chiến đấu, Chi bộ xã huy động nhân dân tham gia đào hào giao thông. Chỉ với những công cụ thô sơ như cuốc, xẻng... nhưng với tinh thần khẩn trương, trong vòng 7 ngày, hàng ngàn nhân công trong xã đào xong 2 tuyến giao thông hào từ phía bắc xã đến phía nam xã với chiều dài khoảng 8km. Chấp hành mệnh lệnh của cấp trên, địa phương còn xây dựng trận địa phòng thủ tại một số vị trí chiến đấu ở xóm Quang Trung, Na Tranh, Chí Sơn, Gốc Thị. Tại các trận địa phòng thủ, lực lượng dân quân đào các chiến hào, hầm trú ẩn và các công trình vật cản khác và luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu.

Tháng 9/1979, sau khi hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, Lữ đoàn tăng - thiết giáp 273 (thuộc Quân đoàn 3) rút ra Bắc đóng quân tại địa bàn xã, trung tâm chỉ huy đặt tại xóm Đồng Chốc⁽¹⁾. Nhân dân địa phương đã ủng hộ đơn vị hàng ngàn cây tre, gỗ, nhường hàng chục héc-ta đất nông - lâm nghiệp để đơn vị xây dựng lán trại, kho bãi và các công trình phụ trợ. Các chiến sỹ và nhân dân luôn gắn bó, giúp đỡ nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Nam Hòa cũng như nhiệm vụ của Lữ đoàn. Đến năm 1988, thực hiện sự điều động của trên, Lữ đoàn chuyển công tác đi nơi khác nên diện tích 25ha rải rác ở các xóm được trả lại cho nhân dân sản xuất và chỉ giữ lại khu trung tâm chỉ huy với 14ha giao cho đơn vị quân đội khác tiếp quản (hiện nay là đơn vị Phân kho tăng thiết giáp K21 của Quân khu I).

Trong thời gian này, thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, chính quyền xã huy động hàng chục dân quân tham gia cùng với đội hình tiểu đoàn dân quân huyện Đồng Hỷ xây dựng trận địa Bình Gia (Lạng Sơn) và hàng trăm người dân tham gia xây dựng tuyến phòng thủ tại huyện. Nhân dân Nam Hòa đã vót hàng ngàn chông tre để gửi lên mặt trận biên giới xây dựng trận địa và đóng góp lương thực,

⁽¹⁾ Cuối năm 1980, trung tâm chỉ huy của Lữ đoàn được chuyển đến Ngòi Chẹo, cuối năm 1982 chuyển đến xóm Quang Minh tức chỗ ở của Kho K21 hiện nay.

thực phẩm, tiền... ủng hộ đồng bào các tỉnh biên giới phía Bắc. Thực hiện lệnh tổng động viên của Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng, trong 2 năm (1979 - 1980), nhiều thanh niên Nam Hòa đã tình nguyện, sẵn sàng lên đường nhập ngũ làm nhiệm vụ thiêng liêng bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 21/5/1980, Đại hội Đảng bộ xã Nam Hòa lần thứ nhất được tổ chức. Dự và chỉ đạo Đại hội có đồng chí Nguyễn Thanh Thủy, Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ. Đại hội chỉ rõ nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Nam Hòa trong giai đoạn tiếp theo là tập trung mọi nguồn lực để ổn định sản xuất, ổn định đời sống nhân dân; tiếp tục phát huy vai trò của Đảng bộ trong mọi mặt đời sống, làm tốt công tác tuyển quân, giữ vững và củng cố thêm một bước phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa đầu tiên gồm 11 ủy viên. Trong phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành bầu 3 đồng chí vào Ban Thường vụ, đồng chí Lâm Văn Vượng được bầu giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Trần Văn Thái làm Phó Bí thư, Nguyễn Văn Vóc - Thường vụ Đảng ủy. Sự kiện Đảng bộ Nam Hòa được chuẩn y lên Đảng bộ và tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất đánh dấu bước trưởng thành vững chắc của tổ chức Đảng địa phương, là bước ngoặt trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo chính quyền và nhân dân Nam Hòa trong giai đoạn trước mắt cũng như

những năm tiếp theo.

Trải qua 5 năm (1976 - 1980), dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ - Đảng bộ xã, nhân dân các dân tộc Nam Hòa đã khắc phục mọi khó khăn, trở ngại để hoàn thành thắng lợi các Nghị quyết Đại hội Chi bộ xã lần thứ XIV, XV và bước đầu triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất. Tuy nhiên quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội còn một số hạn chế: Sản xuất nông nghiệp chưa đáp ứng đủ lương thực cho nhân dân; cơ sở vật chất của trường học, y tế còn tạm bợ, hiện tượng học sinh bỏ học còn nhiều... Mặc dù vậy, những thành tựu đạt được trong thời gian này đã tạo đà cho Đảng bộ và nhân dân địa phương tiếp tục vươn lên thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm (1981 - 1985).

II. Triển khai Chỉ thị số 100-CT/TW trong sản xuất nông nghiệp và tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội (1981 - 1985)

Trước tình hình sản xuất nông nghiệp có dấu hiệu chững lại, trên cơ sở rút kinh nghiệm thí điểm công tác khoán mới ở một số địa phương, ngày 13/1/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IV ra Chỉ thị số 100-CT/TW (còn gọi là “Khoán 100”) *“Về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp”*. Chỉ thị này có ý nghĩa quan

trọng trong việc mở đường thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, là cột mốc đầu tiên, bước đột phá táo bạo vào mô hình hợp tác hóa, tập thể hóa nông nghiệp, cho phép hộ gia đình được làm chủ một số khâu sản xuất, sử dụng đất đai, tài nguyên...

Ngay trong năm 1981, Đảng bộ Nam Hòa tổ chức học tập và quán triệt nội dung Chỉ thị số 100-CT/TW đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân, chuẩn bị bước vào triển khai “Khoán 100” với khí thế sôi nổi, khẩn trương. Vụ đông - xuân năm 1982, cả 3 hợp tác xã Trung Lợi, Bình Minh và Đồng Lập đã thực hiện khoán đối với cây lúa đến các hộ xã viên và người lao động, gọi là “khoán 5 khâu 3 việc”. Xã viên đảm nhận 3 việc: cấy trồng, chăm bón, thu hoạch. Còn lại 5 khâu là giống, vốn, làm đất, xây dựng các công trình thủy lợi, phòng trừ sâu bệnh do hợp tác xã chịu trách nhiệm. Ban quản trị hợp tác xã thực hiện khoán chi phí sản xuất, khoán công điểm, khoán sản phẩm cho đội sản xuất. Đội sản xuất khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động. Căn cứ vào số ruộng đất từng xóm và lực lượng lao động do đội sản xuất quản lý, mỗi lao động được giao khoán bình quân 4 - 5 sào ruộng đất trồng lúa và hoa màu. Cuối vụ, sau khi thu hoạch, xã viên nộp sản phẩm theo định mức giao khoán về hợp tác xã.

Trong 2 ngày 23 - 24/10/1982, Đại hội Đảng bộ xã Nam Hòa lần thứ II được tổ chức. Đại hội đã đánh giá kết quả

thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất và rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai “Khoán 100” trên địa bàn xã. Đại hội đề ra những nhiệm vụ cho toàn Đảng bộ và nhân dân trong giai đoạn tiếp theo là: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả “Khoán 100”, phát triển sản xuất nông nghiệp, coi trọng kinh tế nghề rừng; lấy mức sống của người dân làm thước đo cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm 11 ủy viên. Trong phiên họp thứ nhất vào chiều ngày 24/10/1982, Ban Chấp hành đã bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí, đồng chí Lâm Văn Vượng giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Trần Văn Thái làm Phó Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Vóc - Thường vụ Đảng ủy.

Sau Đại hội, cấp ủy Đảng khóa mới bắt tay ngay vào việc lãnh đạo nhân dân thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ. Về kết quả sản xuất nông nghiệp, sau mỗi vụ thu hoạch, mức nộp khoán của xã viên cho hợp tác xã khoảng 20 - 25kg/sào. Nếu vượt khoán thì xã viên được nhận sản phẩm dư thừa, hụt khoán thì xã viên chịu trách nhiệm đóng bù. Phương thức quản lý mới thực sự mang lại hiệu quả, số người lao động trên đồng ruộng tăng lên nhanh chóng. Những xã viên trước đây bỏ bê đồng ruộng đã trở lại nhận ruộng khoán và lao động tích cực.

Trước kia, trong canh tác lúa, các khâu như chuẩn bị mạ hay kỹ thuật gieo cấy chưa thật sự được chú trọng. Từ khi thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, các khâu này đã được xã viên quan tâm hơn, đảm bảo mật độ 35 khóm lúa/m², làm cỏ sục bùn 3 lần và tăng cường bón phân hữu cơ. Để phục vụ tốt hơn cho sản xuất, năm 1982, các hợp tác xã huy động xã viên tiến hành khai thông một loạt tuyến mương dẫn nước, đồng thời mua thêm 4 máy bơm dầu để chủ động dẫn nước lên các chân ruộng cao.

Để tập trung hơn nữa sức sản xuất và thống nhất quản lý sản xuất trên địa bàn, Đảng bộ xã tổ chức cuộc họp Quân - Dân - Chính - Đảng mở rộng vào tháng 3/1984 bàn về việc hợp nhất hợp tác xã toàn xã Nam Hòa. Cuộc họp đã nhất trí hợp nhất 3 hợp tác xã quy mô liên xóm thành hợp tác xã nông nghiệp Quang Trung. Tháng 4/1984, Đại hội đại biểu xã viên hợp tác xã Quang Trung lần thứ nhất được tổ chức với 90% số đại biểu đại diện các hộ xã viên trong toàn xã tham gia. Đại hội bầu Ban quản trị do đồng chí Nguyễn Văn Vóc - Thường vụ Đảng ủy làm Chủ nhiệm, đồng chí Tống Văn An làm Phó Chủ nhiệm, đồng chí Trần Đức Long làm Kế toán trưởng, đồng chí Lâm Văn Vượng (Bí thư Đảng ủy) trực tiếp làm Trưởng ban kiểm soát.

Sau khi hợp nhất, không chỉ chú trọng công tác thủy

lợi và kỹ thuật thâm canh, Ban quản trị hợp tác xã tiến hành vận động xã viên chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tăng cường cây vụ đông, thay đổi giống mới với các cây ngô, lạc... Nhờ vậy, năng suất, sản lượng lương thực giai đoạn này của Nam Hòa đạt cao nhất từ trước tới thời điểm bấy giờ. Từ năm 1983, công tác khoán được thực hiện với cây chè. Đến năm 1985, toàn xã ổn định diện tích chè với 11ha, sản lượng mỗi năm đạt hàng chục tấn búp chè tươi.

Trong 3 năm đầu thực hiện khoán, năng suất cây trồng tăng, bình quân lương thực đầu người đạt 16kg/tháng. Tuy nhiên, từ năm giữa năm 1984, công tác quản lý hợp tác xã phát sinh vấn đề. Mặc dù ở Nam Hòa không có tình trạng “khoán chui”, “khoán trắng” nhưng phương thức ăn chia không công khai minh bạch, cán bộ hợp tác xã chưa làm tốt công tác vận động nhân dân đẩy mạnh sản xuất. Mặt khác, ở một số diện tích, nguồn nước tưới vẫn chưa chủ động được nên năng suất thấp. Tình hình đó dẫn đến việc thóc lúa làm ra không đủ ăn lúc giáp hạt và không giao nộp được sản phẩm khoán, phải nợ hợp tác xã.

Nhằm khắc phục tình trạng thiếu đói, cấp ủy Đảng vận động nhân dân tích cực trồng ngô, sắn. Do đó, về cơ bản, tình trạng đói dần được khắc phục. Ban quản trị hợp tác xã tiếp tục động viên nhân dân thâm canh tăng vụ, tăng hệ số sử dụng đất, tích cực đưa các giống lúa mới như A3, X1, NN8, Bao thai lùn, Mộc tuyền... vào gieo

cấy. Cán bộ hợp tác xã thường xuyên kiểm tra đồng ruộng và chất lượng giống mới. Sau khi sàng lọc, các giống cho năng suất cao tiếp tục được nhân rộng, các giống kém hiệu quả bị loại bỏ. Từ tháng 6/1985, được sự giúp đỡ của tỉnh, huyện, với phương châm "*Nhà nước và nhân dân cùng làm*", xã huy động hơn hàng nghìn lượt ngày công xây dựng đập hồ Chí Sơn (hay còn gọi là hồ Trị Cóc) do đồng chí Nguyễn Văn Vóc - Chủ nhiệm hợp tác xã toàn xã trực tiếp chỉ huy công trường. Mổ sắt Trại Cau điều động 1 máy san ủi hỗ trợ xây dựng công trình.

Về việc phát triển kinh tế rừng, năm 1984, xã thực hiện giao rừng cho nhân dân trồng và chăm sóc. Nhờ vậy, diện tích đất được phủ xanh ngày càng nhiều hơn, tình trạng phá rừng giảm đáng kể. Riêng trong năm 1984, huyện đã giao gần 700ha rừng cho nhân dân địa phương chăm sóc, cả năm xã trồng mới được 4,8ha.

Về chăn nuôi, trong năm 1983, rét đậm, rét hại và dịch bệnh kéo dài khiến đàn gia súc chết nhiều (46 con trâu, bò). Trước tình hình trên, Ban quản trị hợp tác xã tiến hành thanh lý một số trâu, bò cho các hộ gia đình. Đàn trâu, bò của xã trong năm 1985 vẫn duy trì ổn định (670 - 715 con). Đàn lợn của xã tăng mạnh với 2.654 con, đàn gia cầm có khoảng 4.000 con.

Do hàng hóa khan hiếm, nhất là những mặt hàng tiêu

dùng thiết yếu nên việc phân phối, lưu thông gặp nhiều khó khăn. Để phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, hợp tác xã mua bán thực hiện phân phối đủ hàng hóa của ngành thương nghiệp cung cấp cho nhân dân; đồng thời phối hợp với hợp tác xã nông nghiệp động viên nhân dân đẩy mạnh sản xuất nông sản, thực phẩm để đổi hàng 2 chiều cho mặt dịch quốc doanh.

Trong những năm 1981 - 1985, Đảng bộ chỉ đạo các ngành kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ giáo dục giữa nhà trường với gia đình và xã hội. Theo tinh thần Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 11/1/1979 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV *“Về cải cách giáo dục”* và Quyết định số 135-CP ngày 27/3/1981 của Hội đồng Chính phủ *“Về hệ thống giáo dục phổ thông mới”*⁽¹⁾, năm học 1981 - 1982, trường Phổ thông liên cấp I - II của xã đổi tên thành trường Phổ thông cơ sở Nam Hòa do thầy Đỗ Hữu Huấn làm Hiệu trưởng, giảng dạy từ lớp 1 tới lớp 9. Mặc dù chế độ đãi ngộ chưa cao, đời sống còn gặp nhiều khó khăn song hầu hết các giáo viên luôn tận tụy với nghề nghiệp. Hàng năm, số học sinh lên lớp đạt 96%, tỷ lệ tốt nghiệp đạt 97%.

⁽¹⁾ Theo Quyết định số 135-CP ngày 27/3/1981 của Hội đồng Chính phủ *“Về hệ thống giáo dục phổ thông mới”* thì Hệ thống giáo dục phổ thông trong cả nước là hệ thống trường phổ thông 12 năm, được chia làm hai bậc: Bậc phổ thông cơ sở từ lớp 1 đến lớp 9; bậc phổ thông trung học từ lớp 10 đến lớp 12.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy và chính quyền, trạm y tế làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Hàng năm, cán bộ trạm khám và điều trị cho hơn 1.000 lượt người (riêng năm 1985 là 1.650 lượt). Việc tiêm phòng cho trẻ em diễn ra theo đúng định kỳ. Đông đảo nhân dân tích cực hưởng ứng công tác giữ gìn vệ sinh đường làng, ngõ xóm, góp phần hạn chế các dịch bệnh trên địa bàn. Công tác văn hóa, văn nghệ, thể thao và thông tin - tuyên truyền luôn được chú trọng.

Đảng bộ tích cực triển khai Chỉ thị số 92-CT/TW ngày 25/6/1980 của Ban Bí thư về cuộc vận động *"Xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh và đầy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới"*, Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 2/12/1980 của Bộ Chính trị *"Về nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới"*. Với ý thức bảo vệ Tổ quốc, phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, đoàn viên, thanh niên trong xã hăng hái tham gia lực lượng vũ trang. Trong giai đoạn 1981 - 1985, Nam Hòa luôn đảm bảo chỉ tiêu tuyển quân.

Cuối tháng 3/1984, Đảng bộ xã tổ chức Đại hội lần thứ III. Đại hội tập trung tổng kết công tác khoán trong những năm trước đó, những mặt được và chưa được trên các lĩnh vực, đề ra phương hướng cho nhiệm kỳ mới. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm 11 ủy viên. Trong

phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Đảng ủy gồm 3 đồng chí. Đồng chí Lâm Văn Vượng tiếp tục giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Trần Văn Thái - Phó Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Vóc - Thường vụ Đảng ủy.

Trong cả giai đoạn 1981 - 1985, trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ tiếp tục thực hiện tốt công tác phát triển đảng viên theo Chỉ thị số 83-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương. Trong quá trình phát triển và phân loại đảng viên, Đảng bộ luôn chú trọng tới công tác tư tưởng, tổ chức và giáo dục đảng viên, giúp đảng viên hiểu rõ về nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, ngăn ngừa những biểu hiện tiêu cực, duy trì chế độ phê bình và tự phê bình. Giai đoạn 1981 - 1985, Đảng bộ kết nạp được 11 đồng chí vào hàng ngũ của Đảng. Các đồng chí đảng ủy viên và bí thư chi bộ cơ sở lần lượt được cử đi học các lớp về lý luận chính trị, nghiệp vụ quản lý.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Nhà nước tại địa phương, trong năm 1981, Đảng bộ xã Nam Hòa lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VII (1981 - 1987) và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1981 - 1984 với 97% số cử tri tham gia bỏ phiếu. Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 1981 - 1984 bầu đồng chí Trần Văn Thái làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng chí Nguyễn Văn Vóc làm Phó Chủ tịch. Tiếp đó, thực hiện Quyết định số 19-HĐBT của Hội

đồng Bộ trưởng, tháng 4/1984, nhân dân xã bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1984 - 1987. Với tinh thần trách nhiệm, nhân dân địa phương đã bầu 19 đại biểu vào Hội đồng nhân dân cấp xã khóa mới. Trong họp phiên thứ nhất, Hội đồng tiếp tục tín nhiệm bầu đồng chí Trần Văn Thái làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân trong tình hình mới, với sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc đóng vai trò nòng cốt trong khối đại đoàn kết toàn dân. Thông qua chức năng, nhiệm vụ của mình, Mặt trận tích cực thực hiện các nhiệm vụ của Đảng bộ, xoay quanh các phong trào thi đua sản xuất, phát triển kinh tế, văn hóa, lập nhiều thành tích, góp phần vào thắng lợi chung. Đoàn Thanh niên phát huy vai trò xung kích trên mặt trận sản xuất, văn hóa văn nghệ, thực hiện nghĩa vụ quốc phòng. Với phong trào *"Ba xung kích làm chủ tập thể"*, đoàn viên, thanh niên Nam Hòa đã có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước. Hội Phụ nữ vận động, tuyên truyền hội viên tham gia cuộc vận động *"Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"*, thực hiện kế hoạch của Đảng bộ, phát triển kinh tế, xã hội, tích cực thực hiện chính sách dân số... Trong 5 năm (1981 - 1985), nhiều chị em đạt danh hiệu Phụ nữ *"Hai giỏi"*. Hội Nông dân tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, vận động nhân dân thực hiện

khoán 100, hăng hái lao động, sản xuất.

*

*

*

Sau 10 năm cùng nhân dân cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1976 - 1985), Chi bộ - Đảng bộ và nhân dân Nam Hòa đạt được nhiều thành tựu trên các mặt công tác, song cũng còn tồn tại những khó khăn, thách thức không nhỏ. Tình hình kinh tế - xã hội vẫn chưa ổn định; tốc độ tăng trưởng kinh tế còn chậm, sản xuất lương thực - thực phẩm chưa đáp ứng được nhu cầu cơ bản của nhân dân. Tình trạng lạm phát, thị trường rối loạn, tiền lương thực tế giảm khiến đời sống của phần đông cán bộ, đảng viên và nhân dân gặp nhiều khó khăn. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội còn yếu; tiềm năng to lớn về đất đai, sức lao động chưa được khai thác và sử dụng hợp lý. Việc chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ cương xã hội chưa nghiêm... Tất cả những điều đó đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân Nam Hòa phải tiếp tục phấn đấu mạnh mẽ hơn, phát huy những thành tựu đã đạt được, vượt qua khó khăn thử thách, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới.

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY
1215 EAST 58TH STREET
CHICAGO, ILL. 60637
TEL: 773-936-5000
FAX: 773-936-5001
WWW.CHICAGO.EDU
LIBRARY@CHICAGO.EDU

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY



Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Nam Hòa



Lễ tri ân các anh hùng liệt sỹ tại Đài tưởng niệm xã Nam Hòa



Đường bê tông 6 xóm hoàn thành tháng 3/2015 - công trình chào mừng Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XI do nhân dân địa phương và Huyện đoàn Đồng Hỷ tổ chức thực hiện



Trạm y tế xã Nam Hòa (xã đạt chuẩn quốc gia về y tế năm 2009)



Trường Mầm non Nam Hòa đạt chuẩn quốc gia năm 2014



Lớp học mầm non tại xóm Ba Cóc
do tổ chức PLAN tài trợ xây dựng năm 2002



Trường Tiểu học số 1 Nam Hòa
đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2006



Trường Tiểu học số 2 Nam Hòa
đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2010



Toà nhà 2 tầng gồm 8 phòng học của Trường Trung học cơ sở Nam Hòa - tòa nhà cao tầng đầu tiên của khối cơ quan hành chính - sự nghiệp xã được xây dựng năm 2001



Trường Trung học cơ sở Nam Hòa đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2012



Góc chợ Quang Trung ngày tết
(ảnh chụp ngày 26/12/2001 - năm Tân Tỵ)



Góc chợ Quang Trung ngày tết
(ảnh chụp ngày 26/12/2015 - năm Ất Mùi)



Nhà văn hóa xóm
Ao Sen - được xây dựng
đầu tiên trên địa bàn
xã (năm 2001)

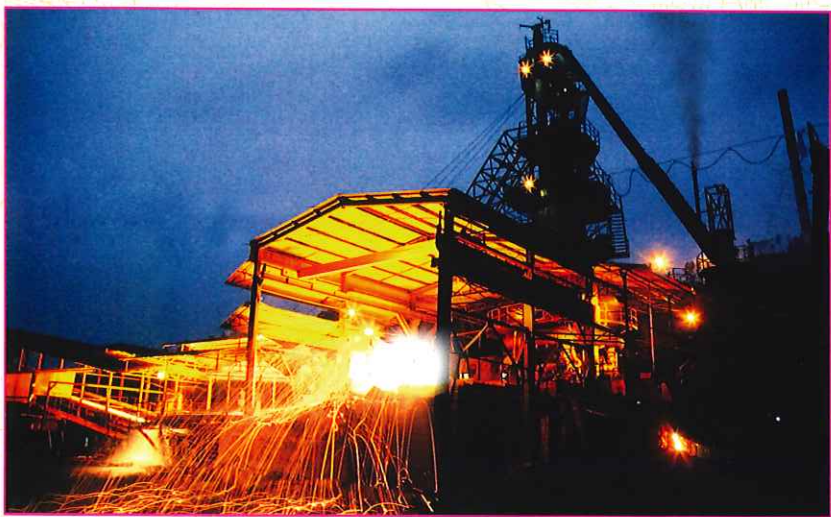
Nhà văn hóa
xóm Ao Sen -
được xây dựng mới
(năm 2015)



Nhà văn hóa xóm
Quang Minh xây dựng
đạt chuẩn theo tiêu chí
nông thôn mới
được khánh thành
tháng 9/2014



Mô hình trồng chè theo tiêu chuẩn VietGAP là điểm sáng trong phát triển kinh tế nông nghiệp xã Nam Hòa, góp phần đẩy nhanh xóa đói giảm nghèo



Nhà máy Luyện gang Nam Sơn thuộc Công ty Cổ phần Luyện kim đen Thái Nguyên ra lò mẻ gang đầu tiên (ngày 19/3/2013)

Chương V

ĐẢNG BỘ XÃ NAM HÒA LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1986 - 1995)

I. Những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội (1986 - 1990)

Ngày 23/3/1986, Đảng bộ xã tổ chức Đại hội lần thứ IV tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã (thuộc địa điểm trường Trung học cơ sở ngày nay). Đại hội tập trung thảo luận dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa V và dự thảo sửa đổi Điều lệ Đảng trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI. Phần lớn thời gian trong Đại hội là để đánh giá và kiểm điểm nghiêm túc sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với các mặt công tác của nhiệm kỳ trước. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm 13 đồng chí. Trong phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ bầu ra Ban Thường vụ gồm 5 ủy viên: Đồng chí Lâm Văn Vượng được bầu giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Trần Văn Thái - Phó Bí thư, đồng chí Tống Văn An - Thường trực Đảng ủy, các đồng chí Nguyễn Văn Vóc và Ninh Hồng Quán - Ủy viên Ban Thường vụ.

Từ ngày 15 đến ngày 18/12/1986, Đại hội đại biểu toàn

quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra nhiệm vụ chung cho cả chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trước mắt là phải đổi mới cơ cấu kinh tế, thực hiện ba chương trình kinh tế (lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu) và sử dụng, cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế.

Bước vào thực hiện "*Ba chương trình kinh tế*" do Đại hội Đảng toàn quốc đề ra, địa phương phải đối mặt với nhiều khó khăn như thiếu thốn vật tư phục vụ nông nghiệp, thời tiết khắc nghiệt ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất, dịch bệnh phá hoại mùa màng. Vì thế, trong hai năm 1986 - 1987, sản lượng lương thực giảm sút, nhiều gia đình rơi vào cảnh thiếu ăn. Để khắc phục tình trạng trên, Đảng bộ chỉ đạo các hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất, xã viên phấn đấu gieo cấy hết 100% diện tích, tăng cường phân bón, đảm bảo thực hiện thắng lợi kế hoạch đề ra.

Sau 24 tháng thi công, đến tháng 6/1987, đập hồ Chí Sơn được hoàn thành và đưa vào sử dụng, có vai trò chủ động nước tưới cho hơn 20ha gieo trồng ở các xóm Chí Sơn, Bờ Suối. Đây là công trình mang tính cấp thiết và lâu dài đối với sản xuất nông nghiệp của Nam Hòa. Những năm 1986 - 1988, tổng diện tích gieo trồng lúa của xã trung bình là 350 ha/vụ, năng suất bình quân đạt 20 tạ/ha. Ngoài cây lương thực và cây hoa màu, nhân dân trong xã còn tập trung chăm sóc, mở rộng diện tích một số loại cây công

nghiệp như chè (15ha) và lạc (xấp xỉ 45ha). Trong chăn nuôi, năm 1988, đàn trâu có 970 con, đàn lợn có 2.400 con, sản lượng cá nuôi trong các hồ ao tập thể là 2,1 tấn⁽¹⁾.

Sau 7 năm triển khai cơ chế “Khoán 100”, sự bất hợp lý thể hiện ngày càng rõ trong việc quản lý, điều hành 5 khâu do hợp tác xã đảm nhiệm. Việc cung ứng vật tư phân phối sản phẩm không công bằng, nhiều khoản còn bao cấp, bộ máy hành chính chồng chéo. Trước tình hình đó, ngày 5/4/1988, Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khóa VI) ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong nông nghiệp. Nghị quyết xác định hợp tác xã nông nghiệp là đơn vị kinh tế tự chủ, tự quản, hộ xã viên là đơn vị nhận khoán với hợp tác xã (gọi tắt là “Khoán 10”) với thời gian sử dụng ruộng đất ổn định, lâu dài. “Khoán 10” trong nông nghiệp thực sự đem đến sự giải phóng sức lao động trong sản xuất và góp phần giải quyết tốt mối quan hệ giữa ba lợi ích (người lao động, tập thể và Nhà nước), mở rộng dân chủ, đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa, đổi mới tổ chức cán bộ.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Nam Hòa tổ chức học tập, quán triệt cho cán bộ, đảng viên về việc đổi mới cơ chế quản lý, giao quyền sử dụng đất lâu dài cho xã viên. Hợp tác xã tuyên

⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân xã Nam Hòa: *Bảng thống kê tình hình sản xuất năm 1988.*

truyền cho xã viên hiểu rõ nghĩa vụ và quyền lợi đối với các sản phẩm làm ra, sản phẩm được phép tự do trao đổi, lưu thông trên thị trường. Hợp tác xã làm công tác thủy lợi và thu thủy lợi phí (khoảng 1 - 2kg thóc/sào), đồng thời trực tiếp tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ về công tác quản lý trong hợp tác xã. Người dân ban đầu còn lo lắng nhưng khi nhận thấy lợi ích của chính sách khoán đem lại đã yên tâm sản xuất.

Trong tiến hành công tác khoán, Đảng ủy lãnh đạo, chỉ đạo Ban quản trị hợp tác xã phân vùng cho từng đội sản xuất, phân loại hộ xã viên, ưu tiên các gia đình thuộc đối tượng chính sách, neo đơn... Những người trong độ tuổi lao động được khoán bình quân từ 2 - 4 sào. Năm 1988, xã cơ bản hình thành hai khu vực sản xuất chính: Khu vực chuyên canh lúa và khu vực chuyên trồng chè. Sau một thời gian ngắn triển khai, cơ chế "Khoán 10" phát huy tác dụng. Nhân dân tích cực tham gia sản xuất với khí thế sôi nổi. Từ những diện tích ruộng khoán, xã viên đầu tư vốn, thay thế giống lúa cũ bằng các giống lúa mới như 202, 205...; áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất như cải tiến kỹ thuật từ gieo mạ ở ruộng sang gieo trên sân, khay; tăng cường làm đất, mua phân bón, thâm canh. Các loại hoa màu khác như ngô, khoai, sắn, đậu, lạc, vừng... được xã viên tận dụng hết các diện tích giao khoán để gieo trồng. Nhờ những biện pháp tích cực đó, sản xuất nông nghiệp của địa phương đạt kết

quả khá. Hàng năm, xã đều hoàn thành chỉ tiêu lương thực trên giao.

Chăn nuôi của xã có bước tiến mới. Đến ngày 16/3/1988, hợp tác xã thanh lý nốt số trâu, bò tập thể còn lại. Chăn nuôi cá thịt và cá giống phát triển khá, đem lại nguồn thu nhập đáng kể.

Trong lĩnh vực lâm nghiệp, thực hiện Quyết định số 184-HĐBT ngày 6/11/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng, cho đến cuối năm 1987, xã có 750/1.449ha (chiếm 51,8%) diện tích rừng tự nhiên được giao cho các hộ dân chăm sóc, bảo vệ. Đảng bộ tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phong trào trồng cây gây rừng, không đốt nương làm rẫy, nâng cao ý thức bảo vệ rừng. Tuy nhiên, do ý thức của một bộ phận người dân chưa cao nên nhiều khu rừng đầu nguồn tiếp tục bị tàn phá. Nhân dân trong xã tích cực trồng cây gây rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Tình trạng chặt phá rừng giảm đáng kể. Năm 1990, thực hiện chương trình trồng rừng theo Dự án PAM, toàn xã trồng mới được 23,36ha rừng.

Để phục vụ tốt hơn cho công cuộc phát triển kinh tế, các công trình xây dựng cơ bản cũng được chú trọng. Các tuyến giao thông liên xã, trục xã được tu sửa, làm mới đã tạo thuận tiện cho việc đi lại của nhân dân. Bên cạnh đó, địa

phương cũng luôn quan tâm tới công tác thủy lợi (khơi thông dòng chảy, nạo vét kênh, mương, ao hồ...)

Công tác văn hóa - xã hội cũng được Đảng bộ xã quan tâm đúng mức, bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn, các hủ tục từng bước được xóa bỏ. Đặc biệt ở lĩnh vực giáo dục, bằng sự đóng góp của nhân dân, địa phương sửa chữa được các phòng học để đảm bảo cơ sở vật chất cho con em học tập. Tuy nhiên, các phòng học vẫn là nhà vách đất, lợp tranh. Bàn ghế chủ yếu là ghế bằng bốn chỗ ngồi, đóng thô sơ (thậm chí có những phòng học bàn ghế bằng những mảnh tre ghép lại). Các thầy cô giáo chủ yếu là người nơi khác về làm công tác “trồng người” trên mảnh đất này. Mặc dù cuộc sống khó khăn do đồng lương ít ỏi, thậm chí một số giáo viên phải làm thêm nghề phụ (cuốn thuốc lá, bán bánh kẹo...) song họ đã vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy. Nhờ những nỗ lực trên, trong năm 1987, địa phương đã hoàn thành phổ cập xóa mù chữ. Đến năm 1990, các xóm trung tâm đã mở được lớp mẫu giáo - nhà trẻ, có 2 lớp ở trường Tiểu học (vị trí tại chợ Quang Trung ngày nay), còn các lớp mẫu giáo khác nhờ ở nhà dân.

Trạm y tế xã có nhiều cố gắng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. Thời gian này, đồng chí Nguyễn Thị Đức (y sỹ duy nhất của trạm) được phân công làm Trạm trưởng. Giai đoạn này trạm tiếp nhận nhà “Chiêu đãi sở” của Lữ đoàn

tăng thiết giáp 273 để làm nơi khám và chữa bệnh cho nhân dân. Từ đầu năm 1988 đến tháng 3/1990, trạm được tăng cường 3 cán bộ đã tốt nghiệp trường Trung cấp Y tế tỉnh Bắc Thái. Các cán bộ y tế được tạo điều kiện tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao tay nghề. Trạm thường xuyên phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nếp sống hợp vệ sinh (ăn sạch, ở sạch, uống sạch). Đến tháng 4/1990, y sỹ Lâm Xuân Hiền được bổ nhiệm làm Trạm trưởng. Thời điểm này trạm được tiếp nhận trang thiết bị y tế của tổ chức UNICEF (Quỹ Nhi đồng quốc tế) nên hoạt động y tế được cải thiện đáng kể. Công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe được chú trọng.

Hoạt động văn hóa - thông tin - thể thao được đổi mới từng bước về nội dung và hình thức. Các phong trào xây dựng nếp sống văn hóa, đọc sách, thi đấu thể thao thu hút đông đảo nhân dân tham gia, nhất là lực lượng thanh thiếu niên. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được lồng ghép khéo léo trong các hội thi, hội diễn văn nghệ nhằm nâng cao hiểu biết cho người dân. Tuy đời sống còn khó khăn song xã vẫn đảm bảo thực hiện tốt việc thăm hỏi tặng quà vào dịp lễ tết cũng như tạo mọi điều kiện thuận lợi trong đời sống sản xuất và sinh hoạt cho các gia đình có công với cách mạng.

Thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-BT ngày 13/5/1988 của

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NAM HÒA

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái về việc lãnh đạo nhiệm vụ quốc phòng trong tình hình mới, lực lượng dân quân được củng cố, kiện toàn và hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự. Tháng 10/1988, nhân dân trong xã tham gia cuộc diễn tập phòng thủ và động viên quân dự bị Z88D dưới sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy quân sự huyện. Các chiến sỹ luôn trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu và chủ động đối phó với các tình huống xấu nhất có thể xảy ra. Việc khám tuyển nghĩa vụ quân sự và giao quân hàng năm được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo số lượng và chất lượng. Ban Công an xã tăng cường phối hợp với các ban ngành kiên quyết đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm; kịp thời phát hiện, ngăn chặn có hiệu quả các vụ vi phạm pháp luật.

Ngày 24/10/1988, Đại hội Đảng bộ xã Nam Hòa lần thứ V được tổ chức với 113 đảng viên trong Đảng bộ tham dự. Đại hội thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IV, đánh giá cao những thành tích đạt được trong nhiệm kỳ trước; đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong 2 năm 1988 - 1990 là: Thực hiện thắng lợi công tác "Khoán 10", thâm canh tăng vụ nâng cao năng suất cây trồng, tăng sản lượng chăn nuôi, khuyến khích phát triển kinh tế gia đình và các thành phần kinh tế khác. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 9 ủy viên. Trong phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ bầu 3 đồng chí vào

Ban Thường vụ Đảng ủy: Đồng chí Lâm Văn Vượng tiếp tục được bầu làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Ninh Hồng Quán - Phó Bí thư, đồng chí Trần Văn Thái - Thường vụ Đảng ủy.

Tính đến ngày 10/10/1989, toàn Đảng bộ có 8 chi bộ trực thuộc với tổng số 103 đảng viên (trong đó có 6 đảng viên dự bị). Về xếp loại năm 1989, Đảng bộ có 6 chi bộ khá, 2 chi bộ yếu; 99 đảng viên đủ tư cách, 4 đồng chí vi phạm tư cách đảng viên nhưng chưa đến mức khai trừ khỏi Đảng.

Với phương châm *“Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”*, Đảng bộ lãnh đạo tốt các kỳ bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, kiện toàn đội ngũ cán bộ Ủy ban và các đoàn thể chính trị. Giai đoạn này, trên địa bàn xã diễn ra 2 cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân lần lượt vào các năm 1987 và 1989 với khoảng 98% số cử tri đi bỏ phiếu. Đồng chí Trần Văn Thái liên tục được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Ninh Hồng Quán - Phó Chủ tịch kiêm Trưởng ban Công an xã.

Trong công tác xây dựng đoàn thể, những đảng viên có khả năng, uy tín được phân công phụ trách Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên xã... Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thi đua đóng góp sức lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đưa quê hương ngày càng khởi sắc. Mặt trận Tổ quốc xã làm tốt công tác

vận động nhân dân tham gia cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân, tổ chức cho cán bộ xuống từng xóm vận động nhân dân mua công trái Chính phủ theo chỉ tiêu được giao.

II. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm, từng bước ổn định đời sống nhân dân (1991 - 1995)

Ngày 26/3/1991, Đảng bộ xã Nam Hòa tổ chức Đại hội lần thứ VI tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã với sự tham dự của 117 đảng viên. Đại hội tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ trước, nêu rõ những khó khăn, hạn chế cần khắc phục; đồng thời tập trung thảo luận về phương hướng trong giai đoạn tới là phát triển nông nghiệp, củng cố an ninh, chính trị. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm 9 ủy viên. Trong phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ Đảng ủy gồm 3 ủy viên: đồng chí Trần Văn Thái được bầu làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Ninh Hồng Quán - Phó Bí thư, đồng chí Lý Quý Sông - Thường vụ Đảng ủy.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội, Đảng ủy xã lãnh đạo nhân dân tập trung phát triển sản xuất, kịp thời diệt trừ sâu bệnh, tích cực thâm canh, làm thủy lợi. Các ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào trồng trọt và chăn nuôi được cán bộ Phòng Nông nghiệp hướng dẫn, hỗ trợ thêm. Nhờ vậy, trong năm 1992, mặc dù hạn hán kéo dài, sâu bệnh phá hoại nhưng năng suất lúa của địa phương vẫn đạt khá. Từ

năm 1993 đến năm 1995, năng suất lúa đạt từ 34 - 36 tạ/ha/vụ, sản lượng ngô tăng 45 tấn so với năm 1992. Công tác giao nộp nghĩa vụ cho Nhà nước đạt kết quả tốt, hoàn thành 100% chỉ tiêu thuế. Bước sang vụ đông - xuân năm 1995, Đảng ủy tập trung chỉ đạo đưa giống lúa Bao thai thuần chủng và cấp I, A3... thay thế cho giống lúa thoái hóa. Nhờ vậy, năng suất lúa cao hơn so với giai đoạn trước, đạt trung bình 38 tạ/ha/vụ, bình quân lương thực đầu người đạt 265kg/năm.

Với mục tiêu xóa đói giảm nghèo, ngoài lúa là cây trồng chính, Đảng ủy vận động nhân dân mở rộng diện tích trồng chè, dần hình thành vùng chuyên canh ở các xóm Mỹ Lập, Đồng Mỏ, Chí Sơn, Quang Minh, Ba Cóc; mỗi hộ có từ 1 - 4 sào Bắc Bộ để trồng chè. Toàn bộ diện tích chè đều trồng giống chè trung du, thu hái và chế biến theo phương pháp truyền thống (vò bằng tay, sao chảo gang).

Trong chăn nuôi, hầu hết các hộ gia đình đều nuôi từ 2 - 3 đầu lợn và trâu, bò để vừa có thêm thu nhập vừa thu phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đầu năm 1995, do chưa thực hiện tốt công tác thú y nên dịch bệnh đã xảy ra trên đàn trâu, bò và đàn lợn. Ngay sau đó, được sự giúp đỡ của Trạm thú y huyện Đồng Hỷ, Đảng ủy, chính quyền xã Nam Hòa kịp thời chỉ đạo nhân dân tiêm phòng cho đàn gia súc, tiêu hủy những con bị nhiễm bệnh và vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, nhờ vậy bệnh dịch được

ngăn chặn kịp thời.

Trong năm 1994, do cách thức tổ chức hoạt động không còn phù hợp với mô hình kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, hợp tác xã mua bán tiến hành thanh lý tài sản, kiểm kê và trả lại đất cho Ủy ban nhân dân xã rồi ngừng hoạt động.

Từ năm 1991, nhiều hộ gia đình phát triển kinh tế đồi rừng theo mô hình: rừng - cây chè - chăn nuôi; rừng - chăn nuôi - cây ăn quả. Thực hiện theo Dự án PAM, đến năm 1995, diện tích trồng rừng mới của xã đạt trên 100ha, các xóm đều có đại diện của Dự án để giải quyết thắc mắc của người dân. Theo sự chỉ đạo của cấp trên, xã đã đưa cây bạch đàn trắng vào trồng; tuy nhiên, các giống này không hợp với thổ nhưỡng địa phương nên hiệu quả kinh tế rất thấp.

Trong năm 1992, Đảng ủy đã mạnh dạn chỉ đạo chuyển chợ của xã tại xóm Ao Sen lên khu vực trung tâm (địa điểm đặt trường Phổ thông cơ sở cũ), đồng thời từng bước chuyển trường học về khu vực trụ sở Ủy ban nhân dân cũ (nay thuộc khuôn viên trường Trung học cơ sở nằm ở xóm Trại Gai) cũng như chuyển trụ sở Ủy ban về xóm Quang Minh. Bằng nguồn kinh phí cầm hơn 30 lô đất ở chợ Ao Sen cũ và khu mặt bằng cửa hàng mua bán cũ (ở xóm Quang Trung) cùng một phần đất ở khu vực chợ trung tâm hiện nay, chính quyền xã đã xây dựng được 14 phòng học cấp bốn, giải quyết

cơ bản tình trạng phòng học tạm bợ. Tất cả những cố gắng trên của Đảng bộ và chính quyền đã tạo nên một diện mạo mới có tính khoa học và ý nghĩa lâu dài trong công tác quy hoạch các công trình dân sinh của xã.

Cơ sở hạ tầng được Đảng bộ, chính quyền quan tâm, đề ra kế hoạch đầu tư phát triển. Hệ thống đường giao thông nông thôn có bước tiến mới, nhân dân trong xã tập trung tu sửa những con đường liên xóm, liên xã. Năm 1995, công tác đảm bảo hành lang an toàn giao thông và giữ gìn trật tự tại khu vực trung tâm xã có chuyển biến tốt. Hệ thống thủy lợi, kênh mương nội đồng đáp ứng yêu cầu của sản xuất nông nghiệp.

Đi đôi với phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội cũng là vấn đề quan trọng ảnh hưởng lớn tới đời sống nhân dân, phản ánh mức độ phát triển của địa phương. Sự nghiệp giáo dục ở địa phương qua từng năm có bước tiến bộ. Đến ngày 22/11/1995, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Thái ra Quyết định số 873/TCCB về việc tách trường Phổ thông cơ sở xã Nam Hòa thành 3 trường: Tiểu học số 1 (đóng ở xóm Ngòi Chèo, Hiệu trưởng lúc bấy giờ là cô Đặng Thị Nga), Tiểu học số 2 (ở xóm Đồng Chốc, Hiệu trưởng là thầy Vi Văn Nhâm) và trường Trung học cơ sở (địa điểm đặt tại trường Phổ thông cơ sở cũ - trước đó nữa là trụ sở Ủy ban nhân dân xã cũ ở xóm Trại Gai, Hiệu trưởng là thầy Hồ Việt Dũng). Ngày 01/12/1995, xã tổ chức

lễ công bố Quyết định tách trường như trên. Trong thời gian đầu, 100% các thầy cô hiệu trưởng là con em quê hương Nam Hòa. Tỷ lệ học sinh đến trường ngày càng đông hơn, số trẻ em trong độ tuổi đến trường trong giai đoạn 1991 - 1995 đạt trung bình 90%.

Đội ngũ cán bộ trạm y tế thường xuyên được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nhờ đó, ngày càng phục vụ tốt hơn công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Công tác phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em và kế hoạch hóa gia đình triển khai đến từng xóm, hộ gia đình. Tuy nhiên năm 1995, công tác y tế còn nhiều vấn đề tồn tại như việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình chưa ổn định, đội ngũ y - bác sỹ còn thiếu về số lượng, chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Trong thời gian này, hoạt động văn nghệ, thể thao diễn ra sôi nổi, rộng khắp thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Phong trào xây dựng nếp sống văn hóa được nhân dân tích cực hưởng ứng.

Phát huy truyền thống "*Uống nước nhớ nguồn*", "*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*", Đảng bộ, chính quyền xã tích cực vận động sự đóng góp của người dân để xây dựng nhà tình nghĩa. Giai đoạn này, xã đã xây được 3 nhà tình nghĩa với kinh phí bình quân 15 triệu đồng/căn nhà. Các ngày lễ tết, Đảng bộ, chính quyền phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tổ chức thăm hỏi những đảng viên cao tuổi, gia đình

chính sách, neo đơn. Trong năm 1995, các đồng chí lãnh đạo địa phương đã chọn địa điểm và hoàn thành xây dựng đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ ở xóm Ngòi Chẹo trên mảnh đất đẹp về phong thủy, địa thế đằng sau dựa vào dãy núi Ao Lang và mặt tiền thoáng đãng, kề bên Quốc lộ 17.

Dù trong điều kiện hòa bình nhưng công tác an ninh - quốc phòng vẫn luôn được chú trọng. Quân dân Nam Hòa làm tốt cuộc diễn tập phòng thủ PT95 từ ngày 02 - 05/8/1995 với lực lượng đông đảo. Thống kê năm 1995, toàn xã có 31 thanh niên tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự, số thanh niên trúng tuyển là 17 người. Lực lượng dân quân trong xã (biên chế khoảng 20 đồng chí) thường xuyên tuần tra, phối hợp với Ban Công an xã ngăn ngừa và truy quét tội phạm, giữ vững bình yên trên quê hương. Tuy vậy, tình trạng vi phạm pháp luật, nạn cờ bạc, lô đề ở xã vẫn còn tồn tại.

Ngày 22/1/1994, Đảng bộ xã Nam Hòa tiến hành Đại hội lần thứ VII tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã. Đại hội tổng kết tình hình thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ trước, đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ tiếp theo, trọng tâm là ưu tiên phát triển kinh tế nông nghiệp, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, thi đua phát triển Đảng. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm 9 ủy viên. Trong phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ

tiến hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 ủy viên: đồng chí Trần Văn Thái giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Ninh Hồng Quán - Phó Bí thư, đồng chí Lý Quý Sông - Thường vụ Đảng ủy.

Đảng bộ thường xuyên coi trọng công tác xây dựng Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên. Hàng năm, Đảng bộ mở lớp bồi dưỡng lý luận về Đảng, xét kết nạp Đảng cho quần chúng có năng lực và tư cách đạo đức tốt, thực hiện trẻ hóa đội ngũ Đảng. Trong giai đoạn 1991 - 1995, Đảng bộ đã kết nạp 16 đảng viên, nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ tính đến cuối năm 1995 lên 125 đồng chí, sinh hoạt ở 10 chi bộ (9 chi bộ nông thôn, 1 chi bộ nhà trường).

Sau Đại hội, Đảng bộ xã nhanh chóng củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền xã và các trưởng xóm. Năm 1994, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân hoàn thành thắng lợi cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp, trên 95% cử tri xã Nam Hòa phấn khởi đi bỏ phiếu bầu những đại biểu xứng đáng vào Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 1994 - 1999. Tại kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân xã bầu đồng chí Trần Văn Thái làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã; đồng thời, nhiệm kỳ 1994 - 1999 là khóa đầu tiên bầu chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Lý Văn Bẩy được bầu giữ chức danh này; đồng chí Nông Văn Thắng làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; đồng chí Chu Văn Phúc được

bầu làm làm Phó Chủ tịch kiêm Trưởng ban Công an.

Mặt trận Tổ quốc thực sự là lực lượng nòng cốt, góp phần đắc lực cùng Đảng bộ và chính quyền tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Từ giữa năm 1995, thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã phát động phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*...

Đoàn Thanh niên hằng hái thi đua sản xuất, đi đầu thực hiện các phong trào *“Ba xung kích làm chủ tập thể”*, *“Thanh niên lập nghiệp”*, *“Tuổi trẻ giữ nước”*. Hội Nông dân xã tích cực vận động hội viên lao động sản xuất, xây dựng các mô hình kinh tế, cùng nhau làm giàu. Các hội viên được tạo điều kiện vay vốn sản xuất với lãi suất thấp, có cán bộ khuyến nông hướng dẫn nên nhiều hộ gia đình đã thoát nghèo, xây dựng các mô hình kinh tế cho hiệu quả cao. Hội Phụ nữ tuyên truyền hội viên xây dựng gia đình văn hóa, thực hiện kế hoạch hóa gia đình; làm tốt công tác cho hội viên vay vốn. Riêng trong năm 1995, Hội Phụ nữ tín chấp với Ngân hàng Chính sách xã hội cho các hội viên vay vốn phát triển kinh tế với tổng số vốn là 27 triệu đồng.

Ngày 11/3/1993, Hội Cựu chiến binh xã Nam Hòa được thành lập gồm 18 hội viên, trong đó Ban Chấp hành lâm

thời gồm 3 ủy viên: đồng chí Lý Quý Sông được chỉ định làm Chủ tịch, các đồng chí Trần Gia Cát và Chu Văn Phúc làm Ủy viên. Sau khi thành lập và đi vào hoạt động, tổ chức Hội ngày càng phát triển. Ngày 18/11/1993, Hội Cựu chiến binh xã tiến hành Đại hội lần thứ nhất (nhiệm kỳ 1993 - 1996) với sự tham gia của 33 hội viên. Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa I gồm 6 ủy viên: đồng chí Lý Quý Sông được bầu làm Chủ tịch, đồng chí Vi Xuân Cao - Phó Chủ tịch... Nhằm phát huy phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ" trong thời kỳ mới, hội viên tích cực tham gia các phong trào thi đua "*Cựu chiến binh gương mẫu*" và "*Gia đình Cựu chiến binh văn hóa*".

*

*

*

Trong 10 năm đầu của thời kỳ đổi mới (1986 - 1995), trên cơ sở quán triệt chủ trương của cấp trên, phát huy những ưu điểm và nỗ lực vượt lên khó khăn, khắc phục hạn chế của giai đoạn trước đó, Đảng bộ xã Nam Hòa đã chủ động cụ thể hóa các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng bằng những chủ trương phù hợp với tình hình thực tế của xã, được đông đảo quần chúng nhân dân tin tưởng và phấn đấu thực hiện. Hình thức kinh tế hộ được tái xác lập, có vai trò to lớn trong việc thúc đẩy phát triển sản xuất. Tổng sản lượng lương thực

tăng nhanh; chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển khá. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi và mùa vụ chuyển dịch theo hướng tích cực. Ngành tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ bước đầu phát triển. Cơ sở hạ tầng được tăng cường một bước. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội không ngừng tiến bộ. Tình hình an ninh - quốc phòng cơ sở được giữ vững, hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn... Tất cả tạo đà vững chắc để Nam Hòa đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trong chặng đường kế tiếp.

The first of these is the fact that the
the second is the fact that the
the third is the fact that the
the fourth is the fact that the
the fifth is the fact that the
the sixth is the fact that the
the seventh is the fact that the
the eighth is the fact that the
the ninth is the fact that the
the tenth is the fact that the

the eleventh is the fact that the
the twelfth is the fact that the
the thirteenth is the fact that the
the fourteenth is the fact that the
the fifteenth is the fact that the
the sixteenth is the fact that the
the seventeenth is the fact that the
the eighteenth is the fact that the
the nineteenth is the fact that the
the twentieth is the fact that the
the twenty-first is the fact that the
the twenty-second is the fact that the
the twenty-third is the fact that the
the twenty-fourth is the fact that the
the twenty-fifth is the fact that the
the twenty-sixth is the fact that the
the twenty-seventh is the fact that the
the twenty-eighth is the fact that the
the twenty-ninth is the fact that the
the thirtieth is the fact that the
the thirty-first is the fact that the
the thirty-second is the fact that the
the thirty-third is the fact that the
the thirty-fourth is the fact that the
the thirty-fifth is the fact that the
the thirty-sixth is the fact that the
the thirty-seventh is the fact that the
the thirty-eighth is the fact that the
the thirty-ninth is the fact that the
the fortieth is the fact that the
the forty-first is the fact that the
the forty-second is the fact that the
the forty-third is the fact that the
the forty-fourth is the fact that the
the forty-fifth is the fact that the
the forty-sixth is the fact that the
the forty-seventh is the fact that the
the forty-eighth is the fact that the
the forty-ninth is the fact that the
the fiftieth is the fact that the
the fifty-first is the fact that the
the fifty-second is the fact that the
the fifty-third is the fact that the
the fifty-fourth is the fact that the
the fifty-fifth is the fact that the
the fifty-sixth is the fact that the
the fifty-seventh is the fact that the
the fifty-eighth is the fact that the
the fifty-ninth is the fact that the
the sixtieth is the fact that the
the sixty-first is the fact that the
the sixty-second is the fact that the
the sixty-third is the fact that the
the sixty-fourth is the fact that the
the sixty-fifth is the fact that the
the sixty-sixth is the fact that the
the sixty-seventh is the fact that the
the sixty-eighth is the fact that the
the sixty-ninth is the fact that the
the seventieth is the fact that the
the seventy-first is the fact that the
the seventy-second is the fact that the
the seventy-third is the fact that the
the seventy-fourth is the fact that the
the seventy-fifth is the fact that the
the seventy-sixth is the fact that the
the seventy-seventh is the fact that the
the seventy-eighth is the fact that the
the seventy-ninth is the fact that the
the eightieth is the fact that the
the eighty-first is the fact that the
the eighty-second is the fact that the
the eighty-third is the fact that the
the eighty-fourth is the fact that the
the eighty-fifth is the fact that the
the eighty-sixth is the fact that the
the eighty-seventh is the fact that the
the eighty-eighth is the fact that the
the eighty-ninth is the fact that the
the ninetieth is the fact that the
the ninety-first is the fact that the
the ninety-second is the fact that the
the ninety-third is the fact that the
the ninety-fourth is the fact that the
the ninety-fifth is the fact that the
the ninety-sixth is the fact that the
the ninety-seventh is the fact that the
the ninety-eighth is the fact that the
the ninety-ninth is the fact that the
the hundredth is the fact that the

Chương VI

ĐẢNG BỘ XÃ NAM HÒA LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI, CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (1996 - 2015)

I. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ VII⁽¹⁾, nhiệm kỳ 1996 - 2000

Từ năm 1996 đến năm 2000, thực hiện nội dung đường lối của Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (năm 1996), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, Nghị quyết Đại hội huyện Đồng Hỷ nhiệm kỳ 1996 - 2000, Đảng bộ và nhân dân xã Nam Hòa tập trung phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, đặc biệt xây dựng cơ

⁽¹⁾ Đại hội trên theo đúng thứ tự phải là Đại hội lần thứ VIII nhưng do Ban Chấp hành Đảng bộ các khóa trước đánh số nhầm dẫn đến vấn đề có tới 2 kỳ Đại hội VII. Như vậy, Đại hội Đảng bộ gần đây nhất (diễn ra từ ngày 27 đến ngày 28/4/2015) đúng ra phải là lần thứ XII (thay vì ghi lần thứ XI như trong các văn kiện lưu hành chính thức hiện nay của Đảng bộ). Tuy nhiên, nhằm giản tiện nhất về mặt pháp quy hành chính, Ban chỉ đạo thống nhất giữ nguyên cách đánh số thứ tự Đại hội như cũ và chú thích rõ về sự nhầm lẫn trên để bạn đọc hiểu rõ.

sở vật chất trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngày 19/1/1996, Đảng bộ tổ chức Đại hội lần thứ VII, nhiệm kỳ 1996 - 2000 tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã. Sau khi nghe báo cáo chính trị về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ khóa cũ, Đại hội sôi nổi thảo luận và thống nhất đề ra phương hướng, mục tiêu cho nhiệm kỳ 1996 - 2000 với nội dung tổng quát là: Tập trung sản xuất nông nghiệp, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên quê hương. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm 9 ủy viên. Trong phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành bầu 3 đồng chí vào Ban Thường vụ Đảng ủy gồm: đồng chí Trần Văn Thái - Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nông Văn Thắng - Phó Bí thư, đồng chí Lý Quý Sông - Thường trực Đảng ủy.

Nền kinh tế xã được xác định nằm trong tiểu vùng kinh tế phía nam của huyện với cơ cấu ngành kinh tế chủ đạo là lâm - nông nghiệp, trong đó tập trung vào đẩy mạnh nghề rừng, trồng cây ăn quả, khuyến khích phát triển kinh tế theo mô hình trang trại lâm - nông kết hợp. Khắc phục những khó khăn do thời tiết, Đảng bộ vận động nhân dân chuyển dịch cơ cấu cây trồng, khuyến khích mở rộng diện tích lúa cao sản, tăng diện tích gieo cấy vụ đông - xuân. Năng suất bình quân cả giai đoạn đạt 38,7 tạ/ha/vụ. Được sự tạo điều kiện của Ngân hàng Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn, nhân dân được vay vốn để đầu tư thêm máy bơm, phân bón, giống...

Ngoài cây lúa, một số cây trồng khác cũng tiếp tục phát triển. Diện tích trồng ngô hàng năm đạt từ 40 - 50ha. Diện tích chè trồng mới trong 5 năm là 68ha. Nhà máy chế biến chè trong huyện, tỉnh được mở rộng, giúp giải quyết khâu chế biến và đầu ra cho sản phẩm. Nhờ vậy, người dân yên tâm sản xuất và mạnh dạn đầu tư, chăm sóc cây chè, góp phần tăng thêm thu nhập. Diện tích trồng cây ăn quả tiếp tục tăng nhanh: Trong 5 năm (1996 - 2000), xã trồng mới thêm 9ha, đưa tổng diện tích cây ăn quả lên 70ha (trong đó, vải là loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao nên được nhân dân trồng nhiều).

Công tác trồng rừng và bảo vệ rừng được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo. Phong trào trồng rừng gắn với việc khoanh nuôi bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng tái sinh được người dân nhiệt tình hưởng ứng. Qua thực hiện Dự án 327 và Dự án 661, nhân dân trồng mới được 47ha rừng, tính đến cuối năm 1999, huyện tổ chức giao đất lâm nghiệp cho các hộ được gần 2.000ha, độ che phủ rừng trên địa bàn đạt 48%. Giá trị thu nhập trên đơn vị héc-ta ruộng thời kỳ này của Nam Hòa đạt 11,2 triệu đồng, từ đất đồi vườn đạt 16 - 18 triệu đồng.

Về chăn nuôi, nếu tổng đàn trâu của xã chỉ giữ ở mức ổn

định, đáp ứng nhu cầu sức kéo trong nông nghiệp thì chăn nuôi lợn, bò có tốc độ phát triển tương đối nhanh. Đến năm 2000, tổng đàn trâu, bò đạt 1.530 con, đàn lợn 3.478 con, đàn gia cầm gần 10.000 con. Ngoài ra, nhiều gia đình trong xã nuôi thả cá và ong mật, cho thu nhập khá.

Cuối năm 1998, trước tình hình 2 điểm khai thác của Mỏ sắt Trại Cau là Quang Trung Nam và Quang Trung Bắc trên địa bàn xã gần cạn kiệt, doanh nghiệp quốc doanh Mỏ sắt Trại Cau rút phương tiện và nhân lực sang khai thác ở những điểm mới. Lúc đó, hợp tác xã tận thu quặng sắt Trại Cau (do tỉnh quản lý) vào tiếp nhận điểm khai thác Quang Trung Bắc và lập dự án tận thu số quặng sắt còn lại. Các ngành cung cấp vật tư nông nghiệp, đồ dùng phục vụ sinh hoạt cho gia đình, sửa chữa cơ khí điện tử, vận tải trên địa bàn đang từng bước phát triển, song nhìn chung quy mô chưa đáng kể. Doanh thu hàng năm của các hộ kinh doanh - dịch vụ trong giai đoạn này bình quân đạt khoảng 12 triệu đồng/hộ. Các loại máy cơ khí được sử dụng rộng rãi ở các xóm như: máy làm đất, bơm nước, máy xay xát, máy xẻ gỗ... Năm 2000, toàn xã có 15 máy cày, 10 máy xay xát thóc...

Chỉ tiêu thu ngân sách hàng năm đạt kết quả khá, đảm bảo chỉ tiêu cấp trên giao. Các khoản chi ngân sách đều được thảo luận dân chủ trong các kỳ họp của Hội đồng nhân dân và thực hiện từng bước theo kế hoạch. Việc quản

lý các nguồn thu và chi đảm bảo sự công bằng, được nhân dân tin tưởng.

Nhiều công trình điện, đường, trường, trạm được xã Nam Hòa từng bước đầu tư xây dựng mới hoặc tu bổ, nâng cấp. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã tổ chức cho nhân dân tham gia lao động công ích mở đường cho 22/22 xóm. Các ban ngành, đoàn thể phối hợp với nhân dân trong xã làm mới và tu sửa 40km đường giao thông liên xóm và nội xóm. Với những cố gắng đó, năm 1998, xã được Bộ Giao thông - Vận tải tặng bằng khen vì hoàn thành xuất sắc phong trào làm đường giao thông nông thôn. Đến năm 2000, số hộ được sử dụng điện của toàn xã là 918 hộ, đạt tỷ lệ 50%. Số hộ chưa được sử dụng điện chủ yếu ở những xóm xa trung tâm như: Đồng Chốc, Đồng Mỏ, Chí Sơn, Gốc Thị, Na Quán, Na Tranh, Con Phượng, Ba Cóc...

Về công tác phát triển cơ sở hạ tầng, từ năm 1996 đến năm 2000, bằng việc huy động nguồn lực trong nhân dân (với 1.500 ngày công và 15 triệu đồng), địa phương sửa chữa được một số hồ, đập và nạo vét hàng ki-lô-mét kênh mương. Bên cạnh đó, xã xây dựng được 6 phòng học cấp bốn, tu sửa 4 phòng, xây trụ sở Ủy ban nhân dân mới ở khu vực hiện tại (xóm Quang Minh) gồm 5 gian nhà cấp bốn. Trong năm 2000, trung tâm văn hóa - thể thao của xã được xây dựng. Tỷ lệ ngôi nhà ở của nhân dân trong xã đến năm 2000 đạt tỷ lệ 50% số hộ.

Cùng với sự chuyển mình trên lĩnh vực kinh tế, công tác văn hóa - xã hội được đẩy mạnh. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII về giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, chất lượng công tác giáo dục tại địa phương có sự tiến bộ rõ rệt. Ngày 12/11/1999, trường Mầm non Nam Hòa được thành lập (theo Quyết định số 1350/TCCB của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên), Hiệu trưởng đầu tiên là cô Trần Thị Dung. Trong giai đoạn 1996 - 2000, hàng năm số trẻ em trong độ tuổi được đến trường đạt 98%, học sinh lên lớp đạt 90%, tốt nghiệp đạt 80% trở lên; địa phương không có học sinh vi phạm các tệ nạn xã hội. 6/22 xóm có học sinh cấp III với tổng số khoảng 100 em, trong đó hàng năm có từ 5 - 6 em trúng tuyển vào các trường đại học và cao đẳng.

Các trang thiết bị phục vụ cho việc khám chữa bệnh được đầu tư thêm, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ khám, chữa các bệnh thông thường, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tiếp tục có sự chuyển biến tích cực. Đến năm 2000, 100% số xóm có cộng tác viên dân số. Tỷ lệ sinh năm 1996 còn 32‰, đến năm 2000 còn 21‰.

Đảng bộ, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể phối hợp xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để thực hiện xóa đói giảm nghèo, phối hợp với Ngân hàng Chính sách

xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tạo điều kiện cho nhân dân vay vốn phát triển kinh tế, tổ chức các lớp tập huấn về khoa học kỹ thuật cho nhân dân. Kết quả, đến năm 2000, Nam Hòa còn 128 hộ nghèo theo tiêu chí giai đoạn 1996 - 2000.

Công tác chính sách xã hội được thực hiện thường xuyên, liên tục, 100% các gia đình thương binh, liệt sỹ đều được cấp sổ tình nghĩa. Ngân sách chi cho công tác đền ơn đáp nghĩa trong 5 năm là 21 triệu đồng. Nhờ vậy, xã được các ban ngành của tỉnh, huyện tặng nhiều bằng khen, giấy khen, trong đó có giấy khen của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh về việc thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa.

Hoạt động văn nghệ - thể thao diễn ra sôi nổi, vui tươi ở khắp các xóm. Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ là lực lượng tham gia đông đảo nhất, thường xuyên có đợt giao lưu với các đơn vị quân đội, xã bạn. Đến năm 2000, toàn xã có 11/22 xóm có đội bóng đá, tổ văn nghệ. Cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư"* và *"Xây dựng làng bản và gia đình văn hóa"* được đẩy mạnh và mang lại nhiều kết quả thiết thực, 100% số xóm xây dựng được hương ước, quy ước của xóm, có 1.460 hộ đăng ký gia đình văn hóa (đạt 78%).

Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế gắn với xây

dựng thế trận quốc phòng toàn dân, công tác huấn luyện hàng năm đều đạt loại khá trở lên, các đợt diễn tập quân sự và công tác tuyển quân đều hoàn thành chỉ tiêu. Nhờ vậy, trong 4 năm liên tục (1997 - 2000), Ban Chỉ huy quân sự xã được Ủy ban nhân dân huyện tặng giấy khen.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững. Ban công an thực hiện tốt nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự trong xã, bảo vệ an toàn các ngày lễ lớn của dân tộc và các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp; giải quyết kịp thời các vụ việc vi phạm pháp luật theo đúng thẩm quyền. Đội ngũ công an viên được quy hoạch đảm bảo chất lượng, thay thế một số công an viên không đủ tiêu chuẩn. Các cụm an ninh liên hoàn được xây dựng và hoạt động có hiệu quả. Công tác phòng chống các tệ nạn xã hội được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm. Xã thành lập Ban phòng chống các tệ nạn xã hội, hầu hết các xóm cam kết không có tệ nạn xã hội. Ban Công an xã tổ chức thu giữ bằng hình, sản phẩm văn hóa đồi trụy, cũng như phối hợp với cơ quan công an huyện triệt phá thành công nhiều vụ án trên địa bàn.

Ban Chấp hành Đảng bộ tập trung quán triệt các Nghị quyết của Trung ương Đảng, đặc biệt là cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII tới từng đảng viên, qua đó nâng cao nhận thức, hiểu biết của đảng viên với

những chủ trương của Đảng, tạo sự thống nhất cao trong lãnh đạo và chỉ đạo. Việc kiểm tra, đánh giá xếp loại đảng viên được tiến hành thường xuyên. Riêng trong năm 1999, Đảng bộ có 90 đảng viên xếp loại 1, đảng viên đủ tư cách chiếm 92%, số đảng viên còn lại là hoàn thành nhiệm vụ, không có đảng viên yếu kém. Trong tổng số 13 chi bộ trực thuộc, số chi bộ trong sạch vững mạnh là 5, số chi bộ khá là 5, trung bình là 3, không có chi bộ yếu, kém.

Công tác tổ chức từ Đảng bộ đến các chi bộ có nhiều chuyển biến rõ nét. Nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách được thực hiện tốt. Đảng ủy nhiệm kỳ này có 3/9 đảng ủy viên đạt trình độ trung cấp về lý luận chính trị. Tính đến tháng 7/2000, Đảng bộ có 14 chi bộ trực thuộc (gồm 10 chi bộ nông thôn, 3 chi bộ nhà trường, 1 chi bộ y tế). Đảng bộ luôn chú ý tới công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên. Tổng số đảng viên trong Đảng bộ vào cuối nhiệm kỳ là 125 đồng chí.

Với những kết quả đạt được, trong giai đoạn 1996 - 2000, Đảng bộ nhiều năm liền đạt loại khá. Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng còn tồn tại một số vấn đề. Tổ chức Đảng còn buông lỏng quản lý đảng viên, tính chiến đấu trong Đảng thấp. Công tác phát triển Đảng ở một số chi bộ chưa được quan tâm đúng mức, có chi bộ (nhất là các

chi bộ nông thôn) suốt cả nhiệm kỳ không kết nạp được đảng viên mới. Công tác kiểm tra tiến hành chậm, có tâm lý ngại va chạm, xử lý kỷ luật thiếu kiên quyết.

Chính quyền xã thực hiện tốt vai trò đại diện cử tri ở cơ sở, hoạt động và làm việc theo quy chế, luật định. Chính quyền phối kết hợp với tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tuyên truyền vận động nhân dân thi đua lao động sản xuất, hoàn thành các chỉ tiêu đối với Nhà nước, thúc đẩy kinh tế phát triển, nâng cao đời sống nhân dân. Tháng 12/1999, nhân dân trong xã hăng hái tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp nhiệm kỳ 1999 - 2004. Trong kỳ họp thứ nhất, đồng chí Trần Thái được bầu làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã; đồng chí Nông Văn Thắng được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; đồng chí Chu Văn Phúc tiếp tục được tín nhiệm giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân kiêm Trưởng Ban Công an xã.

Mặt trận Tổ quốc xã đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân; vận động nhân dân thực hiện tốt phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới"*, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước. Với những thành tích đạt được, năm 1997 và 1998, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, huyện tặng giấy khen, bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Hội Nông dân khuyến khích hội viên phát triển sản xuất bằng cách cho vay vốn với lãi suất thấp, hướng dẫn hội viên ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Hàng năm, Hội Nông dân đều đạt đơn vị khá của huyện. Năm 1998 và năm 1999, Hội được nhận giấy khen của Hội Nông dân huyện và Ủy ban nhân dân huyện.

Đoàn Thanh niên xã tiếp tục thực hiện các phong trào "*Thanh niên lập nghiệp*", "*Tuổi trẻ giữ nước*"... Trong 5 năm liên tục, Đoàn xã được cấp trên đánh giá là cơ sở đoàn vững mạnh; được tặng bằng khen (năm 1997), giấy khen (năm 1998).

Hội Phụ nữ tích cực vận động hội viên tham gia các chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, phát triển kinh tế, vay vốn, tạo việc làm cho hội viên. Bên cạnh đó, Hội còn giới thiệu cán bộ nữ cho các chi bộ bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng và tham gia bộ máy quản lý Nhà nước ở địa phương. Các hội viên đều đăng ký gia đình văn hóa, không để tệ nạn xã hội xảy ra trên địa bàn. Hàng năm, 95% số hội viên đạt tiên tiến và khá. Trong giai đoạn 1996 - 2000, Hội được cấp tỉnh, huyện tặng bằng khen, giấy khen.

Hội Cựu chiến binh xã cơ bản hoàn thành các chương trình hành động của Hội, tích cực tham gia phong trào thi đua "*Cựu chiến binh gương mẫu*", phát huy phẩm chất "*Bộ đội Cụ Hồ*"; góp phần bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ

chế độ xã hội chủ nghĩa; giúp nhau phát triển kinh tế, đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo. Đặc biệt, Hội còn thường xuyên làm tốt công tác giáo dục truyền thống cách mạng đến các thế hệ trẻ.

II. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2000 - 2005

Ngày 26/9/2000, Đảng bộ xã tổ chức Đại hội lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2000 - 2005 tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã với 125 đảng viên tham dự. Đại hội đánh giá kết quả việc thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ trước và đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ cho giai đoạn 2000 - 2005 là:

- Đẩy mạnh phát triển nông - lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ;
- Tập trung xây dựng các công trình trọng điểm như trường học, trạm y tế và các công trình dân sinh khác;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giữ vững an ninh chính trị, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân;
- củng cố tổ chức, tăng cường đoàn kết trong Đảng, chính quyền.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 11 ủy viên. Ngày 18/11/2000, Ban Chấp hành Đảng bộ tiến hành họp

phiên thứ nhất và bầu 3 đồng chí vào Ban Thường vụ Đảng ủy: đồng chí Trần Gia Cát giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Chu Văn Phúc - Phó Bí thư, đồng chí Nguyễn Trung Hiếu - Thường trực Đảng ủy. Như vậy, năm đầu tiên của thiên niên kỷ mới cũng là năm một thế hệ lãnh đạo trẻ hơn và năng động hơn được tin nhiệm giữ các chức vụ lãnh đạo chủ chốt. Trên cơ sở kế thừa những kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các bậc cán bộ tiền bối trong thực hiện các mục tiêu chính trị của xã (đặc biệt là trong phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng cơ bản), thế hệ lãnh đạo mới lên quyết tâm phát huy truyền thống đoàn kết, tập trung dân chủ, sáng tạo xây dựng quê hương Nam Hòa ngày càng giàu mạnh, xứng đáng với sự tin nhiệm của nhân dân cũng như sự tin tưởng, kỳ vọng của cấp trên.

Trong phát triển kinh tế, Đảng bộ xã xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, trong đó lấy mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực là ưu tiên số một, hướng tới nền sản xuất hàng hóa, khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng trọt và chăn nuôi. Các giống lúa mới, ngô mới được đưa vào sản xuất, cơ giới hóa trong nông nghiệp được tăng cường. Chính quyền huy động nhân dân tiến hành nạo vét, tu bổ các công trình thủy lợi, hệ thống kênh mương nhằm đảm bảo tưới, tiêu kịp thời. Nhờ vậy, năng suất lúa bình

quân tăng từ 39,7 tạ/ha/vụ (năm 2001) lên 43,3 tạ/ha/vụ (năm 2004); bình quân lương thực đầu người đạt 285kg/năm (tăng 20kg so với năm 2000). Diện tích trồng cây ngô vụ đông tăng từ 40ha (năm 2000) lên 60ha (năm 2004), năng suất bình quân đạt 34 tạ/ha⁽¹⁾.

Chè được xác định là cây mũi nhọn, góp phần quan trọng trong công tác xóa đói giảm nghèo ở địa phương. Tính đến tháng 6/2005, tổng diện tích cây chè là 70ha, trong đó có 65ha đã cho thu hoạch. Người dân trồng chè mới (chè cành) cho năng suất, chất lượng cao, cải tạo 15ha diện tích chè thoái hóa. Bên cạnh đó, cây ăn quả được Đảng bộ và chính quyền xã khuyến khích phát triển cả về diện tích và sản lượng. Tính đến giữa năm 2005, diện tích trồng cây ăn quả của xã là 80ha với sản lượng trên 600 tấn/năm⁽²⁾.

Trong chăn nuôi, địa phương khuyến khích ứng dụng khoa học kỹ thuật, tạo điều kiện cho nông dân được vay vốn và tham gia tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi do huyện mở. Trong 5 năm, trên địa bàn xã không có ổ dịch lớn, đàn gia súc, gia cầm tiếp tục phát triển. Một số mô hình trồng cỏ, chăn nuôi trâu, bò, nuôi gà nhốt chuồng, nuôi ong lấy mật, nuôi cá thả trở thành phong trào sâu rộng,

^{(1) (2)} Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VIII trình Đại hội Đảng bộ lần thứ IX, tháng 7/2005, tr. 1-2.

tăng thu nhập cho các hộ gia đình, góp phần làm đa dạng thị trường hàng hóa ở địa phương. Thực hiện đề án phát triển kinh tế trang trại của huyện, trong giai đoạn này có một số xóm và một số hộ dân hưởng ứng và thực hiện tích cực với mô hình vừa và nhỏ, chủ yếu là mô hình nông lâm kết hợp với trồng trọt, chăn nuôi, thu nhập từ những trang trại này hàng năm từ 20 đến 50 triệu đồng/hộ⁽¹⁾.

Công tác bảo vệ và phát triển rừng được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo. Chương trình trồng cây theo Dự án 661 được các hộ gia đình nhiệt tình hưởng ứng. Tổng diện tích rừng trồng từ năm 2001 đến năm 2005 là 195,52ha, kinh tế đồi rừng mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho một bộ phận dân cư, giải quyết việc làm cho hơn 500 lao động địa phương. Trong 5 năm, xã khai thác 15.000m³ gỗ các loại, tổng giá trị ước đạt trên 300 triệu đồng⁽²⁾. Công tác phòng chống cháy rừng được tổ chức sâu sát tới từng xóm. Trong 5 năm, toàn xã không xảy ra cháy rừng. Do làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng nên hàng năm xã Nam Hòa đều được cấp trên khen thưởng.

Đảng bộ, chính quyền địa phương luôn khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ phát triển mạnh cả về quy mô và số

^{(1), (2)} Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VIII trình Đại hội Đảng bộ lần thứ IX, tháng 7/2005, tr. 3 - 4.

lượng, đầu tư thêm trang thiết bị, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Ngành nghề sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao, tăng thu nhập cho hộ gia đình và thu hút lực lượng lao động dư thừa (khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến gỗ, dịch vụ vận tải, dịch vụ nông nghiệp, chế biến nông - lâm sản...) đang từng bước phát triển.

Nhân dân đầu tư mua sắm một số lượng lớn máy móc phục vụ nông nghiệp và dân sinh. Toàn xã có 32 máy cày bừa, 18 máy xay xát, 13 công nông, 40 máy tuốt lúa có động cơ, 60 tôn sao chè quay tay, 60 máy vò chè. Năm 2004, tổng thu nhập từ sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ đạt trên 10 tỷ đồng.

Nhận thức phát triển kinh tế phải đi liền với đầu tư nâng cấp, xây mới cơ sở hạ tầng, Đảng bộ, chính quyền xã tập trung thực hiện các dự án trọng điểm theo phương châm "*Nhà nước và nhân dân cùng làm*". Trong giai đoạn 2000 - 2005, với tổng số vốn đầu tư khoảng 20 tỷ đồng (trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 10 tỷ đồng, còn lại do tổ chức PLAN hỗ trợ và nhân dân đóng góp), Nam Hòa xây dựng mở rộng, tu bổ, nâng cấp cơ sở vật chất tất cả các trường học. Chính quyền phối hợp với các chủ dự án thực hiện các bước giải phóng mặt bằng, rải nhựa đường Tỉnh lộ 269 (nay là Quốc lộ 17), lắp đặt 5 trạm biến áp tại các xóm Cầu Đất, Đồng Chốc, Bờ Suối, Na Quán, Hoàng Gia. Trong đó, 2 trạm ở xóm Cầu Đất và Bờ Suối là do nhân

dân đóng góp 100% kinh phí xây dựng. Đến đầu năm 2005, xã hoàn thành đường điện hạ thế, đưa điện lưới quốc gia đến trên 80% số hộ gia đình.

Hàng năm, nhân dân tích cực tham gia tu sửa đường, nạo vét xây dựng kênh mương, sửa chữa và làm mới đường liên xóm, cầu cống ở các xóm đảm bảo giao thông thuận tiện. Các xóm chủ động tu sửa mở rộng thêm đường, nhân dân đóng góp hàng ngàn ngày công vào việc nâng cấp đường cấp phối, chủ yếu vào mùa khô và các đợt diễn tập quân sự. Nhờ có các công trình đó, điều kiện phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân trong xã được cải thiện đáng kể.

Chi ngân sách cơ bản đảm bảo các hoạt động chi thường xuyên đúng theo luật định. Trong hoạt động tín dụng của xã, Đảng ủy tập trung chỉ đạo chủ động tạo điều kiện huy động về vốn vay, vốn tự có của nhân dân để phát triển sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và kinh doanh dịch vụ. Tính đến ngày 30/6/2005, tổng số dư nợ ngân hàng của các hộ trong xã đạt gần 15 tỷ đồng (trong đó, vốn vay ưu đãi chiếm tới 75%).

Mục tiêu giảm hộ nghèo hàng năm luôn được cấp ủy, chính quyền, đoàn thể quan tâm. Bằng biện pháp thực hiện cụ thể như tạo điều kiện thuận lợi để 100% hộ nghèo được vay vốn ưu đãi, thường xuyên tập huấn khoa học kỹ

thuật nên đến tháng 12/2004 số hộ nghèo của xã còn 141 hộ (giảm 233 hộ so với năm 2001).

Trong sự nghiệp giáo dục, cơ sở vật chất của các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở được cải thiện hơn so với giai đoạn trước. Trong 4 năm, xã xây mới được 6 phòng học cấp bốn cho trường Tiểu học và Trung học cơ sở. Đặc biệt, trong năm 2001, xã xây dựng được nhà 2 tầng gồm 8 phòng học tại trường Trung học cơ sở Nam Hòa do Ủy ban nhân dân xã làm chủ đầu tư, Công ty Xây dựng đô thị Thái Nguyên thiết kế và thi công với 100% kinh phí do nhân dân đóng góp. Đây cũng là nhà tầng đầu tiên của khối cơ quan hành chính - sự nghiệp của xã. Cũng trong thời gian này, cấp ủy Đảng đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã quy hoạch tổng thể việc xây dựng cơ sở hạ tầng trường Trung học cơ sở Nam Hòa để tổ chức thực hiện trong những năm tiếp theo. Đến năm học 2001 - 2002, xã hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ I và đến năm học 2003 - 2004, tiếp tục hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Năm học 2004 - 2005, toàn xã có 12 học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng.

Năm 2002, Trạm y tế Nam Hòa đã được tổ chức phi chính phủ PLAN tài trợ một số thiết bị, thuốc và đào tạo nhân lực. Ngoài ra, xã còn tiếp tục kiện toàn mạng lưới y tế thôn bản. Do đó, các chương trình chăm sóc sức khỏe

ban đầu cho nhân dân được triển khai đầy đủ và kịp thời. Hàng ngày, bình quân trạm y tế khám cho từ 20 - 30 người. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm từ 46,5% (năm 2000) còn 30,1% (tháng 6/2005). Các chương trình chống lao, sốt rét, HIV được thực hiện tốt. Tỷ lệ sinh con thứ 3 giảm, tỷ suất sinh thô còn 18‰.

Thực hiện phong trào “*Xây dựng gia đình, làng bản, cơ quan văn hóa*” và cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*”, 100% xóm, cơ quan, 90% số hộ gia đình đăng ký tham gia. Kết quả năm 2004 có 100% cơ quan đạt tiêu chuẩn, số hộ đạt gia đình văn hóa là 1.065 hộ (tăng 23,3% so với năm 2000). Hoạt động văn nghệ - thể thao luôn được khuyến khích, duy trì bản sắc văn hóa dân tộc. Xã tham dự và hưởng ứng đầy đủ các hội thi thể thao cấp huyện, phong trào thể thao của thanh niên, thiếu nhi đạt kết quả tốt. Công tác thông tin - tuyên truyền bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, từng bước xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa, đến năm 2003, 95% số xóm có cụm loa truyền thanh và nhà văn hóa.

Đảng bộ, chính quyền xã huy động nhiều nguồn lực tham gia vào công tác chính sách xã hội, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng chính sách nhân dịp lễ tết cũng như kịp thời lập hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ người có công với cách mạng. Các cấp, các ngành

thực hiện tốt phong trào “*Đền ơn đáp nghĩa*”, từ thiện nhân đạo, quan tâm đến nạn nhân bị ảnh hưởng chất độc màu da cam. Trong giai đoạn này, Nhà nước hỗ trợ xây dựng nhà ở cho 95 hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn của xã với mức hỗ trợ 11 triệu đồng/hộ và cho vay không tính lãi với mức 9 triệu đồng/hộ trong vòng 5 năm. Cùng với đó, một số doanh nghiệp hỗ trợ xây dựng 4 căn nhà tình nghĩa với kinh phí hàng trăm triệu đồng; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp hỗ trợ xây dựng được 5 căn nhà “*Dại đoàn kết*” với mức 10 triệu đồng/hộ. Các tổ chức đoàn thể (chủ yếu là Hội Nông dân) tặng 4 “*Vườn cây tình nghĩa*” cho các gia đình thương binh, liệt sỹ.

Đối với chính sách lao động việc làm, Đảng bộ xã chỉ đạo chính quyền phối hợp với các đoàn thể quần chúng tạo điều kiện vay vốn cho những lao động đi làm việc tại Đài Loan, Malaysia... Trong giai đoạn 2000 - 2005, hàng năm xã giải quyết việc làm cho trung bình 120 lao động.

Công tác an ninh trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Thực hiện Nghị quyết 08 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về chiến lược bảo vệ Tổ quốc, được sự hỗ trợ và chỉ đạo trực tiếp của Công an huyện Đồng Hỷ, Ban Công an xã đã tham mưu đắc lực cho Đảng bộ, chính quyền xã giải quyết vấn đề an ninh - chính trị trên địa bàn. Đội ngũ công an viên hàng năm đều tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được

triển khai sâu rộng đến toàn thể các tầng lớp nhân dân.

Lực lượng dân quân thường xuyên được củng cố, bổ sung đủ số lượng và đảm bảo chất lượng. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân chiếm 5%, lực lượng dân quân tham gia các lớp học tập chính trị, quân sự theo quy định. Công tác tuyển quân từ khâu khám tuyển đến gọi nhập ngũ đều tiến hành dân chủ, công khai, đúng luật. Hàng năm, xã hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân và chỉ tiêu gọi kiểm tra lực lượng dự bị động viên. Ban Chỉ huy quân sự xã tham mưu cho Đảng ủy, Ủy ban nhân dân tổ chức thực hiện tốt các cuộc diễn tập và kế hoạch phòng thủ A - A2 , đảm bảo chủ động ứng phó với mọi tình huống xảy ra.

Đảng bộ luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng, trong đó đặc biệt chú trọng công tác cán bộ, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, giữa Đảng với nhân dân toàn xã, tạo ra khối đại đoàn kết vững mạnh để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Hiện tượng cục bộ, bè phái đã bị ngăn chặn, đẩy lùi. Các buổi sinh hoạt phê bình và tự phê bình trong Đảng được duy trì đều đặn. Tính đến cuối nhiệm kỳ, Đảng bộ có tổng số 15 chi bộ (11 chi bộ nông thôn, 3 chi bộ nhà trường, Chi bộ y tế). Giai đoạn 2000 - 2005, hàng năm, Đảng bộ có trung bình 87% số chi bộ trực thuộc đạt *“trong sạch vững mạnh”*, trong đó có nhiều chi bộ đạt *“trong sạch vững mạnh”* liên tục.

Công tác bồi dưỡng cán bộ được chú trọng, trong 5 năm (2000 - 2005), 100% bí thư chi bộ đi dự lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị, bồi dưỡng về tư tưởng Hồ Chí Minh, 3 đồng chí được cử đi học đại học hệ tại chức ngành kinh tế nông nghiệp, 8 đồng chí học lớp trung cấp và 6 đồng chí học sơ cấp về lý luận chính trị, 2 đồng chí dự lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, 1 đồng chí học lớp cán bộ lãnh đạo Ban Chỉ huy quân sự xã. Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ tạo điều kiện cho 52 quần chúng đi học bồi dưỡng kết nạp Đảng, trong số đó có 28 quần chúng ưu tú vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng (đạt 93% kế hoạch). Số đồng chí mới kết nạp chủ yếu là quần chúng trẻ thuộc dân tộc thiểu số đạt nhiều thành tích trong công tác.

Công tác kiểm tra được tăng cường, hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy diễn ra thường xuyên. Nội dung kiểm tra luôn bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, bám sát Điều lệ Đảng. Đảng ủy thực hiện tốt những cuộc kiểm tra chuyên đề theo sự chỉ đạo của cấp trên, thông qua việc kiểm tra đã điều chỉnh kịp thời trong công tác lãnh đạo, quản lý của cấp ủy cơ sở. Trong nhiệm kỳ, Đảng ủy tiến hành 46 cuộc kiểm tra, xử lý kỷ luật 4 trường hợp (trong đó cảnh cáo 1 đồng chí, khiển trách 1 đồng chí và xóa tên 2 đồng chí). Công tác dân vận được thực hiện hiệu quả, góp phần nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân để Đảng ủy, chính quyền có những biện pháp giải quyết

thích hợp, kịp thời; vận động người dân tích cực tham gia các phong trào mang tính cộng đồng như làm thủy lợi, giúp nhau thoát nghèo và vươn lên làm giàu...

Dưới sự chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng ủy, nhân dân hoàn thành tốt cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Có tổng số 28 đại biểu được bầu vào Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2004 - 2009 (sau được kéo dài đến năm 2011). Trong kỳ họp lần thứ nhất, Hội đồng nhân dân bầu đồng chí Trần Gia Cát giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân, bầu đồng chí Chu Văn Phúc làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Những đại biểu trong Hội đồng nhân dân đều là những người có năng lực, tinh thần trách nhiệm cao. Các kỳ họp của Hội đồng nhân dân được tiến hành đảm bảo đúng luật, vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân được phát huy, nội dung các kỳ họp tập trung vào mục tiêu trọng tâm là phát triển kinh tế - xã hội.

Nhờ hoàn thành tốt nhiệm vụ trên giao, chính quyền xã được tỉnh, huyện tặng nhiều bằng khen, giấy khen và 5 năm liên tục đạt danh hiệu *"trong sạch vững mạnh xuất sắc"*. 100% số trưởng xóm được cử đi dự các lớp tập huấn về quản lý nhà nước và kiến thức quốc phòng an ninh do Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ tổ chức tại trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện.

Cùng với công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Đảng bộ xã thường xuyên quan tâm và chăm lo xây dựng các đoàn thể chính trị ở địa phương. Mặt trận Tổ quốc tích cực đổi mới phương thức hoạt động theo Đề án 304 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về *“Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở”*, làm tốt công tác vận động quần chúng nhân dân tham gia tích cực các phong trào thi đua phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo. Đồng thời, Mặt trận tham mưu cho cấp ủy, chính quyền thực hiện quyền dân chủ, tổ chức hiệp thương, giới thiệu đại biểu trong các cuộc bầu cử ở địa phương cũng như kết hợp với các đoàn thể quần chúng thực hiện tốt cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”*.

Đến tháng 6/2005, Hội Nông dân có 1.075 hội viên (tăng 245 hội viên so với năm 2000) sinh hoạt ở 22 chi hội. Với những hoạt động thiết thực như phát động phong trào thi đua sản xuất giỏi, giúp hội viên mua phân bón trả chậm và vay vốn phát triển sản xuất nên đến năm 2005, có 78 gia đình hội viên đã xây dựng thành công mô hình VAC với thu nhập bình quân đầu người đạt 4 - 5 triệu đồng/năm. Đặc biệt, trang trại của hội viên Phùng Văn Tiên (xóm Con Phượng) cho thu nhập 30 - 40 triệu đồng/năm.

Hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu

chiến binh đi vào chiều sâu với nhiều hình thức phong phú. Đặc biệt, Đoàn Thanh niên luôn là lực lượng đi đầu trong các phong trào. Nhiều thanh niên đã xây dựng thành công mô hình làm kinh tế giỏi, hăng hái đăng ký nghĩa vụ quân sự và lên đường nhập ngũ.

III. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ IX, nhiệm kỳ 2005 - 2010

Trong 2 ngày 17 và 18/7/2005, Đảng bộ xã Nam Hòa tiến hành Đại hội lần thứ IX, nhiệm kỳ 2005 - 2010 tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã. Tham dự Đại hội có 135 đảng viên trong 15 chi bộ. Đại hội vinh dự được Ban Thường vụ Huyện ủy Đồng Hỷ chọn tổ chức Đại hội điểm toàn huyện, đồng chí Trần Văn Vinh - Bí thư Huyện ủy về dự và trực tiếp chỉ đạo, cùng Bí thư Đảng bộ các xã và thị trấn trong huyện về dự. Thay mặt Ban Chấp hành Đảng bộ, đồng chí Trần Gia Cát, Bí thư Đảng ủy đã đọc Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VIII về công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với mọi mặt chính trị - kinh tế - xã hội của Nam Hòa giai đoạn 2000 - 2005. Báo cáo nhấn mạnh: *“Hệ thống chính trị của xã hoạt động đồng đều, thực hiện nhiệm vụ tốt, tiếp cận công việc theo chức năng gắn với những quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước. Đội ngũ cán bộ từng bước trưởng thành cả về lý luận lẫn thực tiễn, thể hiện qua chỉ đạo điều hành và hoạt động. Kinh tế phát triển và thực hiện một bước*

chuyển đổi hiệu quả về cơ cấu. Văn hóa, xã hội được đầu tư quan tâm đúng mức làm thay đổi bộ mặt nông thôn của Nam Hòa”⁽¹⁾.

Tuy nhiên, Đại hội cũng chỉ ra một số hạn chế và thiếu sót đó là: *“Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn còn chậm, cách làm và tập quán cũ chưa được đổi mới toàn diện. Cơ sở hạ tầng còn chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân. Công tác tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bộ còn hạn chế và chưa cụ thể với tình hình thực tế của địa phương”⁽²⁾.*

Đại hội xác định: Nhiệm vụ của toàn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Nam Hòa trong thời gian tới là tập trung mọi nguồn lực phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, xây dựng các mô hình trồng trọt và chăn nuôi mang lại hiệu quả cao; xây dựng cơ sở hạ tầng ưu tiên cho các công trình trọng điểm, quan tâm đến các xóm vùng sâu, vùng xa còn khó khăn; đặc biệt chú trọng công tác giáo dục, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo trẻ có phẩm chất tốt, tài năng và coi đó là nhân tố quyết định đến thắng lợi của xã về mọi mặt trong tương lai.

Đại hội đã tiến hành bầu 11 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IX. Ngày 18/7/2005, Ban Chấp hành

^{(1), (2)} Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VIII trình Đại hội Đảng bộ lần thứ IX, tháng 7/2005, tr. 8.

đã họp phiên thứ nhất bầu Ban Thường vụ Đảng ủy xã gồm 3 ủy viên: đồng chí Trần Gia Cát tiếp tục được tín nhiệm bầu giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Chu Văn Phúc - Phó Bí thư, đồng chí Trần Thị Bích - Thường trực Đảng ủy. Ngay sau Đại hội, thực hiện các nhiệm vụ đề ra, Đảng bộ xây dựng kế hoạch cụ thể để phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể.

Sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, đổi mới cơ cấu giống, thâm canh tăng năng suất, phòng trừ sâu bệnh, đưa các giống cho năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất, người dân đầu tư vốn, phân bón làm tăng độ phì nhiêu của đất, tích cực sản xuất cây vụ đông. Các xóm được cán bộ khuyến nông đến hướng dẫn nhân dân áp dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao chất lượng phục vụ thị trường; tiếp thu một số dự án phát triển kinh tế do tổ chức PLAN tài trợ như: Dự án cải tạo đàn bò theo hướng sind hóa (áp dụng toàn xã); mô hình nuôi thỏ ngoại New zealand (xóm Ngòi Chẹo); mô hình vườn ươm hom keo cành (xóm Mỹ Lập)...

Nhân dân tích cực gieo trồng các loại cây hoa màu như ngô, khoai, đậu, lạc, vừng; một số diện tích trồng lúa cho năng suất thấp chuyển sang trồng đỗ, lạc đạt năng suất khá. Việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng có hiệu quả đã đưa nền nông nghiệp địa phương phát triển toàn diện. Tổng

sản lượng lương thực bình quân hàng năm tăng 7,3%. Tổng sản lượng lương thực đạt 3.852 tấn. Xã có 18% số diện tích đất nông nghiệp cho thu nhập bình quân 20 triệu đồng/ha/năm.

Thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè, người dân chăm sóc và cải tạo diện tích chè kinh doanh, thay thế những giống chè trung du có năng suất thấp bằng những giống chè có năng suất cao như chè Bát Tiên, Kim Tuyên... Một số diện tích đất màu, đất trồng lúa kém hiệu quả chuyển sang trồng chè. Đảng bộ, chính quyền xã tổ chức tốt việc tập huấn khoa học kỹ thuật trồng, chăm sóc và chế biến chè, vì vậy, sản lượng chè hàng năm tăng bình quân 9,82%. Tính đến năm 2009, diện tích chè của Nam Hòa đạt 109ha, trong đó có 31ha chè giống mới. Do tác động của thị trường và một số người dân chuyển sang trồng chè nên diện tích trồng cây ăn quả của xã giai đoạn này chỉ còn 75ha, giảm 30ha so với giai đoạn trước.

Chăn nuôi phát triển khá, tốc độ tăng bình quân hàng năm đạt 4,08%. Tính đến tháng 12/2009, tổng đàn trâu, bò có gần 2.500 con, đàn lợn 4.946 con, đàn gia cầm 15.415 con. Hàng năm, địa phương thực hiện tốt công tác tiêu độc, khử trùng và tiêm phòng dịch cho đàn gia súc, gia cầm nên bệnh dịch được hạn chế.

Công tác bảo vệ, chăm sóc và phát triển rừng được các

cấp, các ngành huy động nhân dân trong xã tham gia vào việc bảo vệ vốn rừng, tích cực trồng rừng mới. Trong giai đoạn 2005 - 2010, toàn xã trồng mới được 222ha, đạt 148% kế hoạch⁽¹⁾. Kinh tế vườn rừng góp phần quan trọng vào việc tăng nguồn thu nhập kinh tế hộ gia đình, nâng cao đời sống nhân dân, giải quyết việc làm cho khoảng 450 lao động địa phương.

Tháng 12/2006, Hợp tác xã tận thu quặng sắt Trại Cau đổi tên thành Công ty Cổ phần Luyện kim đen Thái Nguyên và tiếp tục khai thác, chế biến, kinh doanh loại khoáng sản tại mỏ Quang Trung Bắc. Bên cạnh đó, các cơ sở sửa chữa ô tô, sửa chữa máy móc phục vụ nông nghiệp, xưởng cơ khí gò hàn, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển và mở rộng quy mô đầu tư tăng diện tích nhà xưởng, trang thiết bị nên từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Trong giai đoạn này, địa phương thành lập được 3 hợp tác xã (Hoàng Long, Tân Tiến và hợp tác xã dịch vụ điện năng Nam Hòa) hoạt động kinh doanh ở nhiều lĩnh vực góp phần đa dạng hóa các loại hình kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn. Đến năm 2010, xã có 180 hộ kinh doanh dịch vụ, tăng 59 hộ so với năm 2005.

⁽¹⁾ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IX trình Đại hội Đảng bộ lần thứ X, tháng 5/2010, tr. 1.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NAM HÒA

Đảng ủy đã chỉ đạo tích cực tranh thủ sự hỗ trợ của Nhà nước, Công ty gang thép Thái Nguyên, tổ chức phi chính phủ PLAN cùng sự đóng góp của nhân dân để đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng. Kết quả trong giai đoạn 2005 - 2010, Nam Hòa đã kiên cố hóa được 24,5km kênh mương, xây dựng được 7 dãy nhà 2 tầng của 4 trường học, trụ sở Ủy ban nhân dân... với tổng kinh phí đầu tư đạt trên 10 tỷ đồng (trong đó nhân dân đóng góp 30%, còn lại là do Nhà nước và tổ chức PLAN hỗ trợ). Năm 2005, nhân dân trong xã bàn giao lưới điện tự đóng góp xây dựng cho hợp tác xã dịch vụ điện năng Nam Hòa quản lý, đến năm 2009, theo sự chỉ đạo của cấp trên, hợp tác xã bàn giao cho ngành điện lực quản lý.

Mức thu ngân sách bình quân hàng năm vượt 10% so với kế hoạch cấp trên giao. Đảng bộ chủ trương thực hiện tiết kiệm chi và tăng chi cho xây dựng cơ sở hạ tầng 70%, chi cho sự nghiệp văn hóa - xã hội bình quân đạt hơn 10%.

Công tác văn hóa, thông tin tuyên truyền, thể dục thể thao luôn được quan tâm chỉ đạo, phát huy khơi dậy tiềm năng, truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương. Thực hiện các phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"* và *"Xây dựng gia đình, làng bản, cơ quan văn hóa"*, số gia đình đăng ký và đạt tiêu chuẩn hàng năm bình quân đạt 75%. Năm 2010 đã có 3/22 xóm (Đầm Ninh, Ao Sen, xóm

Mới) đạt danh hiệu “*Làng văn hóa*” cấp huyện. Hàng năm, các xóm đều có kế hoạch tổ chức các sự kiện văn hóa, văn nghệ, thể thao mừng Đảng, mừng xuân và kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, đồng thời Đảng bộ chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội Thể dục thể thao lần thứ nhất. Năm 2009, xã Nam Hòa tổ chức thành công Đại hội Thể dục - Thể thao lần thứ II.

Xã giữ vững phổ cập trung học cơ sở và tiểu học đúng độ tuổi, từng bước triển khai thực hiện đề án phổ cập trung học phổ thông. Trung bình hàng năm, tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đi học đạt 98,9%; tỷ lệ lên lớp của học sinh bậc tiểu học hàng năm đạt 100%, bậc trung học cơ sở đạt 98,6%. Tỷ lệ giáo viên giỏi cấp huyện tăng từ 5,5% (năm 2005) lên 11,7% (năm 2010). Số học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng và trung cấp tăng 2,5 lần. Hội khuyến học hoạt động tương đối hiệu quả, kịp thời động viên các học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập. Năm 2006, Trường Tiểu học số 1 đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Cuối năm 2010, Trường Tiểu học số 2 đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

Về công tác y tế, năm 2006, trạm y tế được tổ chức PLAN hỗ trợ kết hợp với nhân dân đóng góp xây dựng tại xóm Cầu Đất (gồm 9 phòng chức năng và trang thiết bị y tế) với tổng kinh phí dự án là 614 triệu đồng. Trạm y tế xã chủ động thực hiện tốt công tác phòng bệnh và các chương trình y tế dự phòng. Trong 5 năm, trạm đã khám,

chữa bệnh cho hơn 32.000 lượt người. Các chương trình y tế quốc gia được triển khai tích cực, công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được thực hiện đầy đủ và kịp thời. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được tiêm phòng 100% và uống vitamin A đạt 100%. Chương trình quân y - dân y kết hợp tiếp tục duy trì. Nhờ những thành tích đạt được, trạm y tế trong 5 năm liền xếp loại khá, giỏi và trong năm 2009, xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn I.

Công tác dân số - gia đình và trẻ em nhiệm kỳ này đạt được những kết quả tích cực nhất định. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng của xã năm 2005 là 25,47%, đến năm 2009 là 22% (đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra). Tỷ lệ người sinh con thứ 3 chỉ còn 6,6% (so với 10,9% năm 2005). Tuy nhiên, tỷ suất sinh thô của xã tăng từ 18‰ (năm 2004) lên là 20,5‰ (năm 2009).

Đảng bộ, chính quyền luôn dành sự quan tâm và huy động mọi nguồn lực để thực hiện các chính sách xã hội. Đảng ủy thường xuyên tổ chức thăm hỏi, tặng quà, giúp đỡ các gia đình, đối tượng chính sách (bình quân mỗi năm khoảng 10 triệu đồng). Công tác xóa đói giảm nghèo được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả. Trong giai đoạn này, 100% hộ nghèo được dự tập huấn chăn nuôi trồng trọt, được vay vốn phát triển kinh tế (với tổng số vốn gần 8 tỷ đồng). Hàng năm, xã vận động nhân dân đóng góp xây

dựng nhà cho các hộ nghèo và thực hiện nghiêm túc Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ *“Về chính sách hỗ trợ người nghèo về nhà ở”*.

Về công tác xây dựng, phát triển Đảng, Đảng bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, tạo chuyển biến rõ nét trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nghị quyết, chỉ thị của cấp trên được quán triệt nghiêm túc, đầy đủ tới các chi bộ và từng đảng viên góp phần nâng cao nhận thức, thống nhất tư tưởng và hành động trong Đảng. Tỷ lệ cán bộ, đảng viên tham gia học tập các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên đạt 87%. Thực hiện cuộc vận động *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*, toàn Đảng bộ có trên 90% số cán bộ, đảng viên tham gia học tập. Việc Đảng bộ và các chi bộ cơ sở xây dựng quy định tiêu chuẩn đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đã tạo nên chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và sự đồng tình hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân. Vai trò của Đảng ủy được nâng cao, các chỉ thị và nghị quyết ban hành bám sát tình hình thực tế của địa phương. Đồng thời, cấp ủy cũng chú trọng công tác kiểm tra đôn đốc quá trình tổ chức thực hiện để kịp thời có biện pháp tháo gỡ khó khăn và khắc phục những khuyết điểm còn tồn tại.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NAM HÒA

Trong nhiệm kỳ 2005 - 2010, Đảng bộ kết nạp 40 đảng viên, nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ vào cuối nhiệm kỳ lên 184 đồng chí. Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ thành lập mới 5 chi bộ nâng tổng số chi bộ lên 20 (14 chi bộ nông thôn và 4 chi bộ nhà trường, Chi bộ y tế, Chi bộ cơ quan). Qua đánh giá phân loại chất lượng tổ chức Đảng và đảng viên hàng năm, Đảng bộ có 78,35% đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ; 19,94% số đảng viên hoàn thành nhiệm vụ, đảng viên vi phạm tư cách 1,71%; tỷ lệ số chi bộ đạt trong sạch vững mạnh 55,78%, chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ 39,7%, chi bộ hoàn thành nhiệm vụ 4,52% (không có chi bộ yếu kém).

Từ năm 2006 đến năm 2010, Đảng bộ tổ chức kiểm tra toàn diện 20 chi bộ về việc thực hiện nghị quyết lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ; kiểm tra công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quyết toán xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng. Kết quả, tổng số đảng viên bị xử lý kỷ luật trong 5 năm là 10 trường hợp.

Đẩy mạnh thực hiện Đề án số 01-ĐA/TU của Tỉnh ủy về *"Tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác dân vận, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân"*. Công tác dân vận có nhiều cố gắng, chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các

nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Về công tác cán bộ và xây dựng chính quyền, trong nhiệm kỳ, Đảng bộ chỉ đạo chính quyền triển khai thực hiện trẻ hóa bộ máy lãnh đạo với 11 đồng chí được cử đi học các lớp chính trị và kinh tế. Đồng thời, 100% đội ngũ cán bộ cấp cơ sở được cử tham gia các lớp học tập về chuyên môn, nghiệp vụ. Ủy ban nhân dân xã Nam Hòa đã nghiêm túc thi hành cơ chế “một cửa” đảm bảo nghiêm túc tính dân chủ khi tiếp dân. Các quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được xây dựng và ban hành có tính hiệu quả cao.

Đội ngũ công an viên thường xuyên tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng chuyên môn. Xã tổ chức phát động phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” ở các xóm. Trong 5 năm, Ban Công an xử lý 96 vụ việc, giải quyết 62 vụ và chuyển cấp trên 11 vụ, còn 23 vụ tồn đọng xin ý kiến giải quyết của cấp trên.

Về công tác quân sự - quốc phòng, bình quân mỗi năm có 87 dân quân tham gia huấn luyện, kết quả huấn luyện đạt đơn vị khá. Về công tác tuyển quân, xã luôn hoàn thành 100% chỉ tiêu, trong 5 năm 2005 - 2010 có 390 lượt công dân khám tuyển nghĩa vụ quân sự, trong số đó có 38 công dân lên đường nhập ngũ.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã bám sát vào chương trình, kế hoạch công tác của tổ chức

cấp trên, nghị quyết lãnh đạo của cấp ủy, Hội đồng nhân dân để cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch công tác. Mặt trận Tổ quốc xã Nam Hòa thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tích cực tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội tại địa phương. Đồng thời, Mặt trận phát huy vai trò chính trong các cuộc vận động như *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"*, *"Ngày vì người nghèo"*, xây dựng quỹ *"Đền ơn đáp nghĩa"*. Các đoàn thể quan tâm chăm lo xây dựng, củng cố tổ chức, phát triển đoàn viên, hội viên, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, từng bước nâng cao chất lượng công tác cho đội ngũ cán bộ; đồng thời từng bước đổi mới phương thức hoạt động, đa dạng hóa hình thức tập hợp đoàn viên, hội viên, thi đua thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương. Các phong trào như *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"*, *"Xóa đói, giảm nghèo"* thu hút đông đảo các ban ngành, đoàn thể tham gia.

Hội Nông dân tính đến cuối năm 2009 có 1.287 hội viên (đạt tỷ lệ thu hút hơn 75%). Hội đã mở 147 lớp tuyên truyền về chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước cho 3.115 lượt hội viên và 145 lớp tập huấn về khoa học kỹ thuật cho 4.456 lượt hội viên. Trong 5 năm, Hội Phụ nữ kết nạp thêm 310 hội viên nâng tổng số hội viên trong



Đảng bộ xã Nam Hòa tổ chức Hội thi báo cáo viên giỏi về tư tưởng Hồ Chí Minh lần thứ nhất (năm 2003)



Đảng bộ xã Nam Hòa tổ chức Hội thi Bí thư Chi bộ giỏi (năm 2008)



Đồng chí Nguyễn Trọng Hùng - Ủy viên BTV Huyện ủy, Trưởng ban Tuyên giáo trao huy hiệu Đảng cho các đảng viên tại Lễ trao tặng huy hiệu 50, 40 năm tuổi Đảng (năm 2011)



Với thành tích xuất sắc trong giai đoạn 2010 - 2014, Đảng bộ xã Nam Hòa được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tặng danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh tiêu biểu



Đồng chí Phạm Văn Sỹ - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy tặng hoa chúc mừng Đại hội Đảng bộ xã Nam Hòa lần thứ XI (nhiệm kỳ 2015 - 2020)



Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nam Hòa khóa XI (nhiệm kỳ 2015 - 2020)



Đại biểu Hội đồng nhân dân xã Nam Hòa khóa XVII
(nhiệm kỳ 2004 - 2011)



Ủy ban nhân dân xã Nam Hòa được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên
tặng danh hiệu Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua (năm 2015)



Đồng chí Nguyễn Bắc Sơn - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
Thái Nguyên dự Ngày hội đại đoàn kết toàn dân
ở khu dân cư xóm Đồng Chốc (ngày 9/11/2005)



Đoàn đại biểu dân tộc thiểu số xã Nam Hòa tham dự Đại hội
đại biểu các dân tộc thiểu số huyện Đồng Hỷ



Lãnh đạo Đảng ủy - HĐND - UBND, Huyện đoàn Đồng Hỷ, đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn chụp ảnh lưu niệm cùng đại biểu dự Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Nam Hòa (nhiệm kỳ 1996 - 2001)



Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Nam Hòa tổ chức kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đoàn (1931 - 2001)



Hội Cựu chiến binh gặp mặt các đồng chí Xã đội trưởng các thời kỳ nhân Lễ kỷ niệm ngày Quốc phòng toàn dân và tổng kết công tác Hội Cựu chiến binh (năm 2000)



Hội Cựu chiến binh xã Nam Hòa tổ chức kỷ niệm 15 năm thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam (1989 - 2004) và tổng kết công tác Hội (năm 2004)



Hội Phụ nữ xã Nam Hòa tổ chức kỷ niệm 100 năm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 và 1970 năm Khởi nghĩa Hai Bà Trưng



Hội thảo “*Lịch sử Đảng bộ xã Nam Hòa (1946 - 2015)*”

toàn xã lên 1.338 hội viên sinh hoạt ở 25 chi hội. Hoạt động của hội phong phú, đa dạng, tổ chức được 2 câu lạc bộ (câu lạc bộ không sinh con thứ 3 và câu lạc bộ vì hạnh phúc gia đình). Đoàn Thanh niên trong giai đoạn này tiếp tục thực hiện phong trào *"Thanh niên lập nghiệp"* và *"Tuổi trẻ giữ nước"*, hàng năm, kết nạp mới được trên 100 đoàn viên từ hội viên Hội Liên hiệp Thanh niên và đội viên Đội Thiếu niên. Tính đến cuối năm 2009, Đoàn Thanh niên xã có trên 400 đoàn viên, trong đó có khoảng 200 đoàn viên nòng cốt. Trong 5 năm (2005 - 2009), Đoàn xã liên tục được công nhận là đơn vị vững mạnh và vững mạnh xuất sắc, được Trung ương Đoàn và Tỉnh Đoàn Thái Nguyên tặng bằng khen.

IV. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ X, bước đầu triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (2010 - 2015)

Trong 2 ngày 3 - 4/5/2010, Đảng bộ xã Nam Hòa tổ chức Đại hội lần thứ X, nhiệm kỳ 2010 - 2015. Do số lượng đảng viên đông, Hội trường nhân dân xã không đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội, được sự nhất trí của Huyện ủy Đồng Hỷ, Đảng bộ đã mượn Hội trường Kho tăng - thiết giáp tại xóm Quang Minh làm địa điểm tổ chức. Đồng chí Lê Anh Thái - Bí thư Huyện ủy về dự và trực tiếp chỉ đạo Đại hội. Tại Đại hội, đồng chí Trần Gia Cát - Bí thư Đảng ủy đọc báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2005 - 2010, trong đó nêu

rõ những thành tựu đạt được trong nhiệm kỳ trước và một số tồn tại, hạn chế còn gặp phải đó là: Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá song chưa vững chắc, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, các chương trình, đề án triển khai thực hiện thiếu sự quan tâm, đôn đốc nên một số chương trình, đề án hiệu quả chưa cao, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng hiện có...

Đại hội thẳng thắn nhận khuyết điểm, rút ra bài học kinh nghiệm và đưa ra phương hướng cụ thể trong nhiệm kỳ 2010 - 2015 là: Phát huy cao độ mọi nguồn lực, tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, tăng giá trị thu nhập từ tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, tăng tỷ trọng giá trị nông lâm nghiệp trong tổng thu nhập toàn xã. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 13 ủy viên.

Trong phiên họp lần thứ nhất vào hồi 12 giờ 30 phút ngày 4/5/2010, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Đảng ủy gồm 3 ủy viên: đồng chí Chu Văn Phúc được bầu giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Trần Thị Bích - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy⁽¹⁾, đồng chí Trần Gia Cát - Phó Bí thư.

⁽¹⁾ Đến tháng 7/2014, đồng chí Trần Thị Bích về hưu, đồng chí Nguyễn Quang Hùng được Ban Chấp hành Đảng bộ bầu bổ sung giữ chức Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy.

Thực hiện nhiệm vụ đề ra, Đảng bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân sản xuất nông nghiệp, tích cực chuyển đổi cơ cấu giống, phối hợp tổ chức tập huấn và ứng dụng khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất, tăng sản lượng lương thực. Năng suất lúa trung bình tăng từ 42 tạ/ha/vụ (năm 2010) lên 52 tạ/ha/vụ (năm 2014), tổng sản lượng lương thực cả năm 2014 đạt 5.058,8 tấn. Giá trị sản xuất nông nghiệp hàng năm đạt 37 tỷ đồng (tăng 5 tỷ đồng so với Nghị quyết Đại hội đề ra).

Đàn gia súc, gia cầm trong xã được tiêm phòng định kỳ, đạt chỉ tiêu của huyện và kế hoạch của xã. Hàng năm, cán bộ thú y tổ chức phun thuốc và cấp vôi khử trùng chuồng trại, do đó trên địa bàn xã không có dịch bệnh lớn xảy ra. Do quá trình cơ giới hóa trong nông nghiệp ngày càng được đẩy mạnh nên đàn trâu, bò của xã có xu hướng giảm. Tính đến năm 2015, đàn trâu bò giảm còn 2.000 con; đàn gia cầm có bước phát triển mạnh với điểm nhấn là mô hình chăn nuôi trang trại và gia trại, cụ thể đạt trên 10 vạn con; đàn lợn có hơn 7.000 con (trong đó, có gần 1.500 con lợn nái). Giá trị thịt hơi các loại hàng năm tăng 12% so với năm 2010. Nhân dân trong xã còn tận dụng các diện tích mặt nước ao, hồ để nuôi thả cá cho sản lượng cao, trên 20 tấn/năm.

Thực hiện đề án phát triển cây chè, diện tích chè được trồng mới, trồng lại hàng năm trên địa bàn xã là những

giống chè cành cho năng suất, chất lượng cao. Tổng diện tích trồng chè đến năm 2014 là 125ha; bình quân sản lượng chè búp tươi đạt 1.550 tấn/năm. Trong năm 2014, giá trị thu nhập bình quân đất nông nghiệp là 25 triệu đồng/ha, đất đồi vườn là 40 triệu đồng/ha.

Công tác bảo vệ, chăm sóc và phát triển rừng được quan tâm chỉ đạo. Bình quân hàng năm, xã trồng mới 60ha (đạt 200% so với Nghị quyết Đại hội), độ che phủ rừng đạt 50%. Tổng sản lượng gỗ khai thác đạt 2.614m³, góp phần tăng thu nhập từ kinh tế rừng.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ phát triển hơn so với giai đoạn trước. Các cơ sở sửa chữa ô tô, sửa chữa máy móc, xưởng cơ khí gò hàn, tiểu thủ công nghiệp đã mở rộng quy mô đầu tư, tăng diện tích nhà xưởng, nhất là ở khu vực dọc theo Quốc lộ 17. Đảng bộ và chính quyền xã quan tâm đầu tư, từng bước nâng cấp chợ Quang Trung - Nam Hòa tạo điều kiện thuận lợi để người dân giao lưu buôn bán.

Thực hiện chủ trương hạn chế xuất khẩu quặng thô, tập trung chế biến khoáng sản trong nước, năm 2011, Công ty Cổ phần Luyện kim đen Thái Nguyên chính thức đầu tư gần 200 tỷ (giai đoạn 1) để xây dựng Nhà máy Luyện gang Nam Sơn tại khe Đồng Ninh, xóm Chí Sơn. Chính quyền đã phối hợp với lãnh đạo Công ty làm tốt công tác giải

phóng mặt bằng. Sau gần 2 năm đầu tư xây dựng, ngày 19/3/2013, nhà máy cho ra lò mẻ gang đầu tiên. Công suất giai đoạn 1 của nhà máy xấp xỉ 50.000 tấn gang thỏi/năm, doanh thu hàng năm đạt mức 400 - 450 tỷ đồng, đóng góp vào ngân sách nhà nước đạt từ 45 - 50 tỷ đồng/năm. Sự xuất hiện của Nhà máy Luyện gang Nam Sơn với sản phẩm gang đúc chất lượng đã góp phần tăng mạnh giá trị sản xuất công nghiệp cũng như nâng cao dần vị thế của ngành công nghiệp luyện kim của tỉnh. Nhà máy còn góp phần giải quyết việc làm cho hàng chục lao động địa phương với mức thu nhập bình quân gần 6 triệu đồng/người/tháng.

Trong 5 năm (2010 - 2014), thu ngân sách hàng năm tăng trung bình 18%. Chi ngân sách đảm bảo cho hoạt động thường xuyên, chú trọng các nguồn dành cho xây dựng cơ sở hạ tầng. Qua thanh tra, kiểm toán không có sai sót lớn xảy ra.

Công tác quản lý đất đai, tài nguyên môi trường được duy trì khá chặt chẽ, tập trung giải quyết các trường hợp vi phạm Luật đất đai. Trong 5 năm (2010 - 2014), chính quyền xã xử lý 17 trường hợp vi phạm Luật đất đai. Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện đúng luật. Đảng bộ xã chỉ đạo triển khai phương án cấp mới và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xã thực hiện tốt chương trình vận động nhân dân hiến đất xây dựng đường giao thông nông thôn theo chương trình xây dựng

nông thôn mới. Lãnh đạo xã chú trọng chỉ đạo đảm bảo môi trường tại các khu dân cư và các nơi công cộng, không để xảy ra tình trạng ô nhiễm; đồng thời giải quyết và báo cáo cấp trên về những vấn đề còn vướng mắc liên quan đến kiến nghị của nhân dân xóm Quang Trung về khu nghĩa trang của xã.

Thực hiện chủ trương “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*”, với sự hỗ trợ của Nhà nước và sự đóng góp của nhân dân, xã tiếp tục xây dựng, sửa chữa trường học, trạm y tế, nâng cấp chợ, xây nhà văn hóa xã, 5 trạm biến áp, nâng cấp 19km đường dây điện hạ thế với tổng kinh phí đầu tư đạt 24 tỷ đồng. Đặc biệt, trong 2 năm (2014 - 2015) với nguồn vốn Nhà nước hỗ trợ và nhân dân đóng góp làm được 25,9km đường bê tông nông thôn. Công ty Cổ phần Luyện kim đen Thái Nguyên đã tích cực tài trợ, giúp đỡ địa phương phát triển cơ sở hạ tầng, cụ thể như sau: Ủng hộ hàng ngàn khối đất để san gạt mặt bằng chợ Quang Trung (Nam Hòa); đổ đường bê tông cho xóm Chí Sơn với chiều dài 1km; xây tặng xã Nam Hòa một nhà làm việc cho các ban ngành, đoàn thể xã gồm 6 phòng, cho máy móc giúp một số xóm lu, lèn mặt đường để đổ đường bê tông...

Các nhà trường được quan tâm đầu tư tu bổ về cơ sở vật chất, trang bị thêm các thiết bị, đồ dùng phục vụ công tác dạy và học. Chất lượng giáo dục ngày càng nâng lên, 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên hoàn thành

và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trung bình hàng năm có 21 cán bộ giáo viên đạt chiến sỹ thi đua, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn là 96,8%. Số học sinh giỏi các cấp bình quân đạt 138 em (tăng 12,5% so với năm 2010). Đến cuối năm 2014, xã có 4/4 trường đạt chuẩn quốc gia và được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ II. Hoạt động khuyến học, công tác xã hội hóa đạt nhiều kết quả. Tỷ lệ học sinh thi đỗ vào các trường đại học năm sau cao hơn năm trước, tính trung bình hàng năm có từ 25 em trở lên thi đỗ vào đại học. Trung tâm học tập cộng đồng của xã ngày càng hoạt động hiệu quả, hàng năm tổ chức lớp tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật tới nhân dân (với 2.350 lượt người tham gia), mở lớp dạy nghề cho 550 người.

Số lượng cán bộ biên chế tại trạm y tế xã là 8 người (2 bác sỹ, 1 cử nhân điều dưỡng, 5 y sỹ). Công tác khám, chữa bệnh và phục vụ người bệnh cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Trạm y tế thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia cũng như công tác tiêm phòng, phòng dịch; nhờ vậy mà trong những năm qua, trên địa bàn không có dịch bệnh xảy ra.

Thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, địa phương triển khai tuyên truyền lồng ghép, tư vấn chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ trong độ tuổi từ 15 - 49, tuyên truyền vận động các cặp vợ chồng trong độ tuổi áp

dụng các biện pháp tránh thai hiện đại, tạo điều kiện tốt cho mức sinh thay thế, giảm sinh con thứ 3 trở lên. Công tác phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em được trường Mầm non, các cơ sở xóm và gia đình làm tốt nên tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ vào cuối năm 2014 còn 14,5% (giảm 7,5% so với năm 2009). Bình quân hàng năm, tỷ lệ sinh thô hàng năm giảm 0,4‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 1,75%.

Thông qua mạng lưới truyền thanh (với 1 trạm truyền thanh của xã và cụm loa ở 22 xóm), băng tin..., Đảng bộ, chính quyền thường xuyên tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tới nhân dân. Thực hiện phong trào *"Toàn dân tập thể dục theo gương Bác Hồ vĩ đại"*, các xóm duy trì tốt các câu lạc bộ cầu lông, *"Dưỡng sinh kinh lạc thao"* của Hội Người cao tuổi, đồng thời phát huy tốt các môn thể thao quần chúng như kéo co, đẩy gậy, cờ tướng... Vào tháng 3/2013, xã tổ chức thành công Đại hội Thể dục - Thể thao lần thứ III với nhiều môn thi đấu mang đậm bản sắc dân tộc của địa phương.

Hàng năm, vào dịp tết Nguyên đán và kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, Đoàn Thanh niên phối hợp với các đoàn thể xóm tổ chức giao lưu văn nghệ và các trò chơi dân gian nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Trong đó, tiết mục hát soọng cô vẫn được duy trì ở nhiều xóm như: Chí Sơn, Na Quán, Cầu Đất, Trại Gai, Đồng Chốc,

Gốc Thi, Bờ Suối... Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đạt kết quả tốt. Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt từ 70 - 75% (tăng 5% so với Nghị quyết Đại hội). Tỷ lệ số xóm đạt văn hóa trung bình hàng năm là 50%. Tỷ lệ cơ quan đạt văn hóa là 100%, hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội.

Địa phương thực hiện tốt chính sách xã hội đối với người có công với cách mạng. Công tác xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội được các cấp, các ngành tích cực triển khai. Nhờ vậy, địa phương không còn hộ nghèo thuộc diện chính sách. Trong 5 năm, xã mở được 15 lớp đào tạo nghề với tổng số 450 lao động tham gia. Theo tiêu chuẩn áp dụng trong giai đoạn này, tính đến đầu năm 2015, số hộ nghèo của Nam Hòa là 311 hộ (25,6%), số hộ cận nghèo là 722 hộ (31,17%), đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

Công tác dân tộc ngày càng được quan tâm. Hàng năm, cấp ủy, chính quyền chỉ đạo tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền các chính sách về dân tộc, đặc biệt quan tâm và phát huy đội ngũ người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số, phát huy và duy trì tốt bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc, tích cực tham gia, góp phần vào sự thành công của đại hội các dân tộc thiểu số của huyện và tỉnh.

Đảng bộ, chính quyền luôn coi trọng sự kết hợp thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh.

Các phương án tác chiến được bổ sung và kiểm tra hàng năm đạt yêu cầu đề ra. Trong 5 năm 2010 - 2015, Ban Chỉ huy quân sự xã tuyển chọn được 35 thanh niên lên đường nhập ngũ, hoàn thành 100% chỉ tiêu; tổ chức huấn luyện cho 351 lượt dân quân tại xã và cử 74 lượt dân quân tham gia tập huấn tại tỉnh, huyện.

Phong trào *"Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"* được triển khai sâu rộng đến toàn thể các tầng lớp nhân dân. Ban Công an xã chủ động mở các đợt tấn công, ngăn chặn, trấn áp tội phạm hình sự, ma túy và tệ nạn xã hội; phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể thường xuyên nắm bắt tình hình, kịp thời giải quyết hiệu quả những vấn đề bức xúc của nhân dân từ cơ sở cũng như phối hợp với công an huyện điều tra, làm rõ các vụ vi phạm pháp luật. Trong 5 năm, Ban Công an đã xử lý 136 vụ và phạt hành chính nộp ngân sách nhà nước 89,35 triệu đồng.

Chính quyền xã tập trung đổi mới lề lối, tác phong làm việc theo hướng nghiêm túc, khoa học và có hiệu quả; duy trì tốt cơ chế "một cửa", công tác tiếp dân; đảm bảo giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo kéo dài, không để xảy ra điểm nóng; tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí... Đội ngũ cán bộ từ xã đến xóm được đào tạo cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị. Năm 2011, Nam Hòa tổ chức thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016.

Hội đồng nhân dân xã khóa XVIII (nhiệm kỳ 2011 - 2016) gồm 29 đại biểu. Tại kỳ họp lần thứ nhất, đồng chí Chu Văn Phúc được bầu làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Trần Gia Cát được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Vào năm 2011, xã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng “*Nông thôn mới*”; tiến hành điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng theo 19 tiêu chí của Chính phủ về nông thôn mới và tổ chức lễ công bố quyết định phê duyệt “*Đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Nam Hòa, giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020*”. Tính đến cuối năm 2015, xã đạt 10/19 tiêu chí.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ, Đảng bộ luôn chú ý nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy Đảng, đổi mới nội dung, chất lượng sinh hoạt chi bộ. Các nghị quyết bám sát nhiệm vụ chính trị, vận dụng sáng tạo vào tình hình thực tế của địa phương, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ chức, cá nhân thực hiện.

Nhiệm kỳ này, Đảng bộ kết nạp được 64 đảng viên. Tính đến cuối năm 2015, toàn Đảng bộ có 253 đồng chí. Trung bình hàng năm, số chi bộ đạt trong sạch vững mạnh là 87% (trong đó, năm 2014 Đảng bộ có 50% số chi bộ đạt trong sạch vững mạnh theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương). Đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ trung bình đạt 85%, đạt chỉ tiêu nghị quyết đề ra.

Trong 5 năm, Đảng ủy tổ chức tất cả 15 cuộc kiểm tra đối với 98 lượt chi bộ; đồng thời thực hiện đầy đủ và hiệu quả các cuộc kiểm tra do tỉnh, huyện tổ chức. Hoạt động của Ủy ban Kiểm tra cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Qua kiểm tra, cấp ủy đã phát hiện những thiếu sót khi thực hiện các chỉ thị, nghị quyết và Điều lệ Đảng cũng như phối hợp giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu kiện, tố cáo của công dân đối với cán bộ, đảng viên, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và làm trong sạch tổ chức. Trong nhiệm kỳ có 3 cán bộ, đảng viên bị xử lý kỷ luật.

Đảng bộ luôn chú trọng lãnh đạo công tác xây dựng củng cố hệ thống chính trị, thực hiện đồng bộ công tác đánh giá, quy hoạch cán bộ, xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ từ xã đến xóm. Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ và chính quyền cử 11 đồng chí cán bộ xã học lớp đại học (tại chức), 6 đồng chí học trung cấp chuyên môn, 6 cán bộ học trung cấp lý luận chính trị; 24 đồng chí học lớp sơ cấp lý luận, hàng trăm lượt cán bộ tập huấn chuyên môn nghiệp vụ tại tỉnh và huyện.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội hoạt động tích cực và sôi nổi. Các tổ chức bám sát vào chương trình, kế hoạch công tác của tổ chức cấp trên, nghị quyết lãnh đạo của cấp ủy, Hội đồng nhân dân, cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch công tác của tổ chức mình. Các tổ

chức đoàn thể đa dạng hóa hình thức tập hợp đoàn viên, hội viên và nhân dân, tỷ lệ thu hút đoàn viên, hội viên năm sau cao hơn năm trước, đẩy mạnh thi đua thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Từ đó, không ngừng phát huy vai trò trách nhiệm của cán bộ, đoàn viên, hội viên và nhân dân trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vững mạnh.

Trong 2 ngày 27 - 28/4/2015, Đảng bộ xã Nam Hòa tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 tại Hội trường lớn Ủy ban nhân dân xã với sự tham dự của 132 đại biểu đại diện cho 250 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Phạm Văn Sỹ - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy về dự và trực tiếp chỉ đạo Đại hội. Chủ đề của Đại hội là: *"Nâng cao năng lực và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ; tăng cường đoàn kết, đổi mới, sáng tạo; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị; đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp; phát huy mọi nguồn lực nâng cao đời sống nhân dân"*.

Đại hội thông qua các chỉ tiêu chủ yếu trong nhiệm kỳ mới:

1- Cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp 68,9%, dịch vụ tiểu thủ công nghiệp 31,1%; thu nhập bình quân đầu người đạt trên 25 triệu đồng/người/năm;

2 - Năng suất lúa bình quân đạt 52,5 tạ/ha; ngô đạt 45 tạ/ha, sản lượng lương thực quy thóc 5.300 tấn; giá trị bình quân đất nông nghiệp trên 45 triệu đồng/ha, đất đồi vườn trên 50 triệu/ha; diện tích đất nông nghiệp giá trị bình quân từ 80 - 100 triệu đồng/ha; diện tích chè đến hết nhiệm kỳ đạt 150,3ha; đàn trâu 1.200 con, đàn bò 130 con, đàn lợn hàng năm đạt 6.850 con...;

3 - Trồng mới 150ha rừng, bình quân mỗi năm trồng mới từ 30ha trở lên;

4 - Thu ngân sách năm sau cao hơn năm trước 10%;

5 - Tiếp thu tốt các chương trình, dự án xây dựng “*Nông thôn mới*” theo tinh thần nghị quyết của Đảng, nâng số tiêu chí đạt chuẩn đến năm 2020 là 19 tiêu chí;

6 - Giữ vững và duy trì công tác phổ cập cho trẻ Mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phấn đấu phổ cập trung học phổ thông năm 2020, giữ vững 4/4 trường chuẩn Quốc gia mức độ 1, phấn đấu xây dựng 2 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2; giữ vững kiểm định chất lượng cấp độ 3 là 3/4 trường, thư viện tiên tiến 3/4 trường;

7 - Giải quyết việc làm mới hàng năm từ 100 - 150 lao động; giảm hộ nghèo hoàn thành 100% chỉ tiêu theo kế hoạch hàng năm, quản lý 100% số người nghiện ma túy trên địa bàn, giảm 5% số người nghiện, giữ vững 12 xóm

không có người nghiện ma túy;

8 - Tỷ lệ trẻ em từ 5 tuổi trở xuống bị suy dinh dưỡng giảm còn 12%, tỷ lệ giảm sinh bình quân năm là 0,25‰;

9 - Sửa chữa nâng cấp 3 nhà văn hóa xóm đạt theo tiêu chí nông thôn mới, 25km đường bê tông trục xóm, cải tạo 100% các trạm bơm thành trạm bơm điện để phục vụ sản xuất nông nghiệp; 80% các hộ gia đình đạt gia đình văn hóa trở lên; 70% xóm đạt danh hiệu làng văn hóa, 100% cơ quan đạt danh hiệu cơ quan văn hóa;

10 - Đảm bảo an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội và công tác quân sự địa phương, hoàn thành 100% chỉ tiêu đề ra;

11 - Phấn đấu 90% tổ chức Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đạt loại A trở lên; thu hút 85% trở lên đoàn viên, hội viên vào sinh hoạt trong các tổ chức;

12 - Kết nạp 70 đảng viên trở lên (4%/năm); phấn đấu 90% trở lên đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 15 % đảng viên hoàn thành xuất sắc; có 50% chi bộ đạt trong sạch vững mạnh hàng năm, 95% trở lên gia đình đảng viên đạt gia đình văn hóa, phấn đấu đạt tiêu chuẩn *"Đảng bộ trong sạch vững mạnh"* hàng năm.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 13 ủy viên. Trong phiên họp lần thứ nhất vào ngày 28/4/2015, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 ủy viên. Đồng chí

Chu Văn Phúc được bầu giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Quang Hùng - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, đồng chí Trần Gia Cát - Phó Bí thư.

Ngay sau Đại hội, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XI đề ra, quyết tâm xây dựng quê hương Nam Hòa ngày càng phát triển vững mạnh, văn minh.

KẾT LUẬN

Nhìn lại chặng đường gần 70 năm ra đời và phát triển (1946 - 2015), ở mọi giai đoạn, Chi bộ - Đảng bộ xã Nam Hòa luôn nắm vững ngọn cờ cách mạng, lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Từ trong thực tiễn cách mạng, đội ngũ cán bộ, đảng viên dần trưởng thành, tích lũy được nhiều kinh nghiệm để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ công tác.

Dưới ách thống trị của bọn thực dân - phong kiến, cuộc sống của nhân dân địa phương cực khổ nhiều bề khi bị đàn áp, chia rẽ về chính trị, bóc lột nặng nề về kinh tế và nô dịch về văn hóa - giáo dục với chính sách “ngu dân”. Với sự lãnh đạo của Đảng, trong tháng 5/1945, nhân dân các xã Cự Na, Nam Kỳ đã vùng dậy lật đổ chính quyền tay sai phản động, lập nên chính quyền dân chủ nhân dân ở mỗi cơ sở.

Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nhân dân các dân tộc trong xã ra sức xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, đẩy lùi nạn đói, thanh toán nạn mù chữ, xây dựng đời sống mới. Ngay từ khi mới thành lập (ngày 26/12/1946), Chi bộ đã đảm trách sứ mệnh lớn lao lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp

“kháng chiến, kiến quốc”. Suốt giai đoạn 1947 - 1954, toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã hăng hái chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ căn cứ địa kháng chiến, xây dựng hậu phương vững mạnh và tích cực chi viện cho tiền tuyến, góp phần cùng quân dân cả nước đánh thắng giặc Pháp xâm lược. Đồng thời, địa phương trở thành nơi đứng chân an toàn, tin cậy của nhiều cơ quan, đơn vị Trung ương, Quân đội, Khu I (sau là Liên khu Việt Bắc) và tỉnh Thái Nguyên.

Trong kháng chiến chống Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Nam Hòa nhanh chóng chuyển mọi hoạt động sản xuất, sinh hoạt phù hợp với điều kiện thời chiến. Mặc dù phải chịu nhiều thiệt hại về người và của, nhân dân Nam Hòa luôn vững chí bền lòng, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng kẻ thù. Trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, nhân dân Nam Hòa vẫn nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đóng góp lương thực được vận chuyển ra chiến trường, hàng trăm người con lên đường nhập ngũ, góp phần làm nên thắng lợi huy hoàng của dân tộc.

Trải qua 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và chiến tranh biên giới bảo vệ Tổ quốc, có 29 người con quê hương đã vĩnh viễn nằm lại trên các chiến trường, có 13 người tham gia lực lượng thanh niên xung phong. Với những đóng góp về sức người, sức của cho đất nước

qua các thời kỳ, hàng trăm cán bộ, chiến sỹ và quần chúng nhân dân trong xã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương, bằng khen, giấy khen các loại.

Sau ngày miền Nam giải phóng, nhất là sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, thực hiện công cuộc đổi mới, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh, kịp thời đổi mới tư duy nhận thức về phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội một cách toàn diện. Với sự cố gắng của toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân, diện mạo nông thôn Nam Hòa có nhiều thay đổi: Hầu hết những cánh đồng trên địa bàn xã đã cấy được 2 vụ lúa, đường làng ngõ xóm được cải tạo, mở rộng, các trường Mầm non, trường Tiểu học được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Thời kỳ 2000 - 2015, Đảng bộ xã nhiều năm liên tục được công nhận *"Đảng bộ trong sạch vững mạnh xuất sắc"*. Ủy ban nhân dân xã được cấp trên tặng nhiều bằng khen, giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Những thành tựu mà nhân dân xã Nam Hòa đã giành được trong những thập kỷ vừa qua đều gắn liền với vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, trực tiếp là Chi bộ - Đảng bộ Nam Hòa. Ngày 14/9/1979, Chi bộ được chuẩn y thành Đảng bộ. Cuối năm 2015, Đảng bộ xã Nam Hòa có tổng số 24 chi bộ trực thuộc gồm 18 chi bộ khối nông thôn (4 xóm Ba Cóc, Trại Gai, Bờ Suối, Đồng Cỏ chưa

có đủ đảng viên để thành lập chi bộ nên phải sinh hoạt ghép với các chi bộ 24, 7, 14, 18⁽¹⁾) và 6 chi bộ khối hành chính - sự nghiệp với tổng số 253 đảng viên. Trải qua gần 70 năm xây dựng và trưởng thành dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng, Đảng bộ Nam Hòa không ngừng lớn mạnh, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo mọi phong trào, là chỗ dựa tin cậy của nhân dân trong xã. Từ vị trí, nhiệm vụ được giao, từ những hoạt động thực tiễn và sự phấn đấu nỗ lực của mình, có cả những thành công và chưa thành công, Đảng bộ Nam Hòa đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm quý báu:

1. Thường xuyên học tập, quán triệt sâu sắc các chủ trương của cấp trên, từ đó vận dụng sáng tạo với điều kiện cụ thể của địa phương để đề ra các biện pháp lãnh đạo

⁽¹⁾ Từ năm 2000, tên các chi bộ được gọi theo số. Chi bộ xóm Đầm Ninh là Chi bộ 1, chi bộ xóm Na Tranh là chi bộ 2, chi bộ xóm Trại Giã là chi bộ 3, chi bộ xóm Gốc Thị là chi bộ 4, chi bộ xóm Ao Sen là chi bộ 5, chi bộ xóm Đồng Chốc là chi bộ 6, chi bộ xóm Cầu Đất và Trại Gai là chi bộ 7, chi bộ xóm Mỹ Lập là chi bộ 8, chi bộ xóm Na Quán là chi bộ 9, chi bộ Tiểu học số 1 là chi bộ 10, chi bộ Tiểu học số 2 là chi bộ 11, chi bộ Trung học cơ sở là chi bộ 12, chi bộ trạm y tế là chi bộ 13, chi bộ xóm Mới và Bờ Suối là chi bộ 14, chi bộ xóm Trung Lợi là chi bộ 15, chi bộ xóm Đồng Mỏ là chi bộ 16, chi bộ xóm Ngòi Chèo là chi bộ 17, chi bộ xóm Đầm Diêm và Đồng Cỏ là chi bộ 18, chi bộ trường Mầm non là chi bộ 19, chi bộ cơ quan Ủy ban nhân dân là chi bộ 20, chi bộ xóm Chít Sơn là chi bộ 21, chi bộ xóm Quang Trung là chi bộ 22, chi bộ xóm Quang Minh là chi bộ 23, chi bộ xóm Con Phụng và Ba Cóc là chi bộ 24.

Từ khi thành lập đến nay, Chi bộ - Đảng bộ xã Nam Hòa đã trải qua nhiều kỳ Đại hội. Qua mỗi kỳ Đại hội, Chi bộ - Đảng bộ luôn chủ động nghiên cứu, phân tích tình hình cụ thể, trước mắt và lâu dài trên cơ sở các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên để đề ra những chủ trương, biện pháp cụ thể phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Tiêu biểu như trong thời kỳ đổi mới, xác định chè là cây xóa đói giảm nghèo, Đảng bộ chỉ đạo xây dựng làng nghề chè ở xóm Đầm Ninh, đồng thời phấn đấu tăng diện tích và năng suất chè ở tất cả các xóm, giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho nhiều lao động địa phương.

2. Thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, trên cơ sở đó không ngừng mở rộng khối đoàn kết nhân dân các dân tộc trên địa bàn

Sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng bộ - cơ sở cho khối đoàn kết toàn dân là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt, nhất là đối với địa phương có nhiều đồng bào dân tộc cùng sinh sống như Nam Hòa. Nhận thức rõ điều đó, Đảng ủy thường xuyên quan tâm xây dựng, củng cố sự đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ, trước hết là trong cấp ủy. Chế độ sinh hoạt dân chủ, đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy và Chi bộ luôn luôn được duy trì. Thông qua sinh hoạt dân chủ

trong Đảng, những biểu hiện tự tư tự lợi, cá nhân của một số cán bộ, đảng viên đã bị phê phán, loại trừ. Trên cơ sở sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, Đảng ủy rất chú trọng lãnh đạo xây dựng khối đoàn kết giữa các dân tộc trong xã, động viên đồng bào giữ gìn bản sắc văn hóa, cùng nhau xây dựng Nam Hòa ngày càng giàu đẹp, văn minh.

3. Phải thường xuyên quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ có đầy đủ phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực lãnh đạo

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng chỉ ra rằng: “Cán bộ là gốc của mọi công việc. Vì vậy huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng; công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay xấu”. Quán triệt tư tưởng của Người, qua các thời kỳ, Chi bộ - Đảng bộ đều chú trọng rèn luyện phẩm chất đạo đức và nâng cao trình độ, năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên. Ngoài việc mở các lớp bồi dưỡng văn hóa, hàng năm, Đảng bộ đều tích cực cử cán bộ chủ chốt theo học tại các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị do Huyện ủy và Tỉnh ủy tổ chức.

4. Dựa vào dân, lấy dân làm gốc, động viên, tổ chức nhân dân thực hiện nhiệm vụ cách mạng, chú trọng bồi dưỡng sức dân

Xác định rõ mọi hoạt động của Đảng không có lợi ích

nào khác là phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, Đảng bộ quán triệt các chủ trương, nghị quyết của cấp ủy, chính quyền xã đều phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân, nắm tâm tư, nguyện vọng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị, Đảng ủy các khóa có những nghị quyết và phương pháp cách mạng đúng đắn, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, luôn sâu sát với cơ sở và quần chúng nhân dân. Cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là công bộc của nhân dân; hoạt động của Đảng, chính quyền phải chịu sự giám sát của nhân dân. Trong thời kỳ cùng đất nước thực hiện công cuộc đổi mới, sức mạnh tiềm năng trong nhân dân được phát huy đến mức cao nhất, góp phần hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Với những bài học kinh nghiệm quý báu được đúc rút, Đảng bộ và nhân dân xã Nam Hòa hứa hẹn sẽ tiếp tục viết nên những trang sử mới vẻ vang trên con đường cách mạng mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại đã lựa chọn.

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁN BỘ TIỀN KHỞI NGHĨA XÃ NAM HÒA

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Xóm</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Năm mất</i>
1	Trần Công Đức ⁽¹⁾	Đồng Cỏ	1920	1990

⁽¹⁾ Căn cứ vào Quyết định số 1136-QĐ/TU ngày 7/8/2012 của Tỉnh ủy Thái Nguyên công nhận đồng chí Trần Công Đức (1920 - 1990) là “người hoạt động cách mạng từ ngày 1/1/1945 đến trước Tổng khởi nghĩa ngày 19/8/1945”.

DANH SÁCH LIỆT SỸ XÃ NAM HÒA

Stt	Họ và tên	Quê quán	Năm sinh	Năm hy sinh
<i>Thời kỳ kháng chiến chống Pháp</i>				
1	Nông Kim Toàn	Trại Gai	1925	1947
2	Hoàng Văn Thạch	Mỹ Lập	1928	1950
3	Hà Trọng Ninh	Ngòi Chèo	1929	1952
4	Chu Văn Quân	Đồng Chốc	1930	1952
<i>Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ</i>				
1	Diệp Văn Sinh	Đầm Diêm	1949	1969
2	Liễu Hồng Bình	Đồng Cỏ	1940	1970
3	Nguyễn Quốc Cường	Đầm Ninh	1947	1970
4	Tạ Sỹ Lèn	Na Tranh	1949	1970
5	Hoàng Văn Long	Đồng Mỏ	1947	1970
6	Hoàng Văn Trọng	Mỹ Lập	1942	1970
7	Đặng Thanh Chư	Cầu Đất	1946	1971
8	Nguyễn Trung Thông	Đầm Ninh	1953	1971
9	Diệp Thái Thương	Na Quán	1952	1971
10	Ngô Văn Luân	Đồng Cỏ	1952	1972
11	Mạnh Hồng Lương	Na Quán	1955	1972
12	Nguyễn Văn Ngoan	Đầm Diêm	1948	1972

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Quê quán</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Năm hy sinh</i>
13	Nguyễn Tiến Phương	Quang Minh	1951	1972
14	Nguyễn Quyết Thắng	Đầm Diềm	1943	1972
15	Lý Công Bằng	Đồng Chốc	1947	1973
16	Nguyễn Văn Chiến	Trung Lợi	1945	1973
17	Nguyễn Văn Đắc	Mỹ Lập	1940	1973
18	Trần Văn Tài	Đồng Mỏ	1952	1973
19	Nguyễn Văn Hùng	Đầm Diềm	1947	1974
20	Đào Văn Quỳnh	Ngòi Chèo	1952	1974
21	Diệp Anh Tú	Bờ Suối	1949	1974
<i>Thời kỳ chiến tranh biên giới</i>				
1	Trần Xuân Lễ	Na Tranh	1958	1979
2	Đặng Đình Sách	Đầm Ninh	1958	1979
3	Ninh Văn Sung	Quang Minh	1950	1979

DANH SÁCH BÍ THƯ CHI BỘ, BÍ THƯ ĐẢNG ỦY XÃ NAM HÒA CÁC THỜI KỲ

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
1	Đồng Đức Chính ⁽¹⁾	1946 - 1947	Bí thư Chi bộ
2	Nông Văn Hòa	1/1948 - 9/1953 ⁽²⁾	Bí thư Chi bộ
3	Vi Văn Liên	1/1954 - 9/1957	Bí thư Chi bộ
4	Nông Văn Hòa	10/1957 - 12/1958	Bí thư Chi bộ
5	Lý Văn Hương	1/1959 - 7/1961	Bí thư Chi bộ
6	Vi Văn Liên	8/1961 - 11/1964	Bí thư Chi bộ
7	Trần Công Đức	12/1964 - 11/1965	Bí thư Chi bộ
8	Lý Văn Hương	12/1965 - 8/1969	Bí thư Chi bộ
9	Lâm Văn Vượng	9/1969 - 10/1972	Bí thư Chi bộ
10	Nông Văn Tương	11/1972 - 7/ 1974	Bí thư Chi bộ
11	Lâm Văn Vượng	8/1974 - 8/1979 9/1979 - 2/1991	Bí thư Chi bộ Bí thư Đảng ủy
12	Trần Văn Thái	3/1991 - 9/2000	Bí thư Đảng ủy
13	Trần Gia Cát	11/2000 - 4/2010	Bí thư Đảng ủy
14	Chu Văn Phúc	Từ tháng 5/2010	Bí thư Đảng ủy

⁽¹⁾ Đồng chí Đồng Đức Chính nguyên quán ở xã Thành Công - Đồng Hỷ (nay là xã Bá Xuyên thành phố Sông Công), tham gia cách mạng từ tháng 5/1940, được kết nạp Đảng vào tháng 5/1944.

⁽²⁾ Những tháng cuối năm 1953 là thời điểm thực hiện cuộc vận động giảm tô nên xã không có Chi ủy cũng như Bí thư Chi bộ, toàn quyền lãnh đạo nằm trong tay Đội công tác giảm tô.

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
KHÓA XI (NHIỆM KỲ 2015 - 2020)**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>
1	Chu Văn Phúc	Bí thư Đảng ủy
2	Nguyễn Quang Hùng	Phó BT Thường trực ĐU
3	Trần Gia Cát	Phó BT ĐU - CT UBND
4	Trần Thị Đoàn	Ủy viên BCH
5	Trần Văn Phương	Ủy viên BCH
6	Lê Văn Lâm	Ủy viên BCH
7	Lý Minh Ngọc	Ủy viên BCH
8	Lý Văn Long	Ủy viên BCH
9	Đỗ Ngọc Đông	Ủy viên BCH
10	Trần Thị Bắc	Ủy viên BCH
11	Liều Văn Thông	Ủy viên BCH
12	Phương Thị Dân	Ủy viên BCH
13	Ngô Văn Trường	Ủy viên BCH

**DANH SÁCH CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ NAM HÒA CÁC THỜI KỲ**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>
1	Trần Văn Thái	9/1994 - 9/2000
2	Trần Gia Cát	10/2000 - 6/2010
3	Chu Văn Phúc	Từ tháng 7/2010 - đến nay

DANH SÁCH CHỦ TỊCH ỦY BAN XÃ NAM HÒA CÁC THỜI KỲ

Stt	Họ và tên	Thời gian công tác	Chức vụ
1	Lý Trung Lập	1945 - 4/1946	CT UBCLMT xã Nam Kỳ
2	Diệp Văn Đạo	1945 - 4/1946	CT UBCLMT xã Cự Na
3	Tổng Văn Đăng	5/1946 - 4/1949	CT UBHC xã Quang Trung
4	Lý Văn Hương	5/1949 - 12/1949	CT UBKCHC xã Quang Trung
5	Tổng Văn Đăng	1/1950 - 9/1954	CT UBKCHC xã Quang Trung
6	Lý Văn Hương	10/1954 - 1/1959	CT UBKCHC xã Quang Trung CT UBHC xã Quang Trung
7	Trần Công Đức	2/1959 - 10/1961	CT UBHC xã Quang Trung
8	Tổng Văn Đăng	11/1961 - 10/1964	CT UBHC xã Quang Trung
9	Lý Văn Hương	11/1964 - 4/1966	CT UBHC xã Quang Trung
10	Nông Văn Tương	5/1966 - 6/1969	CT UBHC xã Quang Trung
11	Miêu Thị Nguyệt	7/1969 - 12/1972	CT UBHC xã Quang Trung
12	Trần Công Đức	1/1973 - 1/1975	CT UBHC xã Quang Trung
13	Hà Ngọc Lan	2/1975 - 4/1979	CT UBHC xã Nam Hoa CT UBND xã Nam Hòa
14	Trần Văn Thái	5/1979 - 3/1991	CT UBND xã Nam Hòa

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
15	Ninh Hồng Quán	4/1991 - 3/1994	CT UBND xã Nam Hòa
16	Nông Văn Thắng	4/1994 - 9/2000	CT UBND xã Nam Hòa
17	Chu Văn Phúc	10/2000 - 6/2010	CT UBND xã Nam Hòa
18	Trần Gia Cát	Từ tháng 7/2010 - đến nay	CT UBND xã Nam Hòa

**DANH SÁCH CÁC ĐẢNG VIÊN XÃ NAM HÒA
ĐƯỢC TẶNG, TRUY TẶNG HUY HIỆU ĐẢNG
(TÍNH ĐẾN THÁNG 6/2015)**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Thời gian vào Đảng</i>
<i>Huy hiệu 65 năm tuổi Đảng</i>			
1	Hoàng Thanh Kiều	1929	19/8/1949
2	Vi Văn Liên	1926	17/10/1949
<i>Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng</i>			
1	Diệp Thị Nụ	1934	27/1/1954
2	Nguyễn Văn Ngừ	1927	16/12/1954
<i>Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng</i>			
1	Hoàng Vinh	1930	1/1/1957
2	Hồ Thế Việt	1926	2/9/1959
<i>Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng</i>			
1	Nông Văn Hòa	1918	26/12/1946
2	Lý Văn Hương	1922	26/12/1946
3	Nông Văn Tương	1924	3/12/1947
4	Nông Văn Hiền	1930	8/2/1960
5	Dương Mạnh Cường	1936	24/6/1960
6	Ninh Văn Hiến	1933	31/12/1961
7	Nguyễn Ngọc Chinh	1935	28/11/1962
8	Miêu Thị Nguyệt	1943	28/11/1962
9	Nguyễn Hữu Cần	1935	16/7/1964
10	Trần Văn Đạt	1938	27/10/1964

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Thời gian vào Đảng</i>
<i>Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng</i>			
1	Hồ Ngọc Hùng	1916	1/11/1947
2	Nguyễn Văn Năm	1926	2/1949
3	Bùi Văn Ngự	1926	17/8/1949
4	Hà Ngọc Lan	1927	3/4/1950
5	Phùng Viết Dăm	1921	11/02/1954
6	Vì Ích Chung	1915	11/11/1957
7	Diệp Văn Phú	1929	18/7/1960
8	Lâm Văn Vượng	1934	9/1960
9	Trần Văn Bấm	1928	1/1/1961
10	Hoàng Văn Bèng	1928	18/7/1961
11	Diệp Văn Quý	1935	30/12/1961
12	Trần Văn Nguyên	1934	22/4/1964
13	Đỗ Hữu Huấn	1930	19/8/1965
14	Nguyễn Ngọc Lương	1943	18/11/1965
15	Nguyễn Văn Giao	1932	28/3/1966
16	Tống Văn An	1940	30/5/1966
17	Trần Ngọc Liên	1944	28/8/1966
18	Lê Văn Phúc	1925	1/5/1967
19	Vũ Xuân Đăng	1939	31/10/1967

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Thời gian vào Đảng</i>
20	Trần Bá Trùy	1941	20/5/1968
21	Vi Văn Nhâm	1949	17/8/1968
22	Diệp Văn Khoa	1941	5/10/1968
23	Vũ Văn Bon	1947	12/11/1968
24	Đặng Thị Đông	1940	12/3/1969
25	Ninh Quang Nhân	1946	20/7/1969
26	Nông Thị Ba	1947	8/9/1969
27	Diệp Thái Hòa	1945	8/9/1969
28	Lê Anh Thực	1949	18/9/1969
29	Lý Quý Sông	1947	4/11/1969
30	Vũ Quang Huy	1945	17/6/1970
31	Vi Xuân Cao	1946	8/6/1972
32	Nguyễn Hữu Lộc	1945	28/9/1972
33	La Minh Hương	1949	6/10/1972
34	Trần Văn Lý	1950	15/6/1975
<i>Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng</i>			
1	Diệp Xuân Chân	1924	17/8/1949
2	Nông Văn Bình	1918	18/7/1961
3	Nguyễn Văn Vóc	1939	22/4/1964
4	Diệp Văn Chân	1920	30/5/1966
5	Trần Thái	1942	2/12/1968

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Thời gian vào Đảng</i>
6	Đình Văn Cử	1947	5/7/1975
7	Hồ Anh Đức	1958	26/7/1980
8	Đỗ Duy Thanh	1958	20/8/1980
9	Ninh Hồng Quán	1951	26/10/1980
10	Vi Văn Nam	1956	4/9/1981
11	Trần Văn Vang	1957	27/3/1982
12	Diệp Kim Kiều	1960	7/4/1982
13	Diệp Tú Thụ	1962	8/4/1982
14	Hoàng Trung Lâm	1960	5/8/1982
15	Đỗ Văn Bấy	1963	20/9/1982
16	Nguyễn Hữu Đáo	1951	20/10/1982
17	Chu Văn Phúc	1960	15/12/1982
18	Trần Gia Cát	1960	28/12/1982
19	Trần Văn Bào	1959	30/1/1983
20	Lăng Văn Xương	1960	25/4/1983
21	Lê Duy Tự	1954	29/4/1983
22	Hoàng Văn Dục	1958	16/6/1983
23	Ninh Văn Quang	1962	8/4/1984
24	Nguyễn Văn Thái	1955	10/11/1984
25	Lê Thế Hà	1964	11/02/1985
26	Phạm Đình Đoàn	1962	29/3/1985

**DANH SÁCH CHỦ NHIỆM VIỆT MINH, CHỦ TỊCH
MẶT TRẬN LIÊN VIỆT, MẶT TRẬN TỔ QUỐC
XÃ NAM HÒA CÁC THỜI KỲ⁽¹⁾**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>
1	Tổng Văn Đăng	5/1945 - 10/1945
2	Diệp Văn Đạo	5/1945 - 5/1946 1947 - 1948
3	Nông Văn Hòa	11/1945 - 5/1946 5/1946 - 1947 1948 - 1951 1951 - 1952
4	Từ Văn Đăng	1952 - 1955 1955 - 1962
5	Miêu Văn Thắng	1963 - 1975 1976 - 1979
6	Hà Ngọc Lan	1980 - 1984
7	Trần Văn Đạt	1985 - 1990
8	Vũ Bá Quyền	1991 - 1994
9	Trần Ngọc Liên	1994 - 2011
10	Lý Văn Long	Từ năm 2011

⁽¹⁾ Do tư liệu lưu trữ và các nhân chứng sống mai một nên Ban sưu tầm chưa thống kê được đầy đủ các đồng chí làm trưởng ngành, đoàn thể trong phần phụ lục cuốn sách. Vì thế mốc thời gian bắt đầu liệt kê ở các bảng phụ lục có sự khác nhau.

DANH SÁCH XÃ ĐỘI TRƯỞNG, TRƯỞNG BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ XÃ NAM HÒA CÁC THỜI KỲ

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>
1	Trần Công Đức	1947 - 1951
2	Hà Ngọc Lan ^(*)	
3	Đàm Văn Đức ^(*)	
4	Lý Văn Hương	1954 - 1957
5	Lâm Văn Vượng	1960 - 1969
6	Hoàng Văn Bèng	1969 - 1971
7	Trần Văn Thái	1971 - 1974
8	Trần Văn Đạt	1974 - 1979
9	Vũ Văn Bon	1980 - 1983
10	Ninh Hồng Quán	1983 - 1986
11	Chu Văn Phúc	1986 - 1989
12	La Minh Hương	1989 - 1992
13	Trần Gia Cát	1992 - 2001
14	Đặng Minh Tương	Từ năm 2001

^(*) Theo thông tin trong hồ sơ lý lịch đảng viên, thời gian giữ chức vụ Xã đội trưởng của các đồng chí trên có sự chồng lấn: 1951 - 1954 (đồng chí Hà Ngọc Lan), 1952 - 1953 (đồng chí Đàm Văn Đức). Hiện tại, Ban sưu tầm chưa có đủ căn cứ để khẳng định thông tin nào là chính xác.

**DANH SÁCH TRƯỞNG BAN CÔNG AN
XÃ NAM HÒA CÁC THỜI KỲ**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>
1	Đặng Bình Nhân	1952 - 1956
2	Tổng Văn Đăng	1957
3	Miêu Văn Minh	1957 - 1958 1964 - 1965
4	Nông Văn Bình	1959 - 1962 1966 - 1969
5	Phùng Viết Dăm	1962 - 1963
6	Hoàng Thanh Kiều	1970 - 1971
7	Hà Ngọc Lan	1971 - 1973
8	Hồ Trung Liên	1973 - 1978
9	Nguyễn Văn Vóc	1978 - 1983
10	Tổng Văn An	1984 - 1987
11	Ninh Hồng Quán	1988 - 1990
12	Nông Văn Thắng	1991 - 1993
13	Chu Văn Phúc	1993 - 2000
14	Lý Minh Ngọc	2001 - 9/2004
15	Lê Văn Lâm	10/2004 - 09/2005
16	Liễu Văn Thông	Từ tháng 10/2005

DANH SÁCH BÍ THƯ ĐOÀN THANH NIÊN XÃ NAM HÒA CÁC THỜI KỲ⁽¹⁾

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>
1	Đặng Văn Lục	1948 - 1949
2	Hồ Thế Việt	1954 - 1960
3	Phạm Văn Hòa	1961 - 1962
4	Trần Văn Đạt	1962 - 1963 1966 - 1972
5	Nguyễn Ngọc Chinh	1963 - 1965
6	Ninh Văn Hiến	1965 - 1966
7	Hồ Trung Liên	1972 - 1976
8	Trần Đức Long	1976 - 1978
9	Ninh Hồng Quán	1978 - 1979 1981 - 1982
10	Nông Văn Thắng	1979 - 1981
11	Đỗ Duy Thanh	1982 - 1985
12	Trần Gia Cát	1985 - 1996
13	Nguyễn Hữu Được	1996 - 2001
14	Lý Văn Long	2001 - 2005

⁽¹⁾ Do thiếu tư liệu nên Ban sưu tầm chưa xác minh được danh tính các đồng chí giữ chức vụ Bí thư Đoàn Thanh niên xã trong thời gian trước năm 1948 cũng như từ năm 1950 đến năm 1953.

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ CHI BỘ,
BÍ THƯ ĐẢNG ỦY XÃ NAM HÒA CÁC THỜI KỲ**



Đồng chí

ĐỒNG ĐỨC CHÍNH

Bí thư Chi bộ

1946 - 1947



Đồng chí

NÔNG VĂN HÒA

Bí thư Chi bộ

1/1948 - 9/1953

10/1957 - 12/1958



Đồng chí

VI VĂN LIÊN

Bí thư Chi bộ

1/1954 - 9/1957

8/1961 - 11/1964

Do tư liệu ảnh không đầy đủ, công tác sưu tầm khó khăn nên một số ảnh chân dung bị thiếu trong phụ bản ảnh tạm thời để trống. Ban Chỉ đạo sẽ cố gắng sưu tầm, bổ sung đầy đủ trong lần tái bản.

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ CHI BỘ,
BÍ THƯ ĐẢNG ỦY XÃ NAM HÒA CÁC THỜI KỲ**



Đồng chí
LÝ VĂN HƯƠNG

Bí thư Chi bộ
1/1959 - 7/1961
12/1965 - 8/1969



Đồng chí
TRẦN CÔNG ĐỨC

Bí thư Chi bộ
12/1964 - 11/1965



Đồng chí
NÔNG VĂN TƯỜNG

Bí thư Chi bộ
11/1972 - 7/1974

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ CHI BỘ,
BÍ THƯ ĐẢNG ỦY XÃ NAM HÒA CÁC THỜI KỲ**



Đồng chí

LÂM VĂN VƯƠNG

Bí thư Chi bộ: 9/1969 - 10/1972

Bí thư Chi bộ: 8/1974 - 8/1979

Bí thư Đảng ủy: 9/1979 - 2/1991



Đồng chí

TRẦN VĂN THÁI

Bí thư Đảng ủy

3/1991 - 9/2000



Đồng chí

TRẦN GIA CÁT

Bí thư Đảng ủy

11/2000 - 4/2010



Đồng chí

CHU VĂN PHÚC

Bí thư Đảng ủy

Từ tháng 5/2010 - đến nay

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH HỒND
XÃ NAM HÒA CÁC THỜI KỲ**



Đồng chí

TRẦN VĂN THÁI

Chủ tịch HOND

9/1994 - 9/2000



Đồng chí

TRẦN GIA CÁT

Chủ tịch HOND

10/2000 - 6/2010



Đồng chí

CHU VĂN PHÚC

Chủ tịch HOND

Từ tháng 7/2010 - đến nay

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH UBCMLT,
UBHC, UBKCHC, UBND XÃ NAM HÒA CÁC THỜI KỲ**



Đồng chí

LÝ TRUNG LẬP

Chủ tịch UBCMLT xã Nam Kỳ

1945 - 4/1946



Đồng chí

DIỆP VĂN ĐẠO

Chủ tịch UBCMLT xã Cự Na

1945 - 4/1946



Đồng chí

TỐNG VĂN ĐĂNG

Chủ tịch UBHC - UBKCHC
xã Quang Trung

5/1946 - 4/1949

1/1950 - 9/1954

11/1961 - 10/1964



Đồng chí

LÝ VĂN HƯƠNG

Chủ tịch UBHC - UBKCHC
xã Quang Trung

5/1949 - 12/1949

10/1954 - 1/1959

11/1964 - 4/1966



Đồng chí

TRẦN CÔNG ĐỨC

Chủ tịch UBHC
xã Quang Trung

2/1959 - 10/1961

1/1973 - 1/1975

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH UBCMLT,
UBHC, UBKCHC, UBND XÃ NAM HÒA CÁC THỜI KỲ**



Đồng chí

NÔNG VĂN TƯƠNG

Chủ tịch UBHC
xã Quang Trung
5/1966 - 6/1969



Đồng chí

MIÊU THỊ NGUYỆT

Chủ tịch UBHC
xã Quang Trung
7/1969 - 12/1972



Đồng chí

HÀ NGỌC LAN

Chủ tịch UBHC
Chủ tịch UBND
2/1975 - 4/1979



Đồng chí

TRẦN VĂN THÁI

Chủ tịch UBND
5/1979 - 3/1991

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH UBCMLT,
UBHC, UBND XÃ NAM HÒA CÁC THỜI KỲ**



Đồng chí

NINH HỒNG QUÁN

Chủ tịch UBND

4/1991 - 3/1994



Đồng chí

NÔNG VĂN THẮNG

Chủ tịch UBND

4/1994 - 9/2000



Đồng chí

CHU VĂN PHÚC

Chủ tịch UBND

10/2000 - 6/2010



Đồng chí

TRẦN GIA CÁT

Chủ tịch UBND

Từ tháng 7/2010 - đến nay

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY
XÃ NAM HÒA KHÓA XI, NHIỆM KỲ 2015 - 2020**



Đồng chí

CHU VĂN PHÚC

Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND



Đồng chí

NGUYỄN QUANG HÙNG

PBT Thường trực Đảng ủy
Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy



Đồng chí

TRẦN GIA CÁT

PBT Đảng ủy, Chủ tịch UBND

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>
15	Nguyễn Quang Hùng	2005 - 2011
16	Đỗ Ngọc Đông	Từ năm 2011

DANH SÁCH CHỦ TỊCH HỘI PHỤ NỮ XÃ NAM HÒA CÁC THỜI KỲ

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>
1	Nguyễn Thị Ninh	1951 - 1959
2	Nguyễn Thị Giữa	1960 - 1962
3	Đặng Thị Ngọc	1962 - 1965
4	Miêu Thị Nguyệt	1965 - 1966
5	Vũ Thị Diệt	1966 - 1968
6	Nguyễn Thị Nhã	1968 - 1972
7	Nông Thị Ba	1972 - 1989
8	Đoàn Thị Quý	1989 - 2006
9	Trần Thị Bắc	Từ năm 2006

**DANH SÁCH CHỦ TỊCH
HỘI NÔNG DÂN XÃ NAM HÒA CÁC THỜI KỲ**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>
1	Trần Ngọc Liên	9/1983 - 5/1986
2	Hồ Trung Liên	6/1986 - 5/1991
3	Vũ Bá Lộc	6/1991 - 5/1994
4	Trần Ngọc Liên	6/1994 - 5/1996
5	Trần Đức Long	6/1996 - 5/2001
6	Nông Thắng	6/2001 - 6/2002
7	Trần Thị Bích	7/2002 - 7/2004
8	Liều Văn Thông	8/2004 - 9/2005
9	Lý Văn Long	10/2005 - 7/2011
10	Đỗ Văn Bấy	8/2011 - 3/2012
11	Trần Văn Phương	Từ tháng 6/2012

**DANH SÁCH CHỦ TỊCH HỘI CỰU CHIẾN BINH
XÃ NAM HÒA CÁC THỜI KỲ**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>
1	Lý Quý Sông	1993 - 1996
2	Vi Xuân Cao	1996 - 2001
3	Vũ Quang Huy	2002 - 7/2011
4	Vi Văn Nam	7/2011 - 4/2012
5	Hồ Anh Đức	Từ tháng 4/2012

DANH SÁCH CHỦ TỊCH CÁC HỘI KHÁC XÃ NAM HÒA

Stt	Tên hội	Họ và tên	Thời gian công tác
1	Hội Cựu thanh niên xung phong	Nguyễn Đức Diệu	7/2002 - 3/2015
		Nguyễn Thị Mâu	Từ tháng 4/2015
2	Hội Khuyến học - Chữ thập đỏ	Nguyễn Ngọc Chinh	9/2003 - 6/2005
3	Hội Chữ thập đỏ	Nguyễn Quang Hùng	Từ tháng 7/2005
4	Hội Khuyến học	Lý Văn Long	6/2005 - 7/2015
		Đỗ Ngọc Đông	Từ tháng 8/2015
5	Hội NNCD đa cam	Lê Anh Thực	Từ tháng 4/2009
6	Hội Người cao tuổi	Nguyễn Ngọc Lương	Từ tháng 6/1996
7	Hội Người mù	Nguyễn Đức Xuyên	9/2008 - 11/2013
		Dương Quý Kha	Từ tháng 12/2013

DANH SÁCH HIỆU TRƯỞNG CÁC NHÀ TRƯỜNG XÃ NAM HÒA CÁC THỜI KỲ⁽¹⁾

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>	<i>Tên nhà trường</i>
1	Nguyễn Trọng Đức	1953 - 1954 1956 - 1957 1958 - 1970	Cấp I Quang Trung
2	Ngô Mạnh Chí	1975 - 1977	Cấp I Nam Hòa
3	Đặng Minh Khang	1977 - 1981	Liên cấp I - II Nam Hòa
4	Đỗ Hữu Huấn	1981 - 1985	PTCS Nam Hòa
5	Vi Văn Nhâm	1985 - 1995	PTCS Nam Hòa
6	Hồ Việt Dũng	1995 - 8/2008	THCS Nam Hòa
7	Hoàng T. Thu Ninh	Từ tháng 9/2008	THCS Nam Hòa
8	Đặng Thị Nga	12/1995 - 11/2007	Tiểu học số 1 Nam Hòa
9	Nguyễn T. Kim Anh	12/2007 - 5/2014	Tiểu học số 1 Nam Hòa
10	Trần Thị Đoàn	Từ tháng 6/2014	Tiểu học số 1 Nam Hòa
11	Vi Văn Nhâm	12/1995 - 10/2006	Tiểu học số 2 Nam Hòa
12	Trần Thị Hòa	11/2006 - 8/2014	Tiểu học số 2 Nam Hòa

⁽¹⁾ Hiện tại do thiếu tư liệu nên Ban sưu tầm chưa sưu tầm được tên thầy, cô hiệu trưởng các nhà trường trong thời gian từ 1954 - 1956, 1957 - 1958, 1970 - 1975.

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>	<i>Tên nhà trường</i>
13	Nguyễn Thị Phương	Từ tháng 9/2014	Tiểu học số 2 Nam Hòa
14	Trần Thị Dung	2000 - 8/2012	Mầm non Nam Hòa
15	Nguyễn T. Mai Hương	Từ tháng 9/2012	Mầm non Nam Hòa

DANH SÁCH TRẠM TRƯỞNG TRẠM Y TẾ XÃ NAM HÒA CÁC THỜI KỲ

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>
1	Nguyễn Hữu Cần	1964 - 1977
2	Nguyễn Thị Đức	1978 - 4/1991
3	Lâm Xuân Hiền	Từ tháng 5/1991

Trong quá trình biên soạn cuốn **Lịch sử Đảng bộ xã Nam Hòa (1946 - 2015)**, Đảng ủy xã nhận được sự quan tâm ủng hộ kinh phí của các tập thể, cá nhân góp phần để cuốn lịch sử được thành công. Đảng ủy xin trân trọng cảm ơn các tập thể, gia đình các ông bà có tên sau đây:

Stt	Tập thể, đơn vị, cá nhân	Địa chỉ	Số tiền (đồng)
1	Chi bộ 1	Đảng bộ xã Nam Hòa	1.510.000
2	Chi bộ 2	Đảng bộ xã Nam Hòa	1.200.000
3	Chi bộ 3	Đảng bộ xã Nam Hòa	510.000
4	Chi bộ 4	Đảng bộ xã Nam Hòa	1.310.000
5	Chi bộ 5	Đảng bộ xã Nam Hòa	1.390.000
6	Chi bộ 6	Đảng bộ xã Nam Hòa	940.000
7	Chi bộ 7	Đảng bộ xã Nam Hòa	1.750.000
8	Chi bộ 8	Đảng bộ xã Nam Hòa	1.540.000
9	Chi bộ 9	Đảng bộ xã Nam Hòa	1.300.000
10	Chi bộ 10	Đảng bộ xã Nam Hòa	7.600.000
11	Chi bộ 11	Đảng bộ xã Nam Hòa	5.600.000
12	Chi bộ 12	Đảng bộ xã Nam Hòa	9.500.000
13	Chi bộ 13	Đảng bộ xã Nam Hòa	2.300.000
14	Chi bộ 14	Đảng bộ xã Nam Hòa	570.000
15	Chi bộ 15	Đảng bộ xã Nam Hòa	965.000
16	Chi bộ 16	Đảng bộ xã Nam Hòa	600.000
17	Chi bộ 17	Đảng bộ xã Nam Hòa	2.000.000

<i>Stt</i>	<i>Tập thể, đơn vị, cá nhân</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Số tiền (đồng)</i>
18	Chi bộ 18	Đảng bộ xã Nam Hòa	900.000
19	Chi bộ 19	Đảng bộ xã Nam Hòa	6.650.000
20	Chi bộ 20	Đảng bộ xã Nam Hòa	6.450.000
21	Chi bộ 21	Đảng bộ xã Nam Hòa	730.000
22	Chi bộ 22	Đảng bộ xã Nam Hòa	1.250.000
23	Chi bộ 23	Đảng bộ xã Nam Hòa	450.000
24	Chi bộ 24	Đảng bộ xã Nam Hòa	660.000
25	Xóm Ba Cóc	Xã Nam Hòa	300.000
26	Xóm Đồng Cỏ	Xã Nam Hòa	1.000.000
27	Xóm Cầu Đất	Xã Nam Hòa	650.000
28	Xóm Đồng Mỏ	Xã Nam Hòa	700.000
29	Xóm Ao Sen	Xã Nam Hòa	1.405.000
30	Xóm Na Quán	Xã Nam Hòa	1.220.000
31	Xóm Quang Trung	Xã Nam Hòa	1.040.000
32	Xóm Gốc Thị	Xã Nam Hòa	1.000.000
33	Xóm Bờ Suối	Xã Nam Hòa	1.000.000
34	Xóm Con Phượng	Xã Nam Hòa	280.000
35	Xóm Trại Gião	Xã Nam Hòa	1.780.000
36	Xóm Mới	Xã Nam Hòa	520.000
37	Vi Xuân Cao	Gốc Thị, Nam Hòa	250.000
38	Trần Gia Cát	Ba Cóc, Nam Hòa	1.000.000
39	Lê Văn Lâm	Đồng Chốc, Nam Hòa	500.000

<i>Stt</i>	<i>Tập thể, đơn vị, cá nhân</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Số tiền (đồng)</i>
40	Miêu Thị Nguyệt	Na Quán, Nam Hòa	500.000
41	Chu Văn Phúc	Đồng Chốc, Nam Hòa	1.000.000
Tổng cộng: 71.820.000			

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Bác Hồ với Hải Hưng*, Xí nghiệp in Hải Hưng, 1979.
2. Bùi Văn Vượng (Chủ biên): *Tổng tập dư địa chí Việt Nam (4 tập)*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2011.
3. *Cộng đồng các dân tộc Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2010.
4. *Đại Nam thực lục* (tập 7, bản dịch của Viện Sử học), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007.
5. *Địa danh làng xã Việt Nam thế kỷ XIX*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2012.
6. *Địa chí Thái Nguyên*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.
7. *Đồng Khánh địa dư chí*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003.
8. *Hồ Chí Minh toàn tập (tập 4)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
9. Lê Mậu Hãn (Chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam (tập 3)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997.
10. *Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Hỷ 1930 - 1995 (tập I)*, Huyện ủy Đồng Hỷ xuất bản, Thái Nguyên, 1996.
11. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập I (1936 - 1965)*, Thái Nguyên, 2003.

12. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập II (1965 - 2000)*, Thái Nguyên, 2005.

13. *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam (tập 1, 2)*, Nxb. Quân đội nhân dân, 1994.

14. Phạm Văn Kính: *Đôi điều về những miền đất Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, năm 2012.

15. *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ năm 1925*, Ngô Vi Liễn, Nxb. Văn hóa - Thông tin, năm 1999.

16. *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2005.

17. *Việt Nam - 63 tỉnh thành và các địa danh du lịch*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2009.

18. Một số văn kiện Đại hội, báo cáo, nghị quyết, hồ sơ... của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã Nam Hòa còn lưu giữ được qua các thời kỳ.

19. Một số tài liệu về xã Nam Hòa được lưu giữ tại Chi cục Văn thư - Lưu trữ thuộc Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu.....	5
Chương mở đầu: Nam Hòa - Vùng đất, con người	9
I. Địa lý tự nhiên và quá trình hình thành, phát triển của làng xã.....	9
II. Nam Hòa - Vùng đất giàu truyền văn hóa và đấu tranh chống giặc ngoại xâm.....	16
Chương I: Nhân dân Nam Hòa dưới ách thống trị của thực dân - phong kiến, quá trình đấu tranh giành chính quyền và xây dựng, củng cố chế độ dân chủ nhân dân (cuối thế kỷ XIX - 1946).....	29
I. Nhân dân Nam Hòa dưới ách thống trị của thực dân - phong kiến.....	29
II. Phong trào đấu tranh cách mạng tiến tới cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.....	36
III. Củng cố chính quyền dân chủ nhân dân (1945 - 1946).....	42
Chương II: Chi bộ Đảng ra đời, đảm nhiệm sứ mệnh lãnh đạo nhân dân kháng chiến, góp phần đánh thắng thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954).....	49

I. Chi bộ Đảng ra đời, lãnh đạo nhân dân bước đầu xây dựng và chiến đấu bảo vệ căn cứ địa kháng chiến (1946 - 1950)..... 49

II. Đẩy mạnh xây dựng hậu phương, đóng góp sức người sức của cho kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1950 - 1954)..... 60

Chương III: Chi bộ Đảng lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội và góp phần vào sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà (1954 - 1975)..... 71

I. Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quê hương (1954 - 1965)..... 71

II. Vừa sản xuất, vừa chiến đấu, tích cực chi viện miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược (1965 - 1975) 101

Chương IV: Chi bộ - Đảng bộ xã Nam Hòa lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa (1976 - 1985) 135

I. Khôi phục kinh tế và thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980)..... 135

II. Triển khai Chỉ thị 100-CT/TW trong sản xuất nông nghiệp và tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội (1981 - 1985)..... 149

Chương V: Đảng bộ xã Nam Hòa lãnh đạo nhân dân bước đầu thực hiện công cuộc đổi

mới (1986 - 1995).....	161
-------------------------------	------------

I. Những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội (1986 - 1990).....	161
--	-----

II. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm, từng bước ổn định đời sống nhân dân (1991 - 1995).....	170
---	-----

Chương VI: Đảng bộ xã Nam Hòa lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn (1996 - 2015).....	181
---	------------

I. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ VII, nhiệm kỳ 1996 - 2000.....	181
---	-----

II. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2000 - 2005.....	192
---	-----

III. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ IX, nhiệm kỳ 2005 - 2010.....	205
--	-----

IV. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ X, bước đầu triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới (2010 - 2015)....	217
---	-----

Kết luận.....	233
----------------------	------------

Phụ lục.....	241
---------------------	------------

Tài liệu tham khảo.....	265
--------------------------------	------------

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ NAM HÒA (1946 - 2015)

Chỉ đạo thực hiện

Ban Thường vụ Huyện ủy Đồng Hỷ

Chịu trách nhiệm nội dung

Đồng chí Chu Văn Phúc - Bí thư Đảng ủy xã Nam Hòa
(khóa XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020)

Ban chỉ đạo

Đ/c Chu Văn Phúc	BTĐU, Chủ tịch HĐND	Trưởng ban
Đ/c Nguyễn Quang Hùng	PBT TT Đảng ủy	Phó ban
Đ/c Trần Gia Cát	PBT, Chủ tịch UBND	Ủy viên
Đ/c Lê Văn Lâm	Đảng ủy viên	Ủy viên
Đ/c Lý Minh Ngọc	Đảng ủy viên	Ủy viên
Đ/c Lý Văn Long	Đảng ủy viên	Ủy viên

Ban sưu tầm

Đ/c Nguyễn Quang Hùng	PBT TT Đảng ủy	Trưởng ban
Đ/c Lý Văn Long	Đảng ủy viên	Phó ban
Đ/c Lê Văn Lâm	Đảng ủy viên	Thành viên
Đ/c Lý Minh Ngọc	Đảng ủy viên	Thành viên
Đ/c Đỗ Ngọc Đông	Đảng ủy viên	Thành viên
Đ/c Trần Thị Bắc	Đảng ủy viên	Thành viên
Đ/c Liễu Thị Thông	Đảng ủy viên	Thành viên
Đ/c Hoàng Thị Thu Ninh	Đảng ủy viên	Thành viên
Đ/c Lâm Xuân Hiền	Đảng ủy viên	Thành viên
Đ/c Trần Thị Bích	Nguyên PBT TT ĐU	Thành viên
Đ/c Trần Văn Phương	CT Hội Nông dân	Thành viên

Đ/c Nguyễn Hữu Được	Văn phòng HĐND - UBND	Thành viên
Đ/c Đặng Minh Tường	Chỉ huy trưởng BCHQS	Thành viên
Đ/c Ngô Văn Trường	Kế toán	Thành viên
Đ/c Hồ Anh Đức	CT Hội Cựu chiến binh	Thành viên

Mời tham gia tổ sưu tầm

Đ/c Vi Văn Liên	Nguyên Bí thư Chi bộ xã
Đ/c Miêu Thị Nguyệt	Nguyên Chủ tịch UBND xã
Đ/c Nguyễn Ngọc Chinh	Cán bộ huyện nghỉ hưu
Đ/c Trần Ngọc Liên	Nguyên Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc
Đ/c Nguyễn Trung Hiếu	Nguyên Thường trực Đảng ủy
Đ/c Lý Quý Sông	Nguyên Thường trực Đảng ủy
Đ/c Tống Văn An	Nguyên Thường trực Đảng ủy
Đ/c Diệp Văn Nguyệt	Nguyên Chính trị viên Xã đội

Nghiên cứu, biên soạn

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ TRUYỀN THÔNG
VĂN HÓA VIỆT**

Điều hành

Lê Văn Quỳnh - Giám đốc Công ty

Biên soạn

Đinh Thị Loan

Biên tập, đọc bản in

Phạm Thị Hoa

Bùi Văn Đạt

Thiết kế mỹ thuật

Đỗ Văn Thành

Giấy phép xuất bản số: 1156/GP-STTTT

Do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên cấp ngày: 08/11/2016

In 300 cuốn, khổ 14,5x20,5cm

Tại Công ty TNHH Phát triển Minh Đạt. Địa chỉ: 17/32 An Dương - Tây Hồ - Hà Nội.

In xong nộp lưu chiểu năm 2016